

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

TIẾNG VIỆT TUYỆT-VỜI



Nghe như hơi gió trên ngàn
Gọi chim lạc hướng hợp đàn lên non,
Dù cho sông cạn núi mòn,
Gió ngàn vẫn hát tiếng đàn thiên thu.

(tặng bố và in lần thứ hai)

ĐỖ QUANG VINH

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nhà ngữ-học Nguyễn Nguyên giới thiệu sách

TIẾNG VIỆT TUYỆT VỜI

Đọc qua quyển *Tiếng Việt Tuyệt Vời* người viết cảm thấy mình khám phá ra một cái gì mới lạ về chính tiếng mẹ đẻ, và thêm ngưỡng mộ khi đọc phần phụ trương, bài thơ thất ngôn bát cú đọc xuôi đọc ngược do ông sáng tác. Rồi thời gian trôi qua mau, nhân đọc bài điểm sách của Khải Chính Phạm Kim Thư giới thiệu cuốn “Bút Thuật Của Nguyễn Du Trong Đoạn Trường Tân Thanh” do Đỗ Quang Vinh tự xuất bản, người viết mới có thêm được quyển:

“*Tiếng Việt Tuyệt Vời*” ấn bản lần thứ hai, năm 2000.

Có nhiều “tặng bô” trong lần in thứ hai, chính yếu gồm:

- Thơ đọc xuôi đọc ngược, theo Đường luật và lục bát đọc vận liên hoàn.
- Khi nào viết I ngắn, viết Y dài (Chương 6)
- Tiếng Việt với triết lý âm dương và Đạo Sống Thái Hoà (Chương 8).

Ấn-tượng mạnh mẽ nhất vẫn là cái lối làm thơ “đọc ngược đọc xuôi” của tác giả, không phải chỉ là thơ Đường luật như lần trước, mà còn đặc biệt thơ lục bát đọc xuôi đọc ngược liên hoàn, lần đầu tiên được đề xuất trên văn đàn Việt-Nam. Lối thơ đọc ngược đọc xuôi này do tác giả sáng tác từng xuất hiện trong tập thơ Về Nguồn do Đỗ Quang Vinh tự xuất bản (1999). Xin trích dẫn sau đây:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

1- VỌNG XUÂN THANH BÌNH

*Đông tàn, đã thắm rộ đào, mai,
Tết chúc mừng: vinh, phúc, lộc, tài.
Sông núi rộn reo hò chốn chốn,
Thị-thành vang hát xướng nơi nơi.
Mong chờ, vẫn biển ngàn ngăn cách,
Đợi ngóng, hàng năm tháng miệt mài.
Lòng héo úa thêm chồng chất tuổi,
Nông, sâu, đục nước chuyện cùng ai?*

Đọc ngược, sinh ra một bài thơ khác, vẫn giữ tính thơ:

*Ai cùng chuyện nước đục, sâu, nông?
Tuổi chất chồng thêm héo úa lòng.
Mài miệt tháng năm hằng ngóng đợi,
Cách ngăn ngàn biển vẫn chờ mong:
Nơi nơi xướng hát vang thành thị,
Chốn chốn hò reo rộn núi sông,
Tài, lộc, phúc, vinh, mừng chúc Tết,
Mai, đào rộ thắm, đã tàn Đông.*

2. VỌNG CỔ HƯƠNG

[lục bát độc vận liên hoàn thuận nghịch độc]

(2 câu đầu đọc xuôi, 2 câu kế tiếp đọc ngược)

*Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
Mông mênh vàng thắm núi sông buôn làng.
Đồng nương nhuộm nắng chang chang,
Làng buôn sông núi thắm vàng mênh mông.*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*Trông vời tổ quốc Tiên Rồng
Bồng bênh mong nhớ nặng lòng sao đong?
Rồng Tiên quốc tổ, vời trông,
Đong sao lòng nặng nhớ mong bênh bồng!*

(liên hoàn, đọc trở lại liên tiếp)
Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
v...v... (trang 33)

Cũng vẫn lối thơ đọc xuôi đọc ngược, sau này trong bài “*Hồn Nước Trong Thơ Việt*” đăng ở tạp chí Định Hướng Paris số 28 và 29 mùa đông 2001, tác giả lại đề xuất thêm một khám phá mới là thơ song thất lục bát đọc xuôi đọc ngược liên hoàn. Điều này đã làm tăng sức thuyết phục “Tiếng Việt” quả thật “Tuyệt Vời.”

Điểm sáng chói nhất của “Tiếng Việt Tuyệt Vời” ấn bản 2000, có lẽ là lối bố cục chặt chẽ của quyển sách. Với chủ yếu chứng minh tại sao tiếng Việt lại tuyệt vời, và tuyệt vời ở chỗ nào. Tựu trung quyển sách có 8 chương, cộng với phần Kết Luận, Phụ Lục và Tài Liệu Trích Dẫn. Dẫn chứng gần như ở mỗi trang là những câu ca dao, thành ngữ, lối chơi chữ, nói lái, những thứ tiếng đôi, tiếng kép... Luôn cả những câu nói châm biếm xuất hiện từ chốn dân gian. Kể cả những câu thường dùng ở Sài Gòn trong những năm cuối thập kỷ 1970.

Chương 1 trước hết phân tích thật kỹ tính chất cơ bản của cấu trúc đơn âm. Đơn âm hay chỗ nào và đóng góp vào “tuyệt vời” ra sao. Ngoài ở cấu trúc đơn âm, tuyệt vời của tiếng Việt nằm ở chỗ ai học cũng được! Một loại ngôn ngữ rất dễ học,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

không ép buộc người xử dụng phải uyển chuyển thay đổi giống đực giống cái, hay chia động từ và giới từ như tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nga, cô ngữ La-tinh, v.v.

Nhưng dễ không có nghĩa không phức tạp, không độc sáng, và không giàu ngữ tính. Qua nhiều thí dụ viện dẫn, người đọc có thể thấy ngay muốn dịch hết một lô các từ chỉ trạng thái, người dịch chắc phải cùng một lúc Hàn Lâm Viện Học Sĩ tại Việt Nam và cũng một nhà thông thái về ngôn ngữ học tại một quốc gia khác. Thí dụ làm thế nào để dịch tất cả các lối nói sau đây ra tiếng Anh, dùng để tả lối ngồi - ngồi ghép thêm với một số thuộc từ: ngồi xồm, ngồi bó gối, ngồi duỗi chân, ngồi xếp bằng tròn, ngồi chống nạnh, ngồi bắt chân chữ ngũ (ngồi bắt chéo), ngồi vắt vẻo, ngồi ghếnh ghếnh, ngồi ngất ngểu, ngồi nhấp nhồm, ngồi bảnh chọe, ngồi một đống, . . . (trang 83, Chương 3).

Chương 2 và Chương 3 nhắc nhở chúng ta tiếng Việt giàu ý tứ, súc tích, và giàu từ. Giàu ý tứ nhờ ở tính cách đa dạng của tiếng Việt qua việc vay mượn nhiều từ ngữ ở kho tàng Hán Việt. Rồi ở lối tượng thanh tượng hình, gợi cảm. Thí dụ, cũng cùng một mô tả trạng thái hoặc hình dung “Cao”, tiếng Việt có: *Giọng hát cao vút. Tiếng sáo vi-vu. Núi cao vời vợi. Tháp vươn chót vót. Nỗi buồn rười rượi. Niềm yêu da diết*, v.v. Rồi nước mưa: *Mưa lộp độp trên mái ngói, lẹt đẹt trên sân gạch, gõ lùng tùng vào mái tôn, rỏ tí tách dưới mái hiên, rơi long tong vào bể nước, chảy ồ ồ từ cống rãnh tuôn ra, đổ ào ào như thác lũ.*

Giàu từ ở chỗ các tiếng được tạo nên bởi cảm xúc, như ca dao:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa như ngồi đống than*

Ở chỗ nhiều từ mang đồng âm dị nghĩa, một lời nhưng hai nghĩa.

*Gái Đồ Sơn son đỏ ngấm Đồ Sơn
Trai Hòn Lớn lớn hòn giữ Hòn Lớn [1]*

Cũng ở chỗ tùy theo giọng nói, tuy cùng một từ:

*Họ giàu họ nghinh hôn giá thú
Hai đứa mình nghèo dụ dỗ nhau đi (Ca dao)*

So sánh với:

*Họ là những anh hùng không tên tuổi
Sống âm thầm trong bóng tối mệnh mông (Đặng Phương)*

“Họ” trong hai trường hợp trên thường mang phát âm khác nhau. “Họ” trong ca dao mang ý coi thường khinh thị, nhưng trong hai câu thơ sau mang ý kính phục.[2]

Theo tác giả những biểu từ khả xúc không những là nhờ tính tiếng tượng thanh, tượng hình, gợi cảm, như vừa đề cập, mà còn là nhờ vận dụng cách phát âm và sử dụng dấu giọng để hình thành. Chẳng hạn trong đoạn văn phân tích thật thấu đáo câu thơ sau đây, tác giả đã cho người đọc thấy tại sao nó hay, hay đến thế nào, và hay như thế nào?

“Những luồng run rẩy rung rinh lá”

Những biểu từ “run rẩy, rung rinh” hết sức gợi hình do cách sử dụng phụ âm và mẫu âm. Phụ âm R bắt phải cong và rung đầu lưỡi cho ta hình dung ngay ra dao động của lá cây, hình như cũng đang chia sẻ cái giá rét mà run lẩy bẩy. Âm “un, ây” trong động từ “run rẩy” được thêm dấu trắc-thanh (dấu

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

hỏi) có giọng đọc mạnh và khác khổ hơn cho ta nhìn thấy lá cây chọt rung động mạnh khi luồng gió ủa tới len lỏi qua cành cây kẽ lá. Rồi từ âm “ung” sang âm “inh”, môi đang chúm lại, chọt khẽ mở dài sang hai bên mép, phát âm nhịp nhàng như cử động nhịp nhàng của nhánh lá dập dềnh lên xuống. Những phân tích về tác động của cách phát âm, của dấu giọng còn được tác giả trình bày nhiều, nhiều nữa. Nói chung, cấu trúc của những biểu từ, tượng thanh, rất thông thường gợi hình được bởi lối sử dụng đặc cách các phụ âm và mẫu âm thích hợp, bất vận dụng thích nghi lưỡi và môi miệng, cũng như gieo “nốt” nhạc cho từ. (trang 39-40).

Theo sự phân tích tỉ mỉ của tác giả, tiếng Việt so với rất nhiều ngôn ngữ rất giàu từ. Đầu tiên phải kể đến cách xưng hô: Cụ, ông, bà, anh, chị, mày, mi, . . . Sau đó cùng một thứ động tác, tiếng Việt có rất nhiều cách diễn tả. Mang cùng nghĩa với động từ porter trong tiếng Pháp, tiếng Việt có: mang, bung, bông, vác, đem, cắp, gánh [3]. Thể phủ định gồm: Không, Khôn (khôn lường), chẳng, chả (em chả dám đâu).

Giàu từ còn ở chỗ tiếng Việt bởi lợi điềm đơn âm có rất nhiều kiểu “nói lái”. Thí dụ: thủ tục “đầu tiên” mang nghĩa “tiền đầu”, “chà đồ nhôm = chôm đồ nhà... Và ở chỗ mỗi địa phương thường có một số phương ngữ khác nhau, . . .

Chương thứ 4, tác giả phân tích “sự việc” tiếng Việt không ngừng sáng tạo. Nhưng lối sáng tạo rất độc sáng, khác rất xa những sinh ngữ khác. Đây chính là điềm tuyệt vời mang đầy tính đặc trưng tiếng Việt. Thí dụ, bằng lối thay đổi dấu: xinh xinh là xinh, bé tí tí tí. Hay bằng lối điệp ngữ mang ý nghĩa khác: Đo đỏ = hơi đỏ. Vòng ngọc màu xanh xanh = xanh hơi

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

nhật. Hoặç theo lối kết hợp từ: an-vui, loanh quanh, luẩn quẩn, cảm nghĩ= rung cảm và suy nghĩ, tạo dựng= tạo lập + xây dựng.

Chương thứ 5 viết về tính cách duyên dáng của tiếng Việt. Từ những lối nói bóng bẩy, xỏ xiên, cay độc, đến lối dí dỏm mang đầy tính cười đùa. Tác giả cũng phân tích trong Chương này phát âm mang đầy nhạc tính của tiếng Việt do ở tính trầm bổng uyển chuyển của các dấu và đặc tính của đơn âm. Để chứng minh tính nhạc là một nét đặc thù của tiếng Việt, tác giả minh họa thang âm tiếng Việt đối chiếu với khuôn dáng của dòng nhạc.

Chương 6 là một Chương khá dài phân tích Âm và Thanh trong tiếng Việt. Chương này dùng nền tảng khoa Ngữ Học để phân tích các tương quan giữa nguyên âm, mẫu âm và phụ âm. Rồi dẫn đến việc phân tích rất nghiêm túc vấn đề: Khi nào dùng I-ngắn – khi nào dùng Y-dài. Phân biệt giữa C và Q. Đây chính là một trong những cái “đỉnh” của quyển sách. Mặc dù sử dụng nhiều ngôn từ của ngành Ngữ Học, nhưng khác với những bài viết của nhiều nhà ngữ học, *lời văn của Chương 6 này rất đơn giản và dễ hiểu*. Một vài sưu tầm về khác biệt trong lối phát âm theo địa phương cũng được trình bày trong Chương này. Ông cũng phân tích một cách thuận lý khi phân biệt mẫu âm chính gốc với mẫu âm biến dạng thay vì một số người quen gọi vắn xuôi vắn ngược, và rất tỉ mỉ khi mô tả những điểm phát âm với cách vận dụng môi miệng răng lưỡi.

Chương 7 và Chương 8 dành ở phía cuối nhìn tiếng Việt từ một góc cạnh lịch sử và triết học. Chương 7: Tiếng Việt và

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Vận Mệnh Quốc Gia. Chương 8: Tiếng Việt với Triết Lý Âm Dương và Đạo Sống Thái Hoà. (Chương 8 được bỏ tước trong ấn bản lần thứ 2). Hai chương này đã chứng minh trên góc nhìn “vĩ mô” tại sao tiếng Việt tuyệt vời như vậy. Chương 7 cho thấy tiếng Việt vẫn giữ vẹn bản sắc của nguồn cội dân tộc Việt Nam. Đó là nguồn cội Mã Lai và Đa Đảo, khác biệt với Hán tộc ở Bắc phương. Chương 8 có lẽ sáng chói nhất với giải thuyết tiếng Việt phản ảnh đầy đủ triết lý Âm Dương và Đạo sống Thái Hoà của dân Lạc Việt. Tác giả kết nối những hình vẽ biểu hiệu cho Triết Việt trên những trống đồng Đông Sơn, trong cổ thư, đến tính chất Âm Dương trong tiếng Việt.

Những gì có thể biểu tượng cho triết lý Âm Dương trong tiếng Việt?

Theo giáo sư Đỗ Quang Vinh, “cơ cấu song hành” trong những điểm đặc trưng sau đây của ngôn từ tiếng Việt chính là biểu tượng triết lý Âm Dương của dân Lạc Việt:

- (i) Lối nói đối xứng: *Bề ngoài thon thót nói cười / Mà trong nham hiểm giết người không dao (Kiều).*
Trong ngữ vựng ta có: lòng người *đen-bạc* / biết đường *lui tới*
Trong thành ngữ: nói trước quên sau / than dài thờ vắn
Trong tục ngữ, ca dao: Thương nhau lắm, cắn nhau đau / Hòn đất ném đi, hòn chì ném lại.
- (ii) Lối cấu trúc song trùng:
Theo lối lập lại: Đêm sao đêm tối mãi mò-mò (Trần Tế Xương)
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh (Kiều)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Theo lối kết hợp: lung-lay, lẩn lộn, quá quắt, ôm ấp, viết lách, hiền lành...v.v...

Theo lối ghép tiếng đệm: hay ho, rác rưởi, rải rác, gồ ghề, ngô ngàng, tan tành

Đơn giản hoá cụm từ thành còn 2 từ: một trăm ba mươi => trăm ba

Về mặt ngữ pháp, triết lý Âm Dương được thể hiện qua các loại từ, như phân biệt tĩnh với động, như phân biệt giống đực giống cái nhưng không có trung tính, như cấu trúc lưỡng âm của tiếng Việt.

Nguyên lý Âm Dương và đạo sống Thái hoà của Việt tộc còn được quyển sách diễn giải, trong Chương 8, qua những điểm đặc thù của ca dao Việt Nam, của tiến trình thuận lý tự nhiên, của phân tán nhị nguyên phối hợp với huyền đồng nhất thể, v.v.

Nhìn chung, “Tiếng Việt Tuyệt Vời” của Gs Đỗ Quang Vinh là một quyển sách với lối hành văn giản dị trong sáng nhưng không kém phần uyển chuyển thanh tú. Những thí dụ viện dẫn trong bài tự chúng cũng là một nguồn tài liệu tham khảo hiếm có về ngữ ngôn tiếng Việt với những đặc tính tuyệt vời. *Đối với một hai chương cần sử dụng ngữ học, có lẽ không như những quyển sách hoặc bài viết của những nhà ngữ học uyên bác, quyển sách lần đầu tiên đã trình bày vấn đề cho người đọc thuộc mọi giới có thể đọc và hiểu được dễ dàng.*

Tuyệt vời của “Tiếng Việt Tuyệt Vời” là ở chỗ đó...

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Đỗ Quang-Vinh

Cử-Nhân Luật-Khoa.

Cao-học Kinh-tế-học (ĐH Saigon)

Cử-Nhân Giáo-Dục (Đại-học Toronto)

Cựu giáo-sư Trung-học

Tiếng Việt Tuyệt-Vời

Có sửa chữa và tăng-bổ các chương, mục:

- 1-Thơ sáng-tác đọc xuôi đọc ngược
(chưa có trong thi-tập *Về Nguồn*), gồm có:
 - * thơ Đường-luật thất ngôn bát cú
 - * Thơ lục bát độc-vận liên hoàn (Chương 1)
- 2-Khi nào viết I ngắn, viết Y dài? (Ch. 6)
- 2-Tiếng Việt với triết-lý âm dương và
Đạo Sống Thái-Hoà (Chương 8)

Bìa ấn bản đầu tiên: *Phạm-Thế-Trung*

* Ấn-bản lần thứ nhất 1993

ISBN: 0-9680205-3-4

*Ấn-bản lần thứ hai 2000

Copyright @ by Đỗ Quang-Vinh

US copyright # TX 5-217-019

2000

10

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Đỗ Quang-Vinh

TIẾNG VIỆT TUYỆT-VỜI

ấn-bản lần thứ ba,

Toronto, Canada, 2016

tác-giả trình bày lại trên trang mạng,

nhuận-tác và bổ-túc các chương: (chương 3: tiếng Việt giàu từ; chương 4: tiếng Việt không ngừng sáng tạo; chương 6: Âm và Thanh trong Tiếng Việt; chương 7: tiếng Việt và vận-mệnh quốc-gia; chương 8: Hồn Nước trong tiếng Việt & trong thơ Việt)



*Hò ơi, ví dặm nhịp-nhàng,
Điệu xù lời Mẹ dịu-dàng à ơi!
Con thuyền rẽ sóng ra khơi,
Mãi chèo khua nước vọng lời Non Sông.
Thuyền Văn tải Đạo Lạc-Hồng
Mệnh-mông Hồn Việt, chất-chông Tình Quê.
(Đỗ Quang-Vinh)*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Kính dâng hương-hồn song thân

Thương tặng tiên-nội và các con cháu

Mến tặng các cựu học-sinh của tôi tại các trường:

Trung-học công-lập Nguyễn-trung-Trực,

tư-thục Sông Kiên, Võ-Văn (Rạch-Giá)

Trung-học công-lập Petrus Ký,

tư-thục Nguyễn-Khuyến, Hưng-Đạo,

Lasan Đức Minh, Đạt-Đức (Sài-Gòn)

Các lớp Tín-chỉ Việt-Ngữ Toronto (Canada)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Lời Mở Đầu

Trước khi đặt bút mở đầu trang sách giới-thiệu tác-phẩm "Tiếng Việt Tuyệt-Vời", xin mạn phép quý vị thức-giả và quý bạn đọc cho tôi được giải bày một tâm-sự riêng tư:

Trong suốt cuộc đời viết văn viết báo, tôi thường có dịp được một số tác-giả thân-hữu biết đến, cảm mến và tin cậy, yêu-cầu đọc lại bản thảo tác-phẩm trước lúc đem đi in, và viết lời đề- tựa.

Tôi nhớ chừng, hầu như đã trải qua khá nhiều địa-hạt thuộc bộ môn văn-chương, chính-trị buộc tôi phải miệt-mài suy-tư, cân nhắc thận-trọng và cố-gắng rút tía những nhận-xét tinh-tế để đáp lại sự khổ công hoàn-thành công-trình trước-tác, soạn thảo của tác-giả, và để không phụ lòng quá đáng của quý độc-giả khi quyết-định đón nhận tập sách, tập truyện để đọc. Thật ra, việc này cũng là điều thông-thường đối với những cây bút có chung một bổn-phận tất-yếu đứng ra cáng-đáng việc giới-thiệu.

Điều tôi muốn xin được nói ra ở lần này, là tôi đã vô cùng bần-khoăn khi bị đặt trước một đề-tài quá rộng lớn và quá quan-trọng. Ngồi bút bỗng khựng lại. Cái cách viết dễ-dàng bình-nhật đã vô-hình-chung bị ngưng đọng, ngập-ngừng và lúng-túng.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Bởi vì chính cái Tuyệt-Vời của Tiếng Việt lại là cái tuyệt-vời của cả một dân-tộc chúng ta, do đó cái vẻ đẹp muôn màu muôn sắc ấy nhất-định không thể là cái biết của một người hay một nhóm người nào. Càng không thể là cái biết của một kẻ như chúng tôi chỉ mới đọc qua bản văn khảo-cứu đã vội dám cho rằng mình có sẵn cái vốn để biết đến nơi đến chốn vấn-đề. Cái bản-sắc đẹp vô-cùng vô-tận của Tiếng Việt là sự hội-tụ, sự kết-tinh một di-sản tinh-thần đất nước từ ngàn trước đến ngàn sau, của cả một biển người - trong đó có những vị mà tên tuổi được nền văn-hóa nước nhà ghi danh và hăng-hà-sa-số những kẻ vô-danh song sự đóng góp của họ cho việc tạo-dựng một hệ-thống, một truyền-thống văn-tự tinh-hoa lại không phải là nhỏ.

Khi đề-cập hai chữ thiêng-liêng và thân-thương: "Tiếng Việt", có nghĩa là tác-giả đã cố công trình-bày về nguồn-gốc "Tiếng Nói" nước ta, và phần còn lại chẳng khác nào như đã dệt ra một bức tranh sơn-thủy hữu-tình về diễn-tiến lịch-sử của "Chữ Việt" tiếng mẹ đẻ chúng ta với tất cả vẻ đẹp trác-tuyệt qua những giai-đoạn phôi-thai, thăng-trầm lẫn kỳ-ảo của nó.

Vâng, đây chính là cách bố-cục và diễn-giải về ý-nghĩa nội-dung cuốn sách Tiếng Việt Tuyệt-Vời mà tác-giả Đỗ-Quang-Vinh đã chủ-tâm bàn đến trong suốt trên 200 trang khảo-luận của ông. "Tiếng Nói"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

tức là ngôn-ngữ, tức là Ngữ-Việt thì ta đã có từ khi tổ-tiên chúng ta dựng nước. Để cho các thế-hệ trẻ mới lớn lên, trưởng-thành sau này ở nước ngoài dễ hình-dung dễ hiểu đến tiếng nói cùng Việt-văn của nước nhà, tưởng xin nhắc rõ Tổ-quốc Việt-Nam có 3 Miền: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Khởi-thủy là Miền Bắc và một phần Miền Trung vốn nơi quê-hương bản-xứ chính của dân-tộc ta. Lâu dần, theo với thời-gian, với đà tiến-triển, phát-triển của sự tăng-trưởng dân-số cùng nhu-cầu sinh sống mà phần lớn dựa vào nông-nghiệp lại vì đất ruộng quá cằn-cỗi, đã thế còn bị thiên-tai hạn-hán hay bão lụt hàng năm làm mất mùa, người Việt bắt buộc phải di-dân xuống Miền Nam tìm đất sống. Bên cạnh yếu-tố thiên-nhiên khắc-nghiệt, còn nảy sinh những cuộc nội-chiến tương-tàn như cuộc chiến Trịnh-Nguyễn phân-tranh và kể đến đời Nhà Tây-Sơn với người Anh-hùng Nguyễn-Huệ nổi dậy lừa quân của Chúa Nguyễn-Ánh vào tận Miền Nam. Ấy là chưa kể nhiều đời vua chúa khác đã gây chiến với nước láng-giềng Chiêm-Thành, thôn-tính họ để mở rộng bờ cõi. Cho nên, tuy cùng một giải đất nước Việt nhưng ít ra dân tộc ta có 3 "giọng nói" chính khác nhau do thủy-thổ, phong-tục và sự pha trộn tiếng địa-phương mà ra. Có điều, người ở 3 miền đều nghe và hiểu được nhau, cùng nhau trao đổi về mọi vấn-đề. Tất-nhiên có phần nào khó-khăn đấy, nhưng không có nghĩa là "xa lạ", là "ngôn-ngữ bất đồng".

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cái tuyệt-vời của Tiếng Việt còn là ở đây. Xin thưa rằng, điều mà tôi vừa nêu ra trên đây, chính là cái thú-vị nhất, cái phong-phú nhất, cái duyên-dáng nhất, cái huyền-ảo nhất của Tiếng Việt mà tác-giả Đỗ-Quang-Vinh đã chú-tâm làm nổi bật lên, bàng-bạc trong suốt công-trình sáng-tác của ông. Do đó, trước một đề-tài nghiên-cứu thật khô-khan, tác-giả đã luôn lồng vào những lời thơ tình-cảm, những câu ca-dao mộc-mạc bình-dị chan-chứa trữ-tình, khiến cho người đọc cảm thấy thoải-mái, nhẹ-nhàng. Tôi có thể nói mà không sợ quá lời, là với một số độc-giả mà nay mái tóc đã điểm sương, khi đọc đến, bỗng nhớ lại cả một kỷ-niệm của thời son trẻ, nhớ đến tuổi vừa mơ-mộng biết yêu-đương. Đôi khi, tự mình cười lấy với chính mình và chợt khám phá ra rằng sao Tiếng nước ta... tuyệt-vời thế nhỉ. Ấy đấy, cái tâm lý của người đời thật phức-tạp mung-lung. Giá chỉ đọc Thơ - Thơ Cũ, Thơ Mới hay thưởng-thức văn-chương bình-dân, văn-chương bác-học thì cho dù thấy hay đến đâu vẫn cứ đóng khung ở sự khen chê giới hạn. Đấng này, lại đọc trong một thiên khảo-luận về nguồn cội Tiếng Việt, nên lúc vừa thấy hay cũng là lúc cảm thấy lòng bồi-hồi rung-động về nghĩa nước tình nhà qua tiếng nói, qua ngôn-ngữ, qua thi-văn. Đây chính là khi hồn nước, hồn dân-tộc hiện ra rõ-ràng nhất, chân-thành nhất. Và đây chính là lòng ái-quốc được khơi nguồn trời dậy!

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Không phải chỉ có những độc-giả thuộc lứa tuổi trung-niên. Mà lớp nam nữ thanh thiếu-niên, cũng vậy. Quả-nhiên rằng, cho dù có trình-độ am hiểu tiếng Anh tiếng Pháp đến đâu, giờ đây, cứ hãy đọc những phần tuyệt-diệu của tiếng Việt, dám chắc đám người tuổi trẻ ấy mới cảm thấy lòng mình xao-xuyến thật sự, bỗng thấy tình yêu bùng mãnh-liệt hơn lên và càng yêu Tiếng Việt hơn lên. Đố ai tránh cho khỏi đừng đem giấy bút ghi chép lại những lời thơ tình-tứ trong Tiếng Việt Tuyệt-Vời để biết đâu rồi chẳng có khi dùng đến nó để diễn-tả nỗi-niềm yêu thương trên những cánh thơ hồng nào đó? Chẳng tin, xin cứ thử nghĩ lại mà xem. Ta có giới ngoại ngữ cách gì thì những tiếng xưng-hô của người, như "Vous, Tu, You" thật chán phèo. Nó chỉ mới lướt qua da thịt mà không thật thấm vào hồn ta, vào tim ta, vào từng nhịp thở, từng thớ thịt, mạch máu ta. Chứ là người Việt thì đâu có cảnh-huống ấy. Từ đang xưng-hô xa vời, một điều "chị" hai điều "cô", bỗng một hôm nào đó, mọi sự chín mùi, anh chàng trai trẻ được cô nàng mặc-nhiên kín đáo và e-lệ cho phép dùng tiếng "em" ... để gọi nàng ... thì có họa trời đất quay-cuồng cũng không đủ tinh-táo để nhận biết nữa! Từ tiếng EM tình-tứ, ngọt-ngào, huyền-diệu kia, người thanh-niên Việt ấy lạc hẳn vào một thế-giới kỳ-lạ của tâm-hồn:

... Nhớ ai bồi-hồi bồi-hồi

Như nhớ đồng lửa như ngồi đồng than...

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Ôi tiếng Việt! Ôi, Tiếng Việt Tuyệt-Vời!

Thì ra, người ta đã lỡ sinh ra làm người dân Việt, thì cứ phải nói Tiếng Việt và phải biết viết Tiếng Việt thôi!

Đừng sợ người dân Việt với thể-hệ trẻ Việt-Nam đang sống ở các quốc-gia tự-do này quên tiếng Việt, coi nhẹ tiếng Việt. Nếu có sợ, ta hãy sợ các Cộng-đồng người Việt mài-mê trăm ngàn việc sống trước mắt mà sao-những trách-vụ tinh-thần lo trau-giồi cho con em mình học Tiếng Việt và truyền-cảm sang lứa tuổi này những cái đẹp cái hay tuyệt-vời của ngôn-ngữ nước ta. Chung quanh chúng ta vẫn còn có biết bao hình-ảnh thiêng-liêng về chủng-tộc Việt-Nam tồn-tại từ già nửa thế-kỷ ở phần đất Tân-Thế-Giới, và hơn 300 năm trên giải đất Thái-Lan. Sau cuộc đê-nhị thế-chiến chấm dứt, nhiều người lính thợ Việt trước đã nhập-ngữ vào quân-đội Pháp đi đánh Đức. Khi tàn cuộc binh-đao, họ không về đất Việt, ở lại, lấy vợ đầm. Có người đưa gia-đình sang sinh sống, lập nghiệp ở Tân-Thế-Giới. Bây giờ con, cháu họ vẫn còn nhiều ít nói được tiếng Việt, không quên giống quên nòi. Chỉ một người cha quyết-tâm mà rồi còn đạt được đến kết-quả. Huống hồ nay chúng ta có cả hàng triệu người Việt trên nước Mỹ và non nửa triệu người khác rải-rác khắp các phương trời tự-do. Và hãy nhìn về Thái-Lan. Chúng ta hiện có gần một triệu dân-số người Việt

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

cư-ngụ từ nhiều đời trên đất Thái, để đến cả 3 thế-kỷ rồi. Cho đến nay, đám người đồng-chủng ấy của chúng ta vẫn không mất gốc. Cha truyền con nối, họ vẫn nói vẫn viết được tiếng Việt. Chung-quy chỉ vì đa-số là Thiên-Chúa-Giáo. Con em họ được học Giáo-lý bằng tiếng Việt, được nghe giảng kinh-thánh hoàn-toàn bằng tiếng Việt. Nhờ vậy, người Thái gốc Việt kia vẫn nói tiếng mẹ đẻ Việt-Nam trong gia-đình và khi gặp mặt, hội-họp với nhau.

Cho nên, ngày nay, nếu như

... Ai đưa con sáo sang sông,

Để cho con sáo sổ lồng, sáo bay?...

thì là một ưu-tư hàng đầu của thế-hệ cha, anh đối với lớp người trẻ đây. Mọi việc đều không cần ngồi để than-van, coi là muộn. Biết muộn mà gấp rút quan-tâm sửa-chữa, hướng người trẻ trở về với cái Tuyệt-Vời của ngôn-ngữ nước nhà thì rồi ta vẫn thực-hiện được điều ta muốn. Chỉ sợ ta quên thật, để cho bụi thời-gian bao phủ cái Tuyệt-Vời kia đi thôi.

Còn có biết bao tâm-hồn như tác giả Đỗ-Quang-Vinh bỏ thời-gian, can-đảm cầm bút ghi chép lại, dầy công khảo-cứu giữa một hoàn-cảnh cực-kỳ khó-khăn vì mọi tài-liệu tham-khảo về Tiếng Việt không dễ gì có sẵn trong tầm tay, thì dân Việt lưu-vong bởi quốc-nạn vẫn còn tất cả lý-do hy-vọng. Chính vì

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

cảm-thông trước một quyết-tâm ngời sáng nhưng không phải là không bạc-bể ở tác-giả, phần riêng tôi xin cầm lại bút viết lời đề-tựa này.

Tác-giả Đỗ-Quang-Vinh nguyên là giáo-sư Trung-học từ 1954 chuyên-trách môn Pháp-văn, Việt-văn ở các trường Nguyễn-Trung-Trực, Sông Kiên, Võ-Văn (Rạch-Giá) và các trường Petrus Ký, La-San, Hưng-Đạo, Đạt-Đức (Sàigòn). Nay tuy lớn tuổi, ông còn tiếp-tục dạy học cho người ngoại-quốc ở Canada, nơi ông bị-nạn Cộng-sản với bà vợ và các con ông.

Tôi không dám dài dòng thêm, vì với lòng khiêm-nhường cố-hữu của nhà mô-phạm, tác-giả đã đạt lời yêu-cầu như vậy từ trước.

Nhiều vị học-giả đi trước và nhiều vị soạn-giả đồng-thời với giáo-sư Đỗ-Quang-Vinh đã khảo-sát về vấn-đề Ngữ-Việt. Việc làm của ông bây giờ chỉ là một giọt nước thanh-tao thêm vào ly nước tinh-khiết mà không hề sợ bị tràn đầy.

Nói đến Tiếng Việt còn là nói đến một vấn-đề văn-chương. Tôi xin mượn một hình-ảnh thật êm-đềm để diễn-tả đúng nghĩa tiếng nói của văn-chương không có tiếng động ồn-ào như ở mọi địa-hạt khác trong xã-hội loài người:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Đầu thế-kỷ 20, Viện Hàn-Lâm Pháp-Quốc có truyền-thống chỉ hiện-diện 40 vị Viện-sĩ. Chẳng may, có một vị qua đời. Giữa lúc ấy, theo công-luận nhận-định lại chưa có ai thật xứng-đáng để bầu vào chỗ khuyết. Bỗng một ứng-viên xuất-hiện, hình như là Ô. Herriot thì phải. Vào ngày quyết-định đầu-phiếu chấp-nhận hay từ-chối, giữa không-khí hội-trường trang-nghiêm và lặng-lẽ như tờ, người ta đưa ra trước mặt ứng-cử-viên viện-sĩ một ly nước sôi trong như pha-lê đặt bên cạnh bình bông hồng thơm ngát. Lại không một tiếng động. Không một câu hỏi từ phía bàn chủ-tịch danh-dự lẫn các viện-sĩ khác! Đảo mắt nhìn quanh, ứng-viên Herriot, trong chốc-lát, chợt hiểu. Thì ra Viện Hàn-Lâm muốn gián tiếp trả lời ông là nơi đây không cần thêm một khuôn mặt nào khác! Ông đăm-chiêu suy-nghĩ ... rồi hết sức từ-tốn, ông nhẹ-nhàng đưa tay tách ra một cánh hồng và đặt nó vào ly nước trong vắt, đầy ắp. Mặt nước trong ly vẫn không vì thế mà bị chao-động, sóng-sánh ra ngoài lấy một giọt! Trong tư-thế khiêm-tốn, viện-sĩ ứng-viên nghiêng mình cung-kính chào cử-tọa. Toàn-thể Viện-trường như bị sức hút huyền-diệu, vụt đứng cả dậy, vỗ tay tán-thưởng chào mừng người bạn đồng-viện mới, vừa qua một "chiến-thắng" cực-kỳ vinh-dự, vẻ-vang! Tưởng không thể tìm đâu ra câu trả lời hay hơn thế.

Đây là cái Đẹp, cái Tinh-Hoa, cái Tuyệt-Vời trong văn-chương nước người.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Bây giờ, trước lúc mời Quý Bạn đọc lần giở từng trang sách để thưởng-thức một công-trình văn-hóa, tôi xin trở về với cái Tuyệt-Vời trong Tiếng Việt. Và tôi xin mượn lời thơ của Thế-Lữ. Chỉ khác, nhà thơ tả tiếng sáo Thiên-Thai ru hồn. Còn tôi, tôi xin được đồng-hóa Tiếng Sáo Tuyệt-Vời ấy ... Tiếng Việt Tuyệt-Vời:

...Khi cao vút tận mây mờ
Khi gần vắt-vèo bên bờ cây xanh
Êm như lọt tiếng tơ tình
Đẹp như Ngọc-nữ uốn mình trong không ...

Luân-Đôn (Anh quốc), ngày 20 tháng 6 năm 1993

Mạc-Kinh

Chủ-bút, chủ-nhiệm

Nhật-báo Dân-Chúng, Miền Nam, 1957-1975.

MẤY GIÒNG CẢM-NGHĨ

Yêu Tổ-quốc như yêu mẹ hiền. Yêu tiếng Việt như trân-trọng tình mẫu-tử. Suốt hơn 30 năm say-sưa đưa tiếng Việt đến cho tuổi trẻ, rót vào tâm-trí họ tiếng nói của cha ông, tình-tự của dân-tộc, mỗi ngày chúng tôi mỗi thấy tiếng Việt thật tuyệt-vời, lòng tự-nhủ phải cao-rao ngôn-ngữ tuyệt-vời của dân ta.

Viên ngọc quý phải rời tận tay, nhìn tận mắt, cho dù mô-tả có khéo mấy đi chăng cũng chẳng đủ để lột hết được chân-giá-trị. Nhưng không tả không nêu, làm sao giới-thiệu được viên ngọc quý? Mấy giòng dưới đây, người viết chẳng dám nghĩ là một thiên khảo-luận, vì tự-nhận tài hèn bất-xứng, chỉ dám nghĩ là một đôi lời giới-thiệu, mong đem vài thiển-ý mạo-muội nói lên phần nào niềm tự-hào của người công-dân nước Việt được nói tiếng nói Việt-Nam, và do đó, vui mừng lắng nghe thêm những cao-kiến bổ-khuyết.

Với những nét đặc-thù, tiếng Việt tổng-hợp được văn-hóa Đông Tây, khá tương-quan mật-thiết với Hán-văn và các sinh-ngữ hiện-đại có cùng một cấu-trúc La-ngữ, nên việc trau-giồi tiếng Việt mang lợi-ích thiết-thực, đồng thời điểm-tô cho nền văn-hóa đa-nguyên ở hải-ngoại được thêm khởi-sắc.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Hiện nay rải-rác khắp năm châu, biết bao nhiêu mầm non mang giòng máu Việt, sinh ra và lớn lên trong xã-hội di-biệt, họ nói, họ nghĩ và họ sống theo khuôn-mẫu người ngoại-quốc. Nhưng họ là tương-lai của gia-đình, là niềm kỳ-vọng của tổ-quốc, nếu không đem văn-hóa Việt bồi-dưỡng cho họ, thì với thời-gian và hoàn-cảnh, họ không những dễ quên gốc nguồn mà thậm-chí có thể còn coi thường nền văn-hóa của cha ông đã dày công gây-dựng. Duy trì tiếng Mẹ cho con em chúng ta là phương cách tối-hảo để bảo-vệ truyền-thống luân-lý gia-đình, để dẫn đường cho họ đi vào vườn hoa văn-hóa của dân-tộc, dắt họ đi lại những chặng đường lịch-sử đầy chông gai, hoa nở tươi bằng máu và nước mắt của cha ông, và chuẩn-bị cho họ nối gót cha anh đắp vun nguồn-cội, phục-vụ xã-hội và chia sẻ với cộng-đồng. Nuôi dưỡng và truyền-bá tiếng nói của dân-tộc tức là nuôi dưỡng và truyền-bá văn-hóa Việt-Nam, một yếu-tố quyết-định cho sự sống còn của đất nước, cho sự phồn-vinh của dân-tộc mai sau.

Giới thiệu "Tiếng Việt Tuyệt-Vời" người viết không ngoài mục-đích đem đến cho tuổi trẻ hành-trang tối-thiểu để họ hiểu được tiếng nói quật-cường của tổ-tiên, tình-tự thiết-tha của dân-tộc, cùng những ưu-tư khắc-khoải và niềm khát-vọng vô-biên của lịch-sử Việt-Nam đau thương.

Giới thiệu "Tiếng Việt Tuyệt Vời", người viết muốn chia sẻ với mọi người còn tự-hào mang giòng máu Việt, tình

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

yêu tha-thiết với gốc nguồn, "TÔI YÊU TIẾNG NƯỚC TÔI":

Tôi yêu tiếng Việt dẫu-yêu,
Ngọt-ngào, bóng-bảy, điểm-kiều, du-dương.
Tôi yêu tiếng Việt vấn-vương,
Ủ men tình ý, dậy hương nồng-nàn,
Nghe như hơi gió trên ngàn
Gọi chim lạc hướng họp đàn lên non,
Dầu cho sông cạn, núi mòn
Gió ngàn vẫn hát tiếng đàn thiên-thu.

Canada, ngày trọng hạ,
Năm Quý-Dậu, 1993
Tác-giả
Đỗ-Quang-Vinh

NỘI-DUNG

Lời Mở Đầu [ấn bản đầu tiên] (13)

Mấy Giọng Cảm Nghĩ [ấn bản đầu tiên] (23)

Chương 1- TIẾNG VIỆT HIỆN-ĐẠI (31)

- 1- Cấu-trúc La-ngữ
- 2- Cấu-trúc đơn-âm (34)
- 3- Đọc sao viết vậy (36)
- 4- Ngữ-pháp giản-dị (43)
- 5- Cú-pháp tự-nhiên (48)

Chương 2- TIẾNG VIỆT GIÀU TỬ (57)

I- Những biểu-từ khả-xúc (58)

- 2- Tượng-thanh, tượng-hình, gợi cảm
- 3- Vận-dụng phát-âm, sử-dụng dấu để hình-thành (61)
- 3- Do cảm-xúc tự-nhiên mà cấu-tạo nên (64)

II- Những tiếng đa-nghĩa (70)

- 1- Những tiếng đồng-âm
- 2- Ý-tứ, hàm-ngụ qua cung-cách diễn-tả (82)
- 3- Những kiểu nói "một lời hai nghĩa" (92)

III- Những từ-ngữ Hán-Việt hàm-súc (96)

- IV- Những từ-hoa (99)
 - 1- Phép điển-cổ
 - 2- Phép ẩn-dụ, tỉ-lệ (100)
- 2- Phép chơi chữ / bỡn chữ (103)

Chương 3- TIẾNG VIỆT GIÀU TỪ (107)

- I- Một kho từ-ngữ dồi-dào (95)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

1- Về cách xưng-hô

2- Về cách diễn-tả (114)

a- Những tiếng riêng biệt (115)

b- Những tiếng ghép thêm (125)

II- Kiểu nói lái (129)

1- Nói lái liên-quan tới Hán-tự (130)

2- Nói lái thuần nôm (133)

III- Những tiếng khác nhau giữa các miền (138)

1- Những tiếng đồng-âm song mỗi miền mỗi nghĩa (139)

2- Những tiếng tương-ứng song không trùng-hợp (140)

3- Những đặc-từ (144)

Chương 4- TIẾNG VIỆT KHÔNG NGỪNG SÁNG-TẠO (151)

I- Khả-năng sáng-tạo của tiếng Việt

1- Thay đổi dấu

2- Lập lại từ (158)

3- Kết-hợp từ (161)

II- Khả-năng du-nhập tiếng nước ngoài (162)

1- Du-nhập từ-ngữ (163)

a- Du-nhập từ Hán-văn

b- Du-nhập từ các ngôn-ngữ khác (165)

c- Du-nhập một cách sáng-tạo (169)

2- Du-nhập kiểu nói, hành-văn (171)

III- Khả-năng sáng-tạo không ngừng (173)

1- Sáng-tác các tiếng lóng

2- Sáng-tác các từ-ngữ, thành-ngữ mới (183)

3- Sáng-tác các bài vè, ca-đạo mới (190)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Chương 5- TIẾNG VIỆT DUYÊN-DÁNG (203)

I- Tiếng Việt duyên-dáng bóng-bẩy

1- Qua ngôn-ngữ ám-chỉ (204)

2- Qua ngôn-ngữ bộc-trực (214)

III- Tiếng Việt duyên-dáng dí-dỏm (218)

1- Dí-dỏm cười đùa (219)

2- Dí-dỏm cay đắng (222)

IV- Tiếng Việt duyên-dáng du-dương (224)

1- Tiếng Việt chứa sẵn nhạc-tính (225)

2- Tiếng Việt rất thích-hợp với nhịp phách trong khuôn nhạc (232)

2- Lời Việt dễ đưa hồn người vào ý nhạc tứ thơ (235)

3- Hồn thơ ý nhạc dệt nên lời văn duyên-dáng du-dương (238)

Chương 6- ÂM VÀ THANH TRONG TIẾNG VIỆT (240)

I- Âm, cấu-tạo âm và từ (242)

1- Cấu-trúc của từ

1.1- Mẫu-âm và phụ-âm

1.2- Những hình-thái đặc biệt khi cấu-tạo từ (249)

2- Các loại mẫu-âm

II- Sự phối-trí âm, thanh và nhịp điệu (285)

1- Phối-trí thanh và nhịp điệu

2- Phối-trí thanh và âm (293)

III- Sự biến-dạng âm và thanh giữa các miền (314)

1- Khác nhau về âm, giọng (314)

2- Nhưng vẫn thuần-nhất (320)

Chương 7- TIẾNG VIỆT VÀ VẬN-MỆNH QUỐC-GIA (322)

I- Tiếng Việt trong quá-trình bảo-vệ và phát-huy dân-tộc (323)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- 1- Tiếng Việt vẫn giữ vẹn bản-sắc của nguồn-cội (323)
- 2- Tiếng Việt chấn-hưng phong-hóa, gìn-giữ giang-sơn (335)

a- Văn-học chữ viết(335)

b- Văn-học dân gian (334)

II- Giữ-gìn sự trong sáng của tiếng Việt (354)

1- Hiện-tượng ngoại-lai (354)

2- Bệnh "dùng chữ" (356)

3- Lạm-dụng ngôn-từ (376)

4- Những nguy-ngôn, uyển-ngữ (377)

Chương 8: Tiếng Việt Với Triết Lý Âm Dương Và Đạo Sống Thái Hoà (hay là Hồn Nước Trong Tiếng Việt)

§1- Hồn Nước Trong Tiếng Việt (383)

Tổ-tiên Lạc-Việt đã có sẵn Việt-Triết âm dương

** được diễn-tả trên mặt trống đồng (384)*

** và còn ghi trong sử-liệu cổ-thư (385)*

** gó-ghé-m ngay trong ngôn-ngữ (386)*

A- Ngôn-từ, ngữ-pháp bàng-bạc nguyên-lý âm dương (387)

B- Nguyên-lý âm dương được diễn-giải đặc-thù (391)

I- Thơ lục bát, nét đặc-thù thuần-tuý Việt-Nam (393)

II- Âm dương biến dịch theo tiến-trình tự-nhiên (393)

C- Ấy là do cái nhìn của dịch-lý âm dương nhất-quán (395)

I- vừa phân-tán nhị nguyên vừa huyền-đồng nhất-thể.

II- cho con người thấy chỗ đứng của mình trong tam tài
mà tìm ra Đạo Sống thái-hoà (397)

III- nên không đi ngược lại thiên-lý (401)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

§2- Hồn Nước Trong Thơ Việt (409)

- A- THƠ LỤC BÁT VÀ SONG THẤT LỤC BÁT LÀ NHỮNG THỂ LOẠI ĐỘC ĐÁO THUẬN-TUY CỦA NGƯỜI VIỆT (411)
- B- THƠ VIỆT CÓ CẤU TRÚC ĐẶC THÙ CỦA TIẾNG VIỆT (413)
- C- THƠ VIỆT CHUYÊN CHỜ HỒN VIỆT (430)

PHỤ LỤC (438)

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN (440)



Thác Bản Giốc

*Quốc kêu khắc-khoải Nam-Quan,
Giận quân nô-tặc bán thân, ăn mày.
Thác gầm Bản Giốc đêm ngày:
Hận quân bán nước, tội này chẳng tha.
Trùng-dương gào thét Hoàng-Sa:
Buôn dân, giết hại dân ta tan-tành,
Vô luân, bất nghĩa, gian manh,
Oán than vọng thấu trời xanh không ngừng,
Máu xương lấp kín biển, rừng,
Sử ghi tội ác trùng trùng thiên thu.
Đỗ Quang Vinh*

CHƯƠNG 1

TIẾNG VIỆT HIỆN-ĐẠI

Ngôn-ngữ Việt quả là tuyệt-vời vì tiếng Việt có những nét đặc-thù: **hiện-đại, phong-phú lại duyên-dáng du-dương**. Những vẻ đẹp này thể-hiện sự thuần-nhất vĩnh-cửu của một dân-tộc tiến-thủ trong ý-chí bảo-tồn và phát-huy văn-minh, văn-hóa của giống nòi. Tuy sử-dụng từ-ngữ Việt-Nam đôi khi phiền-phức, song chính cái phiền-phức ấy lại là một trong những yếu-tố đem lại tính phong-phú cho tiếng Việt. Cũng như tuy nhiều âm-vận khó đọc đối với người ngoại-quốc song về nhạc-điệu không thể không công-nhận rằng tiếng Việt réo-rắt du-dương và về cách viết, cách đọc không thể phủ-nhận tính giản-dị của tiếng Việt. Sự giản-dị này cho chúng ta kết-luận không quá đáng rằng: tiếng Việt là một ngôn-ngữ hiện-đại.

Tiếng Việt được gọi là hiện-đại, nhờ lối viết "La-tinh", nhờ **cấu-trúc đơn-âm, lại nói sao viết vậy, viết theo một ngữ-pháp giản-dị và cú-pháp tự-nhiên**.

1- Cấu-trúc La-ngữ

Nằm giữa lòng miền Viễn-Đông, có thể nói Việt-Nam là quốc-gia duy-nhất có lối viết dựa theo mẫu-tự la-tinh như các sinh-ngữ hiện-đại. Chưa phát-triển như Lào, Campuchia, hoặc đang hay đã phát-triển như Thái-lan, Mã-Lai, Ấn-Độ, Trung-Hoa, Nhật-Bản, chữ viết của họ vẫn là một lối viết

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

tượng-hình, khó-khăn cho người Tây-phương học-hỏi hơn là tiếng Việt-Nam. Ngay như lối viết của Liên-Xô cũng còn rườm-rà với hơn 30 chữ cái La-Hy.

Cách phát-âm tiếng Việt chủ-yếu như cách đọc La-ngữ. Ta cứ đọc tiếng La-tinh như đọc tiếng Việt hoặc ngược lại đọc tiếng Việt theo cách đọc tiếng La-Tinh.

Ví dụ câu La-tinh viết:

- *Homo lupus homini*: con người là chó sói của con người (con người đối với con người như loài lang sói) đọc là *Ho mo lu-pút-x ho-mi-ni*.
- *Summum jus, summa injuria* (Cicéron): luật cực-đoan là luật bất-công, đọc là *xum-mum i-út-x, xum-ma in-du(i-u)-ri-a*.
- *Pax sit semper tecum!* (bình-an ở cùng bạn luôn mãi!) đọc là *pac-x sit xem-pe-r tê-cum*.
- *Si vis pacem para bellum*: nếu muốn hòa-bình hãy chuẩn-bị chiến-tranh, đọc là: *xi vit-x pa-sem pa-ra ben-lum*.
- Trên huy-hiệu Canada cũng ghi câu la-tinh: "*A mari usque a mare*" nói lên chủ-trương mở rộng biên-cương lãnh-thổ từ biển đông qua biển tây (from sea to sea), tiếng La-tinh đọc là: *a ma-ri út-x-quê át ma-rê*.

Rõ-ràng ta đọc La-tinh như tiếng Việt. Thực ra chính vì ta đã mượn cấu-trúc la-ngữ cách viết và cách phát-âm để phiên-âm tiếng nói của ta thành một thứ văn-tự độc-đáo của riêng ta quen gọi là chữ Quốc-ngữ hiện nay. Đó là vì trong tiếng Việt có rất nhiều âm-vận giống như trong tiếng La-tinh.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Ta thấy chẳng qua tiếng Việt không phát-âm ra tiếng gió ở cuối từ như "*jus, summus, est*" (luật, chúng tôi là, nó là), đầu sao cũng có phát-âm tiếng gió ở đầu từ như "xin-xò" "xa-xỉ", "xí-xọn", "xên-xang", do đó, người Việt không khó-khăn khi đọc La-ngữ hay Anh, Pháp-ngữ vốn có tiếng gió, chẳng hạn:

- *Sequentia* (La-tinh) phiên-âm = xê-quen-xi-a
- *Séquences* (Pháp) phiên-âm = xê-căng-x(ơ)
- *Saving books* (Anh) phiên-âm = xê-vinh-búc(x)

Một vài ví-dụ khác về cách phát âm phụ-âm đầu từ cho thấy sự tương-đồng giữa Việt-ngữ và La-ngữ hoặc Anh-ngữ, Pháp-ngữ:

- *phụ-âm ch* phát-âm giống *t* của Pháp-ngữ trong câu: Je tiens. Tiếng Việt có từ-ngữ: che-chở

- *phụ âm D* phát âm giống *J, GE* của Pháp-ngữ trong câu: "Je tiens un pigeon" và giống như *G* của la-ngữ trong câu: "Age quod agis", anh hãy làm việc anh phải làm (Fais ce que tu fais, a-dê quót a-dít-x)

Khi giảng tiếng Việt cho người Âu-Mỹ, chúng tôi thực hãnh-diện vui mừng khi được nghe họ phát biểu: "Các anh có một văn-tự thật quý giá rất lợi cho các anh tiếp-thu sinh-ngữ hiện-đại. Chữ quốc-ngữ là một tài-sản quý-báu của văn-hóa Việt-Nam do lối viết dùng các mẫu-tự La-tinh giống như các sinh-ngữ của chúng tôi. Ngược lại, chúng tôi học tiếng Việt mau lẹ dễ-dàng hơn, khác hẳn với Hoa-ngữ là chữ viết tượng-hình". Đúng thế, người Việt nhờ đó quả có thích-nghi mau chóng dễ-dàng với các sinh-ngữ hiện-đại như Anh,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Pháp, Ý, Đức, Tây-ban-nha v.v... Những dân-tộc có chữ viết tượng-hình, họ phải học lần thứ hai một sinh-ngữ khác mới lạ hoàn-toàn, mới lạ cả về cách viết lẫn cách phát-âm. Mặt khác, do có nhiều âm-vận tương-tự như trong Anh, Pháp-ngữ, chúng tôi đã tận-dụng ưu-điểm này để giảng dạy, kinh-nghiệm cho biết, các học-viên Âu-Mỹ đã tiếp-thu mau chóng sinh-ngữ Việt-Nam.

Trong khi, do hoàn-cảnh địa-lý, ngôn-ngữ các quốc-gia Âu-Mỹ và Liên-Xô chịu ảnh-hưởng của nền văn-hóa Cổ La-Hy, thì ở Việt-Nam, lẽ ra tiếng Việt chịu ảnh-hưởng của văn-hóa cổ-truyền như Trung-Hoa, Ấn-Độ, trái lại - ngoại trừ về mặt tư-tưởng, tôn-giáo - tiếng Việt xưa kia có chữ Nôm độc-lập với Hán-tự của Trung-Quốc và ngày nay từ nửa đầu thế-kỷ 19, chữ Quốc-ngữ được tạo-dựng thay thế, làm thành văn-tự quốc-gia, một sản-phẩm ảnh-hưởng của văn-hóa La-Hy từ Tây-Phương đem lại. Văn-tự này là con thuyền chuyên-chở tư-tưởng và ý-thức-hệ Thái-Tây đem đến cho văn-hóa Việt-Nam một sắc-thái tân-kỳ dung-hợp được cả Đông Tây kim cổ.

2- Cấu-trúc đơn âm.

Ngoài lối viết có tính-cách quốc-tế theo mẫu-tự la-tinh phổ-cập, cấu-trúc đơn-âm đã làm nổi bật nét đặc-thù của tiếng Việt. Tiếng Trung-Hoa cũng là tiếng nói đơn-âm, song chữ viết lại vẫn giữ lối cổ-ngữ tượng-hình, trong khi đó, Việt-Nam đã tiếp-thu được văn-hóa Âu Tây để hiện-đại-hóa ngôn-ngữ của mình, đồng thời vẫn duy-trì được bản-sắc đơn-âm của tiếng nói. Thực ra, nói cho đúng **mỗi từ Việt chỉ có một mẫu-âm duy-nhất - quen gọi là vần - và phân-tích cho kỹ thì mẫu-âm do một hay nhiều đơn-âm hiệp lại.** Các âm này

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

ghép lại đọc thật nhanh thành mẫu-âm để cấu-tạo từ. Khi nói cấu-trúc đơn-âm là hiểu theo nghĩa mẫu-âm này.

2.1- Vì tính-chất đơn-âm, mỗi từ tự nó đã có nghĩa, vần của mỗi từ phát-âm độc-lập, không phải ràng buộc, nhờ cộng tới các vần khác để hợp thành. Chẳng hạn:

“Long-lanh đấy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng”
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

hoặc:

“Gương Nga chênh-chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân)
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)”

“Đêm qua trong mộng gặp Thương Thương,
Má đỏ au lên đẹp lạ thường!”
(Hàn Mặc Tử)

"Vàng" là vàng, chỉ có một âm "ang", trong khi tiếng Anh "yellow" có tới hai âm, nếu tách riêng-rẽ hai vần yel và low, từ trở nên vô-nghĩa, âm nọ lệ-thuộc âm kia không thể tự nó có nghĩa.

"Đẹp", chỉ có một âm "ep" trong khi tiếng Anh "beautiful" có tới 3 âm, nếu tách riêng "beau" và "ti" với "ful" nghe ra sẽ chẳng có nghĩa gì.

2.2- Vì tính-chất đơn-âm, tiếng Việt ngắn, gọn và rõ ràng. Mỗi tiếng mỗi rơi vào tâm-trí người nghe, đi thẳng vào ngay nhận-thức. Người nghe lãnh-hội ngay lập tức, không phải suy-nghĩ chờ đợi như khi nghe một ngôn-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

ngữ đa-âm, ta phải chờ hội đủ các hợp-âm mới hiểu ra được nghĩa của từ. Chẳng hạn, tiếng Anh nói:

Ví dụ 1: understanding (hiểu)

Ví dụ 2: misunderstanding (hiểu lầm)

Trên nguyên-tắc phải nghe hết 4 âm (ví-dụ 1) hoặc 5 âm (ví-dụ 2) mới nhận-thức được trọn nghĩa, dù có đoán ra cũng phải hội xong được mấy âm đầu, nghĩa là phải có suy-luận. Chưa kể khi họ nói nhanh, thêm vào với cú-pháp phức-tạp của họ, người mới học chưa thể nghe quen được như một phản-xạ, thì sự tiếp-thu ắt chẳng phải là dễ-dàng. Trong khi đó, tiếng Việt chỉ vắn-tắt, gọn-lỏn nói: "Hiểu" hoặc "Hiểu lầm". Chỉ một từ với một âm, hoặc 2 từ với 2 âm riêng-rẽ, người nghe đã có thể lãnh-hội ngay rồi, mỗi từ mỗi hiểu dễ-dàng.

Độc-lập và đi thẳng vào nhận-thức người nghe, tính-chất đơn-âm ngắn gọn rõ-ràng nói trên đã khiến cho tiếng Việt thành một ngôn-ngữ giản-dị, dễ học, dễ nghe và dễ mau hiểu hơn so với các ngôn-ngữ đa-âm khác.

3- Đọc sao viết vậy:

Trong tiếng Việt, ta có thể phân-biệt âm chính gốc với âm biến-dạng.

Âm chính gốc gồm những âm chỉ có một nguyên-âm hoặc chính (*a, e, i, o, u, y*) hoặc phụ (*ă, â, ê, ô, ơ, ư*) hay gồm nhiều nguyên-âm hợp lại như *oa, oai, uy, uyê...v...v...* **Âm biến-dạng** được tạo thành bằng cách ghép vào cuối âm chính gốc một hay hai phụ-âm như *oan, oanh, oang:*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

"Lơ-thơ tơ liễu buông màn,
Con oanh học nói trên cành mĩ-mai."
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

"Những từ: *lơ, thơ, tơ* chỉ có một nguyên-âm. Những từ: *liễu, nói, mĩ, mai* có 3 hoặc 2 nguyên-âm ghép lại. Những từ *buông, màn, con, oanh, học, trên, cành* có những phụ-âm ghép vào cuối âm chính gốc *uô, a, o, oa, o, ê, a*. Trong cả ba trường-hợp, mỗi từ chỉ có một mẫu-âm (quen gọi là vần). Đó là cấu-trúc đơn-âm của tiếng Việt (hay cấu-trúc một vần: monosyllabe). Thêm vào đầu các âm đơn hay ghép nói trên một hay hai phụ-âm, đó là cách cấu-tạo từ.

Từ ngắn nhất có một chữ, ví-dụ: *A! U ở nhà*. Các từ *A! u ở* chỉ có một chữ duy-nhất. Từ dài nhất trong tiếng Việt chỉ có bảy chữ. Ví-dụ:

"Một hai nghiêng nước, nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai."
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Từ "nghiêng" có bảy chữ. Vì có tới 3 phụ-âm đầu từ ghép vào mẫu-âm gồm 4 chữ. (*Xem Chương VI. Âm và thanh trong tiếng Việt, đoạn I: Âm, cấu-tạo âm và từ*)

So-sánh các từ sau đây cùng có âm "le" ở đầu từ, cách đọc Anh-ngữ khác hẳn nhau:

Lemon [lémăn]: quả chanh (lé-mơn) => é

legal [lí:gãl]: hợp-pháp (lí-gơn-l) => i

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

legacy [légãsi]: di-sản (lé-gơ-xi) => e

legion [lí:dzãñ]: sư-đoàn (lí-dơn) => i

legible [lédzãbl]: dễ đọc (lé-dơ-bơ-n-l) => e

Cũng như cùng là "i" khi đọc là i, lúc lại đọc là ai. Ví dụ:

irascible [iraesibl]: dễ giận (i-rê-xi-bơ-n-l) => i

irate [airéit] : giận dữ (ai-rê-tờ) => ai

iridescent [iridésnt]:long-lanh ngũ-sắc (i-ri-đét-xân)=> i

iris [áiãris] : con ngươi, đồng-tử (ai-ơ- ritx) => ai

Hay cùng một nguyên-âm "a" mà phát-âm nhiều cách, như:

canal [kãnaél] : kênh rạch (cờ-nêl) => ơ, ê

solace [sólãs] : niềm an-ủi (xo-lớt-x) => ơ

fade [feid] : làm phai tàn (phây-đ) => ây

faddy [fêdi] : ham mê; bốc đồng (phê-đi) => ê

far [fa:] : xa (pha-a) => a

Đó chỉ là một vài ví-dụ trong muôn vàn. Dĩ-nhiên tiếng Anh cũng có những quy-tắc cho mỗi trường-hợp song đó là những nỗ luật, những mẹo luật riêng-rẽ lẻ-tẻ, tập-hợp từ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

chi-tiết có tính cách vi-tiểu hơn là những nguyên-tắc tổng-quát có tính cách đại-hợp chi-phối tổng-thể một cách đơn-giản. Những trường-hợp như thế không phải là hãn-hữu mà gần như rất thông-thường: họ nói một đằng nhưng viết một nẻo.

Trong tiếng Pháp, tất cả các âm "Oi" đều đọc như nhau. Tiếng Việt cũng thế. Sự thống-nhất và tương-hợp ấy có thể thấy trong vài ví-dụ đăn-cử ở bảng đối-chiếu sau đây:

Pháp	Việt
oy (le goyave)	oay (loay hoay)
ou (le bijou)	u (lu-bù, bù-xù)
ui (puissant)	uy (tuý-lúy)
ien (le chien)	iêng/iang (giêng)
on (le pigeon)	ông (lông-bông)
en (le menton)	ăng (lăng-nhăng)

Nếu có vài ngoại-lệ thì cũng là những quy-luật nhất định giản-dị cho một trường-hợp nhất-định. Ví dụ: pigeon khác với wagon, nếu không đọc cong lưỡi như chữ g Việt-ngữ thì chỉ viết một chữ g là đủ (wagon), trái lại nếu đọc cong lưỡi như chữ d Việt ngữ thì phải thêm e vào g thành ge. Quy-luật này là ngoại-lệ áp dụng cho một trường-hợp: đọc cong lưỡi hay không cong lưỡi.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Cũng như trong tiếng Việt, *g* đứng trước *a*, *e*, *u* và các nguyên-âm đặc-biệt *ă*, *â*, *ô*, *ơ*, *ơ*, việc ghép từ vẫn giữ nguyên *g* (gà gồ, gân guốc...), trái lại nếu ghép với *e*, *ê*, *i* thì thêm *h* thành *gh* (ghe, ghé, ghé, ghi) . Do đó phân-biệt *ga* khác với *ghi*, có thể ta cho rằng như vậy phiền-phức quá.

Chúng tôi cũng sẽ trở lại trong chương VI ở dưới nói về âm và thanh trong tiếng Việt. Dẫu sao thì dĩ-nhiên không thể có cái gì tuyệt-đối, song sự giản-dị tương-đối được chấp-nhận khi không quá nhiều-khê chi-tiết, khi đó chỉ là một ngoại-lệ của một nguyên-lý nhất-định không thể có mẹo trừ của ngoại-lệ hay quá nhiều mẹo trừ của một nguyên-lý, như thế chẳng qua là những quy-nạp được công-thức-hóa từ các trường-hợp lẻ-tẻ, hay nói đúng hơn, vì tập-quán đã quen dùng khác nhau như vậy, sau này quy-nạp-hóa và nguyên-tắc-hóa các chi-tiết ấy lại thành ra luật-lệ trở nên quá chi-tiết rườm-rà, và do đó, mới đúng là phiền-phức nhiều-khê.

Có người cho rằng cách phát-âm của tiếng Việt khó khăn quá! Ví dụ: "*Nguyễn Tuyên chuyên-quyền huênh-hoang*" quả là người ngoại quốc khó đọc thực. Mỗi dân-tộc có cách phát-âm riêng. Âm phát được do sự vận-dụng môi, miệng lưỡi và răng. Tùy theo thói quen vận-dụng nhiều ít, hay cách-thức vận-dụng mà âm phát ra thành lời. Người ấn-Độ ít uốn lưỡi nên âm phát ra ta nghe hầu như chỉ thấy các phụ-âm *t* và *r*. Đây là tập-quán, dĩ-nhiên là thích-nghi với một tập-quán khác không phải dễ-dàng. Tiếng Việt không có lỗi phát-âm "th" như "the" trong tiếng Anh, nhưng với cách đọc đúng vần "tre" của ta, ta cũng dễ-dàng đọc được vần "church" của Anh-ngữ, hoặc nếu đọc đúng được phụ-âm *x* và *s* trong câu "mùa xuân đẹp sao!" ta cũng chẳng thấy khó-khăn khi đọc từ "sunshine" của Anh-văn. Chúng ta không có âm "u" trong

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"têtu" của Pháp, song nếu cử-động môi miệng được khi huýt sáo thì ta cũng đọc được dễ-dàng câu "l'enfant têtu a été puni". Tiếng Việt chẳng khó đọc với người Pháp khi họ phải đọc từ "uy vũ" vì trong Pháp-văn họ đã quen đọc những vần tương-tự như trong câu: "Oui, vous êtes tout puissant"; có khó chẳng là lên xuống giọng cho đúng các thanh: huyền, sắc, hỏi, nặng, ngã. Thực ra, các thanh này dù không nhấn đúng lắm, chỉ na-ná tương-tự, người nghe vẫn hiểu được. Người xứ Huế và người miền Nam nói tiếng Việt với giọng và thanh khác người miền Bắc, sự dị-biệt ấy không làm mất đi tính thuần-nhất của tiếng Việt. Người Pháp Québécois nói tiếng Pháp không giống người Parisien và dân đảo Corse là sự thường. Cùng một tiếng Pháp dân chính gốc nói "Je tiens": kẻ đọc là "chiêng" người đọc là "tiêng". Đây là những cá-biệt thuộc về thổ-âm nước nào cũng có.

Họ phát âm được âm "quy" trong từ "quy-lụy", song quả có khó-khăn khi đọc "chuyên-quyền", hay "quyển-luyến" vì ngôn-ngữ của họ không có âm "uyên". Nhưng nếu cứ theo cách ghép âm tuyệt diệu theo lối tự-nhiên, họ có thể đọc được tiếng Việt tuy có hơi vất-vả ban đầu:

- Uy => tách âm = uy-ê (đọc lướt nhanh)
- Uyên => tách âm = uy-ê-[nờ] (đọc lướt nhanh)

Hoặc giả ta không viết là "coa" nhưng viết là "qua". Tiếng Pháp cũng có trường-hợp tương-tự: le cadran và quatre hay quiconque, cùng phát âm c và qu như k (cờ) mà viết khác nhau. **Vậy cũng chẳng lạ gì khi tiếng Việt cũng có những quy-luật ngoại-lệ; và chẳng thực-sự hai âm này khi phát ra, không giống nhau hoàn-toàn như sẽ đề-cập ở chương VI:**

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Phân-biệt giữa phụ âm đầu từ c với q vì c phát âm là cờ và q phát âm là cu.

Thực ra phụ-âm đầu từ q trong các từ của ta như: *quac, qua, quynh, quy, quít. v.v...* là đã mượn cách phát âm của tiếng la-tinh mà ký-âm như đã nói trước đây. Ví dụ những tiếng như: "*quarto, quinto,..quadragésimo,..requiescant in pace!..quid novi?*" (nghĩa là: thứ tư là, thứ năm là,...thứ bốn mươi là,...chờ gì họ được yên nghỉ trong an-bình!...có gì mới lạ?) đọc là: "*quac-tô, quynh-tô, qua-đra-dê-gi-mô...rê-qui-étx-can-t in pa-sê!...quít no-vi?*"

Chẳng hạn về âm "oay", tổng-kết lại giản-dị ta chỉ có tám từ: *loay-hoay, hí-hoáy, ngoáy* (ngoáy tai), *xoay* (xoay-xở), *xoáy* (xoáy ốc), *khoáy* (khoáy tóc trên đầu), *toáy* (tí-toáy) và vần "uay" nếu phát-âm với phụ-âm đầu từ như cờ (c, k) thì chỉ có từ "*quay*" và "*quây*" với các từ liên-hệ như "*quảy, quẫy, quấy, quậy, quấy, quấy*" (quảy gánh, quẫy hàng, quấy rầy, cựa-quây, cả-quấy), cũng đều bắt nguồn từ vần "*qua*" mà ra.

Nói chung, trong Việt-ngữ, âm rất phong-phú cho thấy tiếng Việt đòi hỏi một sự vận-dụng tối-đa môi, miệng, lưỡi và răng, như vậy người Việt dễ thích-nghi với các ngôn-ngữ khác.

Dẫu sao, vấn-đề không phải chỉ là phát-âm dễ hay khó nhưng là chữ viết có gọn-gàng và ghi lại trung-thực cách phát-âm của tiếng nước mình hay không. Do đó ta chẳng thể phủ-nhận tính giản-dị và thuận-lý của chữ Việt vì phát-âm ra làm sao thì viết làm vậy nhờ cách ghép âm và cấu-tạo từ. Một cuộn phim quay chậm để thấy rõ từng nét cử-động của chuyển-động, nếu cuộn băng ghi âm cũng làm được như

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

thế, thì chữ "quốc-ngữ" của tiếng Việt chính là bảng ghi âm tiếng nói của mình, nó cho thấy từng nốt nhạc, âm và thanh của ngôn-ngữ như những dấu láy hợp nhanh với nốt chính trong khuôn nhạc để hình-thành mỗi tiếng, mỗi từ. Chữ quốc-ngữ chính là phương-pháp ký-âm tiếng nói Việt-Nam.

4- Ngữ-pháp giàn-dị

Thật là phức-tạp và khó-khăn khi phải học các biến-cách của từ-ngữ. "*Một mợ mena ba cơn sốt rét*", câu nói đầu lười của người mới học La-ngữ đã nói lên cái cầu-kỳ nhiều-khê của ngữ-pháp la-tinh. Tiếng la-tinh, mỗi từ có 6 trường hợp (casu) biến-cách (declinatio), đó là nominativo, vocativo, accusativo, genitivo, dativo và ablativo. Tùy theo chức-năng trong câu, mỗi từ sẽ biến-đổi theo mỗi cách hay trường-hợp (casu) liên-hệ. Ví dụ: Rosa = hoa hồng, nếu làm chủ-từ: rosa; dùng trong mệnh-lệnh-cách thì vẫn là rosa theo vocativo, làm trực-tiếp túc-từ: rosam; chỉ-định túc-từ là rosae v.v... Có nhiều khuôn-mẫu biến-cách khác nhau cho mỗi nhóm từ khác nhau nữa. Tiếng Nga rập khuôn la-ngữ về phép biến-cách cho các từ. Tiếng Pháp rập khuôn với những mợ luật phiền-phức về cách chia động-từ, sự dùng "thì" và "trạng-thái" (mode) của động-từ, sự biến-đổi của giống và số của từ. Luật ngữ-pháp về động-từ trong tiếng Anh cũng thế.

Ở tiếng Việt, dù nói một học-trò hay nhiều học-trò thì danh-từ "học-trò" vẫn không đổi cách viết, trong khi tiếng Pháp phân-biệt un élève với des élèves (thêm s ở cuối).

Nói rằng "tôi đi, anh đi", hay "chúng nó đi", động-từ "đi" vẫn giữ nguyên cách viết, chỉ thay đổi ngôi-vị chủ-từ mà thôi,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

trong khi Pháp-ngữ phân-biệt: "Je vais, tu vas, il va, nous allons, vous allez, ils vont".

Về thời-gian của động-từ, tiếng Anh tiếng Pháp phân-biệt mỗi thời-điểm, mỗi tính-chất của thời-điểm do đó cách chia động-từ cũng mỗi khác, chưa kể chỉ-định-cách (mode indicatif) khác với điều-kiện-cách và bằng-thái-cách (mode conditionnel et mode subjunctif), khi ấy động-từ cũng biến-thể luôn, và biến-thể theo mỗi thì, mỗi ngôi-vị của chủ-từ nữa. Tiếng Việt thì đơn-giản hơn nhiều, vẫn giữ nguyên động-từ, chỉ thêm một số các phụ-từ liên-hệ để diễn-tả thời-điểm hay trạng-huống của động-từ. Ví dụ:

Tôi đi bây giờ. Tôi đang đi trên đường phố. Tôi sắp đi trong giây lát. Tôi sẽ đi vào ngày mai. Hôm qua tôi đã đi chợ rồi. Tôi đã từng đi trên con đường này suốt thời niên-thiếu. Tôi vẫn từng đi trên đường này. Tôi vẫn đi...

Nói về giống, thì người Pháp nói "un écolier" phân-biệt với "une écolière", "Le maître" với "La maîtresse", "Le boeuf" với "la vache". Tiếng Việt thì không biến-đổi hay thay-thể từ gốc như tiếng Pháp, giản-dị chỉ thêm phụ-từ thích-hợp để chỉ giống đực hay giống cái cho danh-từ chỉ người hay vật mà thôi (danh-từ chỉ sự-vật không có giống). Chẳng hạn:

- Cậu học trò phân biệt với cô học trò
- Nam-sinh phân biệt với nữ-sinh.
- Thầy giáo phân biệt với cô giáo.
- Bò đực phân biệt với bò cái.
- Gà trống phân biệt với gà mái.
- Heo đực phân biệt với heo nái.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Sự giản-dị này bắt nguồn từ tính-chất đơn-âm đã nói trên. Chủ-yếu của tiếng Việt là cách phát-âm, nói sao viết thế. Đặc-tính của tiếng Việt là đơn-thuần, ý-nghĩa làm sao thì diễn-tả làm vậy, là giống đực hay cái thì thêm từ "đực, cái" hay "trống, mái" vào những danh-từ chỉ loài vật hoặc thêm những phụ-từ liên-hệ khác vào những danh-từ chỉ người sao cho đực tao-nhã văn-vẻ như:

- Thầy giáo khác với cô giáo.
- Cậu học trò khác với cô học trò.
- Chàng văn-nhân khác với nàng tiên.

Người nghe lĩnh-hội ngay và viết lại dễ-dàng không phải mất công suy-luận về mẹo luật biến-cách. Nghe đực, hiểu đực, viết đực vì chữ viết tiếng Việt - như đã nói - là một ký-âm-pháp ngôn-ngữ, khác nào bản nhạc đổi giọng bỗng trầm có bằng ấy "nốt" trong âm-giai, người nghe một khi đã thạo xướng-âm thì ký-âm dễ-dàng, chỉ việc ghi đúng nốt nhạc lên khuôn nhạc mà thôi. Vậy, học tiếng Việt, phát-âm đúng, thì ký-âm hay viết tiếng Việt cũng đúng. Người Việt miền Nam thường đọc trại âm, trại dấu cho nên ký-âm sai và thường viết sai lỗi chính-tả là vậy. Lại càng dễ hơn nữa, vì ngữ-pháp tiếng Việt đơn-giản không bắt buộc người viết phải suy-nghĩ quanh-co. Khi viết chính-tả Anh, Pháp-văn chẳng hạn, suy-luận có đúng thì tả mới chính, nghe đúng chưa đủ.

Ví dụ câu Pháp văn:

"J'ai perdu les aiguilles que vous m'avez données hier".

Nếu không suy luận về ngữ-pháp thì sẽ bỏ sót hai chữ *es* trong quá-khứ phân-từ *donné* vì nó phải liên-hợp giống và

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

số với liên-hệ đại-danh-từ *que* làm trực-tiếp túc-từ đứng trước và thay thế cho tiền ngữ (antécédent) *aiguilles* ở giống cái số nhiều. Không phải chỉ nghe đúng phát-âm mà còn phải phân-tích tự-loại (analyse grammaticale) và phân-tích mệnh-đề (analyse logique) cùng một lúc mới có thể chính-tả được. Phức-tạp thay! Tiếng Việt trái lại chỉ viết:

Tôi đã đánh mất những cây kim (mà) anh đã cho tôi hôm qua.

Ở đây chẳng những không thêm chữ, đổi giống, đổi số ở động-từ "*cho*", lại còn tỉnh-lược luôn cả liên-hệ-từ "*mà*" cho xuôi tai. Và để gọn hơn, tránh lỗi trùng-điệp trong mệnh-đề phụ theo sau, phụ-từ chỉ thì quá-khứ "*đã*" cũng có thể bỏ luôn, vì lẽ ý tưởng thời-gian quá-khứ ở động-từ thứ hai "*đã cho*" đã bao-hàm trong trường-hợp túc-từ "*hôm qua*" rồi. Ta viết cho gọn:

Tôi đã đánh mất những cây kim anh cho hôm qua.

thay vì viết:

*Tôi đã đánh mất những cây kim anh **đã** cho tôi hôm qua.*

Người Tây-Phương nói:

"Ta về để (và) ta tắm ở ao của ta."

Người Việt nói:

*"Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục, ao nhà vẫn hơn."*

Nghe đọc chính-tả câu Anh-ngữ sau đây:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"The government office of transportation announced this morning that major construction would occur on the main road connecting the country's two largest cities".

Nếu chỉ nghe phát-âm mà không suy-luận, có thể sẽ viết lầm là:

"The government...connecting the countries to largest citys".

Sự sai lầm nói trên do không suy-luận về ngữ-vựng và ngữ-pháp.

Về ngữ-pháp: sở-hữu-cách (possessive case) với 's thêm vào danh-từ sở-hữu-chủ nên phát âm ra để nghe lầm với countries ở số nhiều.

Về ngữ-vựng: động-từ connect kèm theo với giới-từ with. To connect with là nối liền (vật gì) với (vật gì) chứ không như to attach to, nhất là trước đó người nghe có thể đã được nghe câu hỏi sau đây:

By what forms of transportation are the major cities in your country connected to each other?

(Bằng những phương-tiện giao-thông nào các thành-phố chính ở xứ anh liên-lạc được với nhau?)

Ngoài ra *city* đổi sang số nhiều thành *cities* chứ không như trường-hợp thông-thường quen thêm s sau tiếng ở số ít, ở đây vì danh-từ tận cùng bằng y nên số nhiều đổi là *ies*.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Và *country* là xứ-sở, quê-hương chỉ có nghĩa là vùng quê (thuộc về thôn-dã) khi danh-từ này có chức-năng làm thuộc từ, hay phó-từ, (attribut) như khi nói "*country life*" có nghĩa là đời sống thôn-dã hoặc "*country girl*" là cô gái quê. Sự lẫn-lộn này dẫn đến sự hiểu lầm là "nối liền các miền quê (countryside) với những thành-phố lớn nhất".

Quả thực nhiều-khê quá! Tiếng Việt đã tránh được sự phức-tạp này.

5- Cú-pháp tự-nhiên

Không phải chỉ giản-dị về ngữ-pháp mà thôi, ngay về cú-pháp, các thành-phần trong câu cũng được xếp đặt theo một thứ-tự tự-nhiên thuận-lý, theo giòng tư-tưởng mà diễn-đạt.

Cái phức-tạp của phép đặt câu La-tinh thì khỏi nói: các tiếng trong câu đảo lộn thứ-tự tùy-tiện. Chẳng hạn khi ta nói tiếng Việt:

Anh Phao-lô (1) yêu mến (2) nàng Aemilia (3)

Tiếng La-tinh cũng có khi viết:

Paulus (1) amat (2) Aemiliam (3)

Song cách viết thông thường vẫn là:

- hoặc: Paulus (1) Aemiliam (3) amat (2)

- hoặc: Aemiliam (3) Paulus (1) amat (2)

- hoặc: Amat (2) Aemiliam (2) Paulus (1)

Tiếng Việt nói:

Tôi (1) nói (2) với anh (4) điều ấy (3)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

hay:

Tôi (1) nói (2) điều ấy (3) với anh (4)

Tiếng Anh viết:

I (2) have (3) up to now (1) known that (3) how well prepared (6) these examinations (4) should be (5) for the university (7).

Tiếng Việt nói theo thứ-tự nhân-quả diễn-biến tự-nhiên của tư-tưởng:

Cho đến nay (1) tôi (2) mới biết rằng (3) các kỳ thi này (4) phải được (5) chuẩn-bị kỹ-lưỡng thế nào (6) để vào đại-học (7)

Trong câu văn dưới đây tả về cây thông:

"Ta (1) đã từng nghe (2) tiếng thông reo (3) trên ngọn đồi (4) quang-đại. (5)

Ta (1) đã từng nghe (2) tiếng thông reo (3) bên giòng nước (4) thanh-hương (5)"

Rõ-ràng là các thành-phần trong câu lần-lượt theo giòng tư-tưởng mà xếp theo trật-tự tương-ứng một cách tự-nhiên:

Ai?	(1) Ta
Ta làm gì?	(2) đã từng nghe
Nghe thấy gì?	(3) tiếng thông reo
Ở đâu?	(4) trên ngọn đồi, giòng nước
Thế nào, làm sao?	(5) quang-đại, thanh-hương

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Chủ-từ truyền động-tác cho động-từ và đứng liền trước động-từ. Nhưng trong thể văn, tiếng Pháp, tuy cũng có trường-hợp chỉ cần thêm biệt-ngữ "*Est-ce-que, qu'est-ce-que v.v...*" đặt ở đầu câu khẳng-định không đảo lộn chủ-từ để hỏi "có hay không?" hoặc "cái gì?" song trên nguyên-tắc, cả Anh lẫn Pháp-ngữ đều quen lối đảo ngược chủ-từ xuống sau động-từ:

- Avez-vous faim? Comment dois-je écrire?
- Are you hungry? How should I write?

Tiếng Việt nói tự-nhiên = thể khẳng-định + vấn-từ

"Anh (có) đói không?" "Tôi phải viết sao đây?"

"Anh (đã) đọc cuốn truyện này chưa?"

"Anh (đã từng) đọc cuốn truyện này chưa?"

"Anh (đã từng) đọc cuốn truyện này bao giờ chưa?"

Chỉ cần thêm một vấn-từ vào câu khẳng-định:

- *hoặc thêm ở cuối câu, như:*

"Có tiền việc ấy mà xong **nhỉ**,

Đời trước làm quan cũng thế **a?"**

(Nguyễn Khuyến)

"Ai về chợ huyện Thanh-Vân,

Hỏi thăm cô Tú đánh vần được **chưa?"**

(ca-đao)

"Chút thân quắn-quại vũng lầy,

Sống thừa còn tưởng đến rày nữa **sao?"**

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bận biết là đi **đâu**?
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

- hoặc ở đầu câu, như:

"**Chước** **đâu** rẽ thủy chia yên,
Ai ra đường ấy, ai nhìn được ai?"
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

"Ý chiều ngây-ngất màu hoa cúc,
Sao mắt Thu buồn dáng Hạ xưa?"
(Đình Hùng, *Liên-Tưởng*)

- hoặc ở lưng chừng câu:

"Cười cười, nói nói ngọt-ngào,
Hỏi rằng chàng ở **chốn nào** lại chơi?"
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Người Trung-Hoa Quảng-Đông nói "mả xế", theo chữ Hán là mã-xa, ta không nói là mã-xa theo tiếng phiên-âm, có chăng chỉ một số ít nhà nho dùng trong những bài thơ chữ Hán, nhưng người bình-dân Việt-Nam nói là "xe ngựa", một tiếng Việt thuần-túy như đã quen nói xe bò, xe tay.

Đây cũng là một sắc-thái độc-đáo của tiếng Việt. Hán-văn quen để các bổ-túc-từ đứng trước danh-từ chỉ-định. Tiếng Việt đã bố-trí các từ theo thứ tự diễn-tiến tự-nhiên của tình ý. Cho nên ta không nói: mát gió, trong trắng như người Hoa nói: thanh-phong minh-nguyệt hay người Âu-Mỹ nói:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cool wind, brilliant moon; ta nói ngược lại họ mà rất thuận-lý. Gió làm sao? Gió mát. Mát trả lời cho câu hỏi đứng sau, chỉ-định cho tiếng gió đứng trước. Nếu vấn-từ "làm sao" đặt ở trước thì vấn-đề lại là nguyên-nhân vì đâu có gió? Chứ không phải hỏi đặc-tính của gió, ảnh-hưởng của gió gây ra như thế nào?

Người Trung-Hoa nói "*minh-nguyệt*" khác với "*nguyệt minh*". Minh vừa là hình-dung chỉ-định-từ (minh-nguyệt) vừa là động-từ (nguyệt minh).

Để tránh sự trùng-điệp này, ta phân-biệt trắng sáng (minh-nguyệt) với trắng chiếu sáng hay tỏa sáng hoặc trắng soi-sáng (nguyệt minh). Đôi khi ta nói "trời sáng trăng"; trường-hợp này, hình-dung-từ "sáng" chỉ-định cho danh-từ trời: trời sáng vì có trăng. Khi nói theo Hán-văn ta viết là "cổ-văn, kim-văn" và "thôn-dân" nhưng nói theo tiếng Việt thuần nôm là: "lối văn cũ, văn xưa" "văn mới" và "dân quê" hay "dân làng".

Nói sao viết vậy, tiếng Việt đã hợp-lý, lại thêm cú-pháp tự-nhiên, nét đặc-thù này càng tỏ rõ hơn nữa tính-cách hợp-lý của ngôn-ngữ Việt.

* * *

Để kết-luận chương này, chúng tôi muốn nêu lên một nét đặc-thù của ngôn-ngữ Việt: ***lối thuận-ngịch-độc***.

Câu văn viết xuôi hay đọc ngược đều có nghĩa cả. Sau đây xin đan-cử hai bài thơ chúng tôi làm theo lối này: bài Vọng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Xuân Thanh-Bình, thơ Đường-Luật thất ngôn bát cú, và bài Vọng Cỗ-Hương, thơ lục bát độc-vận liên hoàn.

1- Vọng Xuân Thanh-Bình

(thất ngôn bát cú thuận-nghịch-độc)

(bài đọc xuôi)

Đông tàn, đã thắm rộ đào, mai,
Tết chúc mừng: vinh, phúc, lộc, tài.
Sông núi rộn reo hò chốn chốn,
Thị-thành vang hát xướng nơi nơi.
Mong chờ, vẫn biển ngàn ngăn cách,
Đợi ngóng, hăng năm tháng miệt-mài.
Lòng héo úa thêm chông-chất tuổi,
Nông, sâu, đục nước, chuyện cùng ai?

(bài đọc ngược)

Ai cùng chuyện nước, đục, nông sâu?
Tuổi chắt-chông thêm héo úa lòng,
Mài-miệt tháng năm hăng ngóng đợi,
Cách ngăn ngàn biển vẫn chờ mong:
Nơi nơi xướng hát vang thành-thị,
Chốn chốn hò reo rộn núi sông.
Tài, lộc, phúc, vinh, mừng chúc Tết,
Mai, đào rộ thắm, đã tàn Đông!

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

2- Vọng Cố Hương

(lục bát liên-hoàn thuận-ngịch-độc)

(đọc xuôi)

Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
Mông-mênh vàng thắm núi sông, buôn, làng.
Đồng nương nhuộm nắng chang chang,
Làng, buôn, sông núi thắm vàng mênh-mông.

(đọc ngược)

Trông vời tổ-quốc Tiên Rồng,
Bồng-bềnh mong nhớ nặng lòng sao đong?
Rồng Tiên quốc tổ vời trông,
Đong sao lòng nặng nhớ mong bềnh-bồng?

(*liên-hoàn*)

Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
Mông-mênh vàng thắm núi sông, buôn, làng.
Đồng nương nhuộm nắng chang chang,
Làng, buôn, sông núi thắm vàng mênh-mông.
v...v... (1)

Trong rất nhiều trường-hợp, không phải chỉ đọc ngược, nhưng nếu xáo-trộn, đảo-lộn vị-trí các từ, các thành-phần

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

của câu, câu vẫn vẫn có nghĩa. Câu sau đây có thể biến- đổi thành rất nhiều câu khác nhau vẫn gồm bằng ấy từ của câu văn gốc: Ví dụ:

Vào đông tới nơi, gió xô-xao gọi lá vàng, rủ nhau trốn rét.

Câu văn sẽ biến đổi thành:

Vào đông tới nơi, lá vàng xô-xao gọi gió, rủ nhau trốn rét.
Vào đông tới nơi, lá vàng gọi gió xô-xao, rủ nhau trốn rét.
Vào đông tới nơi, gió gọi lá vàng xô-xao, rủ nhau trốn rét.
Vào đông tới nơi, xô-xao gió gọi lá vàng, rủ nhau trốn rét
Vào đông tới nơi, xô-xao lá vàng gọi gió, rủ nhau trốn rét
Vào đông, rét tới nơi, gió xô-xao gọi lá vàng, rủ nhau trốn.
Vào đông, rét tới nơi, lá vàng xô-xao gọi gió, rủ nhau trốn.
Vào đông, rét tới nơi, lá vàng gọi gió xô-xao, rủ nhau trốn.
Vào đông, rét tới nơi, gió gọi lá vàng xô-xao, rủ nhau trốn.
Vào đông, rét tới nơi, xô-xao lá vàng gọi gió, rủ nhau trốn.
Vào đông, rét tới nơi, xô-xao gió gọi lá vàng, rủ nhau trốn.
Đông vào tới nơi, gió xô-xao gọi lá vàng, rủ nhau trốn rét.
Đông vào tới nơi, lá vàng xô-xao gọi gió, rủ nhau trốn rét.
Đông vào tới nơi, lá vàng gọi gió xô-xao, rủ nhau trốn rét.
Đông vào tới nơi, gió gọi lá vàng xô-xao, rủ nhau trốn rét.

Ráp thành thơ lục bát:

- *Cách 1:*

Tới nơi, Đông gọi gió vào,
Rủ nhau trốn rét, xô-xao lá vàng.

- *Cách 2:*

Lá vàng gọi gió xô-xao,
Rủ nhau trốn rét, Đông vào tới nơi. (2)

Với lối giáo-dục cấp-tiến (progressive education) hiện nay mà các sinh-hoạt (school activities) là chủ-yếu, chúng tôi đã

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

áp-dụng đặc-tính này để cho học-sinh các lớp Việt-ngữ vừa chơi vừa học, sự tiến-bộ trông thấy rõ-ràng.

Đặc-tính này chính là nhờ tiếng Việt có cấu-trúc đơn-âm và cú-pháp tự-nhiên, ngữ-pháp giản-dị với những tình-lược các liên-lạc-từ. Chính đặc-tính hiện-đại này đã chứng-minh rằng tiếng Việt quả phong-phú như sẽ đề-cập ở các chương kế-tiếp.

(1) Độc-giả có thể tham-khảo thêm các bài khác trong thi-tập Về Nguồn của tác-giả (Riêng hai bài này không in trong thi-tập), và trong bài "Thơ Đường-Luật, biến-thể và biến-dạng" nơi trang mạng sau đây:

<http://doquangvinhvenguan.com/saacutech-v7873-nqu7891n.html>

http://doquangvinhvenguan.com/uploads/3/5/3/0/3530842/tho_duong_luat_newest.pdf

(2) Cước-chú: xem: Đỗ Quang-Vinh, Ca-Dao Đố Vui Học Tiếng Việt (Toronto, 1996) & Lục Bát Đố Vui Học Tiếng Việt (Toronto, 2005).



Chương 2

TIẾNG VIỆT GIÀU TỬ

Với tính khoa-học và hiện-đại nói trên, chúng ta quả-quyết rằng học tiếng Việt để biết đọc, biết viết, chẳng khó không lâu. Với chữ quốc-ngữ này, các giáo-sĩ Âu-Châu đầu tiên đã giúp những người đồng-sự và kế-tiếp họ sớm thích-nghi với tiếng Việt, mau lẹ đi vào sự truyền-thông và giao-cảm với người Việt, giúp họ mau chóng bành-trướng việc truyền-bá giáo-lý, cũng như mau lẹ đào-tạo được các chủng-sinh làm quen dễ-dàng với cổ-ngữ La-tinh, những người xưa nay thường chỉ biết Hán-tự, chữ Nôm và hoàn-toàn xa lạ với một văn-tự mới ra đời. Và với chữ quốc-ngữ này, chỉ trong vài thập-niên đầu của thế-kỷ, văn-học Việt-Nam đã phát-triển mạnh-mẽ với những tác-phẩm phong-phú đủ loại cùng với các nhà văn học-giả đầu tiên như Paulus Huỳnh-Tĩnh-Của, Petrus Trương Vĩnh-Ký, Nguyễn Văn-Vinh v.v... (về sự hình thành của chữ Quốc-Ngữ, xin xem phần cước-chú số 2 & 2bis trong bài: VINH DANH TRƯƠNG-VĨNH-KÝ (1837-1898), MỘT NHÀ VĂN-HOÁ LỚN, MỘT NHÀ BÁC-NGỮ-HỌC LỖI-LẠC)

=>http://petruskylhp.org/petrus_ky_update_viet_newest.pdf
=><http://doquangvinhvenguan.com/bagravei-vi7871t--literature-articles.html> [*bài Trương Vĩnh Ký (1837-1898)*]

Ấy là còn bị khống-chế bởi sự khuyến-kích hầu như bắt buộc việc học chữ Pháp; vậy mà trong vòng chưa đầy một thế-kỷ, chữ quốc-ngữ đã đưa nền văn-học Việt-Nam lên đài vinh-quang chói-lọi với các nhóm Đông-Dương Tạp-Chí, Nam-Phong Tạp-Chí, Phụ-Nữ Tân-Văn, Tri-Tân Tạp-Chí, Tự-Lực Văn-Đoàn v.v... Sự tiến-bộ mau lẹ rất đáng khích-lệ ấy chứng-tỏ tính-cách phong-phú của tiếng Việt.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Phong-phú vì giàu từ, giàu từ, lại không ngừng sáng-tạo phát-triển.

Cho đến nay thì quả đã rõ-rệt tiếng Việt có thừa khả-năng chu-toàn chức-năng chuyển-ngữ, tiếng Việt đã đi vào tất cả mọi ngành của học-thuật và hơn hết, tiếng Việt vẫn luôn luôn hàm-súc mọi khía cạnh của cuộc sống con người, của lịch-sử Việt-Nam mền yều.

Tiếng Việt rất súc-tích. Ý tứ phong-phú nhờ lối diễn-tả qua những **biểu-từ** tả-chân cụ-thể, hoặc những tiếng đồng-âm khác nghĩa mà chỉ cần đổi giọng, cách nói, nghĩa cũng biến-thiên ra nhiều ý khác nhau, lại thêm kho từ-ngữ Hán-Việt mà bản-chất chữ Hán vốn đã thâm-thúy hàm-súc và những từ-hoa rất thông-dụng khiến cho ngôn-ngữ trở nên như một thứ ngôn-ngữ ám-chỉ, ý tứ bóng-bày, khêu gợi bàng-bạc, sâu-xa.

I- NHỮNG BIỂU-TỪ KHẢ-XÚC

Tiếng Việt là một kho-tàng những biểu-từ (*mots expressifs*) gây cho kẻ đọc người nghe một ấn-tượng rõ-ràng sâu-sắc. Sẵn dồi-dào tưởng-tượng, vốn giàu tình đa-cảm, với tâm-hồn mộc-mạc đơn-giản, với óc sáng-tạo tự-nhiên, người dân Việt thấy sao nói vậy, nhận-xét thế nào thì diễn-tả thế ấy. Với trực-giác bén nhạy, cảm-quan nhận-thức thẳng sự-khiên họ đã sáng-tạo ngay những từ trung-thực thích-úng, đó là những *tiếng tượng-thanh, tượng-hình và cảm-từ*, nói chung đó là những *biểu-từ*.

1- Đó là những tiếng tượng-thanh, tượng-hình, gợi cảm.

Chỉ một vài từ, không cần phải giải nghĩa dài dòng - mà thực cũng khó giảng cho tận-tình hết ý - người nghe

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

hình-dung, tưởng-tượng, cảm-ứng trọn- vẹn hình-ảnh, âm-thanh và cảm-tình được mô-tả.

- *"Giọng hát cao vút. Tiếng sáo vi-vu. Núi cao vòi-vọi. Tháp vươn chót-vót. Nổi buồn rười-rượi. Niềm yêu da-diết v.v..."*

Thiết nghĩ khi dịch ra tiếng nước ngoài, khó có một từ nào, nếu không nói là bất-lực, để lột cho hết ý, hết tình những tiếng tượng-thanh "vun-vút, vi-vu" hay những tiếng tượng-hình "vòi-vọi, chót-vót" và những cảm-từ "da-diết, rười-rượi".

"Khi cao vút tận mây mờ,
Khi gần vắt-vẻo bên bờ cây xanh.
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như ngọc-nữ uốn mình trong không."
(Thế-Lữ)

Xét về từ "vút" chẳng hạn. Âm-thanh phát ra với âm-hưởng kéo dài khi đôi môi chúm lại tạo-thành một âm sắc nhọn đi lên tới tột cùng, bắt kẻ nói người nghe tưởng-tượng ngay ra hướng phóng lên vô-tận, cái vô-tận mênh-mông không sao thấy nổi. Đến như trạng-từ "vắt-vẻo", nếu thay bằng cao-ngạo, kiêu-kỳ, ta vẫn không hình-dung được nét đặc-thù của thể ngồi với cử-chỉ và thái-độ đặc-biệt, mặc dầu đúng đó là vẻ kiêu-kỳ, cao-ngạo. Cho nên ngay như giải-thích ra bằng chính ngôn-ngữ Việt, sự giải-thích trở thành một đoạn miêu-tả dài dòng mà vẫn chưa cụ-thể hết ý. Cái thể ngồi ấy cao chênh-vênh; cái cử-chỉ ấy ngất-ngự, đơng-đưa, lúc-lắc; thái-độ ấy khinh-khỉnh ngạo-nghe. Ta có thể hình-dung ra bộ mặt vênh-váo, ánh mắt lờm liếc, cái miệng nguyệt đưa sẵn-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

sàng để nói dẻo-dọt. Cái thể ngòi bắt chéo chân ấy, bắt ta hình-dung một bà Phán Lợi trong "Đoạn Tuyệt" hay một bà Án trong "Nửa Chừng Xuân" với thái độ "khinh-bạc ngòi vắt-vẻo trên xe nhà lướt qua". Tả tiếng nhạc cao-sang, véo-von, len-lỏi trong rặng cây xanh, lá cành đong-đưa rung-rinh theo gió mà bắt ta hình-dung cái thể ngòi "vắt-vẻo" thì tuy tượng-thanh song không gì gợi hình hơn!

- Khi ta viết: *Mưa lộp-độp trên mái ngói, lẹt-đẹt trên sân gạch, gõ lũng-tùng vào mái tôn, rỏ tí-tách dưới mái hiên, rơi long-tong vào bể nước, chảy ồ-ồ từ cống rãnh tuôn ra, đổ ào-ào như thác lũ.*

Thiển nghĩ, dù có cố-gắng chuyển-ngữ đến mấy, cũng khó kiếm được những từ chuẩn-xác, lột hết được mọi trạng-thái mưa rơi nói trên cho thật chính-xác và trung-thực. Từ thính-quan nhạy cảm, người nghe nhận xét rất tinh-tế từng loại tiếng động khác nhau rồi lợi-dụng cách phát-âm đặc-biệt khi đẩy lưỡi, uốn môi, phối-hợp với cung giọng trầm bổng của các dấu, để ký-âm mỗi loại tiếng động, tạo ra những tiếng tượng-thanh, diễn-tả cụ-thể mỗi trường-hợp mưa rơi mà chẳng trường-hợp nào giống trường-hợp nào.

- Cũng là màu đen, song nếu xấu thì nói đen sì, đen thui, đen đũi; đẹp thì có đen rung-rức như hàm răng hạt huyền, hay ngăm-ngăm như nước da bánh mật, đen như vậy là đen giòn: đen đẹp. Trắng cũng có cái đẹp cái xấu: đẹp thì nói trắng muốt, trắng nõn, trắng ngần, trắng phau, trắng xóa, trắng tinh, trắng toát; xấu thì trắng bệch, trắng phếu; như tả sự đời bất công trớ-trêu, ca-dao nói rằng:

"Những người má đỏ hồng hồng,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Răng đen rưng-rức thì chổng chảng yêu.
Những người mặt lọ như niêu,
Hàm răng trắng phếu, chổng yêu hững-hờ."
(Ca-Đạo)

Tả lúc Kim-Trọng ra về sau phút trò chuyện với Vương-Quan trong buổi đi "thanh-minh" tình cờ gặp chị em Kiều, Nguyễn-Du viết:

"Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo."

Bóng chiều lảng-vàng. Chiều lên dần dần. Về chảng nữa, ở chảng tiện. Buồn dằng nao-nao. Chàng đã lên ngựa ra về mà người ở lại vẫn còn đưa mắt nhìn theo. Nếu bảo rằng ghé theo là trông theo, vẫn chưa đủ ý. Động-từ "nghe" còn mô-tả dáng-dấp lấp-ló, cử-chỉ rụt-rè, e-lệ của người vẫn còn đứng "nép vào dưới hoa" ló mặt ra ngoài đưa mắt nhìn theo quyến-luyến.

2- Vận-dụng cách phát-âm và sử-dụng dấu để hình-thành.

Như trên đã nói, vận-dụng tối-đa môi miệng, tiếng Việt có rất nhiều âm đặc-biệt, cộng thêm năm dấu giọng sáu cung bậc để hình-thành các biểu-từ nói trên.

- **Chẳng hạn những vần "oe, oa"** khi phát-âm, miệng chúm tròn rồi mở rộng ra cho âm-thanh phát hết ra ngoài, đã được dùng để cấu-tạo nên những biểu-từ gợi ý-tưởng tỏa rộng, mở ra, như các tiếng tượng-hình trong những câu văn sau đây:
Đầu tóc lò-xoà.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Áo quần loè-loẹt.
Miệng cười toe-toét.
Nói-năng ba-hoa.

- **Hoặc trái lại những vần "iu, iêu"** khi đọc phải giữ cho miệng chum lại và phát-âm ra nhẹ-nhàng nhỏ đi như còn giữ trong cổ họng, gợi nên ý-tưởng khép lại, đã được dùng để hình-thành những cảm-từ, những tiếng tượng-thanh diễn-tả cảm-giác nhẹ-nhóm dịu-dàng, êm-ái, như trong câu:

Thôn xóm đìu-hiu. Mái tranh tiêu-điều. Ngồi bên người yêu. Gió chiều hiu-hiu nhẹ hôn trên mái tóc, nàng cảm thấy lòng mình ấm lại như được trìu mến nâng niu.

- Một câu khác:

Làm việc mệt nhoài, chân tay bải-hoải, nên người uể-oải, vừa ra khỏi cửa, chàng ngã sóng-soài trên lối đi.

Âm "oai", khi đọc, miệng cũng chum tròn lại rồi mở rộng ra hai bên cho âm-thanh phát hết ra ngoài nhưng vẫn kéo dài, rõ ra cái giọng mệt-mỏi, tàn-lụi, yếu dần. Cho nên những từ như "mệt nhoài, uể-oải, bải-hoải, sóng-soài" là những tiếng cực-tả được cảm-giác mệt-mỏi rã-rời và hình-ảnh nằm dài thẳng căng như đo đất.

Trong câu thơ tả trắng sau đây:

"Trắng nằm sóng-soài trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả-lơi."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(Hàn Mặc Tử)

"Sóng-soài" đi kèm theo với "lả-lơi" khiến câu thơ có sức gợi hình gợi cảm và thực quuyền-rũ vô cùng.

"Những luồng run-rẩy rung-rinh lá"

Những biểu-từ "run-rẩy, rung-rinh" hết sức gợi hình do cách sử-dụng phụ-âm và mẫu-âm. Phụ âm R bắt phải cong và rung đầu lưỡi cho ta hình-dung ngay ra dao-động của lá cây, hình như cũng đang chia sẻ cái giá rét mà run lấy-bấy. Âm "un, ây" trong động-từ "run-rẩy" được thêm dấu trắc-thanh (dấu hỏi) có giọng đọc mạnh và khắc-khổ hơn cho ta nhìn thấy lá cây chợt rung-động mạnh khi luồng gió ủa tới len-lỏi qua cành cây kẽ lá. Rồi từ âm "ung" sang âm "inh", môi đang chúm lại, chợt khể mở dài sang hai bên mép, phát âm nhịp-nhàng như cử động nhịp-nhàng của nhánh lá nhẹ-nhàng dập-dềnh lên xuống. Khi bắt gặp luồng gió lạnh ào tới, lá cây như bị xô đẩy, bỗng rung-chuyển mạnh, run-rẩy co-ro vì rét buốt, rồi lẳng theo luồng gió tàn-lụi đã đi qua, rung-động cũng dịu đi, chỉ còn là rung-rinh nhịp-nhàng dao-động, là dư-hưởng còn lại của run-rẩy ban đầu. Run-rẩy là khởi-điểm, rung-rinh là dư-ba của dao-động. Liên một hơi bốn từ, đầu lưỡi cuộn rung liên-tiếp, thanh phát ra nghe rộn-rã và như thấy được cái lập-cập lấy-bấy vì rét cóng. Gợi thanh mà lại tượng-hình. Nhất là bốn từ này đặt liền sau tiếng "những luồng" làm như để bổ-túc cho danh-từ "những luồng" chứ không phải cho "lá". Chính ra là những luồng gió lạnh đến làm lá cây run-rẩy rung-rinh. Nhưng ta có cảm-tưởng như những luồng gió run-rẩy, cái run-rẩy không phải do một luồng mà là những luồng gió. Cũng không phải do cơn gió, nhưng do luồng gió. Âm "ơn" đọc suông-sẻ nhẹ-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

nhàng. Âm "uông" bắt uốn miệng chúm môi rồi mở rộng, phát-âm khắc-khổ, khó-khăn, lại gieo trầm-bình-thanh như đang từ trên cao chợt đổ xuống nghe ra thấy mạnh mẽ vô-cùng. Cho nên "cơn gió" nghe ra vẫn êm-dịu nhẹ-nhàng: một cơn gió chiều thoảng qua. "Những luồng gió" thì ào-ạt ủa tới, như có bao nhiêu sức gió ở đâu đuổi nhau xô-lấn chạy vào. Tuy "cơn gió" mạnh hơn "làn gió", song dẫu sao so với "luồng gió" thì "cơn gió" vẫn còn thênh-thang tàn-mát, đi lang-thang và đến như khách nhàn-du, "luồng gió" thì sắp hàng nối đuôi nhau theo một đường dẫn tới như bọn người ào-ạt tràn đến tấn-công.

Cấu-trúc của các biểu-từ trên, tượng-thanh, gợi hình được vì sử-dụng đặc-cách các phụ-âm và mẫu-âm thích-hợp, bắt vận-dụng thích-nghi lười và môi miệng cũng như gieo "nốt" nhạc cho từ.

3- Những tiếng ấy do cảm-xúc tự-nhiên mà cấu-tạo nên

- Những biểu-từ ấy không hẳn là do người có học đặt ra, mà ngay cả những người bình-dân ít học, nói chung bất cứ ai, những con người có cảm-xúc biết rung-động trước cảnh-vật, tình-huống đều có thể đem con tim ra nói chuyện, họ xúc-cảnh sinh tình mà tự thốt ra những sáng-tác mới, những từ-ngữ tả chân rất tự-nhiên, rất chuẩn-xác, rất súc-tích, gợi hình, tượng-thanh, gợi-cảm.

“Nhớ ai bồi-hối bồi-hồi,
Như đứng đồng lửa, như ngồi đồng than.”
(Ca-Dao)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Với những tiếng "bồi-hối, bồi-hồi", ta mừng-tượng được nỗi sốt ruột mong ngóng đứng ngồi không yên, lòng cồn-cào thỗn-thức (bồi-hối) một tâm-trạng chắt-chồng những nhớ-nhung ngóng-đợi, dùng-dăng theo đi (bồi) trở lại (hồi) như vương-vấn không nguôi. (*)

(*) **Cước-chú:** **Bồi** là đắp thêm vào. Trong bài Vịnh Bức Dư-Đồ Rách, Tản Đà nhìn cảnh đất nước do bao công lao tổ tiên gây dựng, nay con cháu coi thường không biết trân trọng chẳng lo gìn giữ để cho tan hoang đổ nát, khác nào như nhìn tấm bản đồ Việt Nam còn lại nay đã rách nát tả tơi, tác giả than thở, tự an ủi:

“ Nọ bức dư đồ thử đứng coi
Sông sông núi núi khéo bia cười!
Biết bao lúc mới công vờn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả tơi?
Ấy trước ông cha mua để lại
Mà sau con cháu lấy làm chơi
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ
Thôi để rồi ta sẽ liệu **bồi**.”

(*Khối tình con thứ ba*, Tản Đà thư cục tùng thư, 1932)

Hồi là trở lại. Ném đi (bồi), thày lại (hồi), cứ thế dằng dai không dứt, Hán Việt Từ-Điển giải thích, bồi-hồi (徘徊):

** ấy là bồn chồn, bứt rứt không yên.*

“Tọa ngọa bồi hồi, tự triều chí ư nhật trắc, doanh doanh vọng đoán, tịnh vong cơ khát = Ngồi nằm bứt rứt không yên, từ sáng tới lúc mặt trời xế bóng, ngấp nghé nhìn ngóng, quên cả đói khát”

** ấy là cõi lòng tan tác, rụng-rời, buồn bã, ngẩn ngơ:*

“Bồi hồi phủ ngưỡng bi phù sinh = Buồn bã ngẩn ngơ, ngẩng lên cúi xuống, thương kiếp phù sinh.”

Còn **nóng hồi** là còn nóng lắm. Có lẽ để chị sự nóng này, bồn-chồn, người ta thêm tiếng láy “bồi-hối” vào từ Hán-Việt “bồi-hồi” cho thêm mạnh nghĩa?

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Câu ca-dao sau đây:

“Con đã bảo mẹ rằng đừng,
Mẹ hăm, mẹ hứ, mẹ bưng ngay vào.”

Rõ ràng biểu-từ “hăm, hứ” là những ký âm của tiếng nói tự-nhiên.

Cũng vậy, "ngấm-nguýt, ngúng-nguẩy, nguây-nguẩy". Cả ba đều là những tiếng tượng-hình, song mỗi tiếng tả mỗi cử-chỉ riêng-biệt, mỗi thái-độ khác nhau vẽ ra ba hình-ảnh với những cảm-nghĩ khác nhau.

"Ngấm-nguýt" tả thái-độ dè-bĩu, không ưa, chẳng ưng, muốn chê-bai nhưng không nói ra lời, ra lườm vào nguýt, bĩu môi, chỉ trỏ, chép miệng thở dài.

Còn "ngúng-nguẩy" cho ta hình-dung cái dáng đi đồng-đánh, le-te, hai tay ve-vẩy, cái đầu lúc-lắc, nhưng nét mặt tươi rói; ra vẻ không bằng lòng vừa ý, chẳng ưng-thuận tán-đồng song kỳ thực trong bụng nếu không như mở cờ thì mười phần cũng kể như xong tám chín; cái thái-độ làm cao mà lại không kiêu-kỳ nhưng làm ra duyên-dáng dễ thương; cũng như ngoài miệng nói "em chả, em chả!" lắc đầu đay-đấy, nhưng cái giọng làm nũng làm eo lại tố-cáo rằng "em chịu, em ưng".

“Cô gái nhà ai tuổi chín lăm,
Đôi má hom-hem lại lẹm cằm,
Bố mẹ gả chồng còn ngúng-nguẩy,
Rằng: con thơ-ấu chứa đầy trăng.”
(Ca-Dao)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cũng có khi là một thái-độ từ chối quyết-liệt, vì hờn vì giận, vì thực bụng không ưa, nên cun-cút bỏ đi, hay lắc đầu lia-lịa. Đây là "nguyên-nguyên".

"Cô ấy khó tính quá! mời ở lại nhưng cứ nguyên-nguyên".

Hoặc:

"Chẳng hiểu có điều gì phật ý mà chẳng nói chẳng rằng, cô ấy cứ nguyên-nguyên bỏ đi".

Cũng là tiếng khóc, song tiếng khóc khi thì sục-sịt thút-thít, lúc lại rưng-rức, nức-nở. Cũng là tiếng sóng nước khuê động, song sóng biển thì vỗ dạt-dào, mà trên sông thì sóng vỗ ò-òp, trong khi mái chèo khuê bì-bõm. "Dạt-dào" vì sóng biển từ ngoài khơi đui nhau xô mạnh, ào tràn lên bãi cát thoai-thoải mênh-mông. "Ò-òp" vì trên kênh rạch sông hồ, sóng nhỏ va vào bờ dốc đứng, vội dội ngay, chạy ra mặt nước chẳng lấy gì làm bát-ngát mênh-mông, tiếng dội nghe đục, thông-thả, ngăn-ngủi như tiếng rút chân lên khỏi vũng bùn sâu, chứ không âm-vang dàn trải như sóng đại-dương hùng-hổ xông lên bãi cát. "Bì-bõm" vì rời-rạc, chậm-rãi, đều đều như tiếng lội nước mò lươn bắt cá đêm khuya. Đó là những đặc-từ biểu-hiện hình-ảnh, âm-thanh và cảm-xúc riêng. Rõ là mỗi thứ mỗi khác, có nét riêng-biệt, phải có cảm-xúc mới tưởng-tượng ra được. Lỗi phát-âm hợp với cách sắp-xếp cung giọng đã lột hết được tình-trạng riêng của mỗi âm-thanh họ ghi nhận và cảm-xúc.

* Nói bông hoa nở toét, hình như chưa vừa ý, người bình-dân Việt-Nam còn bồi thêm một biểu-từ làm trạng-từ để nhấn mạnh: nở toét tòi-loe. Chỉ đường cho ta đi, người

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

miền Nam nói rất tự-nhiên: "cứ đi thẳng bằng, hông quẹo đầu hết. Cứ đi, đi hoài, đi miết...". Âm "bằng" phát ra nhanh gọn, ngắn, cứng-rắn như một đường dao vạt chém, như một cái gạt tay phác nhanh cho ta hình-dung sợi dây bị kéo thật căng cho thẳng tắp. Người miền Bắc nói là "rẽ", tiếng "quẹo" của miền Nam lúc đọc muốn treo cả quai hàm cực-tả được khúc quanh, nghe gợi hình hơn là "rẽ". Những từ "hoài, miết", như trên đã đề-cập về âm "oai", có âm giọng kéo dài lê-thê, cực-tả được con đường dài xa thẳm, một hành-trình dài miên-man không biết dứt khi nào.

* Muốn diễn ý "hết rồi" "chẳng còn gì nữa", nói "hết sạch" vẫn chưa thấy đủ ý, người miền Bắc nói thêm "tắt tận-tật", "hết sạch sành-sanh."

"Sạch-sành-sanh, vét cho đầy túi tham."
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Người miền Nam nói "hông còn gì, hết trơn hết trọi". "Sạch sành-sanh" hay "hết trơn hết trọi" tuy một đặng có âm giọng quyết-liệt rần-rỏi một đặng có âm giọng dịu-dàng dễ thương song cả hai đều hết sức gợi hình.

* Nổi-niềm tê-tái xót-xa. Tại sao không là sót-sa vì phụ-âm x bật ra tiếng gió trái hẳn với phụ-âm s đọc cong lưỡi không tượng-thanh, không ghi đúng được tiếng kêu xuyết-xoa đau buốt khi bị chà muối vào chỗ đứt tay chảy máu.

*Gió đùa xôn-xao trong khóm trúc. Dư-luận xôn-xao
đờn thổi. Những lời bàn-tán xì-xào. Tiếng gà xao-xác
gáy. Tiếng lá rơi xào-xạc.*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Xôn-xao, xì-xào, xao-xác, xào-xạc", các câu văn này tương-tự nhau, cùng vận-dụng phụ-âm x phát ra tiếng gió qua kẽ răng cửa, chỉ thay dấu đổi âm mà tượng-thanh được mỗi tiếng với mỗi sắc-thái riêng.

- *Trên con đường gồ-gề, khúc-khuyết, quanh-co, ngoằn-ngoè, tôi leo-đèo theo sau người anh họ; bỗng trước mặt chúng tôi, hai người lực-lưỡng đang vật nhau huỳnh-huych, kẻ được thì mặt mũi đỏ gay, người thua thì quẫn-quại nhăn-nhó".*

Câu trên đây tả-chân đặc-biệt nhờ các biểu-từ tượng-hình, tượng-thanh mang những âm và thanh khổ-độc hoặc hình-dung ra được cái trắc-trở khó-khăn của lộ-trình, cái đau-đớn lẫn-lóc của kẻ chiến-bại, hoặc ghi lại được rõ-ràng những tiếng động nặng trịch, vật từ trên cao ném xuống.

* Tả chiếc xe bò lăn trên đường đá, người Bắc nói "chiếc xe bò gồ **lộc-cộc** trên đường đá". Tả chiếc xe đồ cũ-kỹ, người bình-dân miền Nam nói: "Mèng đéc ơi! cái xe chạy **cà-rịch cà-tang** báo hại tôi suốt dọc đường." Cũng như "lộc-cộc" là tiếng tượng-thanh, "cà-rịch cà-tang" đem phân-tách ra từng tiếng, tự nó chẳng có nghĩa chi, song ghép lại nó là mô phỏng những tiếng động của một chiếc xe chạy đã về già sắp bị phế-thải.

Đây chính là một sáng-tác tự-nhiên của quần-chúng do họ tức-cảnh mà tạo nên, một sáng-tác do kinh-nghiệm trực-giác nảy sinh. Đây chính là những ngôn-ngữ của cảm-xúc, của rung-động và truyền-cảm. Đây chính là sự ghi lại một cách tài-tình những nhận-xét cực-kỳ tinh-tế. Phải tinh-tế mới có thể phân-biệt tỉ-mỉ rành-rẽ đến như vậy. Nhìn sự vật làm

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

sao, nghĩ làm sao, cảm thấy thế nào, tự-nhiên môi miệng và cung giọng mô-phỏng ngay để diễn-tả trạng-thái của sự-vật, tình-huống mà phát ra âm, tạo ra từ, nói lên tiếng.

Ngôn-ngữ là thể-hiện tư-tưởng và tình-tự dân-tộc. Dân-tộc Việt lại vốn đa-cảm giàu tình, dễ xúc-động, và dồi-dào tưởng-tượng, nhưng rất thực-tế, có óc sáng-tạo họ đã đem trực-giác bén nhạy phối-hợp với âm giọng của tiếng nói, họ dùng ngôn-ngữ để ghi ngay những nhận-xét và cảm-xúc của mình một cách tự-nhiên trung-thực. Những từ-ngữ ghi nhận các ấn-tượng ấy nhan-nhản đầy-dẫy trong văn-chương làm cho tiếng Việt mỗi ngày mỗi thêm phong-phú.

II- NHỮNG TIẾNG ĐA NGHĨA

Sự phong-phú ấy còn được thấy qua những tiếng đồng-âm, những kiểu nói một lời hai nghĩa, những tiếng mà qua cách diễn-tả gợi ra nhiều ngụ-ý khác nhau hoặc là do ở giọng nói điệu văn, hoặc là do cách sắp-xếp vị-trí của từ trong câu và do sự phối-hợp tổng-thể các từ trong câu, nghĩa là tùy theo mạch văn mà ý-nghĩa biến-đổi.

1- Những tiếng đồng âm

Ta hãy đan-cử một vài ví-dụ:

1.1- Cũng một tiếng "qua", người bình-dân miền Nam đã cho thấy sự mộc-mạc chất-phác của họ. Đi về miền An-giang nghe mẩu đối-thoại vui sau đây của người dân quê mới thấy thật là ngộ-nghĩnh dễ thương, ngôn-ngữ của họ giản-dị như chính tâm-hồn họ vốn chất-phác. Gặp ông bạn đến chơi đột-ngột, chủ-nhân mừng rồi-rít:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Ý mềng ơi! qua qua đây mà qua hồng cho qua hay!
Hôm rày qua nói qua qua mà sao qua hồng qua?

Ông bạn khác đang đánh cờ ngồi đó cũng xen vô:

- *Hãy! qua nói hồng qua rồi qua lại qua. Qua mong qua quá chời!*

- *Bởi yây (vậy)! qua tính hồng qua, nhưng nợ qua yán (ván) cờ nên qua phải qua.*

Tiếng "qua" trên đây vừa là động-từ "qua chơi" vừa là nhân-xưng đại-danh-từ chỉ ngôi thứ nhất và cả ngôi thứ hai nói bằng giọng thân-tình giữa những người bạn thiết.

Ngôn-ngữ trên đây quả thật khôi-hài nhưng chan-chứa tình-tự dân-tộc. Nó đơn-sơ hồn-nhiên mà đậm-đà thắm-thía. Phải sống với họ, phải nghe chính họ nói, phải trông thấy chính họ tay bắt mặt mừng cười hết cả miệng mới thấy cái phong-phú của thứ ngôn-ngữ dễ-dãi, nòng-nàn này.

1.2- Ý-nghĩa khác trong tiếng đồng-âm lại càng nổi bật khi được phối-hợp với cách sử-dụng từ-hoa.

Chẳng hạn:

“Bà già đi chợ Cầu Đông,
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?
Thầy bói gieo quẻ nói rằng:
‘Lợi thì có lợi, nhưng rằng không còn.’ ”
(Ca-Dao)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Lợi" khi là hình-dung chỉ-định-từ nghĩa là có ích, ngụ một lời khuyên nên làm vì đó là việc tốt, việc có ích lợi. Nhưng khi là danh-từ thì nghĩa lại khác hẳn, là nướu răng. Suốt ba câu đầu, ý-tứ thật nghiêm-chỉnh. Sang đến câu thứ tư phải chờ đến bốn tiếng chót người ta mới sừng-sốt về ý-tứ nghịch lại. Tiếng đồng-âm ở đây phối-hợp với lối bốn chữ khiến cho ngôn-ngữ đượm vẻ dí-dỏm và sâu-sắc cay-độc.

- Hoặc giả "Non" vừa là một danh-từ có nghĩa là núi vừa là tính-từ có nghĩa là còn trẻ:

“Trăng bao nhiêu tuổi trăng già,
Núi bao nhiêu tuổi mới là núi non?”

Cũng thế, Nguyễn-Khuyến mở đầu bài "Lên Núi An-Lão" bằng hai câu để sử-dụng tiếng đồng-âm phối-hợp với lối bốn chữ như sau:

“Mặt nước mênh-mông nổi một hòn,
Tiếng già nhưng núi vẫn là non.”
(Nguyễn Khuyến, *Lên núi An-Lão*)

Núi An-Lão là một ngọn núi trọc lâu đời thuộc huyện Bình-Lục tỉnh Hà-Nam. Thấy núi trọc không cây cối thì quả là núi già, nhưng vì núi còn gọi là non, thì ai bảo là núi già; núi vẫn còn trẻ. Mượn cảnh để tự-trào, sánh mình với núi An-Lão, tác giả tự-hào tuổi đã cao, song "ai dám bảo ta già khi chí ta còn kiên-cường trẻ-trung?" Cho nên kết bài, cụ Tam-Nguyên đã hạ hai câu:

“Tiếng già, già chưa hơn ta nhì!
Chống gậy mà lên gối chữa chồn”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(Nguyễn Khuyến, *Lên núi An-Lão*)

• Một ví dụ khác nữa, "rắn" là cứng, mà còn là cứng-cỏi bướng-bỉnh. Đến đây xin mở thêm dấu ngoặc: vật thì cứng-rắn, thân-thể thì cứng-cát mà tính-nết thì cứng-cỏi. Cho nên có thành ngữ "rắn-đầu" đồng nghĩa với "cứng-đầu, cứng-cổ". Bởi thế, bài thơ ứng-khẩu sau đây, lấy đề-tài về "loài rắn" đã làm cho cậu bé Lê-Quý-Đôn nổi tiếng ngay khi ông còn để chỏm. Bài thơ sử-dụng những tiếng đồng-âm trong cách bõn chữ liệt-kê các tên của loài rắn (liu-điu, rắn, hổ-lửa, mai gầm, ráo, lằn, hổ-mang):

"Chẳng phải **liu-điu**, vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn **hổ lửa**, đau lòng mẹ,
Nay thét **mai gầm** rất cổ cha.
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lằn lưng cam chịu vết roi tra.
Từ nay Châu Lỗ chăm nghề học,
Kẻo **hổ mang** điều tiếng thế-gia."

1.3- Sau cùng, xin đan-cử một ví-dụ nữa về tiếng đồng-âm khác nghĩa, từ "cái" chẳng hạn:

a- "Cái" là một mạo-từ chỉ-định để chỉ-thị một cách rõ-ràng hơn. Ví dụ: cái bàn, cái ghế.

Nói là "con dao", chỉ là con dao thông-thường nói chung. Nhưng nếu nói "cái con dao này cùn quá, thiệt là tức anh-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

ách" thì con dao đã được chỉ-thị rõ thêm ra, lại thêm mấy mệnh-đề theo sau bắt ta nghe ra được ở từ "cái", giọng nói rần-rỏi, dằn mạnh vì bức-bộ. Ở đây, mở thêm dấu ngoặc: nói cái bàn, cái ghế, song lại nói chiếc đũa, chiếc giày, chiếc gối. Dùng từ "chiếc" khi diễn ý lẻ-loi bị tách ra khỏi toàn bộ vì đũa, giày dép có đôi, và gối chiếc vì hoàn-cảnh cô-đơn hay goá bụa.

“Trăng khuya, trăng khóc trên đời,
Khóc cho chiếc bóng hết ngồi lại đi.”

(Ca-Dao)

“Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa-xôi.
Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường .”
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Cũng như nói "cái bàn này, hai chiếc chân thì lung lay, hai chiếc kia thì chiếc đực chiếc cái".

b- Nói "chiếc đực chiếc cái" là kiểu nói của thành ngữ ý nói 2 chiếc so-le hay không đồng-bộ. "Cái" ở đây lại có ý-nghĩa thuộc về giống.

Do đó người ta nói "anh chàng lại cái" để chỉ người đàn ông có nhiều nữ-tính, không thích làm đàn ông mà thích làm đom làm dáng, thích điệu-bộ nói-năng như con gái. Về loài vật thì có trâu đực trâu cái. Đối với súc vật có lông mao, trừ heo (lợn): có heo nái, lợn sề, phân-biệt với heo đực, lợn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

cần hoặc heo nọc, lợn hạch, các thú vật khác đều dùng "cái" làm hình-dung chỉ-định-từ như: chó cái, mèo cái, sư tử cái. Trái lại, động-vật có lông vũ thì gọi là mái thay cho cái như gà mái, vịt mái, chim mái.

c- "Cái" còn có nghĩa là lớn. Đây là tiếng Nôm, một tiếng Việt thuần-túy cùng nghĩa với Đại trong Hán-văn. Ta nói:

- "Bé cái làm" để diễn ý "làm to".
- Trống cái để phân-biệt với trống con hay trống bỏi.
- Con đường cái phân-biệt với đường mòn, đường hẻm hay lối vào ngõ xóm.
- Sông cái để chỉ sông lớn phân-biệt với sông máng đổ vào sông lớn.

hoặc:

"Anh về xẻ ván cho dầy,
Bắc cầu sông cái cho thầy mẹ sang."
(Ca-Đao)

d- Từ ý-nghĩa "to lớn", "cái" dùng để chỉ người mẹ, hay gốc nguồn.

- Bồ Cái Đại Vương
- Con dại cái mang.

hoặc như ca-đao:

- "Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao-Bằng"

Cho nên trong các trò chơi cờ bạc, như thò-lò (quay đất), xóc đĩa thì có nhà cái đứng làm chủ búng đồng tiền cho ra sấp ngửa hay xóc con thò-lò (xí-ngầu) cho ra những mặt số để các nhà con đặt tiền cửa, được thì nhà cái thu tiền của

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

các nhà con đã đặt, thua thì nhà cái phải trả cho họ số tiền tương-ứng. Lối chơi họ (bát họ) ở ngoài Bắc hay chơi hụi ở trong Nam cũng thế, cũng có nhà cái và nhà con, nhà cái đóng vai một thứ chủ "ngân-hàng" nhận tiền góp của các nhà con cung-cấp tín-dụng cho nhà nào mua với giá cao, tức là chịu lãi-suất vay để các nhà con được hưởng theo lãi-suất ấy như là tiền lãi ký-thác.

Cho nên mẫu-tự trước đây ta quen gọi là chữ cái. Chữ cái là những chữ gốc từ đó ta ghép thành âm và cấu-tạo nên từ.

e- Vì vậy, "cái" còn đệm cho từ "con" hợp thành tiếng ghép như "con cái", khi ta nói "cha mẹ nuôi con cái nên người" hay cha mẹ than-thở:

- Con với cái! (con với chẳng mẹ!)
- Con cái gì nó, cái thẳng bất hiểu ấy

f- "Cái" còn để chỉ những vật-thể trong một hỗn-hợp với chất lỏng như: canh, chè, cháo.

- Nó xấu ăn lắm, có bát canh ngon, nó vớt (nó khua) hết cái, còn lại nước không!

- "Rượu cái" hay rượu nếp, người miền Nam gọi là cơm rượu còn để nguyên cả hạt gạo nếp, để phân-biệt với rượu nước do chưng cất hay chắt từ cơm rượu.

Cho nên để chỉ sự bỡ-ngỡ của người mới tới chưa quen biết thích-nghi với hoàn-cảnh mới, ta có thành-ngữ "lạ nước lạ cái" phân-biệt với "bén tiếng quen hơi".

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

g- Vì "cái" là một mạo-từ chỉ-định nên "cái" chỉ-danh từng vật một cách cụ-thể.

Khi nói "cái da bọc xương" là để nhấn mạnh rằng: không phải nói chung về bộ da bộ xương theo quan-niệm cách-trí, vốn tổng-quát áp-dụng cho mọi người trong đó có cả người mập-mạp phốp-pháp, nhưng là để cụ-thể-hoá một hình-ảnh theo cách nhìn của nghệ-thuật tả-chân. "Cái da" ở đây chính là muốn nói theo lối thậm-xưng ngoa-ngữ: gầy đến nỗi chỉ thấy có da, có xương.

h- Cũng vì tính-cách chỉ-định cụ-thể, mà "cái" được gói-ghém một tình-cảm như giận ghét yêu thương.

- Thế là cái quái gì?
- Cái con khi khô! Cái con mẹ mày!

Đây là giọng nói tức giận ghét bỏ. Thực ra bỏ "cái" đi đã đủ để thấy tức giận, thêm vào như một tiếng đệm làm dấu nhấn mạnh cho giọng nói trở nên giận-dữ hơn.

* "Gớm cái con này!" thì rõ là mắng yêu. Nếu chỉ nói "con Tũn đầu" thì rõ là báo trước điềm chẳng lành. Con Tũn đang ở nhà dưới nghe giọng hỏi lạnh-lãnh này từ nhà trên vọng xuống ắt phải thấy trống ngực bắt đầu. Chẳng thế mà Tú-Bà khi ra oai đã hét Thúy-Kiều:

Con kia đã bán cho ta,
Nhập-gia phải cứ phép nhà ta đây!
và Hoạn-Thư được đà lửa giận "bùng-bùng" bốc cháy, đã để cho thù ghen nổi lên:

Tiểu-thư vội thét: Con Hoa!

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Khuyên chàng không cạn, thì ta có đòn!
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Nhưng nếu nói "cái con Tũn đâu rồi" thì câu hỏi lại đổi ra giọng thương yêu cương-nặng.

* Cho nên ca dao mới hỏi:

Cái cò cái vạc, cái nông!
Sao mày dẫm lúa nhà ông? Hỡi cò!
(ca-dao)

Ông không băng-quơ gọi hỏi "con cò", nhưng ông chỉ-định đích-danh "cái con cò" đang đứng ở kia, và ông gọi bằng một giọng khoan-hồng đại-lượng, không đe-net hăm-dọa, không lớn tiếng đuổi-xua, nhưng ông nhẹ-nhàng chất-vấn; tiếng "hỡi cò" kèm sau càng tỏ rõ ông không muốn hỏi tội nhưng chỉ nhẹ trách mà thôi. Thiếu điều ông thêm tiếng "nữ" thành câu "Sao mày nữ dẫm lúa nhà ông? Hỡi cò!" như thế thì nhẹ trách kia biến thành van-lơn năn-ni: "mày chẳng thương ông, tội nghiệp ông lắm, cò ơi!"

* Người miền Bắc gọi tên cô gái mà thêm tiếng "cái" vào thì thấy nó thân-thương gần-gũi. Vẳng mặt thì hỏi: "Cái Lan đâu hả chị?" mà trước mặt nó cũng vẫn mừng-rỡ vồn-vã "Cái Lan đấy hả?". Nếu đổi là "Con Lan đâu?" "Con Lan đấy hả?" thì rõ là giọng xa-cách, giọng của người trên lấy quyền-uy mà đối-xử chứ không phải lấy tình thân mà tỏ bày.

* Tản-Đà tả cảnh giã từ Thiên-Thai:

Đá mòn rêu nhạt,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nước chảy huê ttrôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời!

Không nói "cánh hạc" chứ đừng nói là "con hạc". "Con hạc" thì ơ-hồ chung-chung. Cánh hạc thì kiêu-cách khách-sáo. Nhưng "cái hạc" thì vừa yêu mến nông-nàn, vừa hình-dung chỉ-định có một con hạc đơn-chiếc. Giữa cõi mông-lung của trời đất bao-la, cái hạc bay vút mãi lên cao thăm-thẳm, càng lên cao càng thấy đơn-chiếc bé-bỏ, càng thấy thương nhớ vô-biên!

* Cũng một ý nghĩ yêu thương, nhìn cô gái quê xinh đẹp, liếc nhìn ngắm-nghía vẫn chưa tả hết cái tình-ý mến yêu, tả làm sao cũng chẳng thể nói hết vẻ lôi-cuốn quyến-rũ làm cho khách đa-tình phải bần-thần bút-rút; chỉ một tiếng cái trong câu ca-dao này cũng đủ cho ta thấy cái đẹp "say-đắm" thế nào!

Nước trong ai chẳng rửa chân,
Cái má trắng ngần, ai chẳng muốn hôn.
(ca-dao)

Cứ thử thay bằng "đôi má trắng ngần" nghe ra vẫn thấy vô-tình hồ-hững, muốn hôn nhưng chưa nói được mức yêu mê-mệt đến độ nào, chưa bộc-lộ được nỗi thèm khát một sắc đẹp tuyệt-vời thể-hiện ngay trên gò má, chưa cho hình-dung được cử-chỉ của anh chàng kia trước khi muốn hôn ra sao, con mắt anh dán trên đôi má cô gái đến thế nào? Ở Cung-Oán Ngâm-Khúc, nhìn sắc đẹp của cung-phi, một "đóa lan" vương-giả ở chốn "lạc loài sơn-dã", có "áng đào-kiếm đậm bông nào chúng" có "khóe thu-ba gợn sóng khuynh-thành", Ôn-Như Hầu hạ bút:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Đóa lê ngon mắt cứu trùng"

Nó vừa kiêu-cách (đóa lê) vừa tả chân sống-sượng (ngon mắt). Kiêu-cách vì nàng là người đẹp của mộng-ảo khiến "Hằng-Nga giật mình, Tây-Thi mất vía", khiến "chìm đáy nước cá lơ-đờ lặn; lưng da trời nhọn ngẩn-ngơ sa". Tả chân sống-sượng vì đối với ông vua chỉ biết lấy sắc-dục làm thú khiến cung-tần phải quý quyết "rắc lá dâu" đón chờ "xe dê" chở vua thường-ngoạn đi qua cửa phòng; đem cái ý sống-sượng của câu này làm lý-giải cho câu nói ý-nghị kín đáo:

"Cái má trắng ngần, ai chẳng muốn hôn!"

Có lẽ tương-xúng. Thế nhưng chẳng cần nói sống-sượng ra như thế, ý cũng đã hàm-ngụ trong câu ca-dao rồi. Cho nên "cái má trắng ngần" nó dễ yêu "ngon mắt" là thế. "Cái má" ấy "ai chẳng muốn hôn", nó dễ thương dễ mến, chứ không phải mời mọc sự thèm thuồng như ai kia thấy "ngon mắt" là vậy. Nếu câu nói này của bà chị, bà cô đang nựng cháu thì phải thấy rõ thêm cử-chỉ nựng-nịu đang véo má, mím môi. Một tiếng "cái" không thôi đủ nói lên cái tình-ý này.

i- Và cũng vì tính-cách chỉ-định cụ-thể từng cái một, tiếng "cái" tuy muốn nhấn mạnh vào chi-tiết, nhưng chính là để tổng-quát-hóa một vấn đề.

* Khi nói "cái răng cái tóc là gốc con người" (*) thì "cái" không phải chỉ-định bản-thân sự-vật là răng nữa, nhưng là "vấn-đề của răng và của tóc", một vấn-đề bao trùm hơn: đó là sự săn-sóc giữ-gìn trau-chuốt răng sao cho sạch-sẽ xinh-xắn, tóc sao cho óng-ả, mềm-mại mượt-mà.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Cũng như khi nói "Cái nết đánh chết cái đẹp" (*) thì không phải là nói riêng về một tính-nết hay một vẻ đẹp nữa, mà cao hơn một bậc, và quan-trọng hơn hết, chính là vấn-đề trau-giồi nết-hạnh, vấn-đề sao cho có nết-na, giữ-gìn được nết-na.

- Bởi vậy khi nhắc các bạn thợ đừng đi cấy thuê làm mướn cho dân keo-kiệt vùng Kê-La, ca-dao miền Bắc có câu:

Ai ơi, chớ cấy Kê La,
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm!
(ca-dao) (*)

Người bình-dân ở đây không nói cọng dưa quả cà hay vại cà liễn dưa như thông-thường vẫn quen nói, vì "cái cà, cái dưa" ở vùng Kê La này, không chỉ-định riêng miếng dưa quả cà, không nói về bản-thân sự-vật, mà là ám-chỉ phẩm-chất của sự-vật: cà dòn hay cà ủng, dưa ngấu hay dưa khú, ấy là muốn tổng-quát-hóa thành một vấn-đề quan-trọng hơn: tài nội-trợ có đảm-đang khéo-léo hay đuênh-đoảng vụng-về.

- Trong một bài thơ trào-phúng nền Nho học suy-mạt, Tú-Xương than-thở:

Cái học nhà Nho đã hỏng rồi,
Mười người theo học, chín người thôi!

"Cái học" ở đây không phải chỉ nói riêng về sự học, mà nói chung tới phẩm-chất, đường lối, tiên-đồ của Nho học và nói bằng giọng cay-đắng mỉa-mai, rẻ-rúng không còn được trọng-vọng đeo-đuổi nữa như xưa kia khi còn là "nền nho học" vốn đã vàng son "vang bóng một thời", nay lại bị rẻ-rúng thành một thứ tầm-thường là "cái học nhà nho" nghe

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

sao chua-chát xót-xa. Mà quả có rẻ-rúng, quả có chua cay, nên tác-giả mới kết-luận rằng:

'Biết vậy thử trước đi làm quách!
Chẳng ký, không thông, cũng cậu bồi.
(Tú Xương)

() xem thêm (Bàng-Bá-Lân: Cái Hay Của Tiếng Việt, Quê-Hương tr. 10-11)*

2- Ý-tứ hàm-ngụ qua cung-cách diễn-tả

Ý-tứ súc-tích khi một từ có nhiều công-dụng đã đành, mà ngoài ra, rất thông-thường, ẩn-ý diễn-tả còn hàm-chứa qua giọng nói điệu văn. Cũng là một thứ trực-ngôn bình thường, nếu tách riêng từ-ngữ cho đứng một mình, tự bản-thân nó chỉ diễn-tả cái nghĩa đen sẵn có, nhưng nếu thay đổi cung giọng phát-ngôn hoặc phối-hợp với mạch văn của toàn-thể câu nói, hơi văn cho thấy ngay cái ngụ-ý bóng gió xa-xôi. Mức độ bóng gió ấy tùy theo ở giọng nói, cử-điệu của người phát-ngôn và tùy thuộc ở trình-độ cảm-ứng của người nghe; nếu càng là người trong cuộc, hiểu chuyện của nhau thì càng hiểu rõ hơn ai hết cái ý-nghĩa sâu-xa hàm-súc trong ngôn-ngữ:

Nhớ ai ra ngẩn, vào ngơ,
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?
(ca-dao)

Nhớ chàng da-diết. Biếng nhác việc nhà, ra ra vào vào ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn, thần-thờ như kẻ lạc hồn mất vía; ta nhớ chàng đấy, nhưng nào chàng có thiết đến ta, chàng còn để

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

tâm để trí mà nhớ tới người khác, tới ai kia! (hoặc bao nhiêu thương nhớ đã dành trọn hết cho chàng là người yêu duy-nhất, bây giờ còn chi nữa, còn ai nữa để mà nhớ với thương: bây giờ nhớ ai?).

Hai tiếng "ai" thứ nhất và tiếng "ai" thứ tư làm túc-từ cho động-từ nhớ. Hai tiếng "ai" đầu ám-chỉ chàng, người yêu của nàng, nói lên bằng giọng trêu-mến thiết-tha. Tiếng "ai" thứ ba vẫn hình-dung ra chàng song làm chủ-từ và cất lên với giọng hờn trách, giận lẫy, bóng gió. Tiếng "ai" cuối-cùng làm túc-từ song để chỉ một người khác, người thứ ba, hoặc với giọng hờn ghen (chàng nhớ ai kia khác!), hoặc vừa với giọng than-thở (Còn ai nữa để mà thương với nhớ? Nhớ ai nữa mà nhớ!). Chỉ đổi vị-trí trong câu, nhất là đổi giọng điệu, từ-ngữ trở nên khác hẳn nghĩa.

* Chỉ một tiếng "ai" phẩm-chỉ mà khi thì dùng trong câu tán-thán, nghi-vấn, khi thì dùng trong câu khẳng-định, lúc chỉ-định riêng một người - hoặc mình, hoặc người đối-diện -, lúc trở chung bất cứ người nào. Trong truyện Kiều, Nguyễn-Du đã tận-dụng tiếng "ai" ở đủ mọi cách-thể.

Trong hai câu sau này, Kiều đáp lời chàng Kim muốn dò ý nàng. Hai tiếng "ai" trong câu cuối rõ là giọng tán-thán:

“Đừng điều nguyệt nọ, hoa kia!
Ngoài ra ai lại tiếc gì đến ai!”

Tiếng ai thứ nhất ám-chỉ Kiều, nói về mình. Tiếng "ai" thứ hai ám-chỉ Kim-Trọng, nói về người đối-diện, tất cả đều chỉ-định riêng một người.

Đến như hai câu sau này thì tiếng "ai" tán-thán lại chỉ chung mọi người:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong-trần, cũng phong-trần như ai!"

Trong những câu nghi-vấn, tiếng "ai" cũng lại đặc-dụng. Khi Thúc-Ông cáo quan, Kiều bị án xử gia-hình "ba cây chập lại một cành mẫu-đơn", bấy giờ Thúc-Sinh mới ân-hận than khóc:

"Khóc rằng oan-khốc vì ta,
Có nghe lời trước, chớ đà lụy sau.
Nông lòng chẳng biết nghĩ sâu,
Để ai trắng tui, hoa sầu vì ai?"

Tiếng "ai" thứ nhất trở Thúy-Kiều. Tiếng "ai" thứ hai lại trở chính Thúc-Sinh.

Trái lại, tiếng "ai" sau đây - khi Kim-Trọng trở về vườn Thúy - thì lại hỏi bằng-quơ, chỉ bất cứ người nào:

Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi-niềm tâm-sự bây giờ hỏi ai?"

Nói về những câu khẳng-định, tả tâm-sự Kiều lúc rời nhà theo Mã-Giám-Sinh về Lâm-Truy, tiếng "ai" trở riêng nhân-vật thứ ba là Kim Trọng khi Kiều nhắc tới chàng:

"Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hoài công nắng giữ, mưa gìn với ai?"

Lúc bị Kiều kết-án "chính-danh thủ-phạm" và hăm đe trả thù "đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan!", Hoạn-Thư biện-hộ:

Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai?

Cả hai tiếng "ai" vừa để phiếm-chỉ chung bất cứ người nào - chưa chắc người nào nhường người nào - mà cũng vừa chỉ định riêng từng người: tiếng "ai" thứ nhất trở Hoạn-Thư, tiếng "ai" thứ hai trở Thúy-Kiều. Nếu chỉ chung thì lời nói khách-quan giọng nói bình-thường. Nếu là ám-chỉ riêng thì lời nói có vẻ thách-thức "nghênh" lại, giọng nói có vẻ ngạo-nghe coi thường. Trong cuộc tự-biên-hộ, chắc hẳn Hoạn-Thư không dám khinh thường, song cái lối dùng từ đa-nghĩa biến-điều này hẳn không phải là không sâu-sắc.

* Vì thế có giọng ngọt-ngào, có giọng chanh-chua. Tùy theo giọng mà ý-nghĩa biến-đổi.

Đáp lại lời chào hỏi "Thưa cụ, chào ông, chào bà...", câu trả lời là "không dám!" hay "dạ, không dám!". Cũng trả lời như vậy, song nếu là giọng chanh-chua, dài môi mà nói, thì nghĩa lại ra vẻ hờn-lấy, là câu nói mát. Nhất là nếu thêm điệu-bộ nguây-nguẩy, bộ mặt cong-cớn, cái mắt lờm nguýt thì ý hờn-lấy lại càng rõ-rệt hơn lên.

Cũng giọng hờn-lấy, người con gái giận-giỏi, ghen tức, khi được hỏi về người yêu cũ, đã hờn trách xa-xôi, nhẹ nhàng: "Người ta giàu, người ta sang; tôi chỉ là con bé xó làng lọ-lem", hoặc: "Tôi đâu có được như người ta, để người ta ngó-ngàng tới". Vẫn là một phiếm-chỉ đại-danh-từ, hai tiếng "người ta" trong câu đầu và tiếng "người ta" thứ hai trong câu dưới chỉ về người yêu cũ, tiếng "người ta" thứ nhất trong câu sau lại ám-chỉ tình-địch.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Người ta" tuy chỉ nhân-vật thứ ba, mà đôi khi cũng còn nói về mình - ngôi thứ nhất - là tiếng để tự-xưng, nó khác với "tôi" có vẻ khách-quan hờ-hững, không giống với "tớ" có vẻ thân-mật xuống-xã, hay như "mình" có vẻ thân-thiết trang-nghiêm; nhưng ra cái giọng nửa không xa cách, nửa không khiêm-nhường. Nhắc tới chuyện tình-cảm thân-thiết giữa đôi bạn già miệt vườn: dì Năm và bác Chín Đờn Cò trong "Gia-đình Bác Tám" đã đưa-đẩy như thế này:

- Bữa nào anh đọc cho... em chép lại bài thơ đó, nghe anh Chín...

- Dữ hôn, lâu lắm rồi tui mới được nghe xưng tiếng em ngọt lịm... Sao mà bữa nay lại thay đổi chiến-thuật vậy?

- Ừa, tại trời sanh "người ta" như vậy rồi sao?...

Xưng mình là "người ta" như trên đây thì rõ ra cái giọng thân-thương bắt người nghe hình-dung ra cái dáng hất hàm vênh mặt tưởng như khiêu-khích nhưng kỳ-thực là âu-yếm tràn đầy.

Cũng tự xưng mình là người ta, song câu nói của đứa trẻ sau này lại rõ ra giọng hờn giận:

"Không biết đâu! trả người ta đây, không ấy người ta mách ba cho mà coi!"

Không phải chỉ người mà còn chỉ mình, và khi chỉ-danh như vậy, tùy theo giọng nói lời văn, hai tiếng "người ta" mỗi trường-hợp lại mang mỗi ý.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Nói về nhân-vật thứ ba, tiếng Việt còn có từ "họ"

Họ giầu, họ nghinh hôn giá thú,
Hai đứa mình nghèo, dụ-dỗ nhau đi.
(ca-dao)

Dem so-sánh câu ca-dao trên với câu sau này:

"Họ là những anh-hùng không tên tuổi,
Sống âm-thầm trong bóng tối mênh-mông."
(Đặng Phương)

Cũng là một nhân-xưng đại-danh-tử chỉ ngôi thứ ba số nhiều, song tiếng họ ở câu dưới thì mang ý-nghĩa kính-phục ngưỡng-mộ vì giọng nói nghiêm-trang chững-chạc, răn-rỏi, vì mạch văn vốn là một sự ca-ngợi tán-dương.

Trái lại hai tiếng "họ" trong hai câu ca-dao trên mang ý-nghĩa coi thường khinh-thị, vì giọng nói dè-bĩ suy-bì, than thân tủi phận bởi giai-cấp xã-hội quá cách-biệt.

* Cũng là tiếng "thằng" tiếng "bọn", song tùy theo giọng nói câu văn, ý-nghĩa đổi khác khi nói:

"Bọn mình đi chơi đi!" thì ra cái ý thân mật.

"Bọn ác-ôn tàn-bạo" thì rõ là giọng ghét đặng ghét cay.

"Ấy! thằng cả nhà tôi cũng sắp về" thì đúng là giọng thân-thương tình-cảm.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

-"Thằng đó, ai mà chả biết" thì quả là tỏ ý khinh-miệt coi thường.

* Cái ngụ-ý khác nhau trong cùng một tiếng khiến cho ngôn-ngữ hàm-súc, hàm-súc không phải tự trong chính bản-thân của từ-ngữ mà thôi, nhưng bâng-bạc trong lời nói và cách nói, tức là trong ngôn-tử. Chính giọng nói hàm-ngụ một ý-nghĩa khác, tạo ra lối nói xiên nói xéo, khiến cho ngôn-tử thêm bóng-bẩy. Ta sẽ đề-cập trở lại về tính bóng-bẩy của tiếng Việt ở chương sau.

Thúy Kiều khi đặc-thể, được Từ-Hải cho toàn-quyền trả ân oán, đã coi "Hoạn Thư như chính-danh thủ-phạm".

"Thoắt trông nàng đã chào thưa:
Tiểu-thư cũng có bây giờ đến đây?"

Tiểu-thư mà bây giờ cũng đến đây sao? Rõ là mỉa-mai châm-chích. Giọng mỉa-mai mát-mẻ ấy là do cách sử-dụng từ. Hai tiếng "cũng có" đi kèm hai tiếng "tiểu-thư" nêu lên một nghịch-lý: đài các oai-quyền như nàng, đường-đường là "con quan lại bộ, vốn dòng danh-gia họ Hoạn" lẽ ra đâu phải hạ mình lép vế đến thế này! "Cũng có" dùng thật đặc-vị rõ ra cái giọng đắc-chí như thách-thức đê-loi. Lối chào hỏi chua-chát ấy để lộ tâm-địa nhỏ-nhen oán-cừu muốn hạ nhục đối-thủ cho hả giận bỏ ghét.

Tú-Xương làm câu đối Tết, "dán ngay lên cột" nhờ bà Tú góp ý, "hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay?", bà Tú thưa:

"Rằng hay, thì thật là hay,
Không hay, sao đã đổ ngay Tú-Tài."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Rõ là khen mà cũng rõ là chê. Khen đây mà chê đấy! Ông Tú hiểu rõ hơn ai hết cái kiếp thi-cử long-đong lận-đận của mình. Ý bà không nói ra, ông Tú ngầm hiểu. Ngôn-ngữ Việt-Nam tận-dụng khả-năng đặc-biệt này để trào-phúng riếu-cợt, lối riếu-đau-điển còn hơn lối trực-ngôn "thẳng thừng".

Với cung-cách ấy, người bình-dân vẫn quen giọng nói mát, biếm nhẹ khi khen rằng: "Sao mà giỏi thế!" Nói về sắc đẹp của một người khác, hai người nói chuyện với nhau:

- Gớm! cô nàng đẹp ghê! đẹp...đẹp đẹp là!
- Đẹp! đẹp như cái tép kho tương.

Câu thứ nhất là khen nhưng giọng thì nói ngược lại. Khen mà ngầm ý chê. Không chê thẳng mà nói ngược ý đấy là lối nói phản-ngữ. Câu thứ hai bộc-trực nói thẳng ý chê-bai, giải-thích và hưởng-ứng ngụ-ý của câu trên.

Cũng như câu ca dao sau đây:

"Khen ai khéo đúc chuông chì
Dạng thì có dạng, đánh thì không kêu"

Thoạt nghe câu đầu thấy "khen" và "khéo" thì tưởng rằng khen, nhưng nếu biết rằng "khéo" là nói tắt cho gọn tiếng dè-bĩu "Rõ khéo!" lại thêm câu dưới giải-thích cho rõ hơn thì đúng là khen mà hóa ra chê, chê một cách ngọt-ngào gọi là xỏ ngọt, còn đau hơn nói sỗ-sàng.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Trong "Nửa Chùng Xuân", bà Ân tìm đến nhà Mai sau khi chủ khách cùng an tọa. Bà Ân mở đầu:

"Tôi nghe nói cô biết chữ nghĩa, cũng học đạo thánh hiền thì phải".

Xét về mặt văn-từ, ngữ-pháp, tưởng đây là một câu hỏi tọc mạch ngưỡng-mộ, nhưng với cái giọng nói, lại thêm từ "cũng" ở đầu và hai tiếng "thì phải" ở cuối câu, thì rõ là một câu hỏi "móc", một lối nói châm-chọc. Không ở trong chuyện thì không hiểu ngụ-ý khiêu-khích. Người trong cuộc hiểu rõ hơn ai hết thâm-ý trong câu hỏi, cho nên cô Mai cảm-nghiệm ngay rằng "bà Ân bắt đầu khai-chiến, quà-quyết ngừng đầu lên đáp lại" (*Nửa Chùng Xuân - trang 142*)

Phản-ảnh thực-trạng uất-hận chua xót sau biến cố 30-4-1975 tại miền nam Việt-Nam, trong tập "Giòng Sông Nước Mắt", truyện "Những Mùa Xuân Bơ-Vơ" của Hải-Băng có ghi lại như sau cuộc lời qua tiếng lại giữa chị Hai Để, đại diện cho lớp người "cũ" được dán cho nhãn-hiệu "ngụy-dân", "phản-động", và bà tổ-trưởng, đại-diện cho bọn cách-mạng chạy cõ, quen gọi là bọn cách mạng 30:

- Nghe nói những người có công-lao lớn với cách-mạng như chị, mai kia mới được quyền cư-ngụ tại thành-phố. Riêng những thành-phần lỏng-nhông như chị em tôi, trước sau gì cũng phải đi kinh-tế mới hoặc trở về quê quán để ... tăng-gia sản-xuất cho sướng thân!

Mấy tiếng "kinh-tế mới" và "tăng-gia sản-xuất" được chị Hai Để tình cất cao giọng, kéo dài ra, khiến cho tổ-trưởng dân-phố đang bực dọc, càng bực dọc hơn, Bà ta nói cộc-lốc:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- *"Tôi chưa được hân-hạnh học tập nên chưa thông suốt những điều chị vừa nêu ra. Tuy nhiên trong hoàn-cảnh này, mọi người dân có bổn-phận xây-dựng một xã-hội, xã-hội chủ-nghĩa giàu mạnh, thiết-tưởng mọi người chúng ta đều phải cố-gắng lao-động như nhau".*

Bực-bội, chị Hai Đế muốn bỏ đi cho khuất mắt, nhưng không hiểu sao chị ta cũng rán "bồi" thêm câu:

- *Rán lao-động thì ai lại không. Nhưng hoàn-cảnh của gia-đình tôi, lao-động muốn hựt hơi mà mấy đứa nhỏ còn húp cháo nữa đó chị ... May nhờ tổ dân-phố ưu-ái cho mua chút đĩnh gạo và bo-bo, nếu không chắc mấy đứa nhỏ đã xanh xương ráo tội rồi!*

Đúng là giọng nói khiêu-kích của người gặp dịp, "mượn cơ-hội để chửi xéo" cho hả hờn đã giặn. Rõ là giọng nhẩn-nhịn thách-thức của kẻ thâm độc tuy thủ-thế song vẫn hờm địch trong thế sẵn-sàng tấn-công. Câu nói, xét theo văn-từ, vốn có vẻ khách-quan mà kỳ-thực đọc lên ta đã cảm-nghiệm ngay cái không-khí hận-thù với nỗi "bực-dọc" và giặn tức "ấm a ấm ách" của người trong cuộc. Những câu nói này được "cất cao giọng, kéo dài ra", hay dẫn mạnh dẽo-dọt, thì giọng xỏ ngọt hay đe-loi càng khiến cho cuộc đối-đáp, kẻ dài môi người "cộc-lốc", càng trở nên gậy-cần hơn nhiều.

Nếu trước đó, ta thấy chị Hai khi gặp bà Tư tổ-trưởng này, đã "cười nửa miệng" khen bà, ta lại càng thấy tiếng Việt thật phong-phú đến dường nào!

Chị Hai cười nửa miệng:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Trong xóm mình, chị Tư đúng là người đàn bà có tài. Cách-mạng chọn người quã không sai".

Chỉ có những người như chị Tư và chị Hai Để mới cảm-thông được cái cay độc của lối chữ xéo qua cách khen như vậy. Chính cái cung-cách diễn-tả đã khiến cho ý-nghĩa trong ngôn-từ thêm biến-thiên màu sắc vậy.

3- Những kiểu nói "một lời hai nghĩa"

3.1- Cũng có khi không cứ phải qua giọng nói cử-điệu, trái lại tuy phát-biểu nghiêm-túc không có vẻ gì là khô-hài riều cợt, thế nhưng ***thâm-ý hàm-ngụ trong ngôn-ngữ vẫn có thể toát ra và đôi bên nói chuyện vẫn ngầm hiểu được nhau, chỉ vì có những từ-ngữ "một lời hai nghĩa": nghĩa đen nói thế này mà nghĩa bóng, nghĩa xa lại nói thế khác, nhất là phối-hợp không phải với câu văn mà với toàn-thể câu chuyện.***

* Nói về "cái học nhà Nho", Tú-Xương viết

Cô hàng bán sách lim-dim ngủ,
Thầy khóa tư-lương nhấp-nhồm ngồi
(Tú Xương)

Tách hai câu đứng riêng thì lim-dim ngủ hay nhấp-nhồm ngồi chỉ là một sự miêu-tả theo nghĩa đen nhưng nếu đem phối-hợp với những câu thơ trước đó:

"Cái nhọc nhà Nho đã hỏng rồi,
Mười người theo học, chín người thôi."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

thì hiểu ngay nghĩa bóng ám-chỉ của những cử-chỉ trên: chữ Nho ẽ-ẩm không ai muốn học nữa, ai nấy đều muốn tấp-tễnh bỏ Nho học chạy theo tân-học rồi.

* Ở Saigon sau 30-4-1975, dân xóm tản-mát ra về sau buổi họp tổ, học-tập chính-trị, một mẫu chuyện nghe lóm được giữa mấy bà đang bàn-tán:

- Chà! thấy nói mấy anh bộ-đội như vậy sao mà tội quá!
- Tôi ý à! tôi thì tôi chỉ thương "anh nuôi" thôi.
- Ôi giào! chả thương ai bằng thương "anh ruột"!
- Hứ! thì cũng rứa! Anh nuôi hay anh ruột cũng vậy thôi.

Tất cả cùng phá lên cười. Tiếng cười tắt dần vào ngõ hẻm. Họ đã cảm-thông với nhau, hiểu nhau qua ngôn-ngữ. Tiếng "anh nuôi" "anh ruột" đã trở thành một tiếng lóng, một lời 2 ý bóng-bẩy: anh nuôi là người chuyên lo việc ẩm-thực trong bộ-đội và các cơ-quan, anh ruột là chính cái ruột, cái bao-tử của mình. Cả hai đều là thương cho cái bao-tử của mình, thương miếng ăn sao cho được "no cơm ấm cật", thương chính cái bản thân mình mà thôi.

3.2- Chính kiểu nói một lời hai ý này xây-dựng nên lối văn "lời thanh ý tục" hay ngược lại "lời tục ý thanh". Theo vết những câu đố tục giáng thanh trong văn-chương truyền miệng, thơ Hồ-Xuân-Hương dần-dần đã trở nên phổ-biến và được mọi giới tán-thưởng. Kiểu nói này thể-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

hiện được cái thâm-thúy, và dí-dỏm hóm-hình của ngôn-ngữ Việt. Nó nói lên được cảm-quan hoàn-toàn dân-tộc. Nó đích-thực mô-tả tính tình người dân Việt vốn mộc-mạc chất-phác nhưng không nông-cạn hời-hợt. Họ đơn-sơ mà sâu-sắc, không màu-mè kiểu-cách nhưng rất dễ-dãi tự-nhiên, thấy thế nào, nghĩ làm sao thì nói như vậy.

* Trong văn-chương truyền miệng, những câu đố tục giảng thanh như là:

Cái chiếu:

Xưa kia em trắng như ngà,
Bởi chưng em ngủ lằm, em đà em thâm.
Lúc bần, chàng đánh, chàng đâm,
Đến khi rửa sạch, chẳng nằm lên trên
(Câu đố dân gian)

Hoặc mẹ cho con bú:

Một người nằm, một người ngồi,
Đút vào sướng lằm, chị em ôi!
Rút ra đánh choét, miệng cười toét-toe.

* Hay đố thanh giảng tục như:

Trong hang, trong hốc, lổc-ngốc bò ra,
Cả huyện cùng nha, chẳng ai bắt được.
(là đánh trung-tiện= đánh rằm)

* Dựa vào đó, Hồ-Xuân-Hương nổi tiếng do những bài thơ lời thanh ý tục, như:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Tả cái quạt giấy:

Vành ra ba góc, da còn thiếu,
Khép lại đôi bên, thịt vẫn thừa.
Mát mặt anh-hùng khi tắt gió,
Che đầu quân-tử lúc sa mưa.

Tả cái giếng:

Cầu trắng phau-phua đôi ván ghép,
Nước trong leo-léo một giòng thông.
Cỏ gà lún-phún leo quanh mép,
Cá giếc le-te lách giữa giòng.

Tả đánh đu đôi:

Trai co gối hạc khom-khom cật,
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng,
Bốn mảnh quần hồng bay phất phất
Hai hàng chân ngọc đuổi song song.

Thanh hay tục là do mỗi người quan-niệm. Xét bề ngoài theo văn-từ, ngữ-pháp và cú-pháp, đó là lối tả-chân cụ-thể xác-thực. Nhận-xét là nhận-xét chung. Ngôn-ngữ là ngôn-ngữ của quảng-đại quần-chúng, ai cũng có thể nói được như thế, nhưng hiểu là tục hay thanh là tùy ý mỗi người. Cái ngôn-ngữ ấy khả-xúc và hội-ý, nó đánh thức cảm-xúc và trí tưởng-tượng của người nghe, ý-tứ biến-thể tùy theo nhận-định của người thưởng-thức. Chẳng hạn, nghe người miền Bắc mỉm cười ra vẻ đôi như sau:

"Gái Đồ-Sơn sơn đồ ngắm Đồ-Sơn" (**)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Người miền Nam thân-nhiên thấy rõ đó là lời thanh ý nhã như vẫn thường quen nói đồ ăn, đồ-đạc hay bản đồ, theo nghĩa Hán-Việt là bức tranh, như Tản-Đà cũng đã có thơ "Vịnh bức dư-đồ rách" mô-tả bản đồ Việt-Nam rách nát mà ám-chỉ tình-hình non sông đất nước đương-thời. Thế nhưng người miền Bắc có thể lại hóm-hình hiểu theo ý tục với nghĩa khác nên cả cười đối lại:

"Trai Hòn Lớn lớn hòn giữ Hòn Lớn (**)

*(**) Tác-giả ví-dụ và chú-thích: tên hai địa-danh, bãi biển Đồ-Sơn ở vịnh Bắc-Việt ven biển vùng Hải-Phòng, Kiến-An. Hòn Lớn là một cù-lao duyên-hải Nha-Trang, Tuy-Hoà giữa quận Ninh-Hoà và Vạn-Giả.*

Do cấu-trúc đơn-âm, do một lời hai ý, kiểu nói này là khả-năng đặc-biệt, kỳ-diệu, độc-đáo của tiếng Việt, khả-năng ấy khiến ta không thể phủ-nhận rằng tiếng Việt rất súc-tích.

III- NHỮNG TỪ-NGỮ HÁN-VIỆT HÀM-SÚC

Tiếng Việt giàu tứ còn là do sự đóng góp lớn-lao của kho từ-ngữ Hán-Việt. Ta không thể phủ-nhận Hán-Văn rất hàm-súc ý-nghĩa. Sử-Ký Trung-Hoa đã từng ghi bài thơ của Mạc-đĩnh-Chi, sứ-thần Việt-Nam triều Hoàng-Hậu Trung-Quốc, vì được nhà vua đặc-ý ngợi-khen là một tuyệt-tác, một bài thơ ứng-khẩu mau-lẹ đáp-ứng đề-tài "bốn chữ nhất" vua đề ra. Bài thơ Hán-Văn ngắn gọn mà dồi-dào ý-tứ:

Thanh-thiên nhất đoá vân,
Hồng-lô nhất điểm tuyết,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Dao-trì nhất phiến nguyệt,
Thượng-uyển nhất chi hoa.
Ô-hô! Vân tán tuyết tiêu,
Hoa tàn nguyệt khuyết!

(Nàng là một áng mây trên bầu trời trong xanh, một cụm tuyết trắng giữa vũ-trụ minh-mông, một vầng trăng tỏ dưới đáy ao ngọc của bà tiên Tây-Vương-Mẫu, một cành hoa trong vườn của đấng quân-vương. Than ôi! thế mà mây đã biến, tuyết đã tan, hoa đã tàn, trăng đã mờ nhạt).

Trong Hán-Văn, chỉ bốn, năm từ đủ hợp thành một câu rất dôi-dào ý-nghĩa. Riêng một từ thôi, cũng đã có biết bao nghĩa chưa kể nghĩa bóng kèm theo. Những từ này nghĩa khác nhau tuy cùng đọc như nhau song chữ viết hoặc giống nhau hoặc khác nhau. Khi phiên âm sang tiếng Việt, cách phát-âm na-ná tiếng Quảng-Đông, thuộc vùng Lưỡng-Quảng xứ Lũng-Nam, nơi mà ngàn năm xưa bộ tộc Bách Việt đã dừng chân và phân-hóa: một số ở lại đồng-hóa với người Hán, số khác tiếp tục xuôi Nam đi về vùng đồng bằng Bắc-Việt, đồng-hóa với dân-tộc Việt cổ xưa vốn sinh sống tại đây lâu đời, dựng nên nước Âu-Lạc, khai-sinh cho một thể-hệ mới, thể-hệ Lạc-Việt, tổ-quốc Việt-Nam. Sau đây đan-cử một vài ví-dụ:

* Xét về từ HÀM chẳng hạn. Một trong các nghĩa của Hàm là ngậm trong miệng. Do nghĩa này có từ HÀM-SÚC. Hàm-súc là cất chứa và ngậm miệng lại, lời văn hàm-súc là lời văn có nhiều ý-tứ mà không để lộ ra, lời văn tuy thoát đọc thì thấy giản-dị bình-thường song càng phân-tích ngẫm-nghĩ, càng khai-thác đào sâu thì càng thấy giấu ẩn biết bao nhiêu ý, tình. Một nghĩa khác của hàm là phong

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

thư. HÀM-THỤ là dạy học bằng lối viết thư (một trong các nghĩa của thụ là dạy học). Cho nên ta quen gọi lối học hàm-thụ là lối học không phải đến trường, người học và thầy dạy trao đổi bài vở tài-liệu qua thư-từ chuyển đến. Cũng vậy, CÔNG-HÀM dùng để chỉ một văn-thư ngoại-giao trao-đổi những vấn-đề trọng-yếu ở cấp bậc chính-phủ giữa hai nước.

* Xét thêm về từ PHẢN: phản có nghĩa là trở về, trái lại, bề trái v.v... Do đó, ta quen nói: phản-chứng, phản-đối, phản-cung, phản-ánh, v.v... Phản-chứng là chứng cứ làm tiêu-diệt một chứng cứ khác. Chứng-minh một định-lý bằng lối phản-chứng là đề-xướng ra một giả-thuyết B trái ngược hẳn với định-lý A, tạm cho rằng giả-thuyết nghịch lại ấy là đúng rồi từ đó lập-luận chứng-minh rằng vấn-đề nêu ra như vậy không thể nào có được, do đó kết-luận rằng giả-thuyết B là vô-lý không thể chấp-nhận, vậy phải công-nhận định-lý A. Chứng-minh như vậy là dựa trên tạm-đoạn-luận:

- Chỉ có B hoặc A, nếu không phải B thì ắt phải là A
- Giả thử là B, nhưng B lại không thể xảy ra được
- Vậy tất nhiên phải là A

Tất cả ý-nghĩa và giải-thích dài dòng này tóm gọn trong một tiếng ghép: phản-chứng. Cũng vậy, nếu bày tỏ một ý-kiến, một thái-độ chống ngược lại với ý-kiến, thái-độ của người khác, ta gọi là phản-đối. Phản-cung là hành-động khai ngược lại với những lời đã cung-khai trước đây. Ánh sáng chiếu trở lại gọi là phản-ánh (không nên lẫn với phản-ảnh). Vì vậy, một tác-phẩm phản-ánh tâm-hồn tác-giả là một tác-phẩm bày tỏ, nói lên được tư-tưởng, tâm-trạng của tác-giả.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Tất cả những từ trên đây đã được Việt-Hoá, diễn ý một cách ngắn gọn. Chỉ vài từ ghép lại thành tiếng đã tóm gọn mọi chi-tiết không cần phải giải-thích, nhờ đó ta khỏi phải cắt nghĩa rườm-rà.

IV- NHỮNG TỪ HOA

Văn-chương bác-học chữ viết cũng như văn-chương dân-gian truyền miệng đều tận-dụng mỹ-từ-pháp. Chủ-đề và phạm-vi của khảo-hướng này, về mặt ngữ-học, không cho phép lan-man sang các từ-hoa thiên về lãnh-vực nghệ-thuật nói và viết văn, cho nên chỉ đề-cập ở đây một vài từ-hoa đặc-biệt và tượng-trưng có tác-dụng làm tăng thêm tính hàm-súc của ngôn-ngữ, gói-ghém được những ý-nghĩa phong-phú trong một vài ngôn-từ đơn-giản bình-thường.

1- Chẳng hạn như phép điệp-cố và ẩn-dụ, nhất là điệp-cố vốn cầu-kỳ phức-tạp thiếu tính phổ-quát, khi đưa vào văn-chương, rất nhiều trường-hợp tự nó đã nói lên hết mọi ý mà ai ai cũng có thể hiểu được.

* Giới thiệu tài sắc của nàng Kiều, Nguyễn-Du viết:

“Một hai nghiêng nước, nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai.”

Không cần biết rằng nghiêng nước nghiêng thành là thoát ý từ câu thơ của Lý-Duyên-Niên "Nhất cố khuynh nhân thành tái cố khuynh nhân quốc", ai cũng hiểu được cái mãnh-lực ghê-gớm của một nhan-sắc tuyệt-vời khiến tướng sĩ và vua chúa say mê đến nỗi để cho thành tan nước mất.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Hoặc khi Từ-Hải tìm gặp Kiều ở Hành-Viện Châu-Thai, chàng đã hỏi:

"Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Mắt xanh chẳng để ai vào, có không?"

Ngày xưa đời Tấn bên Trung-Quốc, Nguyễn-Tịch tiếp khách thấy ai hợp ý mình thì mắt xanh, ai không vừa ý mình thì mắt trắng. Chẳng cần phải biết điển trên, ai cũng biết ngay là Từ-Hải muốn hỏi Kiều rằng "Nàng đã ưng-thuận bằng lòng ai chưa?" Câu "để lọt vào mắt xanh" đã thành câu nói chót lưỡi đầu môi.

* Gặp điều oan-ức, người ta quen nói "đúng là oan Thị-Kính". "Oan-Thị-Kính" nhắc lại cả cuộc đời tủi nhục tức-tưởi của Thị-Kính, hết mang tiếng oan giết chồng, lại chịu oan-ức ở cửa chùa đến nỗi phải nuôi con cho Thị-Mầu. Truyện Quan-Âm Thị-Kính cũng như truyện Kiều vốn là những truyện truyền miệng phổ-cập trong đại-chúng.

* Cho nên những Sở-Khanh, Tú-Bà, Hoạn-Thư không còn là tên riêng nữa mà cả cuộc đời, tính-nết của họ đã thể-hiện trong những cái tên bất-hủ được lưu-truyền như một danh-tử chung hay một hình-dung chỉ-định-từ. "Con mẹ Tú-Bà", "lại nổi máu Hoạn-Thư", "trông cái mặt có vẻ Sở-Khanh lắm", đây là những điều có thể đã trở nên những thành-ngữ thông-dụng trong dân-gian để chỉ những "mụ đầu" chuyên nghề chủ chứa mãi-dâm, những bà vợ ghen chồng hoặc những anh chàng đều-giả gạ-gẫm lừa-bịp đàn bà con gái.

2- Phép ẩn-dụ, tỳ-giả: Lối dùng điển nói trên trau-chuốt cho lời thêm bóng-bẩy, thu gọn được lời nói, tránh phải nói sống-sượng, nói xa mà hiểu gần, tuy nói đây mà ý ở đấy.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Khác với thực tả vận dụng các biểu-từ chuẩn-xác và linh-hoạt, lối hư-tả này bóng gió xa-xôi, kêu gọi trí tưởng-tượng, đào sâu dần trải cho ý-tưởng được khơi rộng thêm ra.

Tuy không tả mà tả, tuy tả ở đây song ý mãi đâu đâu, óc liên-tưởng hội-ý buộc người nghe phải suy-diễn cảm-ứng, từ đó sẽ thấy tất cả ý-nghĩa sâu-sắc của ngôn-từ. Đây cũng là công-dụng của các *phép ẩn-dụ, tỷ-giả* rất thông-thường nhưng rất hàm-súc, tuy tả ít mà là nói nhiều.

* Ở lâu Ngưng-Bích, Kiều than-thở:
"Bên trời góc bể bơ-vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?" (*)

* Sở-Khanh huyênh-hoang khoác-lác hứa "ra tay tháo cũi sổ lồng" cho Kiều, những lời ấy còn văng-vẳng bên tai nàng:

Song thu đã khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng những lời sắt đing.

Bằng cách so-sánh gián-tiếp, người nghe liên-tưởng, hình-dung ra mực son thắm đỏ, sắt đing cứng rắn, rồi suy-diễn và cảm-ứng ngay được tấm son là tấm lòng thắm-thiết bền-vững. Những lời sắt-son là lời đơan-hứa chắc-chắn như khắc trên sắt, ghi lại bằng mực son bền thắm (*).

* Cho nên trong "Chinh-Phụ-Ngâm" nói về người chồng có lòng yêu nước bảo vệ nhân-dân, chinh-phụ đã kể rằng:

Lòng hứa quốc tựa son ngăn-ngắt (*),
Sức tì-dân nhường sắt trơ-trơ.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Những lời non-nước là lời "thề non hẹn biển", chỉ núi chỉ biển mà thề (thề-hải minh-sơn) nguyện giữ lòng kiên-trung như núi cao biển cả. Lời sắt đing là lời quả-quyết như chặt sắt chém đing, lời nói "chắc như đing đóng cột"

() Chú-thích: Sơn là một thứ đá cứng mài ra có màu đỏ thắm tươi, đặc-điểm là trải qua năm tháng đời đời không bao giờ phai nhạt, cho nên dùng để mài mực cho các thầy đồ chấm bài, vì thế các quyển do nho-sinh viết, được thầy đồ khuyến điểm, dù cho sách để lâu năm, những chỗ phê điểm vẫn nguyên màu đỏ thắm tươi. Học chữ Nho, trước tiên phải học cách mài mực: "Mài mực ru con, mài sơn đánh giặc". Mài mực phải nhẹ êm kéo vụn mực làm lem chữ, mài sơn phải miết mạnh. Màu sơn đỏ tươi và không phai tợng-trung sự thắm-thiết và bền vững*

* Ca-dao tục ngữ nhan-nhân những ngôn-tử này:

Vợ anh xấu máu hay ghen,
Anh đừng lấp-lửng chơi đèn hai tim!

hoặc:

Trai tơ lấy phải nạ dòng,
Như nước mắt thối, như lòng lợn thiu.

và:

Nạ dòng lấy được trai tơ,
Đêm nằm hý-hửng như mơ được vàng.

Bất cứ thôn dân nào dù ít học vẫn có thể biến-báo ứng-khẩu một câu nói ví-von, lời-lẽ đơn-sơ mà ý-nghĩa xa-xôi, dụng-ý sâu-sắc.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

3- Trở lại phép bốn chữ, ngoài việc sử-dụng tính-chất đồng-âm của những từ một lời hai nghĩa, nó còn lợi-dụng ý-nghĩa bao-quát của từ để "mập mờ đánh lận" người nghe, vì lẽ người nghe có thể chỉ hiểu từ-ngữ theo cách nhìn chủ-quan, đơn-giản của mình; tuy rằng đúng đó, song nếu "chê sơi tóc ra làm tư" thì lời còn gói-ghém thêm nhiều ý khác mà người nghe vô-tình không nghĩ tới.

Đây là cách chơi chữ. Lời chỉ có thể, thông-thường hiểu là thế, hời-hợt chẳng nhằm cho kỹ thì ý là vậy, nhưng hậu-ý của người nói thì sâu-xa bàn-bạc đánh lừa óc đơn-giản người nghe

* Những ngày đầu sau biến-cố 30-4-1975 tại Saigon, chiến-dịch vệ-sinh được rầm-rộ phát-động ưu-tiên ngay lập-tức, trên các đường phố thấy nhan-nhản các khẩu-hiệu "nhà sạch nhà, phố sạch phố" cùng với các toán thiếu-niên đi nhặt rác quét đường. Phải ít lâu sau người dân chất-phác mới nghiệm ra thâm-ý của nhà cầm quyền không phải là làm sạch rác-rưởi cho nhà phố được vệ-sinh mà là "sạch sành-sanh vét cho đầy túi tham". Những chiến-dịch tiếp theo như "đánh văn-hóa đôi-trụ" tịch thu văn-hóa-phẩm cũ, "đánh tư-sản mại-bản", "học-tập cải-tạo", "xây-dựng vùng kinh-tế mới" rõ là những phương-tiện biện-minh cứu cánh "sạch phố, sạch nhà". Cho nên khi được cổ-võ đi vùng kinh-tế mới nhiều người hăm-hở "bốc đôn" ra đi. Khi vùng này dựng xong, không được trở về, phải tiếp-tục ở lại hay đi vùng khác, bấy giờ mới vỡ lẽ thế nào là đi "xây-dựng". Nói một đấng ý một nẻo, nói đông mà ý tây.

* Ông Chín Đờn Cò trong "Gia-Đình Bác-Tám" bị ông chủ-tịch xã "chơi chữ" xỏ-xiên là "Chín Gáo Đờn" thay vì

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Chín Đồn Gáo". Cũng như thay vì "máu xấu" là máu có nhiều chất dơ nhưng lại "chơi chữ" mà đổi ngược thành "xấu máu" thì nghĩa lại ám-chỉ người có tính-tình không tốt; cho nên lợi-dụng về thân-tình mà gọi ông Chín Đồn Cò là Chín Đồn Gáo để rồi "chơi chữ" gọi ông là "Gáo Đồn" thì kể cũng độc, trách sao ông Chín chả bức-tức. Ông giải-thích nỗi bức tức ấy như thế này: "Tôi tức quá nên nói: xin lỗi ông, tên tui là Chín Đồn Cò, sao ông kêu tui là Chín Gáo Đồn? Ông có biết rằng "gáo đồn" và "đồn gáo" nó khác nghĩa nhau không? Ông có từng nghe nếu thấy mặt cô cậu nào nhăn-nhó, khó thương, người ta nói "cái mặt y như gáo đồn". Tôi nghĩ ông làm lớn, ông đã từng nghe và hiểu cái nghĩa đó chứ..." (trang 90).

* Cũng bởi vì hán-tự hàm súc ý-nghĩa, lại đồng âm với quốc văn nên có thể hình thành ra "phép chơi chữ", theo hán-tự thì hiểu nghĩa một đằng, nhưng nếu diễn giải ra quốc âm thì lại hiểu ra nghĩa khác.

Hà Nội có *phố Sinh Từ*. Nhà nước ngày nay đặt tên mới là phố Nguyễn-Khuyến. Có tên đường phố này là xưa kia do việc ông Nguyễn Hữu-Độ, khi làm quan kinh-lược Bắc Kỳ, lúc còn sinh thời đã lập một ngôi đền, thờ sống ông, gọi là *Sinh Từ* (Sinh =sống, từ=miếu, đền thờ), và trong đền có treo bức hoành đề ba chữ "*Sinh Sự Chi*", nghĩa là "*thờ khi còn sống*" (Sự là thờ phụng, phụng dưỡng, tôn thờ. Ví dụ: tử sự phụ mẫu 子事父母 là con thờ cha mẹ). Nhưng nếu

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

giảng theo quốc văn thì nghĩa là “Vẽ chuyện ra làm chi? Bày đặt ra làm gì?” hàm ý mỉa-mai, giễu cợt.

Vì vậy mà Nguyễn Khuyến khi qua con phố này đã cảm tác nên bài thơ: “Quá Quân-Công Nguyễn Hữu-Độ Sinh Từ hữu cảm” như sau:

Lâu đài thử địa hà nguy nguy,
Đệ nhất quận công chi sinh từ,
Công tại tứ thì tập quan đối,
Công khứ quan đối bất phục tập,
Hương hoá tịch tịch hoà ly ly,
Đã kiến đệ nhị vô danh công,
Triều tịch huề trượng lai vu tư.
Trần gian hưng phế đẳng nhàn sự,
Bất tri cứu tuyên thùy dữ quy.

dịch thơ:

Đền miếu thờ ai lộng-lấy thay!
Thờ ông “thứ nhất quận công đây.
Ông còn, mũ áo hàng năm họp,
Không được dự buồn, được dự may.
Ông mất mũ áo không họp nữa,
Lửa hương lạnh ngắt, lúa mọc đầy.
Có ông “thứ nhì không tên đến”,
Sớm hôm chống gậy vào chốn này,
Trên đời suy thịnh thường như vậy,
Biết nay chín tuổi ông theo ai?

(http://vi.wikipedia.org/wiki/Quy%E1%BB%85n_Khuy%E1%BA%BFn_%28ph%E1%BB%91_H%C3%A0_N%E1%BB%99i%29#T.C3.AAn_ph.E1.BB.91)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh



phố Sinh Tù & Chùa Bà Ngô
(1890)



đường tàu điện trên phố Sinh Tù
(1909)

Lỗi nói chơi chữ ấy không phải chỉ là kiểu nói bóng-bày như trong những cách trào-phúng mua vui, mà có thể rất ư thâm-độc. Nó dẫn đến những ngụ-ngôn, uyển-ngữ như sẽ đề-cập ở chương 7. Về mặt ngữ-học văn-chương, nó chứng tỏ khả-năng súc-tích của ngôn-ngữ Việt. Tiếng Việt giàu tứ là thế.



Chương 3

TIẾNG VIỆT GIÀU TỪ

Tiếng Việt phong-phú không những vì giàu tứ mà còn vì giàu từ. Kho ngữ-vựng vốn đã dồi-dào, lại thêm kiểu nói lái, một từ-hoa đặc-biệt, một khả-năng độc-đáo của Việt-ngữ, tạo thêm những từ-ngữ mới rất dí-dỏm do óc khôi-hài ưa trào-phúng và do tính thâm-thúy sẵn có của quần-chúng Việt-Nam.

I- MỘT KHO TỪ-NGỮ DỒI-DÀO

Trong rất nhiều trường-hợp, tuy chỉ một công-dụng mà sử-dụng rất nhiều từ. Chẳng hạn:

1- Về cách xưng-hô

Tùy theo thứ bậc, quan-hệ, mức độ tương-thân, tùy theo tập-quán địa-phương mà cách xưng-hô chào hỏi gọi nhau cũng đổi thay. "Đức Vua, Đức Phật, Đấng Tối Cao, Thưa Ngài, Thưa cố, Thưa cụ, chào ông, chào bà, chào anh, chào chị...". Bọn bè bằng vai thân-mật nói chuyện với nhau ngoài cách xưng-hô khuôn thước thông-thường còn có: "đăng ấy, cậu, mày, so với tớ, mình, tao (miền Bắc) hoặc mi, bồ, tui (miền Trung, Nam) v.v..." Vợ chồng gọi nhau là "cậu mợ" xưng em hay tôi, hoặc "anh anh em em", gia-đình cổ-kính

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

hay dân-giả thì nói "thày nó, bu nó, ông nó, bà nó, mẹ mày, mình, nhà..."

Đối với vợ chồng già thì:

- Ông nó ơi! Có khách.
- Bà nó ơi! Cơm đã chín chưa?

Đối với vợ chồng trẻ, thì mặn-nồng thăm-thiết hơn:

"Có mặt mình, ăn muối cũng vui,
Vắng mặt mình, một bữa chẳng vui chút nào."

hoặc:

"Hồi nào mình bệnh, mình đau,
Bắt từng con cá ruộng nấu canh rau nuôi mình."

* "Mình vừa chỉ ngôi thứ nhất, vừa chỉ cả ngôi thứ hai, là tiếng xưng-hô hoặc âu-yếm giữa đôi tình-nhân, vợ chồng hoặc thân-mật trang-nhã giữa đôi bạn nối khố".

"Hôm qua, mình có đến song không gặp cậu" lời nói nghe vẫn thân-thiết hơn là "hôm qua, tôi có đến ..." .

* "Mình" là tiếng xưng-hô tuy thân song trang-trọng đứng-đắn hơn "tớ". "Mình" tuy chỉ một người mà cũng chỉ nhiều người: "Mình đi chơi đi" thay vì nói "Chúng mình đi chơi đi!"; "bọn mình" thay vì "bọn chúng mình".

* "Mình" vẫn thân-thiết hơn "ta". "Ta" lại nghe gằn-gũi hơn "chúng ta":

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Ta về, ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục, ao nhà vẫn hơn."

"Ta" cho thấy rõ hơn cái ý-nghĩa lập bè kết-đoàn, đồng-tâm hiệp-ý. Khi nói "phe ta" thì rõ là nêu lên sự hợp-tác chặt-chẽ giữa "chúng ta" đối-nghịch với phe địch.

Nên chi người khách viễn-phương kia, tuy chưa hề quen biết Đạm-Tiên, mới chỉ nghe đồn danh-sắc của nàng thôi, mà đã tự-nhận như kẻ đồng-hội đồng-thuyền với kẻ tài-hoa bạc-mệnh. Cất công tìm đến, những tưởng sơ-ngộ là hạnh-ngộ, nào ngờ nàng đã ra người thiên-cổ tự bao giờ, xác nằm vất-vưởng "đã không kẻ đoái người hoài". Tiếc thương cho nỗi bất-hạnh của người, của mình, chàng

"Khóc than khôn xiết sự tình,
Khéo vô duyên bấy là mình với ta!"
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

* "Mình, ta", đây là cách nói trong quan-hệ thân thiết cùng lứa bằng vai. Người trên rủ kẻ dưới có thể nói được: "Thôi, mình (ta) đi kéo trẻ!" hay thân hơn nữa thì: "thôi, thầy trò mình (ta) đi kéo trẻ". Còn như kẻ dưới đối với người trên, nói theo cách sau thì ra vẻ thân-kính hơn vì có chỉ-danh thêm thứ bậc, chứ nói trống không như cách một thì có vẻ khiếm-lễ. Càng khiếm-lễ hơn nếu học trò, con cái nói với thầy giáo, cha mẹ rằng: "Thôi, chúng mình đi thôi kéo trẻ!"

* Thêm tiếng "chúng" vào thành "chúng mình", nói như vậy là có ý "chơi trò", là tỏ ra cá mè một lứa, cá đối bằng đầu. Vì lẽ, "chúng" thì hàm-ý rẻ-rúng, khiêm-hạ, hoặc

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

chỉ-danh xô-bồ. Cho nên vẫn thường nói "con đại, cái mang, làm cha mẹ phải răn đe chúng" hoặc "chớ có huênh-hoang kéo chúng cười". Đều là nhân-xưng đại-danh-tự ngôi thứ ba số nhiều, tiếng "chúng" trên thay cho "chúng nó" không trân-trọng chỉ-danh nhân-vật, tiếng "chúng" dưới còn thêm ý chỉ-danh xô-bồ thay vì nói "kẻo thiên-hạ (hay dân-chúng) họ cười". Hay trong một lá đơn gửi người trên hoặc trong một bài nói với công-chúng, cử-tọa, độc-giá, người viết nói rằng: "chúng tôi thiếu-nghĩ..., chúng tôi quan-niệm rằng..." thì "chúng tôi" ra cái ý nhún mình khiêm-cung hơn là "tôi". Vì vậy, "bè-bạn" khác với "chúng bạn" là thế. Khi nói "ai thèm chúng bạn với nó" thì ý rẻ-rúng khinh thường vẫn nặng hơn khi nói "ai thèm bè-bạn với nó"

* Người Âu-Mỹ nói "ils, elles, il, elle" hay "they, he, she", ta không thể bất cứ trường-hợp nào cũng thay bằng "chúng nó, nó, hắn, y". Thật là ngây-ngô, tức cười khi phải nghe nói như sau: "Tôi mua cái này cho má tôi, nó thích lắm", lời nói không thể chấp-nhận này gọi là ngây-ngô vì hẳn là do người mới học tiếng Việt chưa thông-hiểu văn-hóa Việt-Nam.

* Một số người bình-dân miền Nam nói rằng:

"Tôi mua cái này cho má tôi, bà thích lắm"

Thế nhưng thay "bà" bằng "bà ấy" theo cách nói sau đây:

"Tôi mua cái này cho má tôi, bà ấy thích lắm"

thì người miền Bắc thấy chói tai vì cho là kém thân-thương và thiếu lễ-độ.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Trái lại:

"Tôi mua cái này cho má tôi, bà (hay bà cụ) thích lắm".

thì lấy lại được vẻ thân-kính, trang-trọng hơn, nhất là khi nói:

"Tôi không bao giờ quên được hình-ảnh mẹ tôi lúc còn sinh-thời; cho đến nay lời Người dạy vẫn còn văng-vẳng bên tai" thì đại-danh-từ Người - viết hoa - ở đây lại thực-sự nói lên niềm tôn-kính sâu-xa:

"Nuôi con khôn lớn nên người,
Mẹ cha khốn khổ cả đời lao-đao.
Ơn Người biển cả non cao,
Đạo con phải nhớ làm sao báo đền?"
(Đỗ Quang-Vinh, *Ca-Dao Đỗ Vui Học Tiếng Việt*)

Nói về người trên mình vào bậc tôn-kính mà dùng tiếng "ông ấy", "bà ấy" thì không ổn. Như

"Thưa bác Tư, ba con đi vắng. Con sẽ thưa với ba con có bác Tư lại thăm" thì vẫn lễ-độ hơn là:

"Thưa bác Tư, ba con đi vắng. Con sẽ nói với ông ấy là có bác Tư lại thăm".

* Đối với bậc vị-vọng như: Quốc-Trưởng, Giáo-Hoàng, Tăng-Thống, Giám-Mục, Linh-Mục, Hoà-Thượng, Thượng-Tọa v.v... tuy không thân song để tỏ lòng tôn-trọng chức-vị của nhân-vật, đại-danh-từ được dùng để chỉ-danh

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

bằng "Ngài": "Chúng tôi được Quốc-Vương tiếp kiến, Ngài hẳn-như rằng..."

* Cách xưng-hô quả là có phức-tạp, nói đúng hơn là rất tế-nhị, vì nó thể-hiện tâm hồn Việt-Nam, nói lên đặc-thù của văn-hóa Việt.

Con cái gọi cha mẹ là: bố mẹ, ba mẹ, ba má, thầy u, thầy bu, thầy mẹ, thầy đê, tía bầm, cậu mợ v.v... Hai tiếng "cậu, mợ" rất thông-dụng trong giới thị-thành miền Bắc. Vợ chồng gọi nhau là cậu mợ, con cái gọi bố mẹ cũng là cậu mợ, mẹ chồng gọi con trai, con dâu cũng cậu mợ. Ta hãy nghe bà Ân, mẹ chồng hệt của cô Mai trong "Nửa Chừng Xuân":

"...Mai hai má đỏ bừng, đầu nóng như sốt, ngồi im không đáp. Bà Ân lại hỏi:

'Mợ nên nghĩ đến cậu ấy, trong sáu năm nay không một phút nào là không nhớ thương mợ.'

Mai giận đến cực-điểm, rồi không nhin được nữa:

"Tôi xin cụ đừng gọi tôi là mợ. Tôi không phải, tôi không còn là con dâu cụ, mà cũng không bao giờ cụ thêm nhận tôi là con dâu cụ, cụ nhớ điều ấy cho. Vậy cụ cứ dùng chữ cô cũng đủ lắm rồi." (Khái-Hưng, *Nửa Chừng Xuân*, trang 264)

Ngày xưa còn chế-độ tập-ấm, vua phong cho con các đại-thần là ấu-sinh, ấu-tử được hưởng một số đặc-quyền. Vì thế người ngoài gọi là các "cậu ấu", gọi vợ cậu là mợ. Con

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

cái cũng theo gia-nhân gọi bố mẹ là cậu mợ, rồi vợ chồng cũng quen miệng gọi nhau là cậu mợ luôn, lâu dần hai tiếng này phổ-biến trong các gia-đình quyền-quý nhất là ở giới thị-thành.

Tại một vài vùng miệt Hậu Giang, người thanh-niên tỏ tình với người yêu gọi "bậu" xưng "qua".

"Trách mẹ, trách cha, qua không trách bậu,
Cha mẹ bậu tham giàu, gả bậu đi xa.

Trong một vở thoại-kịch của đoàn Vũ-Hân hồi thập-niên 1960, một cảnh có màu sắc thật dân-tộc nổi bật khi anh chồng theo học ở tỉnh về, quần áo tây, thắt cà-vạt, chị vợ nhà quê được cưới gả từ lúc chàng còn hàn-vi ở quê nhà, chị hoảng-hốt kêu la khóc-lóc "Nhà ơi nhà! có điều gì không nên không phải thì nhà nói ra, sao nhà lại thắt cổ tự-tử vậy?" Tiếng "nhà" ở đây trở người chồng, nói bằng giọng âu-yếm nhưng còn thấy ngại-ngùng không dám nói thẳng cái sự âu-yếm ra như hai tiếng "anh, em" hay "mình mình"

Trong ca-dao, trai gái tỏ tình với nhau, để che giấu bớt cái sự âu-yếm ấy, họ xưng-hô lấp-lửng:

" Mẹ già như chuối chín cây,
Sao đấy chẳng liệu cho đây liệu cùng?"

Hai tiếng "liệu", liệu trước là liệu việc nhân-duyên, liệu sau là liệu chung việc săn-sóc lo-lắng cho mẹ già, thêm vào cách xưng-hô "đây, đấy" rõ là giọng thân yếu nhưng còn e-ấp ngượng-ngùng nên nói lấp-lửng trống không, e-ấp nên chẳng dám như ai kia nói thẳng ngay là "mình, mình" vì

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

chưa chính-thức nên chồng, hay là "anh em" như đã dặn-dĩ
bộc-trực tình yêu âu-yếm.

"Ví dù đây có lòng yêu,
Bảo đây gánh đá Đông-Triều cũng đi."

hoặc:

"Thấy anh, em những mơ-màng,
Tưởng rằng đây đây phượng-hoàng sánh đôi."

Thúy-Kiều trình-bày hơn thiệt để khuyên giục
Thúc-Sinh phải sớm dứt-khoát tính-toán tình-trạng "già
nhân-ngãi non vợ chồng", mong sao được "trong ấm thì
ngoài mới êm", chàng đã trả lời:

"Sinh rằng hay nói dè chừng,
Lòng đây, lòng đây chưa từng hay sao?"
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Cái cách xưng-hô "qua, bậu, nhà, mình, đây, đấy" là cách
nói lửng-lơ muốn diễn-tả sự âu-yếm mà lại không nói ra, bỏ
lửng như ngấp-ngừng e lệ. Nhưng càng lơ-lửng mập-mờ, lại
càng cực-tả hết tình âu-yếm nồng-nàn.

2- Về cách diễn-tả

Khi muốn diễn-tả một ý-nghĩ, một hành-động, một cảm-giác,
một sự-kiện hay một nhận-xét, từ-ngữ cũng không phải
nghèo-nàn. Những từ này có thể riêng-biệt khác hẳn nhau,
cũng có thể là do ghép thêm vào một tiếng đệm hay một vài
thuộc-từ khác thành những tiếng ghép đôi, ghép ba trở nên

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

những thành-ngữ. Tất cả cùng diễn-tả một chủ-điểm song mỗi từ-ngữ là mỗi ghi nhận tinh-tế các chi-tiết và các trường-hợp khác nhau.

a. Những tiếng riêng biệt khác nhau.

* Cũng chỉ là một động từ "Porter" để tả động-tác "mang", theo Pháp-ngữ, tiếng Việt có biết bao nhiêu cách nói để phân-biệt tỉ-mỉ những cách "mang" khác nhau: đem, vác, xách, cắp, bưng, bê, quấy, gánh, khiêng, đội:

“Lao-xao gà gáy rạng ngày,
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu,
Bước chân xuống cánh đồng sâu,
Mắt nhắm, mắt mở, đuổi trâu ra đồng.
Ai ơi, bưng bát cơm đầy!
Nhớ công hôm sớm cấy cày cho chăng?”

"Mang" là nói chung-chung tổng-quát: mang trong người, mang trên vai:

“Vai mang túi bạc kè-kè,
Nói quấy, nói quá người nghe rầm-rầm.”

nhưng nếu nặng mang trên vai thì phải chỉ-định rõ hơn bằng động-từ "vác":

“Anh đi, em ở lại nhà,
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ.”

Nếu "mang" hàm-ý chuyển-dịch từ nơi này tới nơi khác thì việc mang theo như vậy được chỉ rõ bằng động-từ "đem":

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Ai đem con sáo sang sông,
Để cho con sáo sổ lồng, sáo bay?"

Cầm một tay mà mang đi khác với kẹp bên hông bên sườn,
cho nên "xách" khác với "cắp"

"Chôi cùn cặp nách khăng-khăng,
Hễ ai hỏi đến thì văng ngàn vàng."

Mang bằng hai tay gọi là "bê". Nhưng nếu bê một cách cẩn-
trọng thì gọi là "bưng". Bê thì hai tay đỡ thấp, mà bưng thì
nâng cao trước ngực như có vẻ trân-trọng giữ gìn:

"Nghĩa nhưn như bát nước đầy,
Bưng đi mà đổ, hốt đầy được đâu!"

hoặc:

"Con đã bảo mẹ rằng: đừng!
Mẹ hãm, mẹ hứ, mẹ bưng ngay vào."

Dùng đòn như đòn gánh, đòn xóc, đòn càn mà mang trên
vai ấy là gánh. Nhưng gánh cũng chỉ là nói chung-chung,
như:

"Gánh vàng đi đổ Sông Ngô,
Đêm năm mơ tưởng đi mò Sông Thương."

Còn nếu nói quảy gánh, thì ý nghĩa được tượng-hình linh-
động hơn, cho ta hình-dung ra cử-động ghé vai mà gánh,
nhẹ-nhẹn chuyển gánh lên vai mà nhẹ-nhàng cất bước,
cho nên mới nói "quảy gánh lên vai":

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

"Buộc yên, quảy gánh vôi-vàng,
Mỗi sàu sè nửa, bước đường chia đôi."
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Ấy là khi ở hai đầu đòn trước sau đều phải gánh; nếu sức nặng của vật mang theo chỉ trĩu ở một đầu - đầu sau của đòn - thì khi ấy gọi là "gồng". Cho nên nói "Kẻ gánh người gồng" là vậy. Chẳng hạn nói rằng: "Kẻ gánh người gồng tập-nập tản-cư ra khỏi thành-phố". Khi nói: "các cô gái quê gánh-gồng ra chợ tỉnh", hình-ảnh "gánh-gồng vẽ ra cảnh đoàn người đòn gánh nặng trĩu, thoăn-thoắt trên đường xa, tay đong-đưa lên xuống đánh theo nhịp bước:

"Anh đi anh nhớ non Côi,
Nhớ sông Vị-Thủy, nhớ người tình chung,
Quản bao non nước ngại-ngùng,
Lấy ai san sè, gánh gồng đàng xa?"

Còn như mang trên đầu, lấy đầu mà đỡ, tiếng Việt dùng động-từ đội:

"Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư..."

hoặc:

"Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài,
Một tay thì cặp hoả-mai,
Một tay cặp giáo quan sai xuống thuyền,
Thùng-thùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa."
(Ca-Dao)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Ngôn-ngữ ấy phong-phú do óc nhận-xét tinh-tường.

Bởi vậy nhận-xét về màu sắc người ta phân-biệt mỗi màu đen mỗi khác, nên phải dùng những tiếng khác nhau mà chỉ-định: áo thâm, chó mực, ngựa ô, mèo mun, dầu hắc, gà ác, trâu đen, tất cả đều chỉ tả chung một màu đen mà riêng cho mỗi trường-hợp.

Tuy cùng là loài ăn cỏ nhai lại, song nếu bò non thì gọi là bê, trâu non gọi là nghé.

Cũng là lấy thức ăn vào bát, nhưng phải nói mức canh, mức cháo, xới cơm. Khi thổi cơm, muốn cho cơm khỏi "trên sống dưới khô, tứ bề nhão nhoét" thì phải *ghế* cơm, cơm chín rồi thì *xới* cơm ra, đắp thêm vào thì *đơm* cơm cho đầy bát, hay *đơm* đĩa rau sao cho không có ngọn.

* Nếu ngôn-ngữ đã biểu-thị một nhận-xét tinh-tế thể nào thì khi bày tỏ một ý-nghĩ cũng phải làm sao diễn-tả cho rõ-ràng thể ấy. Cũng là phủ-định, song khi thì "không, khôn" lúc thì "chẳng, chả".

"**KHÔNG**", mang tính-chất phủ-định khách-quan, nặng về bản-chất của một sự-kiện, hay của một khách-thể.

Không mua rượu, không phải là vì không có tiền nên mới không mua, Nguyễn-Khuyến có thơ rằng:

“Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua, không phải, không tiền, không mua”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cái sự-khiện nó thế là như thế! Nó chỉ đơn-giản khách-quan ghi nhận một thực-tại, xác-định có sự hiện-hữu hay không? Sự-khiện là không bạn hiền và không mua rượu. Sự-khiện là bác-bỏ ngộ-nhận cho rằng vì nghèo không có tiền nên không có rượu uống. Sự-khiện xác-nhận rằng bởi không có bạn hiền nên không mua rượu ngon. Rõ-ràng chỉ có thế! Bản-chất của sự-khiện là "có" hay "không"? là xác-nhận hay phủ-nhận? Thấy thế nào, nghĩ ra sao thì nói ra cho thấy rõ sự việc nó như vậy, không chủ-động luận thêm cái ảnh-hưởng của nó biến-chuyển tới tâm-lý của chủ-thể như thế nào.

Cũng như muốn xác-nhận tình-trạng sức khỏe hiện ốm đau hay mạnh khỏe? Mạnh thì rằng có khỏe hay nói ngược lại là không ốm đau, Tú-Xương kể lại trong bài tự-trào "Mùa hè mặc áo bông" rằng:

"Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông,
Tưởng rằng ốm nặng hoá ra không."

Giản-dị đó chỉ là *phủ-định một cách khách-quan* bác-bỏ ngộ-nhận cho rằng ốm nặng và xác-nhận rằng vẫn khỏe mạnh, "không đau".

Khi nói "thuốc này không say" ấy là vì thuốc chất-lượng kém nên người sành điệu hút vào bảo rằng thuốc không say. Bản-chất của sự-vật, của khách-thể nó thế là như thế! Thuốc nhạt lăm, nên hút không say. Không phải riêng mình ta thấy như vậy mà bất cứ ai sành điệu đều cùng nhận xét như thế. Nó tùy thuộc ở bản-chất của vật-thể, chứ không thay đổi theo lòng người, người hút chỉ mô-tả sự nghiệm-xét của mình: không say là tại thuốc nhạt, chứ không mở ra cái tâm-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

trạng của mình là thế nào như khi nói rằng: "Thuốc không thể làm ta say", nói khác đi "khó làm cho ta say": không say là tại ta chứ không tại thuốc.

Tiếng "không" phủ-định trong bài ca-dao sau đây đã mô-tả, ký-sự thực chất của một sự-vật: của cây "không hoa mà có quả", cũng như hiện-trạng của một sự-kiện: của việc "không chồng mà lại có con".

“Không hoa có quả mới kỳ,
Có hoa có quả, cây gì lại không?
Không chồng mà chứa mới ngoan,
Có chồng mà chứa, thế-gian sự thường.”

Bởi vậy, "**KHÔN**" thì mang tính-chất *phủ-định chủ-quan, hàm-ý miễn-cưỡng, không thể được, thiên về tâm-lý của nhân-vật chủ-thể*: tuy cũng muốn đấy mà không thể được, hoặc vì bản-chất của thực-tại ngăn không cho thực-hiện, hoặc vì do chính lòng mình xui nên. Trừu-tượng như: nỗi nhớ khôn nguôi, nỗi buồn khôn xiết, niềm vui khôn tả, đau xót khôn lường, hoặc cụ-thể như trong thơ Yên-Đỗ:

“Ao sâu, nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.

Tất cả đều cho thấy: hoặc cái trạng-thái buồn vui, mong nhớ xót xa nó lớn-lao quá độ đến nỗi lòng người không lúc nào có thể khuây-khỏa, không tài nào kể ra cho xiết, tả hết nên lời hay đo lường đúng mức; hoặc cái bản-chất của ao sâu dâng nước lên menh-mông đến nỗi không làm sao có thể thả vó buông chài. Đây là có muốn mà cũng không thể nào muốn cho được.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nước mắt cũng có bằng ấy thôi! Ai cũng có thể khóc được. Song khóc ít, khóc nhiều, lệ hoen rướm-rướm hay tuôn trào lã-chã là do ở lòng người có muốn hay không, do mức độ cảm-xúc của con người chứ không phải do nước mắt có nhiều hay ít. Một khi lòng đã sâu muộn ủ-dột thì dù không muốn khóc cũng không thể ngăn rơi giòng lệ. Đây là do tâm-tính của người nhạy cảm dễ nhớ, dễ thương, dễ mau nước mắt, cho nên Tú-Uyên trong Bích-Câu Kỳ-Ngộ mới

"Tình thơ lai láng, sóng Tương khôn hàn"

Dù cho bản-chất của sự-vật nên "Khôn chài cá" hay dù tại lòng mình mà "sóng Tương khôn hàn" thì tiếng "khôn" diễn-ý phủ-định ở đây cũng *nhấn mạnh đến tâm-lý chủ-động của nhân-vật* so với tiếng "không".

Còn như "**CHẰNG**", *một khẳng-định của phủ-định, thì dung-hợp được cả "khôn" và "không"*. Người hút có thể bảo rằng thuốc này nhạt lắm, chất-lượng kém hơn nên hút chẳng say (ấy là "không"), hoặc bảo rằng thuốc này đậm ngon như thế mà chẳng thể làm ta say, phải chẳng vì lòng ta u-ẩn niềm nhớ cố-hương nên chẳng cảm thấy say (ấy là "khôn", là không thể). Mà thực vậy,

"Nhớ ai như nhớ thuốc Lào
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên."

Thế nhưng, xa quê hương thì đã có thuốc lá thơm! Dù có hút thuốc điếu hay cho là có thuốc Lào đi nữa, thì thuốc Lào trồng nơi đất khách cũng chẳng thể sánh bằng thuốc Lào Tiên-Lãng, Cái-Sắn mà mờ sáng thức dậy rít một hơi đã đủ để ê-mê choáng-váng. Thuốc ở đây phẩm-chất kém, không

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

cao, không đậm-đà bằng, nên quả là không say. Thuốc Lào ở quê nhà gửi sang, ngon đấy, thế mà cũng chẳng (thể) làm ta say!

Như sẽ đề-cập, nguyên tính nhạc không thôi của ngôn-ngữ Việt, tự nó cũng đã diễn-ý cho lời rất nhiều, cho nên "chẳng" với trầm-thượng-thanh nghe ra vẫn mạnh hơn, vừa có giọng khẳng-quyết, vừa có vẻ chán-chường, nó vừa khách-quan ghi nhận đặc-tính của sự-vật, vừa nhấn mạnh cái cảm-nghĩ tình-ý của người ghi nhận. Cho nên có thuốc, có trà đấy, mà kẻ lữ-thứ hoài-hương đành chép miệng:

"Thuốc điều chẳng say, chất giọng trà!"

hay bâng-khuâng thờ dài (nếu thay "chẳng" bằng tiếng khác)

"Thuốc điều nào say, chất giọng trà!" (xem Phụ-lục II)

Bởi vậy:

"Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng-nhàng."
(Nguyễn-Khuyến)

vẫn khác hẳn:

Cũng không giàu mà cũng không sang,
Không gầy, không béo, chỉ làng-nhàng.

hay như Truyện Kiều:

"Mà ta suốt một năm ròng,
Thế nào cũng chẳng giàu xong được nào."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

vẫn mạnh hơn:

"...Rồi ra không thể giấu xong được nào"

hoặc:

"...Rồi ra khôn giấu cho xong được nào"

Đúng thế, "không" thì kém quả-quyết hơn "chẳng": "chẳng có thì đừng", ý vẫn dứt-khoát hơn là: "không có thì thôi", hoặc:

"Ta rằng ta chẳng có ghen,
Chồng ta, ta nghiện, ta nghiện, ta chơi."

"Chẳng" mà đi kèm theo với "nghiến, nghiền" thì nghĩa đã mạnh-mẽ, rắn-rỏi, lại thêm quyết-liệt hơn, tưởng chừng như đang nghiến răng mà nói.

Thế nhưng "**CHẢ**", thì lại nghe ra giọng nũng-nịu ngọt-ngào, vẻ chán-chường hờn giỗi, hay thờ dài băng-khuâng.

Em bé nũng-nịu với chị: "Em chả thèm đâu!". Chán-chường thất-vọng, bà mẹ than-thở: "Anh Hai con đi đã năm, sáu năm nay rồi, sao vẫn chả thấy tin-tức tăm-hơi!".

Cũng như "hổng" thay cho "không" ở miền Nam, "chả" là thổ-ngữ của miền Bắc thay cho "chẳng". Song giọng nói hạ điệu nhẹ-nhàng của "chả" khiến cho tình-ý diễn-tả nó không sống-sượng, thẳng đuốn như giọng nói quyết-liệt của "chẳng".

Cho nên bà Án - mẹ Lộc - trong "Nửa Chùng Xuân", trước câu nói đốp-chát của cô Mai, con dâu bị bà ruồng-rẫy, bà

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

đành điệu giọng "nhắc lại lời đã nói", mong vượt được cơn "giận đến cực-điểm" của cô, bà nói:

"Mợ chả nên thế, một ngày là nghĩa!"
(Nửa chừng Xuân, trang 264)

Cho nên nói rằng:

"Tiếc thay cái tấm lụa đào,
Áo rách **chẳng** vá, vá vào áo tơ!
Trời ơi! Có thấu chẳng trời?
Lụa đào má vá áo tơ sao đành!"

thì "chẳng vá" so ra vẫn mạnh-mẽ và không tỏ được cái tiếc-nuối ra vẻ hờn giận, nhẹ trách bằng:

"Tiếc thay cái tấm lụa đào,
Áo rách **chả** vá, vá vào áo tơ!"

Bởi vậy người vợ trong ca-dao đã hờn trách chồng bằng một giọng tràn đầy yêu thương tình-tứ:

"Đêm qua, đêm lạnh đêm lòng,
Đêm đắp áo cánh, đêm chung áo dài,
Bây giờ chàng đã nghe ai?
Áo cánh chả đắp, áo dài chả chung."

Nhân nói về tiếng "*không*", tưởng cũng nên thêm rằng: "*không*" không phải chỉ là một phủ-định-từ mà còn là một vấn-từ nữa.

Phân-tích những câu sau đây mới thấy sự phong-phú tinh-tế trong cách dùng từ của người Việt-Nam.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Sao? Nó nói không?
Sao? Nó có nói không?
Sao? Nó nói hả?
Thế nó chưa nói hả?
Nó không nói hả?
Nó sẽ nói hả?

Cũng là hỏi để yêu-cầu trả lời rằng có hay rằng không, hai câu đầu: hỏi khi chưa chắc-chắn lắm về việc xảy ra, những câu sau thay "không" bằng "hả" có thanh trắc dẫn giọng hơn thì rõ ra cái ý-nghĩa mạnh-mẽ hơn, như đã nắm chắc sự-kiện rồi song còn muốn xác-nhận lại để cho ý được xác-quyết hơn. Cho nên lúc thì hỏi "không?" lúc thì hỏi "**hả**" là vậy. Nói theo miệt Vườn Nam-Bộ thì cách hỏi trên có vẻ như hỏi lỏng-bông mà cách hỏi dưới là **hỏi giựt một**. Ngay như hỏi "không" thôi, ý cũng phần nào kém hơn hỏi "có...không". Thêm tiếng có với thanh trắc thì nhấn thêm giọng nói cho mạnh, đưa thêm ý muốn biết cho được rõ-ràng hơn so với chỉ hỏi trong "không" thôi, vì tiếng "không" bình-thanh làm cho câu hỏi nghe ra nhẹ-nhàng. Cũng giống như trong câu xác-định nếu viết rằng "nó nói" thì ý vẫn không xác-quyết bằng "nó có nói". Tiếng có thêm vào làm chức năng như trợ-động-từ "to do" trong Anh-ngữ vậy.

_b- Những tiếng ghép thêm tiếng đệm hay thuộc-từ

* Cũng là "**lạnh**" song để giảm mức độ lạnh thì nói "**lành-lạnh**". Tùy theo mức độ gia-tăng và mỗi cảm-giác của lạnh gây nên, người ta nói: lạnh-lùng, lạnh ngắt, lạnh giá, lạnh buốt, lạnh cóng. Những từ này vừa ghi nhận cái lạnh

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

của thiên-nhiên bên ngoài theo nghĩa hẹp vừa để tả cái tình-cảm, nổi lòng bên trong theo nghĩa rộng.

Thế nhưng nói rằng: "ông ấy có thái-độ **lạnh-lùng**" thì lại khác với "anh em nhà ấy **ghẻ lạnh**". Tuy cùng diễn-tả sự kém nhiệt-tình theo nghĩa bóng nhưng hai thái-độ khác hẳn nhau, thái-độ **lạnh-lùng** nhìn theo một khía cạnh tiêu-cực là thờ-ơ, không thăm-thiết, không vốn-vã, là đứng-dưng không chút xúc-động; nhưng **ghẻ lạnh** thì có vẻ tích-cực hơn, hàm-ý bất-hòa xa cách, ghét bỏ không ưa, âm-ý sẵn cái mầm chia rẽ để đưa đến xích-mịch đổ vỡ.

Đến như "**lạnh tanh**" thì không phải chỉ tả khung cảnh lặng-lẽ "vắng tanh" mà còn muốn nhấn mạnh đến hậu quả của trống vắng là "**lạnh-lẽo**", nó khác hẳn với "**lạnh ngắt**" chỉ tả mức độ và cảm-giác của lạnh chứ không tả cảnh-tượng gây ra cảm-giác ấy:

Ví dụ như"

"Trải vách quế, gió vàng hiu-hắt,
Mảnh vũ-y lạnh ngắt như đồng"
(Cung Oán Ngâm Khúc)

So với:

"Ngó lên nhang tắt đèn thờ,
Mẫu-thân đâu vắng, bàn thờ lạnh tanh."

* Ghi lại một sự-kiện, chẳng hạn nói về sự chết, nhưng lại diễn-tả nhiều cách khác nhau:

"Yêu anh cốt rã xương mòn,
Yêu anh đến thác cũng còn yêu anh."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Người ta cố né tránh dùng động-từ "chết", nghe ra như có vẻ phũ-phàng. Người ta lựa lời nhẹ-nhàng xa-xôi mà bày tỏ như cuộc đối thoại sau đây:

- "Bố con mất rồi!
- Ông qua đời hồi nào? Tôi đâu có hay.
- Dạ, cũng được hai tháng, bố con đi nhẹ-nhàng lắm."

Bày tỏ lòng tiếc thương với người thân yêu "liạ đời", người ta cầu chúc cho linh-hồn người quá-cổ được an giấc ngàn thu hay tiêu-du tiên-cảnh. Vĩnh-biệt người chết, vừa như an-ủi tang-quyển, vừa như nói với người đã nằm xuống, người ta cất tiếng: "Cụ ngủ ngon quá, giấc ngủ của cụ thanh-thản êm-đềm". Trong đám tang tiễn đưa, người ta nghe tiếng khóc "ông ơi, sao ông vội trốn tôi, ông bỏ đi". Đã có lần, người viết cho dầu đang thốn-thức trong tiếng khóc thầm trước linh-cữu thân-phụ, cũng đã phải khựng lại chú ý khi nghe bà bác vừa tuổi xấp-xỉ gần đất xa trời cất tiếng khóc rằng: "cậu tề lắm, sao cậu lại ăn vụng, ăn tranh phần tôi?".

Tùy người, tùy cảnh tùy mỗi tình-huống, tất cả những từ-ngữ, những lối diễn-tả trên xung-quanh có một cái chết, chúng tỏ tiếng Việt thật uyển-chuyển phong-phú vô-cùng.

* Cũng là mô-tả kiểu ngòi, ghép thêm một vài tiếng thuộc-từ, ta có ngòi xồm, ngòi bó gối, ngòi duỗi chân, ngòi xếp bằng tròn, ngòi chống nạnh, ngòi bắt chân chữ ngũ (ngòi bắt chéo) v.v... Sau này thêm tiếng lóng "ngòi nước lụt" để chỉ ngòi xồm. Cách ngòi thì có ngòi vắt-véo, ngòi nghễ-nghện, ngòi ngắt-nghểu, ngòi nhấp-nhổm, ngòi bảnh-choe, ngòi một đồng...

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Ai bảo chần trâu là khổ?
Chần trâu sướng lắm chứ!
Đầu đội nón mê như lọng che,
Tay cầm cành tre như roi ngựa,
Ngồi ngất-nghêu trên mình trâu..."
(Quốc-Văn Giáo-Khoa-thư)

hoặc như Tú Xương trong bài "Cái Học Nhà Nho":

"Cô hàng bán sách lim-dim ngủ,
Thầy khóa tư-lương nhấp-nhồm ngồi."

hay như Nguyễn Khuyến nói trong bài "Ông Tiến-Sĩ giấy":

"Ghế chèo lọng xanh ngồi bảnh-choẹ,
Nghĩ rằng đồ thật, hoá đồ chơi."

* Diễn-tả một cảm-nghĩ hay một nhận-xét, cũng một tiếng "Rối" ghép thêm những tiếng đệm vào, từ đó sinh-sôi nảy-nở ra biết bao nhiêu tiếng khác, mỗi tiếng áp-dụng cho mỗi tình, mỗi cảnh, ví dụ câu nói sau đây:

"Trong khi họ reo mừng rối-rít, thì lòng mình *bối-rối* lo-âu, toàn là những chuyện *rối-ren* đầu đầu nhức óc. Càng nghĩ càng thêm *rối-rắm* chẳng có lối ra. Đã vậy, ngoài xã-hội thì *rối loạn* đảo-điên. Chuyện mình, chuyện đời, chuyện nhà, chuyện cửa cứ *rối lên* như mớ bòng-bong. Lòng dạ thật *rối như tơ vò*".

Cho nên có người bảo: "Tiếng Việt *rắc-rối*". Nói như vậy chưa đúng hẳn. Chỉ gọi là rắc-rối khi nó gọi cho ta cái cảm-giác khó chịu không vui vì đối-tượng vốn khôn-lường, khôn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

thầu: "Con người ấy rắc-rối khó hiểu, chẳng biết đâu mà lường". Cũng như nàng Kiều khi "thăm đờn" Hoạn Thư mới vỡ lẽ con người này thật là "nham-hiểm rắc-rối" vì:

"Chước đâu có chước lạ đời?
Người đâu mà lại có người tinh ma?
Rõ-ràng thật lừa đời ta,
Làm ra con ở chúa nhà đời nơi."

Bởi vậy, nàng mới:

"Càng trông mặt càng giận-ngờ,
Ruột tửm đòi đoạn như tơ rối bời."

Tiếng Việt quả là có nhiều-khê phức tạp. Song chính cái nhiều-khê ấy lại phản-ánh một tập-tục, thể-hiện một nếp sống với những lễ-nghi gia-giáo kiểu-cách cổ-truyền. Chính cái phức-tạp ấy lại nói lên óc tinh-tế của người Việt trong cách nhận-xét và diễn-tả của mình, quen để ý và phân-biệt từng chi-tiết của cuộc sống. Chính cái nhiều-khê phức-tạp ấy đã làm giàu cho ngôn-ngữ Việt-Nam, biểu-hiện trọn vẹn nhân-sinh-quan và vũ-trụ-quan, nói lên hết tình-tự dân-tộc.

II- Kiểu nói lái

Kho từ-ngữ phong-phú ấy còn được bổ-sung bằng một từ-hoa đặc-biệt: kiểu nói lái. Nói lái là nói ngược lại, đảo lộn thứ tự trước sau của mỗi từ và lấy dấu của từ này rập đối với dấu của từ kia, hoặc lấy phụ-âm đầu của từ này đổi với phụ-âm đầu của từ kia, để ghép thành một tiếng mới vẫn có ý-nghĩa tuy nghĩa đã đổi khác. Đây là một cách hài-hước

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

phản-ánh tính hiếu-kỳ thích tìm-tòi, ưa đố vui của người Việt-Nam.

1- Về cách nói lái liên-quan tới Hán-tự

* Giai-thoại về Trạng còn kể lại chuyện món ăn "Đại-Phong" dâng lên chúa Trịnh, để răn Chúa một bài học cần biết cảm-th ông với nỗi khổ của dân cũng như để hiểu cái tâm-lý thế nào là ăn ngon, mặc dầu nhà Chúa lúc nào cũng đầy-đủ cao-lương mỹ-vị đến sinh ra bệnh chán ăn kinh-niên. Sau khi để Chúa đói quá vì chờ mãi món ăn "mâm đá" do Trạng định thết Chúa, Chúa đành chấp-nhận ăn cho đỡ đói một bữa ăn không cần thịnh-soạn, Chúa đòi được ăn xuềnh-xoàng như Trạng vẫn thường ăn. Ăn lấy ăn để, gật-gù tấm-tắc khen ngon, Chúa hỏi :

- Nhà ngươi cho ta ăn thức gì mà ngon quá vậy?
- Bẩm Chúa, đây là món đại-phong.
- Thế là thế nào?
- Thưa, đại-phong là gió lớn. Gió lớn thì đổ đình đổ chùa, sư sãi bỏ chạy, tượng cũng phải lo. Mà tượng lo là lọ tương ạ.

Thì ra đây là món rau muống chấm tương và tượng lo đọc lái hai tiếng lọ tương. Cả hai đều có nghĩa.

* Ngày nay các tay nhậu vẫn ưa cái món thú nhất trên đời, gọi nó là "mộc tồn". Theo nghĩa chữ Hán, mộc tồn là cây còn. Cây còn nói lái lại là con cầy tức con chó, món ăn mà họ vẫn thường nói:

"Sống trên đời đánh miếng dồi chó,
Xuống âm-phủ biết có hay không?"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Cuối thập niên 40, tại miền Tây Nam Việt, Đốc-phủ Nguyễn Văn Tâm, quận trưởng quận Cai Lậy, nổi tiếng tàn bạo, bị thiên-hạ gọi là "Hùm Xám Cai Lậy", được Pháp tin dùng, sau làm thủ tướng thời chính quyền Bảo-Đại. Giai-thoại kể rằng khi Nguyễn Văn Tâm ra kinh lý ngoài Bắc, nhân sĩ Bắc Hà mừng Tâm bức hoành phi đề 4 đại-tự "Đại Điểm Quần Thần", ý nghĩa ca tụng ông thủ tướng là một quan to, thành-phần ưu-tú bậc nhất (Đại Điểm) đứng đầu trong hàng các triều-thần (Quần-Thần). Dịch nghĩa chữ Hán thì Đại là *Lớn*, Điểm là một *Chấm*, có nghĩa là *Chấm To*, nói lái là *Chó Tâm*, còn quần-thần có nghĩa là *Bầy Tôi* trong triều, nói lái là *Bồi Tây*, bức hoành phi đại tự hàm ý xỏ xiên chữ xéo Nguyễn Văn Tâm: *Chó Tâm là Bồi Tây*.

* Vùng Hà Đông, có ông Chánh Tổng tại chức mãi mà không chịu lui về, nhường chỗ cho người khác, viên Phó tổng bèn nhờ người tặng ông Chánh Tổng ba chữ "*Tư vô tà*". Hiểu theo Kinh Thi thì "Tư vô tà" chính là đạo người quân tử giữ tâm trong sạch (*sách Luận Ngữ có câu: "Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết: "tư vô tà" nghĩa là Thi có ba trăm thiên, nhưng chỉ một lời có thể tóm được tất cả là: không nghĩ bậy.*) Chánh tổng được tặng chữ thích lắm, cứ treo mãi trong nhà cho đến lúc có người cắt nghĩa: "*Tư vô tà*" chính là "*Ta vô tử*", nghĩa là "Ta không chịu từ chức", ý mắng cụ Chánh Tổng tham quyền cố vị, cố dăm ăn xôi không nhường chức Chánh tổng cho người khác.

* Năm Tự Đức thứ 26 (1873), Ông Ích Khiêm được cất nhắc vào chức Tiểu Phủ Sứ, vâng lệnh vua cầm quân ra Bắc dẹp giặc Lý Dương Tài ở Hồ Ba Bể. Xuất phát từ Thái Nguyên lên tới nơi phi đóng quân phải mất hơn 10 ngày.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Ông dẫn quân trèo lên ba đỉnh núi mà bọn phi đóng ở dưới chân núi. Nửa đêm, ông cho quân buộc dây từ đỉnh núi tụt xuống, lệnh cho 4 chiếc thang la cùng gỗ, rồi 80 quân đột nhập vào doanh trại giặc khi chúng đang ngủ, chém giết trên một ngàn quân phi kể cả tên tướng giặc Lý Dương Tài. Trở về, ngang qua Hà thành, ông sai lập một ngôi đền để tưởng niệm tử-sĩ. Ông cử phó tướng đến nhà cụ Yên Đổ xin chữ để ông đề ngoài cổng đền. Phó tướng không có thói quen trọng văn-nhân. Đến nhà cụ Yên Đổ, phó tướng cao giọng: "Tiểu Phủ Sứ muốn nhờ ông viết cho mấy chữ để an ủi vong linh quân lính của tôi". Thấy thái-độ chướng tai gai mắt, Cụ cho ba chữ "*Tối Linh Từ*". Phó tướng cầm lấy, nghệt mặt ra nghĩ: sao cụ lại cho ba chữ tầm thường thế. Nấn-nĩ mãi, cụ mới bảo: "*Tối Linh Từ, tức là lính tôi chết. Tối linh, nghĩa lính tôi*".

* Giai thoại kể rằng: có một ông kia vốn làm nghề lái lợn, làm ăn phát-đạt thành đại phú-hộ, bèn cậy người đến xin quan tỉnh là bậc đại-khoa, ban cho mấy chữ để treo trong nhà cho sang trọng. Nể lời, quan tỉnh đồng ý viết cho ba chữ "*Phúc Đại Lai*". Ông ta khoái chí mừng thầm rằng quan chúc cho mình đại-phúc. Ít lâu sau, có người đến nhà đại phú-hộ chơi, xem thấy mà phì cười. Đại phú-hộ thắc mắc, người này mới trả lời: "Phúc, nghĩa là tên của ông. Đại lai, nghĩa là lớn lại. "*Phúc lớn lại*" là "*Phúc lái lợn*" chứ còn gì nữa mà ông tự hào."

* Riễu quan thị (hoạn-quan) là kẻ nịnh thần, Trạng Quỳnh đọc cho ông nghe câu văn trong sách: "*Ngã tư thế sự. Tư viết: tả, tô, chân tâm thịnh nển, giai khổng, xái châu*". Quan thị ngơ-ngác không hiểu, Trạng mới cắt nghĩa: "*Ngã tư thế sự*" là ta nghĩ về sự đời, "tư viết" là nghĩ rằng, "tả, tô,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

chấn" là mình phải tỏ ra, phải tô điểm, phải làm cho hưng chấn thêm, "*tân thịnh nền*" là cái nền thịnh trị tân tiến, còn "*giai khổng*" là đẹp-đẽ vô cùng (Không / khổng / khổng vừa có nghĩa là trống rỗng, không có gì, vừa có nghĩa là cao rộng to lớn 空), "*xái châu*" là ngọc ngà châu báu cũng không sánh kịp. Quan thị tâu với nhà Chúa lời giải thích. Trạng được Chúa khen thưởng. Quan thị đến nhà kể công với Trạng, nhờ y mà nhà Chúa ban thưởng cho Trạng. Trạng cười khẩy bảo: Câu trong sách ấy không phải tặng cho nhà Chúa đâu, mà tặng cho ngài quan thị đấy, rồi Trạng giải thích: "*ngã tư thế sự*" là tao nghĩ về cái trò đời, "*tư viết*" là nghĩ rằng, "*tả tô chấn*" là tỏ cha hấn, "*tân thịnh nền*" là tên nịnh thần, "*giai khổng*" là không giải, "*xái châu*" là xấu chơi. Kết luận là: tao ngấm nghĩ cái trò đời mà thấy nực cười, "tổ cha hấn, tên nịnh thần không giải xấu chơi"

2- Về cách nói lái thuần nôm.

* Vẫn món mọc tồn, thay vì nói giết chó hay rử nhau đánh đụng cây tơ, họ nói lái là "hạ cờ tây", tức hạ cây tơ .

* Được hỏi về tửu-lượng, tay nhậu vui-vẻ cười hăng-hặc: "ít lắm, chỉ mới lai rai có ít ly thôi", ít ly đây là "y lít" nói lái lại: uống đúng y một lít. Thế mà là ít ly thôi!! Câu nói lái trở nên câu nói khôi-hài.

* Trêu gheo công-chúa đi ngang, Trạng Quỳnh đứng bên vệ ao, cứ lấy chân đá bèo trôi. Thấy vậy, công chúa dừng lại hỏi. Trạng nói: "Hôm nay nắng cực, nên ra đây đá bèo", ý muốn riếu công-chúa qua cách nói lái hai tiếng nắng cực và đá bèo.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Nhà văn Nguyễn Bá-Triệu kể rằng: Trên báo Ngày Nay hồi thập niên 30, đưa một nữ sĩ có tên là Ngọc Hồ, nhà thơ Tú Mỡ trào-phúng nói lái trong câu đối tục sau đây:

"Hồ tù ngán nỗi con *rồng lộn*,
Ngọc vết thương tình kẻ *cổ đeo*."

* Để riêu các "lãnh-tụ" người ta nói "tử lạnh" (miền Nam đọc sai dấu ngã thành dấu hỏi: lãnh-tụ)

* Sau 30-4-1975, trong chính-sách "lùi một tiến hai", "đánh xoa, đả vuốt" để xoa vuốt bằng các chiến-dịch sửa sai đổi mới, người dân được khuyến-khích phải tranh-đấu, họ đã mìa-mai trả lời "Đấu-tranh! Lại nữa! Chị "Nguyễn Y Vân" hoặc lại ông Vũ như Cẩn! nói lái là "vẫn y nguyên" và "vẫn như cũ". (Cẩn, người miền Nam thường phát-âm không đúng giọng, đọc trại thanh "ngã" thành "hỏi", nên chính-tả sai là Cẩn, Nguyễn Y Vân là vẫn y nguyên) vì "đấu-tranh" thì nguy-hiểm lắm: "tránh đâu" khỏi bị trừ-dập, và rồi rốt cuộc cũng lại "vẫn như cũ" mà thôi". Và người dân mới hài-hước rằng: đấu tranh là đánh trâu, nhưng đánh trâu, rui bị trâu đánh thì biết tránh đâu.

* Sau đây là một cuộc đối-thoại ngắn:

- "Sao? Hồ-sơ của bác tới đâu rồi?
- Chưa nấp tê gì cả! Chưa qua được thủ-tục *đầu tiên*. Căng lắm!
- Căng cái con phải gió! Còn thủ-tục gì nữa! Đã đổi mới tư-duy rồi mà!
- Đấy chính là tin đồn của ông *Vũ Như Cẩn!*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Thủ-tục "đầu tiên" chính là nói lái hai tiếng "tiền đầu". Đây là cách châm-biếm lối tham-ô của cán-bộ nhà nước mọi việc muốn cho qua, trước hết phải có tiền để đáp-ứng được câu hỏi "đầu tiên" là "tiền đâu?". Thủ-tục đầu tiên hay thủ-tục "tiền đâu?" cả hai đều có ý-nghĩa, sử-dụng nói lái ở đây thật đặc-vị.

* Cũng như họ đã phân-biệt cán-bộ báng đò sao vàng để ám-chỉ loại đảng-viên đã "bỏ đảng" để chạy theo "sang giàu". (Hai tiếng sao vàng, người miền Nam đọc trại âm au thành ao, r đọc là d, gi nên sao vàng là sau giàng tức sang giàu) bởi vì "con đường **Bác đi**, ôi **bi đát**", hoặc nói đập lật để mỉa-mai hai tiếng độc-lập. Ai cũng biết nói lái. Trẻ em cũng rành nói lái. Nói lái để trào-phúng mỉa-mai. Những tiếng lộng kiếng, bộ-đội, vĩ-đại, giải-phóng vốn có nghĩa nghiêm-túc của nó lại được nói bằng giọng châm-biếm theo ý nghĩa nói lái, người vô-tình sơ-ý nghe câu chuyện sẽ ngỡ-ngác ngỡ-ngàng nếu không chú-ý tới giọng nói điệu văn.

* Sau ngày 30-4-1975, tại Sài-gòn, đời sống trở nên cơ-cực thiếu-thốn, trẻ em đã thực-hiện luôn khẩu-hiệu "sạch nhà sạch phố" sinh ra cái tật "chà đồ nhôm", ấy là "chôm đồ nhà" lén đem bán ve chai.

* hoặc như bài thơ sau đây, hẳn do các thầy giáo, kỹ sư làm ra để mỉa mai cảnh đời:

Kỹ-sư nay trở thành cư-sĩ
Thầy giáo nay cũng phải tháo giầy.
Giáo chức giờ cũng đành dứt cháo,
Quen khoái ăn sang nay sáng ăn khoai.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* hoặc như một bài thơ, có lẽ xuất phát từ miền Nam, vì vẫn *iêng* người miền Nam đọc trại thành *iên, ang* thành *an*, đã truyền miệng mĩa-mai rằng:

"*Chú phỉnh* tôi rồi *chính phủ* ơi!
Chú khiêng đi mất *chiến khu* rồi!
Thi đua sao cứ *thua đi* mãi?
Kháng chiến như vậy *khiến chán* thôi!"

* Lối nói lái này vốn là một tập-quán. Cho nên ngay từ xưa văn-chương bình-dân đã tận-dụng lối nói lái như một cách chơi chữ, tạo nên vẻ đẹp cho tiếng Việt.

"Con *cá đối* nằm trên *cối đá*,
Con chim *đá-đá* đậu nhánh *đá-đá*.
Anh khuyên em đi lấy chồng xa,
Nửa mai sau cha yếu, mẹ già,
Chén cơm đôi đũa, bộ kỷ-trà ai bưng?
(ca-dao)

* Đặc-biệt những khi diễn-tả lời thanh ý tục, nói lái rất đặc-dụng với các nhà thơ cổ.

Hồ-Xuân-Hương đến chùa Quán-Sứ Hà-Nội, tức-cảnh đề thơ:

"Quán Sứ sao mà cảnh vắng teo?
Hỏi thăm sư cụ *đáo nơi neo*?
Chầy kinh tiểu để sông không đấm,
Tràng hạt vãi lẩn *đếm lại đèo...*"

và trước "Quán Khách vào Thanh-Hóa", bà cũng đề thơ vịnh cảnh rồi kết-luận:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Thú vui quên cả niềm lo cũ,
Kìa cái điều ai nó *lộn lèo!*”

Đề Hang Cắc-Cớ, bà khen:

“Giọt nước hữu tình rơi lồm-bồm,
Con đường vô nạn tối om om
Khen ai *đẽo đá* tài xuyên tạc,
Khéo hớ-hênh ra lắm kẻ dòm”

Vịnh cái quạt, bà kết thúc bằng hai câu:

“Nâng-niu ướm hỏi người trong trướng,
Phì-phạch trong lòng đã *chán chưa?*”

Chán chưa nói ngược lại thành *chưa chán*, mà nói lái lại thành *chứa chan, chan chứa*, cách nào cũng có nghĩa cả.

Truyện kể rằng: Chiêu Hồ đến thăm, thấy trên dây phơi có nhiều quần áo đàn bà, nên ngại-ngần bước qua, Hồ Xuân hương liền ra vế đối:

“Tàn vàng, tán tía che đầu nhau đỡ khi *nặng cực!*”

Chiêu Hồ thấy ở đầu sân có chiếc thuyền nan, bèn đối lại:

“Thuyền rồng, mũi phượng, rẽ sóng ra khơi há *lộn lèo!*”

Vào chùa Bà-Đanh, Cống-Quyênh đề thơ: (*)

“Khen ai *đẽo đá* tạc nên mào!
Khéo đứng chi mà đứng mãi đây?
Trên cổ *đếm đeo* dằm chuỗi hạt,
Dưới chân *đứng chéo* một đôi giầy.”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Ở Quảng-Vinh

Lỗi nói lái này, không những tạo thêm được từ-ngữ mới mà cái ẩn-ý sâu sắc hàm-súc trong ngôn-từ quả đã làm nổi bật nét đặc-thù của tiếng Việt.

() Cước-chú: Chùa Bà Đanh còn gọi là Bảo-Sơn-Tự như tên đề trước tam-quan, tọa-lạc tại nơi hẻo-lánh, thường có cộp qua lại, cách huyện Kim-Bảng, tỉnh Hà-Nam chừng hai cây số, nên tục-ngữ có câu: Vắng như chùa Bà Đanh.*

III- Những tiếng khác nhau giữa các miền

Ngoài những tiếng khác nhau do âm giọng biến-đổi theo phong-thổ như sẽ đề-cập, mỗi miền vì tập-tục và sinh-hoạt đã có những từ-ngữ, thành-ngữ và đặc-từ khác nhau, điều này khiến cho kho từ-ngữ Việt vốn đã dồi-dào lại càng thêm phong-phú.

Dĩ-nhiên những tiếng khác nhau này dùng để chỉ-danh những sự-vật chỉ riêng miền này có mà miền kia lại không như cây vú sữa, trái sầu-riêng ở miền Nam, hoặc cây soan, cây ruối, bụi găng ở miền Bắc. Đây là tên gọi những đặc-sản nổi tiếng của mỗi miền.

Chẳng hạn ở miền Nam có cá nhồng, cá buôi, cá chốt như ca-dao vẫn thường hát:

“Chi ngon bằng gỏi cá nhồng?
Chi vui bằng được tin chồng vinh-quy?”

hay:

“Ba tiền một khúc cá buôi,
Cũng mua choặng mà nuôi mẹ già.”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

và

“Bạc-Liêu là xứ quê mùa,
Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều-Châu.”

Còn miền Bắc thì có con ruốc, con rươi:

“Tháng chín ăn rươi,
Tháng mười ăn ruốc”

Từ đó mới có tục-ngữ: "Kẻ ăn rươi, người chịu bão".

Ở đây chỉ nhấn mạnh đến những thổ-ngữ của mỗi miền. Đó là những tiếng đồng-âm song mỗi miền chỉ mỗi ý khác nhau hoặc những tiếng tương-ứng song lại dị-biệt không trùng lẫn với những tiếng khác và đặc-biệt là những đặc-từ, thành-ngữ riêng, phản-ánh đời sống và tâm-hồn của người dân mỗi miền.

1- Những tiếng đồng-âm song mỗi miền mỗi ý khác

* Bông: miền Nam gọi là bông trong khi miền Bắc gọi là hoa. Miền Nam gọi là bông gòn trong khi miền Bắc gọi là bông hay bông vải.

* Cây bạc-hà: để chỉ cây rau dộc mùng ở miền Bắc, miền này gọi cây bạc-hà là một loại rau húng mùi hắc không ăn như húng giũi, húng láng, thường dùng làm thang thuốc giải cảm hoặc cất lấy tinh-dầu để chế thành dầu gió như dầu bạc-hà (essence de menthe). Miền Trung gọi là cây chột nửa.

* Người miền Nam gọi là hòem, người miền Bắc gọi là cỗ quan-tài, và chỉ dùng tiếng hòem để chỉ danh cái rương của người miền Nam.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

* Quả roi của miền Bắc, người miền Nam gọi là trái mận, trong khi trái mận của miền Bắc người miền Nam cũng gọi là mận và thường khi gọi là mận Đà-lạt.

2- Những tiếng tương-ứng song hoàn-toàn dị-biệt không trùng với những tiếng khác

Miền Bắc	Miền Nam
Căn nhà	Căn phố
Sang một căn nhà	Tưởng một căn phố
Cái bát	Cái chén
Cái cốc	Cái ly
Bàn là	Bàn ủi
Hào bạc	cắc bạc
quả na	Trái mãng cầu
một vốc cơm	một vùm cơm
giã vờ	giã đồ
nồi cáu	nồi quạu (quạo)
rán	chiên
Trú mưa	đụt mưa
được	đặng
xấu hổ	mắc cỡ
nhảy cẫng lên	nhảy đồng lên
Nói phét, nói khoác, phét lác	Nói dóc, nói xạo, ba xạo, xạo để
Khoác lác	Dóc tổ
Đi một mạch	Đi một lèo, một nước
được	đặng
xấu hổ	mắc cỡ
nhảy cẫng lên	nhảy đồng lên
Nói phét, nói khoác,	Nói dóc, nói xạo, ba xạo,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

phét lác	xạo để
Khoác lác	Dốc tổ
Đi một mạch	Đi một lèo, một nước
cười ồm (rộ) lên	cười lên cái rần
Coi bộ, xem ra, có vẻ	Coi mòi
cứ thông-thả	cứ thủng-thẳng
đồn rầm, làm to chuyện	Làm rùm beng
Y hệt	Y chang, y khuôn
Tréo ngược	Tréo cẳng ngỗng, treo ngoe
Nói xa nói gần	Nói dày nói mỏng
Làm nũng	Nhõng-nhẽo
Chút ít	Chút đỉnh
giọng ca ngọt	Ca mùi, mùi rệu
Cái chum	Cái lu
chiếc thuyền	chiếc ghe
chiếc thuyền chở đầy	chiếc ghe chở khẳm

Người miền Bắc khi nói bếp-núc, nghỉ-ngơi, đường-sá, đánh-đập, ấy là đã kết-hợp với tiếng miền Trung xứ Huế gọi núc là bếp, ngơi là nghỉ, sá là đường, đập là đánh. Cũng như khi nói chuối ngự là kết-hợp với tiếng ngự của đất Thần-kinh dành riêng khi nói về vua chúa, như nói "ngự-trà" chẳng hạn. Chuối ngự là loại chuối thơm, trái rất nhỏ vỏ rất mỏng, nhỏ tựa trái chuối cao (cau) của Sài Gòn, có lẽ ngày xưa quen dùng để dâng lên cho vua chúa, ngày nay thường bày cúng trên bàn thờ Phật, tổ-tiên.

Có thể nói rất nhiều thổ-ngữ miền Nam đã trở nên phổ-thông, người miền Bắc ngày nay đã quen dùng, chứ như những thổ-ngữ miền Trung thì, như bác-sĩ Lê-văn-Lân đã trình bày (1), quả thực là "cực kỳ đặc-biệt". Những tiếng này

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Ở *Quang-Vinh*

không được nhiều người biết đến; riêng ngay tại vùng đất Thuận-Hóa "đi từ vùng giáp-giới Quảng-Trị ở phía bắc xuôi về các vùng giáp-giới Đà-Nẵng ở mặt nam" tiếng nói cũng đa-dạng "thay đổi từ huyện này qua huyện khác". Đó là phần vì đất Thần Kinh cổ-kính vốn khép kín phần vì các miền quê xứ này không phải là nơi hấp-dẫn các người dân đến sinh-cư lập-nghiệp như miền Nam phì-nhiều màu-mỡ, khiến cho sự giao-lưu văn-hóa khó thực-hiện. Chỉ nội "cái âm-sắc của Huế vốn "trầm nặng" đã đủ cho các dân Hà-Nội hay Sài-gon nghe mệt rồi, chứ đừng nói các thổ-ngữ đặc-biệt".

Những thổ-ngữ này đại-khái như là:

miền Trung	miền Bắc / miền Nam
Phách đầu	Nói xạo, nói dóc
Cái nùi	Cái nút
Cái nốt	Cái thuyền
ở nể	ở không, rảnh rỗi
Ăn cơm nể	Ăn cơm lạt
chộ	thấy, gặp (Vd: tau chộ hẵn)
nằm chộ	nằm thấy, nằm mơ thấy
chắc	Cái mình
ngồi một chắc	ngồi một mình
thời	Ăn (Vd: mời ông thời cơm)
Ngồi, thết, giắc	ngủ
cưỡi	Cái sân
Ló cầu	lúa gạo

Ngoài những dẫn-chứng nói về thổ-âm xứ Huế, tác-giả Lê-văn-Lân (*) có kể lại một câu chuyện gây-gỗ đánh lộn giữa hai vợ chồng ở một vùng quê xứ Thừa-Thiên như thế này:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Hai cây dôn đập chắc ngoài cười,
Ông trọi mụ một cây cô ót
Mụ cắm ông một cây dưới trấp bã
Ông mụ lo đập chắc từ chiều đến chừ
Không lo thừa việc ló cẩu."

Nghĩa là:

"Hai vợ chồng đánh lộn ngoài sân,
Ông đánh bà một cái trên đầu (côi ót)
Bà cắn ông một cái dưới bắp chuối (trấp bã)
Ông bà lo đánh lộn từ chiều đến giờ,
Mà không lo việc lúa gạo chi cả."

Học-giả Thái-văn-Kiểm trong bài Ô-Lâu Tình-Sử (2) cũng kể ra những thổ-ngữ miền Bình-Trị-Thiên trong bài ca-dao Châu Ô (được kể dẫn trong chương VII đoạn I.1) và trong hai câu hát đối sau đây:

- Trâu ăn giữa vạc ló lổ
Ai mà nỏ chộ, đã nguy, chưa tề!
*(Trâu ăn giữa vạc lúa trở
Ai mà chẳng thấy, đã lạ-lùng chưa kìa!)*
- Một lẽ củi sặng, chẻ ra vắn vớ (vặng vớ)
Bỏ vô lửa đỏ, than lạt thành than (g)

(*) Cước-chú:

(1) Lê văn-Lân, *Thổ-âm Xứ HUẾ (Tạp-Chí Năng Mới, số 9, tháng 6-1992)*

(2) Trong "*Làng Xưa Phố Cũ, tập 1, Hoài-Việt, Từ-Nguyên & Hồ Trọng-Khởi*"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

3- Những đặc-từ

Nói chung, nếu có rất nhiều tiếng Việt khó mà diễn-tả hết ý ra tiếng nước ngoài, thì nói riêng, ngay giữa mỗi miền đất-nước cũng có rất nhiều tiếng ở miền này khó có thể kiểm được ở miền kia những tiếng khác tương-ứng hoặc diễn-dịch cho hết ý-nghĩa, vì lẽ, như đã đề cập, ngôn-ngữ là một thực-thể sáng-tạo của đời sống, phản-ánh tất cả những sắc-thái của mọi sinh-hoạt vốn tùy thuộc ở tâm-hồn con người và tập-tục tại mỗi địa-phương.

Những tiếng Việt khả-xúc ấy, thể-hiện rõ nét khuôn dáng đặc-thù của mỗi miền, chỉ có thể gợi lên những rung-cảm thực-sự một khi con người đã tham-dự tích-cực, nghĩa là đã hoàn-toàn hội-nhập vào cuộc sống. Chính cuộc hội-nhập này đã khiến rất nhiều đặc-ngữ của người miền Bắc không còn xa lạ gì với người miền Nam sau ngày 20-7-1954. Người miền Nam đã tự-nhiên buột miệng nói những thứ ngôn-ngữ ấy của miền Bắc với tất cả tâm-tình của người miền Bắc và ngược lại những người từ Bắc di-cư vào Nam cũng đã sống thực-sự với ngôn-ngữ và phong-tục miền Nam chừng như nơi đây là chốn chôn nhau cắt rốn của họ. Người người không phân-biệt địa-phương gốc-gác đã cùng suy-nghĩ, cùng nói, cùng viết và cùng rung-cảm qua một thứ tiếng Việt mà ta không thể, như thói quen vốn dễ-dãi, nói rằng đó là tiếng Bắc, tiếng Nam, nhưng đúng ra phải nói rằng đó chỉ là cách nói của miền Bắc, miền Nam mà thôi.

Chẳng hạn, khi nói: cô ấy *rõ là đáo-đẽ!* mà giải-thích theo cách nói của miền Nam như: Thiệt là gớm-ghê, dữ-dẫn! Thiệt hết nói! hay thiệt là đành-hanh v.v... vẫn không lột tả được hết cái ý của ngôn-từ "đáo-đẽ", mà ngay chính người

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

miền Bắc cũng khó có thể làm nổi công việc giải-thích này cho thỏa-đáng. Hoặc rằng: "ngon đáo để", dù cho giải thích là ngon hết chỗ nói, hay như người miền Nam bảo là ngon hết xảy thì cái âm giọng của "đáo để" vẫn có nét đẹp riêng hình dung được điệu bộ vẻ mặt cái miệng của người khen.

Bởi vì đó là những đặc-ngữ, những biểu-từ khả-xúc đặc-thù. Nói rằng: cô ấy trông thương đáo-để, *xinh đáo-để!* thì không thể nói theo người miền Nam là: cô ấy trông thiệt dễ thương! đẹp quá chời! quá xá cỡ! Cũng như khi nói: sướng mê-tơi, dù cho tạm diễn-giải là: sướng đã đời, hay đã đời Vân-Tiên thì cũng không thể đem câu "thích đã đời" mà thay cho thành ngữ "thích chí, khoái mê-tơi" như trẻ em miền Bắc vẫn thường hát:

"...Anh chàng voi ta thích chí mê-tơi,
Liền mời anh khác đặng xa vào chơi."

Trên đây chỉ là đan-cử vài ví-dụ. Có lẽ điều đáng ghi-nhận thêm là riêng ngôn-ngữ đặc-biệt của miền Nam thì thực phong-phú dễ-dãi vô-cùng, phong-phú như ruộng đồng phì-nhiều bát-ngát, dễ-dãi như tâm-hồn chất-phác tự-do:

"Ruộng đồng mặc sức chim bay,
Biển hồ lai-láng mặc bầy cá đua."

Ngôn-ngữ mộc-mạc giản-dị ấy đã thấy tản-mát trong các tác-phẩm của những nhà văn miền Nam như Hồ-Biểu-Chánh, Bình-Nguyên-Lộc trước đây, nay lại đưa tên tuổi những Xuân-Vũ, Hải-Bằng, Nguyễn-Văn-Ba v.v... thành nổi tiếng là những nhà văn của đồng quê, "miệt vườn" Nam-Bộ. Không phải đã sinh ra và lớn lên trong ruộng rẫy như họ, thì khó mà có thể nói lên được trọn vẹn những tình-tự dạt-dào

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

bằng tiếng nói ngọt-ngào uyển-chuyển của đồng ruộng miền Nam. Chính ngôn-ngữ này đã phôi bầy tất cả cuộc sống và con người của miền Nam phóng-khoáng, cởi mở dễ thương.

Từ những chiếc *cà-ròn* quay *tòn-ten* trên vai những *bác Tám, bác Chín, dượng Tư, chú Ba* đi *lơn-tơn* ngoài đầu ngõ đến *ơ mằm cá trên* của những *Dì Năm, Thím Tư*, hay *ba con cá lon-con nướng lửa ngọn*, cá lóc *kho tộ, nướng trui*, mấy con lươn *loi-roi* nấu canh chua cơm mẻ, vài trái xoài tượng chua với mằm ruốc hay *nước mằm kho quẹt* bằm ớt cho *cay xé lưỡi*, hoặc mấy con *cá rô mè chiên xù ngon quá xá cỡ*, khiến các tay nhậu *ưa lai-rai ba sợi*, thích nói chuyện *tầm-xàm bá-đế* phải chép miệng nuốt nước miếng: "*Ôi chu-choa! kệt lắm! à ghen*".

Ngần ấy thứ *hồng thôi* cũng đủ để làm nên ruộng đồng Nam Bộ, cho ta hình-dung ra những chiếc *áo bà-ba đen, khăn rằn* ướt tình sông nước Cửu-Long, tản-mát *dưới miệt vườn, trong rẫy*, khác hẳn với những cánh áo nâu sồng, những giải yếm sồi đen quây-quần thủ-thỉ tình yêu trong lũy tre làng xanh ngắt. *Miệt vườn* không thể chỉ hiểu đơn-thuần là miền vườn, miền ruộng vì "miệt" thì hàm cái ý "mãi tận miền xa". Cũng như "mấy con gà *bươi đất* ngoài vườn" không hẳn chỉ là "bươi đất" mà còn hàm cái ý vất-vả cực-nhọc vì phải "*bươi-bả*" như người miền Bắc thường cho là đầu tắt mặt tối, một nắng hai sương. Cái tiếng "*bươi*" không chỉ mô-tả sự-kiện mà còn thăm-định để nói lên cảm-ngĩ về sự-kiện.

"*Khuya dữ* rồi! (tr.75)...làm như tui *ngu dữ* (tr. 81)..."

Cha-chả, con cá này *bự dữ ta!* (trang 105).

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Thổ mà ca cũng ... *dữ ... hén!* (trang 194)
(Hải-Băng, *Gia-đình Bác Tám*)."

Dĩ nhiên, *dữ* đây không phải là *dữ-dẫn*, nó diễn-tả cái ý nghĩa "nhiều lắm", nhưng nếu nói như người miền Bắc "khuya lắm rồi" thì nghe vẫn còn ảm-ức vì chưa tả hết được cái "nhiều lắm" ấy nó "lắm" đến như thế nào, đây là vì cái tiếng này còn phát ra cái âm-giọng miền Nam nó "õng-ẹo" mềm-mại dễ thương (*như sẽ để cập ở đoạn 6.III nói về sự biến-dạng âm và thanh giữa các miền*). Và chẳng, "nhiều lắm" chỉ là một trạng-từ chỉ số-lượng trong khi "cũng dữ hén!" thì "dữ" còn có chức-năng thay-thế cho cả một mệnh-đề, một tiền-ngữ được tóm gọn, hiểu ngầm. Ở đây ta hiểu rằng: người Thổ này dù chỉ là Miền-Kiên thể mà ca cái-cách cũng *mùi rệu quá xá đi thôi!* Ấy là chưa kể thêm vào những thán-từ "ta, hén!" với âm-giọng đặc-biệt miền Nam ướp thêm cho ngôn-ngữ được ngọt-ngào hơn. Cái ngọt-ngào ấy thấy man-mác yêu thương như khi nghe cô gái miền Hậu-Giang cất tiếng khen nhẹ-nhàng đầy tràn tình-tử "*Góm! dữ thần hôn!*"

Dưới đây người viết xin được kể thêm một số đặc-ngữ miền Nam. Những tiếng này nhan-nhản trong "Gia đình Bác Tám" và "Giòng sông nước mắt" của Hải-Băng:

- Tui "*hông*" có *cà-rỡn* với anh nữa đâu. (GĐBT, tr. 83)...
- Nó trả lời *cà-rỡn* (GĐBT, tr 166)...
- Ai biểu, tôi *kêu anh giựt một*, mà anh cứ mê ca, không thèm trả lời, làm chi (GĐBT, tr 59)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- *Cái chiện đó thì dễ ợt* (GĐBT, 196)
- Với *cái mừng này thét rồi* dân quê mình còn nước phải ăn gạo lúc (GĐBT, tr 97)
- Chín Đờn Cò để chén cháo xuống bộ ngựa, *giọng cà-lâm cà-lịch* (GĐBT, tr 76)
- Bà Năm Trầu không buồn trả lời, mà vẫn *còn cà-hước cà-hước ở cuống họng* nhiều hơn (GĐBT, tr 51)
- Mấy thằng "*ôn dịch bắt*" đó *mắn khó mằn để* ... nghe mà phát *tức cãnh hông* ... luôn (GĐBT, tr 165)
- *Nằm chèo-queo* trên võng (GĐBT, tr 58)...Chín Đờn Cò...vui về *hỏi trông* (GĐBT, tr 94)
- Tui đã nói cho cả xóm biết về cái vụ anh ta cứ *tò-vè tui*, cái vụ tui đang mò cá mà y cứ nhè cặp đùi tui mà dòm thiếu điều rớt con mắt luôn. Tui tức quá mới nói xỏ: "Bộ cặp ... giò tui cũng...ngụy nữa sao, mà anh *dòm lom-lom* vậy?" (GĐBT, tr 83) ...
- "Cái chị này, *thiệt là liếng-khi* không ai bằng" (GĐBT, tr 117)
- Chín Đờn Cò chọc: "Bộ có *minh ên* chị biết giận ... chắc" ... "Thôi đi hái rau, hái củ, ở đó mà *nói dẫn-lân hoài*" (GĐBT, tr 97,98)
- Con Hiền nó *khôn-khéo vàng trời*, chớ bà tưởng! (GĐBT, tr 123)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Bà Giáo hỏi con gái: "Bộ không còn *miếng dẫu* nào thấp đèn sao con?" (Giòng sông nước mắt, tr 240)

- *Mắc dịch* anh nè. Già đầu rồi mà cứ *cà-rớn* như con nít, *hồng sợ* bà con thiên-hạ họ cười (Hải-Băng, *Giòng Sông Nước Mắt*, tr 213).

- Ghiền *dầu lên* (GĐBT, tr. 173)
- *Lâu dầu* rồi (GĐBT, tr. 175)
- Vui *dầu lên* (GĐBT, tr. 186)
- Sửa-soạn *dầu lên* (GĐBT, tr. 192)

Có "uống nước sông Tiền, sông Hậu, hay "nặng tình biển cả Bạc-Liêu "mới tả hết được cái thú quê đi "thụt lịch, bắt chạch" hay đi "bắt cá bống kèo" đem về làm bữa nhậu lai-rai".

"Lịch nướng trộn gói chuối cây xắt nhuyễn và rau răm *nhậu lai-rai* với rượu nếp thì *hết trật*, còn cá chạch kẹp giữa hai thanh tre chẻ dọc, nướng trên than hồng cho đến khi mỡ chảy ra xèo-xèo mùi hơi khét, rồi làm nước mắm gừng. Cá chạch nướng ăn với nước mắm gừng và gạo nàng hương thì *"hết phần"*.

Còn "cá bống kèo không có ở các vùng sông Tiền hay sông Hậu nước ngọt quanh năm". Bạc-liêu *sinh-lây nước lợ* là nơi chúng dung-thân. "Cá tươi mới bắt từ dưới sông lên, đưa cay một chung rượu nếp, húp vài muống nước cá *nấu mẩn*, thiệt *đã điều ông địa*", hay làm "một tô bún nghi-ngút khói, nước xâm-xấp, năm sáu con cá bống kèo đã tốt xương, trải trên mặt, điểm thêm tí hành lá, chút tiêu sọ trắng tinh ... Tô bún *ngon quá-xá quà-xa*, ... ăn *một hơi ráo trội*" (**)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Hết trật, hết phản, quá-xá quà-xa, đã điều ông địa, (Nguyễn-Văn-Ba) hay *đã đời Vân Tiên* (Hải-Bằng) v.v... chính đó là những sáng tác tự-nhiên thốt ra từ những cảm-xúc. Những biểu-từ ấy là đặc-trưng của con người miền Nam. Những biểu-từ ấy phong-phú, hồn-nhiên dễ-dãi như tâm-hồn và ruộng đồng Nam-Bộ.

Chúng tôi nghĩ rằng những đặc-ngữ trên mới chỉ là những lượm-lặt trong muôn vàn. Đó là **chân-dung của Nam-Bộ**. Phải đã sống thực-sự cuộc sống của miền Nam như những nhà văn gốc rễ miền Nam, mới thấu-triệt được tất cả cái kho-tàng đặc-ngữ phong-phú của miền đất yêu thương này cũng như thấy được cái thú-vị khi ngồi nhấm-nháp ba múi sầu-riêng bùi-bùi, thơm-thơm, ngọt-ngọt bên chén "*trà quạu*" ướt giọng: tôi đang nghĩ đến những chất liệu cần thiết ắt có của một bộ từ-điển bách-khoa Việt-Nam toàn-bích trong mai này.

()** *Cước-chú:* Nguyễn-văn-Ba, "Muối Bạc-Liêu Nặng Tình Biển Cả. Tạp-chí Làng Văn, số 83 tháng 7-1991, tr. 61, Toronto, Canada"



Chương 4

TIẾNG VIỆT KHÔNG NGỪNG SÁNG-TẠO

Cách nói lái trên giới-thiệu một khả-năng khác của tiếng Việt: khả-năng sáng-tạo. Theo giòng thời-gian, vì nhu-cầu của đời sống, vì những biến-chuyển của lịch-sử, xã-hội, vì tiến-bộ của văn-minh, ngữ-học Việt mỗi ngày mỗi có thêm nhiều từ-ngữ mới, hoặc do sự du-nhập từ ngôn-ngữ nước ngoài, hoặc do sự sáng-tạo của các nhà làm văn-hóa và của đại-chúng.

I- Khả năng sáng tạo tiếng Việt.

1- Thay đổi dấu:

Nói về khả-năng sáng-tạo, trước hết dân ta đã lợi-dụng tính nhạc, đổi các dấu cho cùng một từ hay lập đi lập lại vẫn một từ cũ, tạo ra một tiếng mới, một thành-ngữ mới.

Hiển-nhiên là chỉ có một tiếng bình-thanh không dấu, mà với năm dấu đổi thay thêm vào, ta có thêm được năm tiếng khác nhau. Ví dụ:

"Trời mưa **tầm-tã** như thế, mà anh **ta** cứ **tà-tà** đi ra sân ném **tạ** để tuột tay, **tạ** rớt trúng đầu **tá-hòa** giờ còn **tả oán** nỗi gì!"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Sự biến-thiên nói trên còn phần nào thiên về mặt cấu-tạo, chứ như những trường-hợp sau đây thì quả chứng tỏ khả-năng sáng-tạo của tiếng Việt, đó là khả-năng phát-triển của ngôn-ngữ.

* Cũng là tiếng "xưa" nhưng nếu nói là xưa lắm, rất xưa, ta chỉ cần thêm dấu hỏi. Người viết, nếu không làm, còn nhớ Nguyễn-Văn-Vĩnh đã mở đầu truyện "Cô Bé Quàng Khăn Đỏ":

"Ngày xưa, ngày xưa, có một cô bé quàng khăn đỏ. Bà nó cho nó một cái khăn quàng đỏ. Trông thật là xinh, xinh xinh là xinh". Câu chuyện xảy ra ở thời xa-xôi lắm lắm (ngày xưa ngày xưa) và cô bé đẹp ơi là đẹp, xinh ơi là xinh, xinh không biết thế nào mà tả cho hết cái đẹp xinh của cô (xinh xinh là xinh).

* Cũng là "bé", nếu bé lắm và mức độ bé mỗi lúc mỗi tăng thì người ta nói: bé tí, bé tí tí, tí tí, tí tí tí tí. Như câu đố dân-gian nói về con rươi, một đặc-sản của miền duyên-hải vùng Châu-thổ Bắc- Việt:

"Con gì bé tí tí tí?

Mình đi dưới đất, bóng đi trên trời?

Một năm mấy bận đi chơi,

Đi thời lở đất, long trời mới yên." (a*)

(a*) Chú-thích: Rươi là một loài thủy-sinh-vật, mắt nhìn giống như một loài sâu nhỏ -trông như con giò- thân rươi màu trắng xanh, gồm nhiều đốt vòng. Theo dạng biến hình, rươi trôi lên mặt nước mặn, sinh-sản dày đặc từng mảng lớn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

như cái nong (2 câu đầu). Rươi xuất-hiện vào giữa tháng chín và mười: "tháng chín đôi mười, tháng mười mồng năm", đúng vào thời-kỳ quít chín cây, cho nên chả rươi, mắm rươi là những món ăn tuyệt-hảo đặc-biệt của người miền Bắc cần phải nêm vỏ quít cho thơm (tục-ngữ: "thả vỏ quít ăn mắm rươi" hay "thả vỏ quít ăn mắm ngầu") cũng như món bún thang không thể thiếu vị cay của con cà-cuống ("ăn bún thang cả làng đòi cà-cuống"). Rươi xuất-hiện cũng vào lúc tiết trời thay đổi nhiệt-độ, khí áp đột-ngột, khiến cho dông bão nổi lên đây đó gây tai hại cho các vùng khác thành ra tục-ngữ thường nói: "Kẻ ăn rươi, người chịu bão" (2 câu cuối)

* Cho nên ca-dao cũng kể lại như sau, việc bà mẹ tuy đã đồng con mà vẫn chưa hết lòng chồng, bà gọi đàn con ra cho bà bước thêm bước nữa để bà kiểm thêm một đàn con khác:

"Hỡi thằng cu lớn, cu bé
Cu Tí, cu Tị, cu Tì, cu Tì ơi!
Con dậy, con ăn, con ở với bà,
Để mẹ đi kiểm một và em thêm!"

* Hoặc nói: bé tẻo teo, bé tí teo, bé tí-tẻo. Cho nên "bé teo" vẫn còn lớn hơn "bé tẻo teo":

Ao thu lạnh-lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo-teo.
(Thu Điếu, Nguyễn Khuyến)

* Nói "biết rồi!" vẫn không mạnh bằng "biết tởng đi rồi!". Trẻ em miền Bắc quen nói thế để chỉ việc "biết rồi" đã

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

quá rõ, ai cũng biết thừa, chẳng thể giấu ai. Nhưng để chỉ cho rõ hơn nữa, họ nói: "biết tông tông tong từ hồi nào hồi nào kia rồi!"

* Ta hãy nghe người dân quê dè-bĩu mĩa- mai:
"Giàu-giàu-giàu-giàu, kém mười trâu đẫy một chục,
Lợn đẻ nhung-nhúc, kém mười đồng đẫy một trăm."

Đây là giọng cong-cốn chê-bai, thay vì nói: giàu ư? giàu cái gì mà giàu! giàu chưa có đến mười trâu thì đã lấy chi làm giàu! người con gái vênh mặt bĩu môi chế riếu: "giàu giầu giàu giầu".

* Tả cái xe lắc của Cao-Bằng, một tỉnh miền thượng-du Bắc-Việt, người dân quê đã có câu hát "bõn chữ" như sau:

"Cao-Bằng, Cao-Bằng, Cao-Bằng,
Cao lên tỉnh Lạng, cao bằng ngọn tre."

Phải, Cao-Bằng xa-xôi lắm lắm, xa xôi đến nỗi đếm từ lúc ra đi đến khi trở về, thời-gian đã mòi-mòn đặng-đặng:

"Anh đi lúa chứa chia bè,
Anh về lúa đã đổ hoe cánh đồng.
Anh đi em chứa có chồng,
Anh về, con dúi, con bông, con mang.
Con thì chẻ nứa, đan sàng,
Con thì cặp nách, con mang cạnh sườn."

Những câu ca-dao dưới chỉ là giải-thích cho rõ thêm ra, chứ nội nguyên hai câu đầu, nhất là riêng câu thứ nhất thay đổi

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

dấu của hai tiếng Cao-Bằng không thôi cũng đủ để tả cái ý xa-xôi ngàn dặm rồi.

* Để tả cái sâu thẳm của hang động, các nhà thơ xưa quen dùng cụm từ "hòm-hòm-hom" với sự thay đổi dấu trên có mỗi một từ "hom".

- Phạm-tuấn-Tài mở đầu bài thơ vịnh chùa Động Tam-Thanh (*xem chú-thích b**):

"Chót-vót trên không, núi mấy chòm,
Có chùa trong ấy *hòm-hòm-hom*."

- Hồ-Xuân-Hương vào bài vịnh hang Cắc-Cớ:

"Trời đất sinh ra đá một chòm,
Nứt làm hai mảnh *hòm-hòm-hom*."

và tả cảnh Động Hương-Tích như sau:

"Bày đặt kìa ai khéo khéo phòm,
Nứt ra một lỗ *hòm-hòm-hom*,
Người quen cõi Phật chen chân xọc,
Kẻ lạ bầu Tiên moi mắt nhòm."

Người ta thường nói sâu hòm là sâu lằm, thêm "hòm-hòm-hom" thì hoá ra sâu thẳm, sâu hun-hút tối mò. Gạt ra ngoài tính trào-lộng của bài thơ, những tiếng này tả chân gợi hình đúng cảnh động Hương-Tích. Khách vãng chùa chống gậy lọc-cọc từ chùa ngoài, leo cả hàng trăm bậc đá, xọc gậy mà bước chân lên đủ chồn chân mỗi gôi, vào được tới Động trong, thấy động mở ra sâu thẳm-thẳm, hương khói mịt-mù

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

ngọt-ngạt, lập-loè ánh nhang đỏ rực mà vẫn không thấy mặt người lối bước, mới càng thấy cái sâu thẳm "hòm-hòm-hom" của Hương-Sơn Động.

(b) Chú-thích: Động Tam Thanh, tên của ba động Nhất Thanh, Nhị Thanh, Tam Thanh ở Kỳ-Lừa, bên kia sông Kỳ Cùng, thuộc dãy núi Cai Kinh, tức Bắc-Sơn, vốn là chiến-khu chống Pháp, cách tỉnh Lạng-Sơn, Bắc-Việt chừng hai cây số. Đất Lạng-Sơn có nhiều di-tích lịch-sử: trong động Nhất Thanh có tượng Ngô-thì-Sĩ; ở Kỳ-Lừa có thành nhà Mạc; Lạng-Sơn có ải Nam-Quan, nơi Nguyễn-Trãi khốc biệt cha là Nguyễn-phi-Khanh, có núi Kỳ-Cấp là chỗ Thoát-Hoan bị Phạm-ngũ-Lão đuổi chạy, có chợ Kỳ-Lừa ở Đồng-Đăng buôn bán sẫm-uất với người Tàu bên kia biên-giới, có núi Vọng-Phu tức Tô-Thị, là những danh-lam thắng-cảnh, nên ca-dao có câu:*

*"Đồng-Đăng có phố Kỳ-Lừa,
Có nàng Tô-Thị, có chùa Tam-Thanh.
Ai lên xứ Lạng cùng anh?
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em"*

* Tả cái tính cầu-nhàu của một người khó tính hay làm-bầm gặt-gồng, người ta nói: "cái gì mà cứ cầu-nhàu cầu-nhàu như chó cắn ma!"

Nhân đây, tác-giả cũng xin được ghi lại mấy vần thơ cảm-hứng để răn tính nết "cầu-nhàu cầu-nhàu":

*"Vô duyên chưa nói đã cười,
Có duyên khéo nói, mọi người đều ưa.
Dù cho đi sớm về trưa,
Nhọc-nhăn, vất-vả, nắng mưa dãi-dầu."
Chớ nên cầu-nhàu cầu-nhàu,
Dịu-dàng, tươi-tắn, người nào cũng thương."*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Cũng là phủ-định, nhưng "chưa" khác với "chứa". Tuy rằng "chứa" là thổ-ngữ của một vài vùng quê, song nó mang ý-nghĩa đặc-biệt hơn. Thêm dấu hỏi, từ "chứa" hàm chứa một sự xác-quyết hoàn-toàn. "Chứa" là một khẳng-định của phủ-định. Khi ta nói "Bảo làm mà vẫn chứa làm" có nghĩa là chứa hề làm một tí gì, khác với vẫn chứa làm, ý-nghĩa không mạnh bằng và không nói lên được cái ý bức-bội khó chịu của người nói vì chứa thấy niềm mong đợi của mình được đáp-ứng.

Hoặc giả "*Đã có ai dậy chưa?*" câu hỏi không nhấn mạnh và có tính-cách chỉ-định bằng: "*Đã có ai dậy chưa đấy?*" Thay vì nói như vậy, câu hỏi thu ngắn cho gọn hơn: "*Đã có ai dậy chưa?*"

Cho nên trong bài "Đêm dài", Từ-Diển-Đồng kết-thúc bằng hai câu hỏi bằng-quơ mà chỉ rõ hơn, và giọng ân-cần hối-thúc hơn:

"Hàng xóm láng-giềng ai dậy **chứa**?
Dậy rồi lên tiếng gọi nhà nho!"

và mở đầu bài "Tết Nghèo", Tú-Xương tự-trào:

"Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo!
Tiền bạc trong kho **chứa** linh tiêu,

Chống gậy lên núi An-Lão, cụ Tam-Nguyên Yên-Đổ lạc-quan
ngạo-nghe coi thường thách-đố, tự-như:

"Dẫu già, già **chứa** hơn ta nhỉ?
Chống gậy mà lên gối **chứa** chồn,"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

2- Lập lại từ

a) Ngoài cách đối dấu, có khi một từ cũ được lập đi lập lại tạo thành một tiếng điệp-thanh hoặc điệp-ngữ mang một ý nghĩa mới. Tiếng điệp-thanh thì giảm ý, tiếng điệp-ngữ thì làm tăng thêm ý:

- Áo màu đo-đỏ là áo hơi đỏ, không được đỏ lắm.
Vòng ngọc này **xanh-xanh** là vòng màu xanh nhạt.

Thế nhưng:

"**Xanh xanh** dầy liễu ngàn thông,
Cỏ lan lối mực, rêu phong dấu tiêu."
(Bích-Câu Kỳ-Ngộ)

(Nhân đây xin được mở dấu ngoặc: *xanh xanh* trong câu thơ Bích-Câu Kỳ-Ngộ không có dấu gạch nối, vì là hai tiếng điệp-ngữ, khác với *xanh-xanh* có dấu gạch nối là hai tiếng ghép. Cũng như **dấu** viết **d trên** là vết tích, là hiệu lệnh, khác với **giấu** có phụ-âm đầu từ là **gi** vì **giấu** là che đậy không muốn cho người khác biết, cũng thường nhấn mạnh ý nghĩa bằng tiếng ghép **giấu-giếm**)

Và:

"Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu,
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?"
(Chinh-Phụ Ngâm-Khúc)

thì điệp-ngữ *xanh xanh* ở đây lại có nghĩa là xanh ngắt, cực kỳ xanh vì chỉ thấy "xanh" và "xanh" mà thôi.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Cũng như "non nước" đã chỉ xa cách rồi, song điệp ngữ "nước non, non nước" thì tả ra sự xa cách ngàn trùng, như trong bài sự-tích quả dưa đỏ:

"Hải-Nam quê thiếp ngàn trùng,
Trời sinh phận gái, má hồng răng đen,
Việt-Nga hai chữ là tên,
Nước non, non nước là duyên tao-phùng." (c*)

hay tả cảnh non nước mênh-mông, chỉ thấy non và nước như trong bài: "Động Hương-Tích" của Chu-mạnh-Trinh:

"Bầu trời cảnh Bụt,
Thú Hương-Sơn ao-ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây!
Đệ Nhất Động, hỏi rằng đây có phải?"

(c) Chú-thích: An-Tiêm khi bị dày ra đảo Hải-Nam, nhờ có chim công hạt dưa bay qua, để rớt xuống đảo, dưa đỏ mọc lên, trái sai nhưng-nhức, An-Tiêm đặt tên dưa là Tây-Qua. Sau này, An-Tiêm nảy ra ý muốn giới-thiệu loại dưa lạ vừa ngon vừa đẹp này. Vỏ dưa đen xanh mượt óng-ả như tóc thiếu-nữ, cùi dưa trắng muốt như làn da cô gái nõn-nà, ruột dưa đỏ hồng như má hồng lại thêm hạt dưa đen rưng-rức như răng hạt huyền của nàng; An-Tiêm bèn đổi tên trái dưa là Việt-Nga-Qua, rồi khắc trên quả dưa bài thơ, thả trôi ra biển. Khách buôn Trung-Hoa vớt được, tìm đến, ăn vào thấy ngon, khen là "Hấu ló!" (hấu = hảo = tốt). Từ đó, có tên là dưa hấu. Bài thơ trên dịch từ bài thơ chữ Hán. (Theo Bàng-bá-Lân, Hương Hoa Đất Nước, Quê Hương Xb)*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Nếu nói: cũng thấy "thương-thương", hoặc "nhớ-nhớ" thì đó là tiếng điệp-thanh có ý nói niềm thương nhớ tuy có đầy song phảng-phất nhớ thương phần nào. Nhưng nếu là điệp-ngữ như trong ca-dao sau đây thì mỗi thương nhớ đã làm bận lòng kẻ tương-tư không ít:

"Thương thương, nhớ nhớ, thương thương,
Nước kia muốn chảy mà mương không dào."

* Khi nói "qua qua lại lại", "nói nói cười cười" là muốn nói tới về tấp-nập, bận-rộn đi qua đi lại nhiều lần, liên-miên, hoặc cười nói huyền-thuyền không dứt. Thế nhưng khi nói rằng: "cái gì mà cứ úp úp mở mở" hay "kín kín hở hở, chẳng ai còn biết mô tê gì" thì lại ra cái ý chẳng úp cũng chẳng mở hay nửa kín nửa hở, giấu giấu giếm giếm không muốn nói ra.

* Tả cảnh đêm tối. Trạng từ "mò" làm tăng thêm ý nghĩa: đêm tối mò. Lập lại một lần nữa, điệp-ngữ "mò mò" tả đêm cực-kỳ tối-tăm. Từ-Diển-Đồng mở đầu bài: "Đêm Dài" tả đất nước thời buổi suy-vong, trước sự ngấp-nghé của người Tây-Phương, "ngọn đèn Khổng-học rình trộm khêu còn tí", Việt-Nam như đang đắm chìm trong đêm dài tăm-tối, mọi người vẫn còn đang say giấc ngủ mơ-màng:

"Đêm sao đêm tối mãi mò mò,
Đêm đến bao giờ mới sáng cho?"

b) Sự lập lại từ rất thông-dụng trong câu nói thường ngày. Hình như đó là một phản-ứng tự-nhiên khi phải diễn-tả ý-tưởng rộng khắp, hết thảy. Cách sáng-tạo tự-nhiên này thực ra là một sự tinh-lược cho câu nói gọn hơn.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Chẳng hạn, thay vì nói: "lúc nào cũng chỉ thấy hết ăn lại ăn, hết uống lại uống, hết nay hạp lại mai hạp, hết nay bàn-bạc lại mai bàn-bạc", người ta chép miệng thở dài: "ăn ăn, uống uống! hạp hạp bàn bàn!"

* Thay vì nói khắp hết mọi người, chẳng trừ một ai:

"Lệnh trên ban xuống ai nấy đều tuân theo"

câu nói trên nghe ra vẫn không mạnh bằng:

"Lệnh trên ban xuống, **người người** tuân theo.

Bởi vậy, trong bài thơ vịnh "Thăng Mỗ", Lê-thánh-Tôn viết:

"Trẻ già **chón chón** đều nghe lệnh,
Làng nước **ai ai** cũng cứ lời."

3- Kết-hợp từ:

Đặc-biệt hơn nữa, nhờ cấu-trúc đơn-âm cũng như kho-tàng từ-ngữ Hán-Việt dồi-dào, ta thường dễ kết-hợp từ để tạo ra một tiếng khác sao cho đủ ý-nghĩa, lựa trong mỗi từ-ngữ một từ thích-hợp liên-kết lại thành tiếng mới, ghép đôi hay ghép ba. Cũng có khi các từ-ngữ có nghĩa tương-tự, song kết-hợp lại cho gọn, êm tai vì nhu-cầu diễn-tả cần có thêm từ-ngữ để thay đổi.

a) Về tiếng Việt thuần Nôm, ta nói "ngắn gọn" thay cho gọn-gàng vắn-tắt, "ngoan hiền" thay cho ngoan-ngoãn hiền-lành, hoặc "vui mạnh, an mạnh" thay cho vui-vẻ, bình-an mạnh-khỏe, hoặc trau-giỏi "nết-hạnh" thay cho nết-na đức-hạnh và "cảm-nghĩ" vừa nói lên những ý-nghĩ suy-tư

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

thuộc lý-trí vừa nói lên những rung-cảm thuộc về con tim, hay "quanh-quẩn" là kết-hợp "loanh-quanh" với "luẩn-quẩn".

b) Về tiếng Hán-Việt thì vô-vàn, khi cần diễn-tả ta có-thể ghép các tiếng lại dễ-dàng, như cơ may (cơ hội may-mắn), tập-huấn (huấn-luyện tập-trung), tạo-dựng (tạo-lập và xây-dựng), lao-nô (lao-động nô-lệ), khoan-nhu (khoan-dung và nhu-mì), khiêm-nhu (khiêm-tốn nhu-hoà), khiêm-cung (khiêm-tốn cung-kính), bao-che (bao-bọc che-chở).

Đây là ghép hai từ-ngữ thành tiếng ghép đôi. Nếu làm cho (hoá) đơn-giản thì ghép thành "đơn-giản-hoá". Bảng (biểu) ghi lại cách sử-dụng thời-gian theo mỗi chặng, ta ghép gọn thành: thời-dụng-biểu, hay thời-khoá-biểu. Khoa phân-tâm-học là khoa-học phân-tách nghiên-cứu mỗi trạng-thái tâm-lý con người. Môn học người Âu-tây gọi là Science économie politique bao gồm công việc sửa-sang việc trị nước (kinh-bang) và cứu-giúp nhân dân (tế-thế) liên quan tới tài kinh-bang tế-thế, khoa-học này được gọi là khoa "kinh-tế-học".

Chính nhờ khả-năng sáng-tạo ấy mà tiếng Việt, trong bất cứ trường-hợp nào, vẫn không sợ nghèo-nàn, vẫn có thể diễn-đạt một cách đầy-đủ mà lại gọn-gàng. Đó là lý-do khiến tiếng Việt đã làm tròn chức-năng chuyển-ngữ giới-thiệu được mọi lãnh-vực học-thuật tân-tiến của Tây-Phương.

II- Khả-năng du-nhập ngôn-ngữ nước ngoài.

Chính nhờ khả-năng sáng-tạo ấy, cùng với tinh-thần khai-phóng, dân Việt đã du-nhập từ ngôn-ngữ nước ngoài, tạo thêm những tiếng mới và những kiểu nói mới liên-quan đến mọi vấn-đề tùy theo nhu-cầu của đời sống.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

1- Du-nhập các từ- ngữ.

a) Du-nhập từ Hán-Văn.

* Thiết-tưởng là thừa, khỏi phải nhắc lại ở đây kho từ-ngữ Hán-Việt rất dồi-dào, có cấu-trúc đơn-âm, phát-âm và thanh phần lớn na-ná với Hán-văn, kết-quả của cuộc hỗn-hợp chủng-tộc xa-xưa, của hàng ngàn năm tranh-đấu chống lại sự thôn-tính của Hán-tộc, của sự đô-hộ từ Bắc-phương. Cấu-trúc ấy phối-hợp với lối viết la-tinh ghi âm lại tiếng nói Việt-Nam phiên-âm từ chữ Hán, mỗi ngày mỗi đưa vào ngữ-học Việt vô-số các từ-ngữ Hán-Việt.

Không thể nào dẫn-chứng hết sự có mặt của loại từ-ngữ này. Nhiều từ-ngữ đã quen dùng lâu đời, phổ-thông đến nỗi ta vẫn nghĩ là tiếng Việt nguyên-thủy. Những từ-ngữ mới tuy còn xa-lạ với nhiều giới nhưng dần-dà mai này khi khoa-học kỹ-thuật đã phổ-cập trong mọi tầng lớp, đương-nhiên sẽ là những tiếng phổ-thông đối với mọi người. Khi ta nói:

“Quái lạ! xưa kia hàng-hóa bày bán la-liệt hai bên hè phố, thế mà nay biến đâu hết!

hoặc:

“Dân chúng sợ hãi chạy tán-loạn!”

Những từ quái, la-liệt, tán-loạn, nguyên-thủy vốn là Hán-tự.

* Cũng như các biểu-từ thuần-túy Việt-Nam, trong rất nhiều trường-hợp, từ-ngữ Hán-Việt quả rất tiện-lợi để diễn-đạt tư-tưởng hay một ý-niệm phức-tạp. Ngày nay trong việc du-nhập từ Âu-Mỹ các kiến-thức luật-pháp, kinh-tế, chính-trị, xã-hội, văn-học, khoa-học, triết-học v.v...để xây-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

dựng và phát-triển văn-minh văn-hoá Việt-Nam, những tiếng Hán-Việt có công-dụng rất lớn và từ đó làm phong-phú thêm cho văn-chương Việt-Nam.

* Có một điều cần ghi nhận là với tinh-thần dân-tộc và khai-phóng chúng ta đã và cần phải lựa chọn, xét xem phải du-nhập những gì.

Với tinh-thần khai-phóng, chúng ta tiếp-thu. Với tinh-thần dân-tộc, chúng ta bảo-tồn sắc-thái, vẻ đẹp riêng của mình trong một thái-độ hài-hòa hợp-lý, khả-dĩ vẫn giữ-gìn được sự trong sáng của tiếng Việt. Thái-độ cực-đoan cách này, cách khác đều bị gạn lọc bởi quảng-đại quần-chúng cũng như ca-dao tục-ngữ được trau-chuốt hoàn-chỉnh bởi tập-thể nhân-dân. Ta không nói "hàm-khấp" nhưng nói "khóc nghẹn-ngào". Không nói "phản-diện" nhưng nói "mặt trái". Không nói "phản-hồi" nhưng nói "trở về". Những tiếng nghẹn-ngào, mặt trái, trở về, vừa thuần-túy Việt-Nam, vừa giản-dị dễ hiểu, vừa diễn-tả cụ-thể, xác-thực, gợi-hình, linh-động hơn. Cho nên đâu ai có sử-dụng Hán-tự, những tiếng như loại này sớm muộn chẳng biến thành từ-ngữ Hán-Việt phổ-thông.

"Vân-Tiên từ tạ phản-hồi,
Nguyễn-Nga than khóc: tình ôi là tình!"

Những tiếng "từ-tạ, phản-hồi" làm lời thơ đã ngổ-ngần càng thêm kỳ-quặc ngổ-ngần. Những lỗi này không phải là ít trong tác-phẩm, làm giảm hẳn rất nhiều giá-trị văn-chương của "Lục-Vân-Tiên" và cũng vì thế mà tác-phẩm không thể trở nên phổ-thông trong toàn-thể quần-chúng so với "Truyện Kiều" của Nguyễn-Du.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

* Về lãnh-vực khoa-học kỹ-thuật, như toán-học chẳng hạn ngoài yếu-tố đủ nghĩa, rõ-ràng còn cần phải cho ngắn gọn, ta vẫn không nên thay những từ như "không-gian, thời-gian, thời-điểm, ánh-xạ, phương-trình, hàm-số, tốc-độ, gia-tốc v.v..."

Không thể thay sa-mạc bằng bãi cát, vì nghĩa của hai từ tương-đối khác-biệt: sa-mạc vốn mênh-mông khô cháy còn bãi cát thì nhỏ hơn nhiều. Có thể nói sân bay, máy bay thay vì nói phi-trường, phi-cơ song những tiếng phi-trường phi-cơ đã trở nên quá thông-thường vì vậy vẫn còn tồn-tại, sự duy-trì những tiếng ấy chỉ làm giàu thêm cho ngôn-ngữ mà thôi.

Những tiếng đồng-nghĩa vẫn gỡ cho người viết khỏi phải rơi vào lỗi "trùng-điệp" làm giảm giá-trị của một bài văn.

b) Du-nhập từ các ngôn-ngữ khác.

* Miền Nam theo chế-độ bảo-hộ của Pháp, chịu ảnh-hưởng văn-hóa Pháp sớm nhất, sâu-xa nhất và lâu nhất. Những từ-ngữ Pháp đã Việt-hóa được đưa vào ca-dao tục-ngữ để truyền miệng như:

"Văn-minh gặp buổi *Lang-Sa*

Tri-âm thì ít, trăng-hoa thì nhiều."

hoặc:

"Bánh ít đi, *bánh quy* lại."

Lang-Sa là phiên-âm từ France là nước Pháp, bánh quy là bánh bích-quy phiên-âm từ bisquit. Những tiếng như "cấp-răng" (caporal) phú-lít (police) xếp (chef) thầy đội xếp (sergent chef) đồn bót (poste) đã một thời phổ-thông trong dân-gian.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* Trong Nam, quen gọi ông Cò, và ngoài Bắc còn gọi thêm là ông Cẩm phiên-âm tiếng commissaire để chỉ ông cảnh-sát-trưởng thường phải là ngạch tham-sự. Tú-Xương đã riếu ông trong bài thơ:

"Hà-Nam danh-giá nhất Ông Cò,
Trông thấy ai ai chẳng dám ho....
Ngớ-ngẩn đi xia may vớ được,
Phen này ắt hẳn kiếm ăn to."

Ông Cò chính là ông cảnh-sát-trưởng, chánh sở Cẩm, và đi "xia" là đi đại-tiện, xia là phiên-âm tiếng *chier* trong Pháp-văn.

Hoặc:

"Biết vậy thờ trước đi làm quách,
Chẳng ký, không thông cũng cậu bồi."

Tiếng bồi do từ "Boy" người Âu vẫn quen dùng để gọi những anh chàng phục-dịch chạy bàn tại các quán ăn khách-sạn.

* Trong một bài thơ khác tự-trào, Tú-Xương cũng vẫn để xen vào những tiếng ngoại-lai: Tây, Tàu.

"Cống-hỷ, mét-xi, đây thuộc cả,
Chẳng sang Tàu, tớ cũng tẽch sang Tây."

hay:

"Chi bằng đi học làm thầy ký,
Sáng rượu sâm-banh, tối sữa bò."

Sâm-banh là tên một loại rượu ngon có tiếng của Pháp: rượu Champagne.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

* Ngay từ thời Pháp-thuộc, trẻ em thị-thành cũng như thôn-dã đều biết chơi trò "oản tù tì" thay vì đếm "một, hai, ba", là những tiếng phiên-âm Anh-ngữ "one, two, three". Cũng như hồi ấy do phong-trào thể-thao, tại các thành-phố, thấy phổ-thông câu "líp! líp! lơ..ơ!" và học-sinh các trường Pháp-Việt mỗi khi chơi thể-thao đều quen hô như vậy, đây là phiên-âm từ tiếng Anh "hip, hip, hurrah!". Trong "Số Đỏ" của Vũ-Trọng-Phụng, rất nhiều lần, thậm-chí cả trong những tiệc cưới hỏi ma chay, bà Phán Đoan đã trơ-trẽn hô to như các nhà thể-thao hô: "líp! líp! lơ, líp líp lơ!".

Bảng dưới đây nêu lên một số ví-dụ đối-chiếu với các từ-ngữ gốc nước ngoài:

Nguồn gốc du-nhập	Từ-ngữ gốc	Từ-ngữ Việt-hoá
Tiếng La-tinh	Crux Calicoe	cây câu-rút chén ca-li-sê
Chữ Phạn nhà Phật	Cà Kya Muni Bouddha	Thíc-Ca Mâu-Ni Bụt
Trung-Hoa (Quảng-Đông)	Cung Chien Pu Đang San Pu Sá-mà Tổ-phù tục-lập txế txàn-xôi cầu-khấy	Cung Tiễn Bộ Đặng Sơn Bộ Sa-mạc Tàu hũ độc-lập tài-xế (Rau) Mồng tơi Rau) củ khởi
Tiếng Pháp	feutre sandals savon	(Mũ phốt giày săng-đan xà-phòng, xà-bông

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Tiếng Anh (thời Pháp thuộc) (thời Mỹ)	cirque nickel, tôle maquereau wagabond clé chopper choux-fleur chou pomme cuiller fourchette mangoustan tomate arrière cigare short goal the same	xiếc, xiệc kền, tôn ma-cô ma-cà-bông lắ-lê chộp (=vồ lầy) xúp-lơ su-su trái bươm cùi-dìa phóng-sét trái mặng-cụt cà tô-mát de (de xe) điếu xì-gà quần soọc (giữ) gôn (bóng đá) xêm xêm
---	--	---

* Chế-độ mới sau 30-4-1975 đã đẩy những làn sóng người ồ-ạt bỏ nước ra đi. Qua tới nước ngoài rồi, người Việt cũng tận-dụng khả-năng ngôn-ngữ để Việt-hoá ngay những tiếng thông-dụng mà thoạt nghe họ chưa tìm ra được một tiếng Việt để thay-thế.

* Khi văn-hoá Pháp tràn-ngập, người ta nói "đi mua hàng bán son bày la-liệt hai bên hè phố Sài-gòn". Đến thời tiếng Anh thịnh-hành, xung-quanh mình toàn là Anh-ngữ, họ nói "hàng bán seo". *Son* là phiên-âm từ tiếng *solder*. "*Seo*" là do "*on sale*".

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

* Tại các trại tỵ-nạn, thay vì nói người bảo-trợ họ nói "bông so" phiên-âm từ tiếng sponsor. Gửi thư cho thân-nhân không gì tiện bằng aérogramme, đây cũng là một trong số các tặng-phẩm dành cho họ. Tìm một tiếng thật ngắn, gọn để thay-thế cho đủ ý thực khó-khăn. Không ai dạy ai, họ gọi gọn lỏn là "ô-gam", rồi bắt-chước nhau cứ quen gọi như thế. Đây đúng là một sự sáng-tạo. Họ trực-giác, tự-nghĩ và nói ra, họ ứng-biến để tinh-lược những vắn xét ra không cần-thiết, bỏ phụ-âm khó đọc, thu gọn thành một tiếng ghép với hai đơn-âm chính: ô-gam. Hệt như trường-hợp của từ arrosoir, người bình-dân miền Bắc gọi tắt là "ô-giòà" để chỉ cái bình tưới cây có vòi hoa sen.

Phải chăng, điều này, một lần nữa, cho ta thấy ngôn-ngữ Việt sáng-tạo được là do cấu-trúc đơn-âm, tính-chất đơn-giản gọn-gàng của tiếng Việt?

c) Du-nhập một cách sáng-tạo.

Cũng nên lưu-ý rằng, không phải bất cứ từ-ngữ nào họ cũng phiên-âm du-nhập, nhưng với tinh-thần sáng-tạo, tự-cường, người dân Việt-Nam vận-dụng trước hết khả-năng ngôn-ngữ của mình để tự đặt ra một từ mới gọn-gàng thoát-ý, nếu kiếm không được thì với óc giản-dị cố-hữu, họ nhận-xét ra ngay một hình ảnh tượng-tự rồi thêm vào chỉ-định-từ "tây", sau cùng nếu không được nữa, mới phiên-âm ra tiếng Việt.

* Chiếc xe *moto* tuy giới thị-thành quen gọi là mô-tô, chứ người dân quê miền Bắc thấy có xe mô-tô về làng, họ biến-báo cảm-ứng tức-thời gọi ngay là xe bình-bịch, một tiếng tượng-thanh mô-phỏng tiếng nổ của máy xe.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

* Chiếc xe hai bánh, họ không phiên-âm tiếng *bicyclette*, phần vì khó, phần vì có thể diễn-tả ngắn gọn bằng chính ngôn-ngữ Việt. Do nhận-xét tinh-tế, họ nói ngay một cách giản-dị: chiếc xe đạp. Nhưng chiếc xe *cyclo* chở khách thì không thể dùng lại từ xe đạp, mà nếu nói "xe đạp chở khách" thì dài dòng văn-tự chỉ để dùng cho các nhà viết sách viết văn, quần-chúng ưa giản-dị gọi là "xích-lô", rồi dần-dà thêm "xích-lô đạp" để phân biệt với "xích-lô máy" mà người miền Nam còn gọi là "xe máy dầu".

* Ngày xưa, trước 1945, chiếc xe chở khách, thay vì người đạp xe ngồi sau, thì đằng trước là người kéo, đôi khi có chú bé chạy đẩy theo sau nếu đi đường dài, người Pháp gọi là "le pousse-pousse", ta gọi là "xe tay" hay "xe kéo". Tại miền Tây Nam-Việt sau này thịnh-hành một loại xe chở khách, thay cho người kéo đằng trước là người đạp xe: chiếc xe được móc sau một chiếc xe đạp lồi đi, người dân Hậu-Giang gọi là "xe lồi", tiến bộ hơn nữa thay xe đạp kéo bằng xe máy dầu, ta gọi là "xe lồi máy". Cũng như ta không gọi theo người Hoa là ngư-xa hay mã-xa mà gọi là xe bò, xe ngựa: những từ-ngữ tả-chân thuần-túy Việt-Nam.

* Ngay đến từ *fourchette*, dân thị-thành lười sáng-tạo, chịu ảnh-hưởng sâu đậm Pháp-văn, gọi là "phóng-sét" như "cùi-dĩa phóng-sét", chứ quần-chúng gọi là cái xiên, cái nĩa kèm với "dao côm, khăn ăn".

* Ở ngoài Bắc, gọi là rau mùi, rau thơm, trong Nam gọi là rau ngò. Rau mùi vì có mùi thơm. Có loại rau mùi răng cưa, dân quê Bắc-Việt vùng Hà-Nam-Ninh gọi vẫn-tắt là mùi tây. Rồi hành tây, tỏi tây, khoai tây để phân-biệt với hành ta, tỏi ta, khoai lang. Cái gì của ta là ta, cái gì giống của ta

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

nhưng hơi khác thì gọi là tây: quần tây, áo tây, giày tây, cơm tây, bánh tây (miền Nam gọi là bánh mì) nhà tây v.v... hết như người Âu-Mỹ thấy cái gì khác lạ với họ và thuộc miền Á-đông, họ đặt thêm tính-từ Chinese như Chinese Parsley để chỉ rau ngò, rau mùi của ta, hoặc khi tới Việt-Nam, người Pháp ban đầu không biết gọi phở là gì đã đặt tên cho món ăn này là soupe chinoise. May là sau đó trong bộ sách Langue Française dành cho chương-trình Pháp-Việt do Nha Học-Chính Đông-Pháp xuất-bản, từ soupe chinoise đã được thay bằng "le phở" cũng như "le Đình" thay cho maison communale.

2- Du-nhập cả kiểu nói hành văn.

Du-nhập văn-hóa nước ngoài, không phải chỉ đem vào văn-chương Việt-Nam những từ-ngữ mới được phiên-âm mô-phỏng, mà ngay cả những kiểu nói, cách đặt câu, lối viết văn cũng đã xuất-hiện trang-điểm cho ngôn-ngữ Việt-Nam một vẻ đẹp đa-dạng và hiện-đại hơn. Thoát xác khỏi lối văn biên-ngẫu cổ-kính, khuôn-thước, cân-đối gò-bó, công-thức, văn-chương Việt-Nam dần-dà trở nên mới lạ uyển-chuyển, tự-nhiên.

* Những kiểu nói như "hơn ai hết", "lúc này hơn lúc nào hết" hoặc "hơn bao giờ hết" vốn không có trong văn cũ.

* Những kiểu nói như "một Nguyễn-Du, một Tản-Đà..." và những Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh biến danh-từ riêng như thành một danh-từ chung vốn là những kiểu nói của Tây-phương đem lại. Lyauty người thực-dân nổi tiếng viết cho bạn bè ở Pháp, trong thư từ xứ Bắc-Kỳ và Madagascar (1894 - 1898) có đoạn viết như sau: "Vân-Nam

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

là lý-do đầu tiên để cho chúng ta đến xứ Bắc-Kỳ. Chính việc xâm-nhập nước Tàu bằng phía Nam, bằng sông Hồng nghĩa là bằng xứ Vân-Nam, đã đưa những Garnier, Harmand và Dupuis đến đây" (trang 469) (lettre du Tonkin et Madagascar - Nguyễn-văn-Trung trích-dẫn trong "Chủ-Nghĩa Thực-dân Pháp ở Việt-Nam", tập 1, văn-hóa và chính-trị).

Một kiểu nói khác, sau đây là vài đoạn văn trích-dẫn:

* Trong tập "Cái Ve", kể chuyện Sư Tuệ, Khải Hưng có đoạn viết (trang 91):

"Người ta hiểu một tôn-giáo bằng tâm, chứ không phải bằng não, lời sư Tuệ. Và sư tiếp: Những tư-tưởng cao-siêu nhất của nhân-loại đều phát ra ở những lòng tha-thiết yêu nhân-loại hơn là những khối óc chứa đầy học-vấn mênh-mang" (trang 91)

* Trong "truyện ba người lính nhảy dù lâm nạn" của Nguyễn-Mạnh-Côn, có đoạn viết, kể lại một cuộc đối-thoại:

"Thành thử, bác-sĩ Mai tiếp theo, chính hệ-thống thần-kinh đã là trụ-sở của linh-hồn, một thứ linh-hồn thụ-động biết đau và nhớ cái đau..."

..... "Vâng, loài người thì có khác hẳn, bác sĩ Mai nói theo, loài người biết mài da, đúc súng chống quân thù..."

....."Vâng, quả đúng như thế, bác-sĩ Mai vội nói. Nhưng..."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nhưng tại sao chúng ta lại ích-kỷ như thế phải không?"

Lập lại câu nói của một nhân-vật, thay vì giới-thiệu trước khi nhân-vật phát-biểu, lại xen kẽ hay để sau đoạn văn nhân-vật phát-biểu. Cũng như cách dùng thụ-động-thể, lỗi nói trên đây vốn là lỗi viết thông-dụng trong văn-chương Âu-Mỹ.

III- Khả-năng sáng-tạo không ngừng

Những nhận-xét trên đây không ngoài mục-đích chứng-tỏ rằng khả-năng sáng-tạo ấy không ngừng phát-triển. Mỗi thời lại nảy sinh thêm mỗi cách nói: sáng-tác những tiếng lóng, những từ-ngữ mới, đặt thêm ra nhiều thành-ngữ, tục-ngữ, bài vè, ca-dao.

1- Sáng-tác các tiếng lóng

Một nhóm người, trong cùng một hạng, một ngành nghề muốn thông tin hoặc bày tỏ cho nhau biết những chuyện kín đáo chỉ có họ hiểu với nhau, không muốn cho người ngoài hay, họ dùng tiếng lóng.

Tiếng lóng không hẳn chỉ thấy trong ngữ Việt, mà còn thấy hiện diện cả trong văn chương nước ngoài.

Tại nước Anh, năm 1736 xuất-hiện từ-điển «Canting Dictionary» của Nathan Bailey sưu tầm những tiếng lóng của những kẻ ăn xin, những bọn trộm cắp, lừa đảo, bẻ khoá, trấn lột cướp đường.

<http://www.fromoldbooks.org/NathanBailey-CantingDictionary/transcription.htm>

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Trong bộ tiểu-thuyết đồ-sộ trứ danh «Les Misérables» (Những Kẻ Khốn Cùng) của văn-hào Victor Hugo, ấn-hành năm 1862, tác-giả dành trọn quyển VII để cập tiếng lóng.
(http://fr.wikisource.org/wiki/Les_Mis%C3%A9rables_TIV_L7)

Năm 1925, trong Tuyển-Tập Nghiên-Cứu Á Châu ấn hành dịp kỷ niệm 25 năm thành lập trường Pháp miền Viễn-Đông, học-giả Ứng Hoè Nguyễn Văn-Tổ (1889-1947), trong bài khảo-luận «L'argot Annamite de Hanoi», bàn về cách sử-dụng tiếng lóng, lối nói đảo chữ, chơi chữ và giới-thiệu một số tiếng lóng ở Hà Nội [*L'Argot annamite de Hanoi: Extrait des Etudes Asiatiques, publiées à l'occasion du 25e anniversaire de l'Ecole française d'Extrême-Orient / Nguyễn Văn Tổ. - H. : Impr. d'Extrême-Orient, 1923. - p.172-197 ; 28cm*] (<http://ci.nii.ac.jp/ncid/BA0345941X>)

Trước đó, năm 1905 trên tập san B.E.F.E.O của Trường Viễn-Đông Bác-Cổ (Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient), tác-giả J.N. Cheon cũng đã có một thiên khảo-cứu công-phu về loại hình ngôn-ngữ này với tựa đề « L'argot Annamite »

(http://www.persee.fr/web/revues/home/prescript/article/befeo_0336-1519_1905_num_5_1_2632)

Tiếng lóng đa dạng. Tùy theo hoàn cảnh, giai-tầng xã-hội, trình-độ văn-minh, văn-hóa của mỗi nhóm người qua mỗi thời-đại mà tiếng lóng mang nhiều vẻ khác nhau, thanh hay tục, lịch sự hay thô-lỗ. Giới nào có ngôn-ngữ của giới ấy. Nó thực sự trở nên phổ-cập chủ-yếu là do các nhà làm văn-hóa, vì văn-hóa, truyền-thông là phương-tiện hữu-hiệu và mau lẹ đưa tiếng nói vào quảng-đại quần-chúng, nếu không thì chỉ là một thứ ngôn-ngữ truyền miệng hạn hẹp trong mỗi nhóm

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

người, mỗi giới mà thôi. Bởi vậy qua tiếng lóng ta có thể nhận định, đánh giá về trình-độ của họ, của thực-trạng xã-hội đương thời, cũng như nhận ra tác-dụng hiệu-lực của truyền thông.

Nói về tả chân, trong tác-phẩm *Bút-Thuật của Nguyễn-Du Trong Đoạn-Trường Tân-Thanh (trang 258)*, chúng tôi đã có đoạn nhận định sau đây:

“Đọc đoạn thơ sau đây, ai bảo rằng đó là thơ hay là lời nói thường ngày tự-nhiên phát-biểu, vậy mà có vần có điệu, rõ đúng là thơ. Những từ này buột mồm, buột miệng mà nói ra. Những từ này rất phổ-thông ở đâu môi chót lưỡi, thật là thẳng thừng, thô-tục, sống-sượng khiến văn-pháp tả chân thêm phần sắc-sảo. Rõ là lời của kẻ hạ-cấp, lời của mụ già chủ nhà chứa, thôi thì khỏi nói!

“Tuồng vô nghĩa ở bất-nhân,
Buồn mình, trước đã **tân-mân** thử chơi,
Màu hồ đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!
Con kia đã bán cho ta,
Nhập gia thì phải cứ phép nhà tao đây!
Lão kia có giở **bài bậy**,
Chẳng **văng** vào mặt mà mày lại nghe!
Cớ sao **chịu tốt** một bề?
Gái tơ mà đã **ngứa nghề** lắm sao?”

Những tiếng tả chân như "*bài bậy, văng vào mặt, chịu tốt một bề*" (thay vì chịu lép một bề), *ngứa nghề, buồn mình, màu hồ*" đều là những tiếng lóng trong giới nhà nghề buôn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

hương bán phần, đã trở nên phổ-thông là vì Truyện Kiều của Nguyễn Du đã phổ-cập trong trong đại-chúng.

Thời thập niên 30, trong những tiểu-thuyết "Tôi Kéo Xe, Cạm Bẫy Người, Kỹ Nghệ Lấy Tây, Làm Đĩ, Số Đỏ, Lục-Xì, Bỉ vò", người ta thấy đầy dẫy những tiếng lóng của giới giang-hồ. Nhưng ngày nay những tiếng ấy hầu như biến mất vì các truyện này không phải là những tác-phẩm phổ cập, đã bị đào thải theo thời-gian, chẳng hạn, trong Bỉ Vò:

"Không vòm, không sộp, không te,
Niềng mữn, không có, ai mê nổi gì!"

Ngoại trừ tiếng "sộp" chỉ sự giàu sang, hay "vòm" là nhà cửa, các tiếng "te", "niềng mữn" có nhắc đến cũng chẳng mấy ai hiểu nghĩa là gì. Nghe nói "hăn tiêu sộp lắm, ăn chơi sộp nhỉ", thì còn hiểu được, chứ những tiếng kia thì khó mà hiểu được đó là ăn cắp (bỉ vò), xinh đẹp (te), nghèo rớt mồng tơi chẳng có lấy một xu (niềng mủn) dính túi.

Tại miền Nam, đi "xế hộp" là đi xe ô-tô (auto), đi khiêu-vũ nói lóng là "đi bum". Các ông đi "nhậu", ấy là các ông ra quán uống bia, đi "múa quạt" là đi đánh chẵn, tổ-tôm. Còn các bà "đi xoè", ấy là đi đánh tứ sắc. Nhậu rồi trả tiền "cưa đôi" chia hai đều nhau. Đánh bạc hết tiền, buộc người ta phải nạp tiền thì gọi là "bắt địa" và "chi địa", hoặc phải đi "chôm chia" ăn cắp của người ta, "ngón nghề" trở tài thật khéo-léo tài tình quả đúng là "hết sảy!".

Gánh hát cải-lương thì bên cạnh "đào thương" diễn xuất bi ai sâu thẳm, lệ rơi lã-chã, có "kép độc" "kép mùi". Bàn về "kép độc, kép mùi", soạn giả Viễn Châu giải thích: "Kép độc" là chỉ anh kép đóng vai xấu, đối lập với "kép mùi" để chỉ anh

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

kép đóng vai tốt. Cách nói này xuất-hiện từ lâu, đã trở thành cách nói phổ-cập trong nghề và trong công-chúng. Kép độc là vai gieo gió, là động-lực gây ra xung-đột kịch, nghĩa là giữa cái ác và cái thiện. Nếu không có cái ác khốc-liệt thì không bật lên được cái thiện sáng ngời." Trong làng "hia mảo" cải-lương, việc tìm đào kép sao cho thích-hợp là nhiệm-vụ quan-trọng của đạo-diễn. Đi coi cải-lương về thuật lại, muốn cho câu chuyện hấp-dẫn, thay vì nói ngay kết-cục cho biết vai diễn về "châu Diêm-Vương" nằm chết trên sàn, lại kể-lể dài dòng lê-thê "vòng vo Tam-Quốc" khiến cho người nghe sốt ruột nôn-nóng đợi chờ. "Xưa rồi Diễm!" truyện cũ này đã kể nhiều rồi, thôi khỏi cần nhắc lại, "bỏ đi Tám!". Bài hát "Diễm Xưa" của Trịnh Công-Sơn phổ-cập làm ra tiếng lóng. Các ông lén vợ "đi ăn chè" bởi vì các ông sợ vợ, thờ đạo "hầu bà". Báo chí đăng tin ông nhạc-sĩ kia lén vợ dẫn người yêu đi ăn chè ở quán Nhà Bè, tin động trời vì cả hai đều là nghệ-sĩ thời-danh lại là chuyện loạn luân ngoại-tình, thành ra có tiếng lóng này là vậy.

Quần rách thùng lỗ thì túm lại một nùm, con gái vào buồng, hỏi mẹ rằng:

"Từ bi ba lá từ bi,
Cái quần "chín nùm" nó đi đặng nào?"

Mẹ trả lời:

Cái quần mẹ phơi trên sào,
Con ra mà lấy, đem vào mà thay!
Quần này "chín nùm" ai hay?
Cần chi phải vá với may cầu kỳ!

Ngoài Bắc, bạn bè thân thiết đối xử tốt với nhau là những bạn "nổi khổ", "con chí cần đôi", sẵn-sàng bênh vực che chở cho nhau, kết thành phe cánh, xưa quen gọi là "cánh hầu".

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Hầu là biến-âm của “hào” 好, tiếng phát âm của người Hoa. Có chỗ giải thích sai là “bạn bè tụ tập kết giao với nhau, thường là để chơi bời hoặc làm những việc không chính đáng” (<http://vi.oldict.com/c%C3%A1nh+h%E1%BA%A9u/>).

Giải thích như vậy e rằng không đúng, vì “hào” có nghĩa là tốt. Nếu vậy, để phân biệt kẻ xấu với người tốt, phải nói là “**ăn cánh**” với nhau, tiếng lóng mà đám “ăn chơi” thường dùng. Âm-chỉ bọn mật-vụ, họ nói “**kính đen**”, và bảo “**cắt đuôi**” chúng nghĩa là bắt hẵn không cho chúng bám đeo.

Con gái còn trong trắng, văn chương khen là “hoa còn phong nhụy”, ngày nay giới trẻ Hànội nói lóng là “**rau sạch**”; nhưng nếu trái lại, như nàng Kiều thừa lúc “hai thân còn giữ tiết hoa chưa về” liền “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” lên sang nhà chàng Kim, thì ngày nay họ bảo là nàng “**vượt rào**”, tức là vượt ra khỏi hàng rào của lễ-giáo. Thấy nàng Kiều xinh đẹp, văn chương ẩn dụ bóng-bẩy khen rằng “một vùng như thể cây quỳnh cành dao”, ngày nay giới trẻ Hànội nói lóng rằng em “**chân dài**”.

Học-trò vào thi mang theo tài-liệu để coi trộm, ngày xưa nói là “**quay phim**”, rồi thêm phiên-âm tiếng Pháp là “**quay cóp**”, ngày nay thí-sinh Hànội vào thi “**đem phao**”, tiếng lóng mượn từ hình ảnh chiếc phao của người đi câu cá. Hẳn kể chuyện xạo nhiều quá thì nói hẵn xạo “**bà cố**”, cô nàng đẹp “**bà cố**” ghê, ấy là đẹp ghê lắm. Đừng chơi với hẵn, nó “**củ chuôi**” lắm, ấy là nó đều lắm. Thay vì nói cô ta xinh đáo-đẽ nhưng ông ẹo hay làm điệu, thì nói lóng là cô ta đẹp “**bà cố**” nhưng “**nhão**” lắm. Bây giờ làm ăn chuyện gì cũng phải biết “**bôi trơn**” mới trót lọt, ấy là phải có hối lộ. Thôi thì mình “**campuchia**” đi! ấy là mình chia nhau đi! Nào, anh phải làm

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Ở Quảng-Vinh

"bắc-cạn" cho hết thùng bia này, ấy là phải "cạn" ly cho hết. Còn lâu mới tới lượt mình, thì họ nói lóng là còn "hà vắn lâu".

Thịt bò "bíp-tết" (beefsteak) được gọi là "bò né." Thái-độ kiêu-kỳ, kênh-kiệu gọi là "chảnh", giá rẻ mạt gọi là "giá bèo", giá cao khủng-khiếp gọi là giá "khủng". Một bản tin được phóng-viên đánh đi: "Sau ít giờ ra khơi, thuyền anh Minh đã bắt được lượng cá "khủng".

Thay vì nói tán gẫu, họ nói lóng với nhau là "tám". Bà kia "lảm chuyện" quen thói ngồi lê đôi mách, ấy là bà ta "buôn dưa lê". Khoe có cô bạn gái dễ thương thì gọi là "gà tóc nâu", nói bạn trai của mình nghèo không tiền, chỉ ưa đi xe máy, cô nàng khoe rằng "xe ôm" của tôi vì "máu khô" nên ưa "con nghể", v.v...

Cần phải vào nhà tiêu công cộng (sau năm 1975 một thời-gian vẫn thấy còn gọi là "nhà ỉa, nhà đái"), người ta hỏi: "đi nặng" hay "đi nhẹ".

Sau đây là một trích-đoạn lượm được trên mạng internet nói về một số từ mới như lịch-sự, tiền lùi, túi mố, hàng đều, thực ra đó là những tiếng lóng thành những tiếng mới phổ-cập(<https://www.facebook.com/VietnameseinVABeach/posts/34557924552481>):

"Năm 1980, hăn nhờ tôi tìm mỗi bán nhà và đất lấy mười lượng vàng vượt biên. Tôi tìm không ra, và hăn ở lại. Không ngờ như thế mà lại may. Gần đây nhà đất vùn vụt lên giá, hăn bán một phần khu đất và trở thành triệu phú đô la. Hăn bảo tôi:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Bôn ba không qua thời vận. Mà xông xáo như thế mà cuối cùng lại chẳng ra gì so với tao. Cái nhà mà hơi bị nhỏ đấy. Tao là một sản phẩm của tề đoan xã hội. Chúng nó ăn hối lộ và buôn lậu, nhiều tiền bán quá phải mua nhà đất để tẩy, nhờ thế mà tao giàu sụ. Tao bán hơn năm ngàn mét đất được vài ngàn cây, sau khi **lich sự** mất vài trăm cây.

- **Lich sự?**

- À, đó là một tiếng mới - hẳn cười to. Bây giờ người ta không nói là đút lót hay đưa hối lộ nữa, xưa rồi! Bây giờ người ta nói là "lich sự". Lich sự trở thành một động từ. Làm cái gì cũng phải lich sự mới xong; không biết lich sự thì không sống được. Tao nhờ một thằng bạn lanh lẹ lich sự giùm mới bán được miếng đất đấy. Thằng bạn nhờ đó được một trăm cây **tiền lùì**.

- **Tiền lùì?**

- Đó cũng là một từ mới nữa. "Lùì" có nghĩa là tiền mà kẻ được lich sự bớt cho, còn gọi là tiền lại quả, cũng một tiếng thời thượng mới. Nó đi năm trăm cây nhưng lùì cho một trăm cây.

Hắn tặng vợ tôi một cái túi xách tay Louis Vuiton và nói đó là một **túi mố**. Hẳn giải thích "mố" cũng là tiếng mới xuất hiện, dùng thay cho "thời trang", hay "mốt" trước đây. Hắn cho tôi một sơ-mi lụa và nói đó là lụa thực chứ không phải lụa **đều**.

Tôi hỏi lụa đều là gì thì hắn phá lên cười:

- Mà lỗi thời quá rồi. Bây giờ trong nước người ta không nói là "giả" nữa mà nói là "đều". Hàng đều, bằng đều, rượu đều, thuốc đều.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

.....Hẳn dừng lại một lúc rồi nói tiếp:

Nhân loại tiến triển qua các thời kỳ đồ đá, đồ đồng, đồ sắt. Chúng ta còn có thời kỳ đồ đều. Nước mình đang ở thời kỳ đồ đều. (Vô Danh)”

Cũng như trường hợp các tiếng lóng thời thập niên 30 từ những truyện như Lục-Xi, Bỉ Vò đã nói ở trên, những tiếng lóng này rồi cũng sẽ bị gạn lọc theo thời gian. Nói là giá bèo, hay khùng thì còn hiểu được là giá rẻ như bèo hay giá cao kinh khủng, có thể sẽ được lưu tồn, các tiếng kia ắt hẳn sẽ biến mất sau này, khi mà trình độ văn-hoá văn-minh tiến-bộ làm thay đổi tâm-thức con người.

Bởi vì tiếng lóng thuộc văn nói, là ngôn-ngữ truyền miệng của quần-chúng, là thứ ngôn-ngữ ngoài đường phố, không phải ngôn-ngữ hàn-lâm chính-thức đưa vào văn viết, nếu có thì chỉ nên đưa vào những tiếng lóng thanh-nhã cho dù là văn tả thực. Những tiếng lóng thô-bỉ, tục-tĩu, vượt ra ngoài khuôn-khổ đạo-đức, không nên đưa vào văn-chương chữ viết, chỉ làm mất vẻ đẹp của ngôn-ngữ, bởi vì văn 文, 紋 ở đây được hiểu là đường gân, nét văn trên gấm vóc, như “ba văn” 波紋 là văn sóng, hay “chỉ văn” 指紋, là dấu văn trên ngón tay, là những đường nét làm nên vẻ đẹp của văn-chương, nhất là tiếng Việt với những nét đặc-thù cần được giữ gìn sự trong sáng cho xứng với cái địa-vị tuyệt-vời. Cho nên trước sau thì cũng sẽ bị đào-thải theo thời-gian.

Thôi thì khỏi nói, với luồng thông tin trên mạng internet, ngày nay tiếng lóng bất kể là thanh hay tục lan tràn như đồng bão, đến nỗi đã xuất-hiện những từ-điển tiếng lóng.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Tiếng lóng không phải chỉ trong giới trẻ hay giang hồ, “mánh mung” ngoài đường phố, mà ngay cả trong hàng ngũ công-chức, thậm chí mới đây ngày 29/5/2014, chính-quyền Hà-Nội đã phải “ban hành Quy chế thực-hiện kỷ-cương hành-chính và Văn-hóa công sở tại Văn phòng UBND thành phố. Quy chế yêu cầu cán bộ công chức khi giao tiếp với đồng nghiệp phải lịch sự, không nói tục, dùng tiếng lóng, quát nạt.”

<http://baophapluat.vn/trong-nuoc/ha-noi-cam-cong-chuc-ubnd-tp-noi-tuc-dung-tieng-long-186681.html>; <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/cong-chuc-ha-noi-bi-cam-noi-tuc-tieng-long-2999523.html>

Cũng tờ báo trên cho biết: “Những người được lấy ý kiến cho rằng, nguyên nhân chính gây nên những hành vi ứng xử không phù hợp trong các cơ quan hành chính Hà Nội là do việc đánh giá chất lượng cán bộ còn thiên vị, “cào bằng” Cào bằng là gì? **Lại cũng là tiếng lóng lưu-hành trong công-văn.** Theo nội-dung văn-bản, thì cào bằng là công-bằng. Nhưng đã có nhiều tranh cãi và cho rằng công-bằng không phải là cào bằng. Từ “cào bằng” dùng sai, vì cào bằng tức là san bằng, còn “công bằng là ngay thẳng và bằng phẳng, chỉ đức tính của một người ăn ở ngay thẳng, không thiên vị một ai; như một ông quan tòa xử án công bằng có nghĩa là xử án không thiên vị một ai.” Cào bằng gợi ra ý tưởng phủ-nhận quyền tư-hữu.

Tác-giả Chu Chi Nam viết: “Một thí dụ cho dễ hiểu, đó là ai cũng có quyền tự do ngôn luận, phát biểu ý kiến của mình. Nhưng mỗi người một ý kiến khác nhau, hay dở khác nhau; chứ công bằng không có nghĩa là ai cũng phát biểu cùng một ý kiến, đây là công bằng của nghĩa cào bằng, chỉ làm cho xã hội trở nên nghèo nàn về tinh thần cũng như vật chất.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

<http://chuchinam.pagesperso-orange.fr/C/bai%20viet%20CACH%20MANG/Phai%20chang%20cong%20bang%20la%20cao%20bang%20tu%20tren%20xuong%20duoi%20%28ds%29.htm>

Đem tiếng lóng vào công-văn lưu-hành lại dùng sai không đúng chỗ, thì không còn gì để nói. Đây là trách-nhiệm của nhà làm văn hóa, chính-tri.

2- Sáng-tác các từ-ngữ, thành-ngữ mới.

* Từ "những nhà văn cột trụ" đến "những cây viết gạo cội" rồi dần-dà tới "một cây thông-minh" "một cây giỏi Toán" hay "giỏi Toán một cây", sau này khi một tiểu-thuyết-gia viết truyện hài-hước thêm vào "một cây xanh rờn" thì những kiểu nói này đã trở thành những tiếng lóng phổ-cập trong quần-chúng.

* Tả cảnh phải chạy ngược chạy xuôi, tắt-tả "vắt giò lên cổ" lo-lắng sao cho công việc hoàn-thành trôi chảy, cho mọi sự yên bề êm đẹp, người miền Bắc nói: "chạy xất bất xang bang". Không biết từ đâu mà có. Đây là do phản-ứng tự-nhiên trước một biến-cố sự-kiện, phải chẳng có lẽ từ sự liên-tưởng tới từ-ngữ tắt bật, lẳng xằng, như khi nói chạy lẳng-xằng, lo làm lo ăn tắt-bật thở không ra hơi?

* Những năm từ thập niên 1960, hai tiếng "sức mảy" bỗng dựng thịnh-hành:

- Sức mảy mà cô ta chịu!
- Sức mảy mà thắng cuộc!

"Sức mảy" để tả cái khó khăn bất-lực không dễ gì đạt được. Hồi ấy còn nhớ một nữ dân-biểu đệ-nhất Cộng-Hòa khi

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

tranh-luận về luật gia-đình, bênh-vực đề-cao nữ-quyền đã buột miệng phát biểu: "Không có đàn bà sức mấy có đàn ông!". Câu nói đã làm đề-tài cho báo-chí bình-phẩm, nhưng sau đó bỗng thành thông-dụng trong những chuyện hài-hước và được sử-dụng như một tiếng lóng phổ-biến.

* Gần đây, trong "Gia- Đình Bác Tám", con Hiền đã trả lời ông Chín Đờn Cò cũng bằng cái giọng cong-cớn như vậy. Chín Đờn Cò đưa một ngón tay xỉ xỉ con Hiền:

- Cha-chả, bộ "bây" nhiễm giọng "cái lồi ngồi trên cái cốc" rồi hả Hiền? "Bây" mà theo cái ngữ đó là kể như thẳng Hiếu nó cho "bây" ở "giá" đó nghe chưa?

Con Hiền đưa mắt nhìn chung quanh vườn một lượt để dò xét. Sau đó nó vừa nói vừa nghiêng răng.

- "Còn lâu mới nhiễm...Sức mấy bác Chín... Con là con Hiền mà bác..." (trang 35).

* Cũng như trong Truyện Kiều của Nguyễn-Du, các nhân-vật Tú-Bà, Sở-Khanh, Hoạn-Thư từ xưa đã thành một danh-tử chung phổ-biến; sau này người ta hâm-mộ tưởng cái-lương hài-hước "Ngao, Sò, Ốc, Hến" đến mức cũng biến các nhân-vật trong truyện thành những hình-dung-tử để khôi-hài mua vui. Nói về tính keo-kiệt hà-tiện: "Ồi chào! thẳng chả *trùm sò* quá xá cỡ!", hoặc dùng những câu đối-đáp của "thầy đề, quan huyện" để nói về tính háo-sắc như: "phong-lưu một chuyến", "đi khám điền thổ".v.v...Phải thấy đám trẻ trong xóm tùm năm, tùm ba, say-sưa diễn đi diễn lại với nhau tuồng cải-lương này mới thấy tại sao những từ-ngữ trên đã đi sâu vào sinh-hoạt của quần-chúng miền Nam sau 1975.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

* Sau ngày hai miền Nam Bắc thống-nhất, nhiều kiểu nói mới nữa xuất-hiện như một tiếng lóng hoặc thành-ngữ: "Bà con ơi! Mau mau ra mua cá liên-xô". Họ đi-đi gọi nhau ra cửa hàng "hợp-tác-xã".

Thoạt đầu người không biết cũng tưởng là cá nhập-cảng từ Liên-Xô. Té ra là mua cá theo kiểu xếp hàng "rồng rắn" nối đuôi nhau liền liền (liên), đẩy nhau xô đi xô lại (xô). Từ "Liên-Xô" trở nên một tiếng lóng để riếu cái cảnh "Xếp Hàng Cả Ngày" của (XHCH) Xã-Hội-Chủ-Nghĩa. Đây cũng là cái lối chơi chữ do tính hài-hước sáng-tạo nên. Cá xô là cá xô-bồ, tạp-nhập đủ mọi thứ cá. Sau 1975, cá ngon đều bị đem xuất-khẩu, dân-chúng chỉ được mua theo khẩu-phần loại cá này. Cái óc riếu cợt khiến người dân ráp thêm thành từ liên-xô một lời hai ý.

Riếu cán-bộ thì họ nói "cán bộ sáu vê" "cán-bộ năm dê". Sáu vê là sáu chữ V: vào, vợ, vét, về, vui-vẻ. Năm dê là năm chữ D: nói dài, nói dai, nói dối, nói dở, nói dốt.

* Từ miền Bắc du-nhập vào miền Nam, người ta thấy xuất-hiện nhiều tiếng mới như "móc-ngoặc", "phe-phẩy".

Người trong cơ-quan với cơ-quan hay với thường-dân bên ngoài thăm lén ăn ý, chia-chác với nhau để mưu-cầu quyền-lợi riêng tư bất-hợp-pháp hay không hợp-thức, hết như đôi bên móc ngoéo tay nhau như băng-chứng của một sự tương-thuận ứng chịu, ấy là "móc-ngoặc". Không biết có phải là do tiếng "affaire" như xưa nay người ta phiên-âm từ Pháp-ngữ để chỉ những người chuyên chạy "áp-phe" lo-lót công-việc, tính chuyện kinh-doanh buôn-bán, mà người miền

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Bắc đã giản-lược đặt ra từ "phe-phẩy"? Hay đồng thời cũng hình-dung ra cái dáng phe-phẩy của người buôn nước bọt, chạy xuôi, chạy ngược, chấp đầu này chạy vá đầu kia? Những tiếng "móc-ngoặc" "phe-phẩy" thật là thuần-túy Việt-Nam mà rất tượng-hình gợi ý.

* Cũng từ đó, người miền Bắc đã có những tục-ngữ mô-tả thực-trạng bi-thảm của chế-độ. Chẳng hạn "nhất ngoặc, nhì thân, tam thần, tứ chết". Công-bằng, công-lý dựa trên tiêu-chuẩn ưu-tiên ưu-đãi: trước nhất là lo-lót ăn chia móc-ngoặc với người nhà nước, thứ đến là tình-cảm thân-thuộc họ-hàng, sau nữa là người được mệnh-danh là công-thần có thành-tích công-trạng - mà sự lạm-dụng đã đưa đến cụm-từ công-thần chủ-nghĩa - cuối cùng mới là những người được xếp vào loại biên-chế tức là công-nhân, viên-chức được biên-nhận vào ngạch chính-thức của quy-chế chế-độ. Câu tục-ngữ này ắt hẳn từ những người ở bậc ưu-đãi chót đặt ra để diễu cái phi-lý, bất-công của chính-sách đả-ngộ. Sau này trong giới trí thức lại có thêm một thành-ngữ mới về thứ-tự ưu-tiên đả-ngộ, đó là: "hậu-duệ, liên-hệ, tiền-tê, trí-tuệ", bởi vì do sự tranh giành quyền-lực, chức-vị như tục-ngữ quen nói: "cái ghế thì ít, cái đít thì nhiều", nên giới "trí-tuệ" dễ gì được trọng-dụng, vì được xếp hạng chót. Để giấu cái chủ-trương "lao-động là vinh quang", họ nhại thành những khẩu hiệu hô hào lao động: "làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm, làm quên ngày nghỉ".

* Càng ngày càng thấy xuất-hiện những thành ngữ mới. Những thành ngữ này thật kỳ quặc vô nghĩa. Những thành-ngữ ngớ ngẩn này nhiều đến nỗi đã được hoa-sĩ Thành Phong sưu tập thành sách "*thành-ngữ sành điệu bằng tranh*" mang tựa đề "*Sát Thủ Đầu Mú*". Những thành ngữ này phổ biến khắp nơi, cả trong giới trí thức và văn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

nghệ sĩ tiếng tăm ở Hà Nội. Xin kể sơ một số trong sưu tập này:

ăn chơi sợ gì mưa rơi
buồn như con chuồn chuồn
chán như con gián
chảnh như con cá cảnh
chuyện nhỏ như con thỏ
bực như con mực
cực như con chó mực
đau khổ như con hổ
đen như con mèo hen
đói như con chó sói
đơn giản như đàn rổ
dốt như con tốt
đuối như trái chuối
ghét như con bọ chét
già như quả cà
hồn nhiên như cô tiên
im như con chim
lạnh lùng con thạch sùng
ngất ngây con gà tây
ngốc như con ốc
phê như con tê tê
sành điệu củ kiệu
tê tái con gà mái
thô bỉ như con khi

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

tự nhiên như cô tiên
tinh vi sờ ti con lợn
xinh như con tinh tinh

"**Sát thủ đầu mừng mủ**" xuất bản năm 2011, sau đó bị thu hồi năm 2011). Sách được bổ sung, sửa chữa tái bản năm 2013 với tựa đề "**Phê như con tê tê**". "Phê như con tê tê" ám-chỉ trạng thái thoải mãn, sung sướng tột đỉnh, có hình minh hoạ là một con tê tê đang phê thuốc Lào.

Lần đầu tiên phát hành năm 2011, cuốn sách đã đẩy lên hai luồng ý kiến trái nghịch: phản đối và ủng hộ. Sự phản đối lại đến từ giới trẻ. Một blogger bình luận câu "Một con ngựa đau, cả tàu được ăn thêm cỏ" rằng "đích thị là đi ngược lại truyền thống đạo đức ông cha để lại". Những người lớn tuổi lại tỏ ra hứng thú với lối sáng-tạo ngôn-ngữ hiện nay. Điển hình, tại buổi Toạ đàm *Ngôn ngữ giới trẻ thời @ qua tranh của họa sĩ Thành Phong* tại Hà Nội, giáo sư Văn Như Cương bày tỏ sự thích thú với cách nói mới, đồng thời bày tỏ "(lối nói trên) mang lại những ý nghĩa quá thú vị và bất ngờ mà lối văn phong truyền thống không thể nào diễn tả được".

http://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%A1t_th%E1%BB%A7_%C4%91%E1%BA%A7_um%C6%B0ng_m%E1%BB%A7

Đây là những câu nói để đùa cho vui, và như là để nói cho thoải thuê, hả dạ, cho bùng nổ tâm trạng bị dồn nén. Cách nói này phổ cập, tràn lan như đồng bão, một hiện-tượng có thể tạm gọi là "nổi loạn" (mutiny) trong văn hoá. Bởi coi là đồng bão nên chúng tôi gọi đó là một thứ "nổi loạn" dựa theo định-nghĩa từ-nguyên của chữ "mutiny" trong tiếng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Anh. (*revolt or rebellion against constituted authority, especially by sailors against their officers*)

Báo chí gọi đây là "ngôn-ngữ cải biên". Chúng tôi coi đây là *một thứ "ngôn-ngữ phản-kháng", cái mà trong tiếng Anh gọi là "phi văn-hoá" (counter-culture)*, phản ánh một thứ văn hóa và lối sống của những người dân, đặc biệt là trong giới trẻ, những người từ chối hoặc phản đối các giá trị chi-phối và hành-vi của xã-hội. (*the culture and lifestyle of those people, especially among the young, who reject or oppose the dominant values and behavior of society*). Nó đối lập với tập tục văn-hóa chính-thống. *Nó là một phong-trào "phản văn"* thể hiện các đặc-tính và khát vọng của quần-chúng trong một thời-kỳ được xác-định rõ. (*it is often in opposition to mainstream cultural mores, a countercultural movement expresses the ethos and aspirations of a specific population during a well-defined era*).

Đã lâu lắm, xưa lắm rồi, chưa bao giờ thấy dân chúng thà cửa cứng vái, lễ chùa như ngày nay. Hiện-tượng dân chúng mê-tín, dị-đoan, bói toán, đến mức lố-lăng ngoài sự tưởng tượng, thậm chí được chính-giới khuyến-kích hỗ-trợ khi thành lập cả một cơ-quan đảm-trách dịch-vụ phong thủy. Trường phòng Phong thủy Kiến trúc Viện Quy Hoạch và Kiến Trúc Đô Thị đã có cả một bài chỉ dẫn người dân **"Cách dùng ấn đền Trần hiệu-quả trong năm 2015"** như sau: *"Nếu muốn sử dụng hiệu quả hơn theo phong thủy, tùy theo mục đích sử dụng mà dán ở các vị trí khác nhau, như năm 2015 để tăng tài lộc thì dán ấn ở chính Bắc"*.

<http://doisong.vnexpress.net/tin-tuc/gia-dinh/cach-dung-an-den-tran-hieu-qua-trong-nam-2015-3153737.html>

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Hiện-tượng ấy chẳng phải là một sự bùng nổ tâm-lý sau cả một thời kỳ dồn nén đặng-đặng đó sao?

Và như chúng tôi sẽ đề-cập tiếp khi nói về "trường phái Bút Tre" ở đoạn dưới, cái lối nói "phê như con tê-tê" này nó **bùng nổ từ tâm-lý muốn vượt thoát, không muốn chấp nhận những quy-phạm hiện-hữu, mà người ta không còn tin tưởng nữa.** Cách nói mới này nếu có giá-trị, thì đó là giá-trị lịch-sử. Vì nó ghi nhận một thực-trạng xã-hội cho biết đã có một thời người ta *"thích thú vì lối nói mới này đã mang lại những ý nghĩa quá thú vị và bất ngờ mà lối văn-phong truyền-thống không thể nào diễn tả được"*, **chính là vì người ta đã được bung ra hay mong muốn được thoát ra khỏi sự dồn nén ức-chế lâu ngày.**

2- Sáng-tác các bài vè, ca-dao mới.

* Ngay những ngày đầu miền Nam rơi vào chế-độ Cộng-Sản, người ta đã thấy truyền miệng hoặc viết nguệch-ngoạc trên các bức tường loang-lổ:

"Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa:
Áo quần bán trước, cửa nhà bán sau.
Bác Hồ khuyên ăn cơm rau,
Chớ ăn thịt cá mà đau dạ-dây!"

Sau này khi người miền Bắc ào-ạt vô Nam lại được nghe nói:

*Trắng tay canh bạc non sông
Sinh viên đánh đĩ, anh hùng bơm xe*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*Con ơi ghi khắc trong lòng
Bán tròn nuôi miệng mới hồng nên . . . thân*

*"Cáo già vừa dẻo vừa dai.
Buôn dân bán nước cắt hai sơn hà"*

Khi Thủ-đô Sài-gòn bị đổi tên là thành-phố Hồ-chí-Minh, hai câu đối chữ sau đây liền được rí tai lưu-truyền:

*"Nam-Kỳ Khởi-Nghĩa phi Công-Lý,
Đông Khởi lên rồi mất Tự-Do."*

Câu đối này hẳn phải do người có học truyền ra để giễu chế-độ mới nhân việc đổi mới các tên đường phố cũ. Thế rồi cũng như ca-dao, nó trở thành câu nói đầu môi chót lưỡi của người dân Sài-gòn. Đường Công-Lý đổi tên là đường Nam-Kỳ Khởi-Nghĩa và đường Tự-do đổi tên là đường Đông-khởi, là những tên của các biến-động nổi dậy của phong-trào Cộng-sản trước kia. Vẫn là lối bóng-bẩy trào-phúng cay độc nhờ vận-dụng cách chơi chữ sử-dụng kiểu nói một lời hai nghĩa.

* Bỏ nước ra đi, vượt biển ngàn trùng là chấp-nhận một liều ba bảy cũng liều, con đã nói quã-quyết với mẹ rằng:

*"Một là con nuôi má,
Hai là má nuôi con,
Ba là con nuôi cá."*

* Chính những người sống dưới chế-độ miền Bắc, ngay những ngày đầu thống-nhất hai miền đã truyền-tụng những bài vè như sau:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

“Sa-pa nói ba hiểu một,
Sông Cầu nói đầu hiểu đầy,
Sa-mít nói ít hiểu nhiều,
Ba số chữ bố cũng làm.”

Đây là tên bốn thứ thuốc lá, xếp hạng không ngon theo thứ tự trên dưới: hai thứ đầu là thuốc nội sản-xuất tại miền Bắc, Sa-mít là thuốc của Thái-Lan, thuốc ba số là ba số 5 (555) của Anh nhập-cảng lậu gọi là thuốc "chui". Đây là một loại phải có trong "thủ-tục đầu tiên" mỗi khi muốn được một ân-huệ, gặp cán-bộ nhà nước, muốn người ta hiểu ít hiểu nhiều ý mình, muốn sai-khiến người ta làm thì cứ thế mà theo. Để nói lên ý rẻ-rúng coi thường, người Hà-nội chép miệng trề môi: "Ồi giào! đáng (có) *ba đồng chính* ý mà!", người Sài-gòn nghe vậy cứ ngăn người ra trong khi họ nhìn nhau khúc-kích. Gạn hỏi, chỗ thân-tình mới được tiết-lộ ấy là ám-chỉ danh-xưng và tên gọi của ba vị lãnh-tụ nhà nước!

* Trở lại câu nói "thủ-tục đầu tiên", ca-dao xưa nói về sức mạnh của đồng tiền:

“Hạt tiêu nó bé, nó cay,
Đồng tiền nó bé, nó hay cửa quyền.”

Ngày nay, người dân miền Bắc có bài vè mới như sau:

“Tiền là Tiên là Phật,
Là sức bật của lò-xo,
Là thước đo lòng người,
Là nụ cười của tuổi trẻ,
Là sức khoẻ của tuổi già,
Là cái đà của danh-vọng,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Là cái lọng che thân,
Là cán cân công-lý,
Là hết ý của cuộc đời."

* Từ 1980, tại Sài Gòn, đã thấy truyền-tụng bài vè:

"Muốn điện thì lấy thợ may,
Muốn cây thì lấy thương-nghiệp,
Muốn chết tiết thì lấy công-nhân."

Cây đây là cây vàng, một tiếng mới xuất-hiện sau 1975 thay cho "lọng vàng" trước kia. Thương-nghiệp là cơ-quan của nhà nước chuyên lo việc thương-mại. Tất cả những hiện-tượng tiêu-cực suy-thoái và mâu-thuẫn bạc-đãi của chế-độ đã được ngọn roi trào-phúng của ngôn-ngữ truyền miệng trên đây chiếu-cổ.

* Tới nay thì sau chính-biến 1975, nhất là người miền Bắc do hoàn-cảnh chính-trị, kinh-tế và tình-trạng xã-hội đổi khác, họ đã sáng-chế ra biết bao những đặc-từ, những tiếng lóng như đã đề-cập, những tiếng mới lạ tai, hoặc kỳ-quái sai nghĩa, hoặc dùng bừa-bãi không đúng chỗ, chẳng hạn như "đồ đều", "bức xúc", "ách tắc", "vô tư", "tư-liệu" "tường minh", "công-nghệ dạy văn" "đấu thầu ý-tưởng, v.v....sẽ được đề cập trong việc giữ-gìn sự trong sáng của tiếng Việt ở chương 7 tiếp theo: "Tiếng Việt và Vận-Mệnh Quốc-Gia"

* Đây là ở trong nước. Bỏ nước ra đi rồi, chỗ nào có người Việt, chỗ ấy tiếng Việt lại tận-dụng khả-năng sáng-tạo của mình. Tại các trại tỵ-nạn, khi bị phái-đoàn bác đờn xin đi định-cư, ở Thái-Lan, họ gọi là bị "đá", ở Bidong họ gọi là "sù". Tại Thái-Lan, những người mới tới trại, thấy ngỡ-ngàng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

sững-sờ khi nghe người cũ nói với nhau: "gần có rồi!". Chưa chắc đã có rồi! Chưa chắc đâu đấy! đó là lối phản-ứng không tán-đồng cất lên bằng giọng cong-cớn, vênh-váo tựa như "sức mảy mà được!" Phải sống ở trại và hòa-đồng với họ mới thấy cái ý-vị của câu nói đốp chát phủ-nhận này. Nếu như những người ấy lại cùng quây-quần với nhau trong một cộng-đồng mới, ở chân trời mới, và càng rộng lớn bao nhiêu, nó sẽ trở nên phổ-cập bấy nhiêu.

Cũng phải kể đến sáng tác những bài thơ Bút Tre Dân Gian. Ông Nguyễn Ngọc-Bảo có bài viết trong báo Ngày Nay số Xuân Bính-Tuất năm 2006, phân biệt Bút Tre Dân Gian với Bút Tre Thật. Chúng tôi thiếu nghĩ nên đổi lại là phân-biệt với Bút Tre Nguyên-Thủy. Vì thoạt kỳ thủy, thơ Bút Tre phổ biến hạn hẹp trong nội bộ của một cơ quan nhằm ca ngợi Đảng Cộng Sản Việt-nam, do ông Đặng Văn Đàng (1911-1987) sáng tác với bút-danh là Bút Tre. Ông Đàng nguyên là giáo học tại tỉnh Tuyên Quang thời Pháp-thuộc, sau này là đảng viên giữ chức trưởng ty văn-hoá tỉnh Phú-Thọ từ năm 1962 đến khi về hưu năm 1970. Khi còn tại chức, ông Đàng cho in tập "Thơ Bút Tre" để tặng thân-hữu.

Theo tác-giả bài viết, tập thơ của ông Đàng gồm những bài "ca ngợi lãnh đạo, hoặc hô hào, cổ động cho kế hoạch của đảng và nhà nước...Thơ ông ngô nghê, luộm thuộm đến độ buồn cười, ngô nghê về cú pháp, nghèo nàn về ý tứ và lắm khi sai cả niêm luật. Lắm khi người đọc phải vận dụng trí thông minh để hiểu ông muốn nói gì qua những vần thơ ấy." Bắt chước cách làm thơ Bút Tre của ông Đàng, dân gian đem óc trào phúng dí-dỏm sẵn có làm thành những câu lục bát trào-phúng, vừa thanh vừa tục để giễu cợt Nhà Nước, "đáp ứng thị hiếu của nhân dân đang cần những nụ cười

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

sảng khoái để quên đi trong khoảnh khắc những lầm than của cuộc sống xã hội chủ nghĩa". Những vần thơ này truyền miệng cho nhau được sàng lọc, gọt giũa thành Bút Tre Dân Gian. Nó phổ-cập đến nỗi thành những bài vè, ca-dao, và từ đó người ta quen gọi tắt là Thơ Bút Tre. Sáng tác kiểu này trở thành một dòng thơ mới gọi là Trường-Phái Bút Tre "tung hoành từ thành-thị đến chốn thôn quê trên đất nước".

Về cách cấu-trúc, thơ Bút Tre đôi khi là những bài có cấu-trúc chính-thống suông sẻ, đúng luật gieo thanh hiệp vần, chẳng cầu kỳ khác lạ, như hoặc châm chọc ông tổng bí thư Nguyễn Văn Linh trong thời đổi mới:

Hoan hô ông Nguyễn Văn Linh
Trước kia ghét Mỹ nay hình như thương

hoặc:

Con đồ dịch đất sang ngang,
Bên kia có một cái làng thò ra

hoặc tả chị em du kích:

Má kề nòng súng thẳng đơ
Tay thuôn chị cứ bóp cò sướng chưa?

Nhưng thông thường cấu-trúc đặc-biệt của thơ Bút Tre là "cưỡng từ đổi nghĩa, sửa dấu ép vần."

a) Trước hết là lỗi vắt giòng gãy câu: tiếng cuối câu lục lẽ ra đi liền với tiếng đầu câu bát, lại bị gãy khúc xuống giòng, mang nghĩa khác hẳn nếu hai câu lục bát đọc liền thành văn xuôi không gãy khúc. Chẳng hạn, họ viết:

"Hoan hô đại tướng Võ Nguyên
Giáp ta thẳng trận Điện Biên trở về"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Thực ra ý tác-giả muốn ca tụng đại tướng Võ Nguyên Giáp thắng trận Điện Biên, nay đã trở về. Nhưng vì ngắt câu, ngưng ở câu lục như vậy, thành ra dân gian đọc ra cái giọng dè bĩu khinh thường bất kính: “Giáp ta ...”. Từ đó khơi mào cho lối thơ châm chích Bút Tre trong dân gian, như:

“Chị em nô-nức đặt **vòng**
hoa mờ liệt-sĩ tỏ lòng biết ơn”

hoặc:

“Chị em mặc váy đánh **cầu**
lông bay phơ-phất trên đầu các anh.”

hay là nói đường đi Pleiku (gọi tắt là Pờ-Lê) dài dằng-dặc thì ngừng nghỉ sang câu dưới sẽ nói tiếp âm Ku, thành:

Anh đi chiến-dịch **PỜ LÊ**
KU dài dằng-dặc biết ngày nào ra.

cũng vậy:

Anh đi chiến-dịch **Ban-Mê**
Thuột xong vài bữa rồi về với em.

hay:

Anh đi chiến-dịch đảo **Côn**
Lôn em ở lại xóm thôn vui vầy.

b) sau nữa là kết hợp với cách nói lái:

Mừng ngày mồng tám tháng ba,
Chị em phụ-nữ chúng ta **vung lên**.

Hay:

Phụ-nữ thường rất hay lười
Riêng em, anh thấy là người **cần cu**

hoặc “quần chúng” thì sửa dấu thành “quần chùng” cho hiệp vần với “cùng” như trong câu:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Trung ương chỉ thị ba cùng
Đảng viên phải bám **quần chùng** nhân dân.

Ấy là để mĩa-mại chính-sách dựa-dẫm quần chúng để bóc lột nhân-dân, thấy dân đã đói đến nỗi bụng lép, quần chùng muốn tụt xuống, vậy mà các cán-bộ còn cứ triệt-để gương cao khẩu-hiệu "ba cùng": cùng ăn, cùng ở, cùng làm" để "ăn bám" vào dân.

c) sửa dấu đổi trắc thành bằng cho hiệp vần đã đành, họ còn đổi bằng thành trắc, chẳng cần biết có hiệp vần hay không. Người nghe thấy "khổ độc" chương tai thì cứ tự ý đổi dấu lại cho hiệp vần, miễn sao sửa lại rồi, sẽ thấy từ mới chọc cười, chẳng hạn:

"Đồng Xuân nô nức tiếng **đôn**
Có cô bán trứng **vịt lợn** rất to"

hoặc:

Khoai luộc tiếp tế chiến **khu**
Chị em bóc thử một **củ** ăn liền

Đường vào lảng bác âm **u**
Chị em bộ đội dờ **mũ** ra chào
Mời em ăn một quả **chuôi**
Để em nhớ mãi cái **buổi** hôm nay

Yêu thay chị nữ dân **công**
Nửa đêm khuya khoắt đem **lợn** vào đây

Thơ Bút Tre ngày càng lan rộng trong đại chúng, bất cứ ai thích thơ, vẽ đều cũng vẽ vẽ dăm ba vần thơ Bút Tre. Chẳng hạn sau này có những câu mới như:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Cùng vào lãng bác đi cầu,
Nguyện cho thân quyến vừa giàu vừa sang.

hoặc:

Bốn ông chung một đĩa **lòn**
lợn ngồi chễm-chệ bên thùng bia hơi.

hay:

Trên rừng con khỉ **đánh đu**,
Dưới thành Lê Duẩn **mút cu** (Moscou) chưa về.

Chị Định đón bác dưới mưa
Chị sợ bác ướt, chị đưa cái **nòn**...

Ấy là do óc khôi-hài sẵn có làm nên "Tiếng Việt Duyên-Dáng Dí-Dỏm" (xin xem chương 5), ấy là do Tiếng Việt có "Khả-Năng Sáng-Tạo Không Ngừng" với tài xuất khẩu thành thi của người Việt tự-nhiên ứng biến đối đáp thành văn có vần có điệu trong lối hát hò, và nhất là do cái tinh-thần dễ-kháng sẵn có của tộc Việt.

Quả vậy, dưới nhãn-quan tâm-lý, khi con người bị ức-chế, bị dồn nén lâu ngày (refoulement) ắt sẽ vùng dậy nổ bùng khi thuận lợi. Văn-học sử đã chứng tỏ điều này. Lời oán than của người cung-phi trong Cung Oán Ngâm Khúc là những tiếng lòng ảm-ức của một chế-độ phi nhân bất công.

Nỗi sầu của Chinh-Phụ Ngâm Khúc là tiếng lòng của thời Nam Bắc phân tranh. Niềm đau tủ nhục của kiếp hồng-nhan cũng như nỗi oan khốc tức-tưởi của nàng Kiều nhìn Từ Hải "chết đứng" giữa trận-tiền là tiếng oán than tố cáo cái xã-hội thối nát đương thời (xem "Bút-Thuật của Nguyễn-Du Trong Đoạn-Trường Tân Thanh")

<http://www.catholic.org.tw/vntaiwan/hoabinh/kiueu.htm>

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Đó là những sản-phẩm của thời-đại. Cho đến khi thơ Hồ Xuân-Hương xuất-hiện, chắc hẳn là của những nhân-vật không tên mượn danh nữ-sĩ, rõ-ràng là để nói lên nỗi cay đắng, hận đời, cũng như khát vọng của con tim lãng-mạn bùng nổ sau một thời tao-loạn bị khống-chế, nay phải được cởi mở phơi bày cho hả-hê.

Đúng như tục-ngữ thường nói "tức nước vỡ bờ" là vậy. Sau những năm tháng bị kìm kẹp, bị khống-chế hết bởi chính-sách này đến sách-lược kia, nào "ba khoan" "ba cùng", "bốn tốt", v..v, nay khi có cơ-hội thì phải "mượn gió bẻ măng", nhất là khi lịch-sử đã sang trang, hơn nữa truyền-thông nay không còn bưng bít, nhưng bung ra qua mạng lưới toàn cầu, thì ai nấy sẽ tha hồ mà "lên lưới", mà "chit chat", kháo nhau cho thoải-mái hả-hê:

"Nhà ai giàu bằng nhà cán bộ?
Hộ nào sang bằng hộ đảng viên?
Dân tình thất đảo bát điên
Đảng viên mặc sức vung tiền vui chơi."

"Ai về qua tỉnh Nam Hà
Xem lũ đây tớ xây nhà bê tông.
Tớ ơi, mày có biết không?
Chúng ông làm chủ mà không bằng mày!"

"Phong lan, phong chức, phong bì
Trong ba thứ ấy, thứ gì quý hơn?
Phong lan ngấm mãi cũng buồn
Phong chức thì phải cú luồn vào ra

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Chỉ còn cái phong thứ ba
Mở ra thơm nức, cả nhà cùng vui.”

“Tìm em như thể tìm chim
Chim bay biển Bắc, anh tìm biển Đông
Tìm chi cho phải mất công?
Đài Loan, Hàn Quốc em đông mất rồi.
Ngày xưa giặc Pháp mộ phu
Ngày nay đảng bán dân ngu lấy tiền
Đảng ta là đảng cầm quyền
Đảng bán ruộng đất lấy tiền đảng tiêu.”

Cho nên chẳng lạ gì những bài vè, ca dao mới mỗi ngày mỗi xuất hiện thêm, mọc lên như cánh rừng ngày càng rậm-rạp, có lẽ cho đến khi vỡ bờ tức nước, lụt tràn mênh-mông nhận chìm những núi nhà ngheo-nghện chi-chít trên những đất đai xua đuổi dân nghèo.

Cho nên cũng không thể bảo rằng phong-trào Thơ Bút Tre đã bắt chước một tiên-lệ nào đó trước kia. Đúng là trong những thập kỷ trước, xưa lắm, đã thấy có vần thơ cường tử như vậy. Nguyễn Văn-Vinh trong bài thơ “Con Cá Nhỏ và Người Đánh Cá” dịch thơ ngụ-ngôn “Le Petit Poisson et Le Pêcheur” của La Fontaine, viết:

“Miễn là cá sống dưới hồ,
Còn con cũng có ngày to **kêch xù**,
Nhưng mà cá đã **cẩn cu**,
Thả ra, tôi nghĩ còn ngu nào tày.”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Thay vì dịch là cá cắn câu sẽ bị ép vần, ông cưỡng từ đổi lại là cắn cu. Nhưng không hẳn là thời bấy giờ ông Vinh đã có ý sáng tác loại thơ này, chẳng qua vì túng vần mà thôi.

Ngay như ca-dao cũng có khi vì túng vần mà phải ép từ, chẳng hạn đáng lý phải nói là "một vài" lại nói là "một và" để cho hiệp vần với "bà" ở câu trên, như bài ca-dao sau đây:

"Con dậy, con ăn, con ở với **bà**,
Để mẹ đi kiếm một **và** em thêm"

Và lại sau đó cũng chẳng thấy ai noi theo để cho cách làm thơ như vậy biến thành phong trào như ngày nay, bởi vì cách làm thơ ấy không phải là sản-phẩm của thời-đại. Trái lại *chính vì là sản-phẩm của thời-đại, nên thơ Bút Tre mới thành hình và triển nở thành cái mà người ta vinh tôn như một trường-phái, "Trường Phái Bút Tre", một nét son chứng tỏ "Tiếng Việt Tuyệt-Vời" do khả-năng sáng-tạo không ngừng vậy.*

(xem thêm: <http://dactrung.net/Phorum/printable.aspx?m=227944>)

Những vần thơ Bút Tre là những tiếng nói quả-cảm, dí-dòm cười ra nước mắt, những ngọn roi trào-phúng xót-xa nói lên những tiếng lòng ẩn-ức của kẻ thấp cổ bé miệng còng lưng thấp-thoáng sau bức màn tre.

Quả là "Thơ Bút Tre" đã chọn cho mình danh xưng thích-hợp. Đó là những ngọn bút tre mà như giáo sư Pujarniscle, người Pháp, đã được đề-cập ở phần I bên trên, khi ông nhận-định rằng: cây tre biểu-thị lòng cương-quyết, một cá-tính của dân-tộc Việt: "Đây không phải là sự cương-quyết của cây sến đứng đầu bão táp, mà là của cây sậy, hay đúng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Ở *Quang-Vinh*

hơn, là của cây tre rất éo-lả nhưng rất cứng rắn, mà người Việt-Nam gọi là khôn-ngoa, có lẽ bởi chứng cây tre ngã xuống mà không gãy, điều này trước mắt họ là sự khôn-ngoa tột độ”.

* Chính điều này lại một lần nữa cho thấy ngôn-ngữ là một thực-thể sống động, nó triển nở trong lòng dân-tộc và cùng với sự trưởng-thành của cộng-đồng. Các bộ-tộc ít người, sống tản-mát, sự tổ-chức sinh-hoạt rời-rạc, lại không được văn-minh nuôi dưỡng, theo thời-gian, ngôn-ngữ của họ dần-dà bị mai-một. Tại hải-ngoại, người Việt đầu cho là một nhóm nhỏ song vẫn quây-quần sinh-hoạt chung thành một cộng-đồng có tổ-chức, thuận-lợi cho sự giao-tiếp truyền-thông, lại thêm cố-gắng duy-trì tiếng Mẹ cho con em, ấy là cách để cho ngôn-ngữ được trau-giồi, văn-hóa được bảo-vệ. Chính vì vậy tiếng Việt vẫn luôn-luôn là thực-thể sống động và phát-triển không ngừng.



Chương 5

TIẾNG VIỆT DUYÊN-DÁNG

Ngoài tính hiện-đại và phong-phú, tiếng Việt có những nét đẹp duyên-dáng dễ thương vì ngôn-từ bóng-bày, vì lời lẽ dí-dỏm, vì nhạc-tính du-dương.

Bóng-bày, dí-dỏm, xét về nội-dung làm cho tứ thêm giàu, xét về hình-thức, điểm-xuyết cho lời thêm duyên-dáng. Cũng là lời nói vẫn một ý ấy, vô-duyên thì nói không nên ý, có duyên thì ý rõ lời hay lời cuốn được người nghe. Lời càng bóng-bày, dí-dỏm thì tứ càng sâu-sắc ý-nghị. Đây chính là cái nét duyên-dáng của ngôn-ngữ vậy.

I- Tiếng Việt duyên-dáng bóng-bày

Bóng-bày hài-hòa giữa cụ-thể với trừu-tượng, giữa mộc-mạc chân-phương với óng-chuốt kiêu-sa. Bản-tính dân Việt vốn hài-hòa, hài-hòa với cuộc sống, với con người và với thiên-nhiên. Trong khi nhận-định thiết-thực về cuộc sống thì con tim và khối óc rung-động. Chính những rung-cảm của tâm-tư đã khiến cho ngôn-ngữ của họ tuy mộc-mạc cụ-thể, song lại bóng-bày duyên-dáng. Nếu chỉ mộc-mạc thì dễ thô-khêch. Nếu chỉ óng-chuốt kiêu-sa thì dễ cầu-kỳ kiêu-cách. Ngôn-ngữ mộc-mạc là ngôn-ngữ bình-dân gần-gũi. Ngôn-ngữ óng-chuốt là thứ ngôn-từ bác-học xa vời. Cái súc-tích của Hán-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

văn đượm vẻ óng-chuốt của ngôn-ngữ bác-học. Tiếng Việt hài-hòa giữa vẻ đẹp bình-dân thôn-dã với vẻ đẹp cổ-kính thị-thành. Trong lớp áo vải thô màu đất màu bùn người ta vẫn thấy những tình-tự thắm-thiết, những cảm-nghĩ sâu-xa, những mơ-tưởng dạt-dào rất chân-thực mà cũng rất thiết-tha.

1- Bóng-bày qua ngôn-ngữ ám chỉ

Cho nên trong ngôn-ngữ Việt, bằng những lời lẽ ngọt-ngào duyên-dáng, kín-đáo tế-nhị, bao nhiêu hình-ảnh rất tầm-thường, rất quen thuộc được tô đậm lên thành những cái bóng mờ mờ ảo ảo vang-dội tiếng nói của tâm- tư:

"Sấm bên Đông, động bên Tây,
Tuy rằng nói đấy, nhưng đây động lòng."

Lời nói ở đấy mà ý-nghĩa ở đây, ngôn-ngữ Việt tận-dụng "chữ nghĩa" và phối-hợp các thể phú, hứng, tỉ để ám-chỉ. Văn-chương ám-chỉ bàng-bạc trong tục-ngữ ca-dao, huyền-thoại, truyền-thuyết, đã trở thành một kiểu nói thông-thường mà bất cứ một người dân quê nào cũng có thể buột miệng ứng-khẩu những lời lẽ ý-tứ xa-xôi. Có cái bóng-bày xỏ-xiên cay độc. Có cái bóng-bày tình-tứ dễ thương.

a) bóng-bày xỏ-xiên cay độc:

*** Cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ mượn hình nộm ông Nghè Tháng Tám** vẫn thường bày bên mâm cỗ của trẻ em ngày Tết Trung-Thu, để bóng gió chê-bai các ông nghè mang danh Tiến-Sĩ nhưng vô-tài bất-xứng:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai,
Cũng gọi ông Nghè có kém ai!
Mảnh giấy làm nên khoa giáp-bảng,
Nét son điểm rõ mặt văn-khôi.
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ!
Cái giá khoa-danh ấy mới hời!
Ghế treo lọng xanh ngời bảnh chọe,
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.”

Từ trên xuống dưới, ý bóng gió dần-dần hiện rõ: với hai câu đầu vẫn còn là hình nộm; sang đến bốn câu thực luận, với giáp-bảng, văn-khôi, tấm thân xiêm áo và cái giá khoa-danh thì rõ là đã bóng-bẩy ám-chỉ ông Tiến-Sĩ đến hai câu kết thì mới huỵch-toẹt nói ra câu giải-đáp: ông Tiến-Sĩ chỉ là ông Tiến-Sĩ với mảnh bằng tờ giấy vua ban mà thôi.

Trong bài thơ khác "mừng một ông nghè", nhà nho Nguyễn-Khuyến cũng bóng-bẩy mỉa-mai cái thói bất-tài háo-danh "chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng":

“Anh mừng cho chú đỗ ông Nghè,
Chẳng đỗ thời trời cũng chẳng nghe.
Ân-tứ dám đâu coi rẻ-rúng!
Vinh-quy ắt hẳn rước tùng xoè.
Rượu ngon ả nọ khôn đường tránh,
Hoãn đẹp nàng này khó nhẽ che.
Hiển-quý đến nay đà mới rõ,
Rõ từ! những lúc tổng chưa đe.”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Chưa đọc hai câu kết thì bài thơ vẫn còn có thể hiểu được là lời chúc mừng, cái ý châm-biếm mới chỉ thoang-thoảng phảng-phất, nói xa nói xôi, mãi tới hai câu kết thì ý bóng-bày mĩa-mai mới thành bộc-trực: Khi ông chưa đỗ nghề ông đã đe cả tổng rồi, ai mà chả rõ ông sẽ đỗ ông nghề.

*** Cái xô-xiên ấy tuy chua cay song vẫn còn nhẹ-nhàng chưa cay độc bằng những câu đối, bài thơ mừng cha con cô Tư Hồng.** Cô Tư Hồng nổi tiếng trong giới bán phần buôn son, một cô "me tây" có thần-thể được thực-dân trọng-vọng, cô đã xin cho cha được sắc-phong "tứ phẩm văn-giai", mở tiệc khao-vọng linh-đỉnh. "Người được như me đành hiểm có", cô đã được cụ Yên-Đỗ khen khéo rằng:

"Giàu sang bà lớn thực trời cho!

Trời lại cho bà chữ tự-do.

.....

Khấp cỏi trời Nam đều biết tiếng,

Nghìn thu cái tiếng của bà to."

Rõ là khen đấy, mà cũng chê đấy! chê một cách thâm-độc. Cứ từ-nguyên mà xét thì đúng là khen, không thể nào bắt bẻ. Nhưng lấy ý mà suy thì mới thấy rằng ý-tại ngôn-ngoại, không chê mà còn quá hơn là chửi xô.

Câu đối sau đây mừng cha cô được sắc-phong thì rõ là bóng-bày cay độc thâm-thía. Nếu không bóng-bày thì sao yên thân được khi đem tặng mừng? Bởi vì bóng-bày cho nên cái ý cay độc nó kín-đáo gói ghém một cách thâm-thúy, ai muốn hiểu sao thì hiểu, chứ theo văn-tử thì lý đương-nhiên là lời khen tặng tán-dương, ai dám trách chê!

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Bốn phẩm sắc phong hàm cụ lớn,
Nghìn thu danh-giá của bà to."

và:

"Có tàn, có tán, có hương-án thờ vua, danh-
giá lẫy-lừng bẫm sáu tỉnh!

Nào biển, nào cờ, nào sắc-phong cho cụ, chị
em hồ để mấy lăm người!"

"Hàm cụ lớn, của bà to", nghĩa đen nào có gì đáng nói,
nhưng cái hậu-ý mà lại đối chọi nhau thì tưởng không gì
độc-địa bằng!

**b) Tuy-nhiên, nói tới vẻ đẹp bóng-bày thực-sự, có
lẽ phải nói đến thứ bóng-bày dễ thương:**

*** bàng-bạc những hình-ảnh mền yêu, xôn-xao
tình-tử, âu-yếm tràn đầy:**

"Đôi ta như lửa mới nhen,
Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu."

hoặc:

"Khoan khoan xin đó buông chèo,
Bến thì một dạ kháng-khăng đợ thuyền."

Như trăng, như lửa, như đèn hay như nước bèo hợp nhau,
còn là nói trực-tiếp, so-sánh rõ-ràng với "đôi ta" "đây, đó".
Chứ như:

"Thuyền ơi, có nhớ bến chăng?

Bến thì một dạ kháng-khăng đợ thuyền."

"Không thấy "đôi ta" nhưng hình-ảnh "chúng mình" vẫn cứ
bàng-bạc ẩn-hiện nấp sau bóng dáng "bến, thuyền". Chàng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

là con thuyền trôi dạt phương xa, thiếp như bến nước đợi chờ. Bến thì một chốn nhất-định, chứ thuyền thì nay đó mai đây, giang-hồ lãng-tử. Thiếp bao giờ cũng vẫn thủy-chung khăng-khăng một dạ. Còn chàng, không biết có nhớ nữa hay không, tới người tình đang mong chờ khắc-khoài? Dem hình ảnh con thuyền bến nước mà sánh với "đôi ta" để tỏ bày tình yêu mặn nồng gắn-bó, để nói lên lòng ngóng đợi tha-thiết thần-thờ thì quả là một lời nói hết sức bóng-bày ý-nghị.

Đến đây, người viết lại nhớ tới những cảnh tấp-nập trên bến dưới thuyền những năm trước cuộc chiến, tại Lan-Mát thuộc Kiện-Khê vùng Phủ-Lý, Bắc-Việt. Vùng này đặc-biệt có những ngọn núi đá vôi ăn vào dãy Trường-Sơn. Mỗi kỳ vôi ra lò, bến sông Lan-Mát sầm-uất khách thương, những thuyền từ xa tới cất hàng. Đêm thanh gió mát, thuyền đậu san-sát dập-dềnh. Tiếng người nói léo xéo. Tiếng hò-hát véo-von. Bến sông trở nên vui nhộn đầm-ấm. Khi thuyền đã tềch, bến sông trở lại điệu-hiu. Càng điệu-hiu khi còn lại một chiếc thuyền cô-quạnh. Trăng thanh gió mát mà sao như lạnh-lẽo, cái lạnh-lẽo vì thiếu vắng bầu-bạn, thuyền đã xa khơi. Thảo nào Nguyễn-Trãi đã kín-đáo gửi lòng mình trong bài "Tự Thán" nhắc khéo tới cảnh chợ chiều tẻ-ngắt của triều Lê-Thái-Tôn, triều-đại suy-vi cả về kinh-tế lẫn chính-trị mà đóng đai xung-quanh ngai vàng chỉ là lũ nịnh-thần vô-tài kém đức, để chính-sự nát bầy giữa lúc thiên-tai trút đổ ào ào”:

“Chiếc thuyền lơ-lửng bên sông,
Biết đem tâm-sự ngỏ cùng ai hay?
Chắc chi thiên-hạ đời nay,
Mà đem non nước làm rầy chiêm-bao?

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Đã buồn về trận mưa rào,
Lại đau về nổi ào-ào gió đông.
Mây trôi nước chảy xuôi giòng,
Chiếc thuyền hờ-hững bên sông một mình."

Hoang-tàn đổ nát như vừa trải qua mưa dây gió giật, sao các thuyền bên vãn mơ-màng lặng tiếng im hơi? Biết nói cùng ai cho vơi nỗi sầu tư? Đành chịu cô-đơn trước giòng đời lãnh-đạm hờ-hững. Đây là con người Nguyễn-Trãi giữa thời-đại ấy, bên những triều-thần ấy. Thực là bóng-bày sâu sắc. Ở đây thuyền với thuyền được mượn để nêu lên tình bạn tri-âm tương-đắc, sông nước chính là phản-chiếu tình-hình non sông. "Lơ-lửng", "hờ-hững" "nước chảy, mây trôi", chỉ ngần ấy thôi đủ nói lên nỗi cô-quạnh của lòng người và sự thờ-ơ của ngoại-cảnh.

Thuyền xa bến, bến vẫn đợi chờ. Đây là cách tỏ tình của hai kẻ yêu nhau. Còn như đang ngập-nghé dòm ngó, muốn làm quen để chung-kết trầu cau, quả không dễ-dàng. Qua cách tỏ tình sau đây, ai bảo ngôn-ngữ đối-đáp không duyên-dáng tế-nhị?

"Bây giờ mạn mới hỏi đào:
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mạn hỏi thì đào xin thưa:
Vườn hồng có lối, nhưng chưa ai vào."

Xưng hô "mạn mạn đào đào" quanh đi quẩn lại cũng vẫn một chủ-đề "đi vào vườn hoa". Thắc mắc muốn biết xem đã có ai vào hay chưa là hỏi ướm. ướm hỏi như vậy là khéo hỏi xa-xôi. Trả lời rằng chưa, nhưng lại nói rõ cho hay vào vườn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

vẫn có lỗi. Câu nói bỏ lửng mà như đã tỏ tình: lỗi vào đã sẵn mở, chỉ còn chờ ai. Bóng gió xa-xôi, kẻ hỏi người thưa đều không sỗ-sàng.

Khác với anh chàng sau đây cũng muốn xa-xôi bóng gió, nhưng thấy khó ăn khó nói, vòng-vo đông tây chán rồi mới vào đề; vào đề vẫn thấy khó-khẩn ngưng-ngừng đành nói ra huých toẹt "thương anh cho rồi":

"Đầu giếng có cây chuối, cuối giếng có cây đa,
Ngã ba đường có cây đại hồng.
Con gái chưa chồng, trong lòng hờn-hở,
Con trai chưa vợ, ruột tọt trái chanh.
Ngó lên mây trắng, trời xanh,
Thương ai cũng vậy, thương anh cho rồi!"

Anh đi lòng-vòng khắp giếng khắp xóm. Anh ngắm hết cây chuối cây đa, lại ra đến ngã ba đường ngắm cây đại-hồng, cũng mới chỉ nói lên được chung-chung ruột trai chưa vợ, lòng gái chưa chồng, anh phải ngẩng mặt lên cao ngắm trời xanh mây trắng như để che giấu cái ngưng-ngừng bẽn-lẽn, rồi cuối cùng đành lấy hết can-đảm nói thẳng một câu kết thúc cho xong với nụ cười toét miệng:

"Thương ai cũng vậy, thương anh cho rồi!"

Cũng bóng-bày tinh-tế, cũng tình-tứ thơ-mộng, song cặp mặt đào trên kia thì nhẹ-nhàng ý-nhi, anh chàng nhìn trời ngắm đất sau này thì chất-phác thật-thà. Tất cả đều dễ thương dễ mến, dễ mến vì tình ý thiết-tha, dễ thương vì ngôn-ngữ thật khéo văn-hoa lựa lời.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cũng như để cảnh-giác mình phải giữ-gìn phẩm-hạnh tiết trịnh, nói làm sao để người con trai không buồn lòng phật ý để mình không thấy mắc-cỡ ngượng- ngùng:

“Vườn xuân hoa nở đầy giàn,

Ngăn con ong lại, kéo tàn nhụy hoa.”

Nàng là hoa nở, chàng là con ong. Ong qua, bướm lại, hoa tàn nhụy rữa đã thành một thứ ngôn-ngữ ám-chỉ khiến cho ý tục trở nên thanh. Ý nói xa-xôi, lời trang-nghiêm nhã-nhận. Cho nên khi tả nàng Kiều thất-thân với Mã-Giám-Sinh, Nguyễn-Du đã nhẹ-nhàng:

“Tiếc thay một đoá trà-mi!

Con ong đã tỏ đường đi lối về.”

Tới lúc nàng phải dày-dạn ê-chề ở chốn thanh-lâu thì ngôn-từ trở nên cay đắng xót- xa:

“Xưa sao phong gấm rủ là,

Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường?”

Nói về ý-nghĩa kín-đáo bóng-bẩy, tưởng không có gì kín-đáo tinh-tế bằng hai câu tả Kiều tắm:

“Rõ-ràng trong ngọc, trắng ngà,

Dày dày sẵn đúc một toà thiên-nhiên!”

Hư-tả mà lại thực-tả. Lời nhã-nhận đã tô cho vẻ đẹp thân xác những nét thanh-tú, nét đẹp của nghệ-thuật, khiến người đọc như hình-dung ra một pho tượng của mỹ-thuật thanh-cao hơn là một thân-thể phàm-tục.

*** Không phải chỉ là những hình-ảnh mà thôi, cả đến mùi hương cũng có khả-năng khêu gợi trí tưởng-tượng dùng làm đề tài để xa-xôi bóng gió:**

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Bông chi thơm lạ, thơm lòng!
Thơm cây, thơm rễ, người trồng cũng thơm.”

Hương thơm lạ-lùng lắm! Thơm từ bông xuống cây tới rễ, tới cả người trồng bông. Thì ra muốn nói người trồng bông mà cứ vòng-vo ướm mãi. Hoa thơm thực đấy, nhưng chàng đầu có nghĩ tới hoa. Khen quanh khen co, tán xa tán rộng rồi mới vào đề "người trồng cũng thơm". Thì cứ nói người trồng thơm nên hoa thơm có được không? Nhưng, thế thì sống-sượng trơ-trẽn, nên mới phải rào trước đón sau. Thật là bóng-bày kín-đáo; nói xa nói xôi rất cuộc cũng là nói gần, nói tới người mình muốn yêu. Cái miệng tỏ tình sao mà khéo-léo ngọt-ngào, người nghe đầu khó tính đến đâu cũng không thể phật ý nên phải xiêu lòng!

Bài ca-dao quen thuộc sau đây, tuy tả sen đấy, song lại ẩn-dụ hình-ảnh của người quân-tử cao-thượng:

“Trong đầm gì đẹp bằng sen!
Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng,
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn, mà chẳng hôi tanh mùi bùn.”

Hoa sen đẹp và quý. Sen đẹp về sắc, sen quý về hương. Hương sen ngọt-ngào đến nỗi át cả mùi hôi tanh của bùn lầy khiến nơi ao tù nước đọng cũng nhiễm lây hương sen mà trở nên thơm ngát. Vào những buổi chiều hè, gió hiu-hiu thổi, hương sen theo gió đưa đi, tỏa lan khắp vùng. Khách nhàn-du từ xa đã nghe hương sen ngào-ngạt. Sen không ô-nhiễm mùi bùn hôi tanh, trái lại còn vương tỏa hương thơm cho đầm bùn và khắp vùng lân-cận. Người quân-tử luôn-luôn giữ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

được phẩm-cách thanh-cao không bị ngoại-cảnh chi-phối, trái lại còn chế-ngự, hoán-cải được hoàn-cảnh, nêu cao gương sáng đức tốt của mình ra xung-quanh. Đây chính là "phú quý bất năng dâm, bần-tiện bất năng di, uy-vũ bất năng khuất". Đây chính là "gần mực" mà chẳng đen, trái lại vẫn "minh minh-đức, tâm dân, chỉ ư chí-thiện".

Tiếng Việt thuần-túy trong bài ca-dao trên đây lại càng nổi bật vẻ đẹp tuyệt-vời nếu đem so-sánh với bài thơ cổ-kính của Lê-Thánh-Tôn cũng vịnh hoa sen, song bằng lối văn thật cầu-kỳ kiểu-cách vì chịu ảnh-hưởng Hán-văn quá sâu đậm, không thể toát ra được cái ý nhu-hòa và vẻ thanh-thoát bóng-bẩy duyên-dáng nhẹ-nhàng:

"Chẳng bợn chi trần mảy-mảy hơi,
Luận bề thanh-quý tốt xa vời.
Nõn-nà sắc nước nhờ duyên nước,
Ngào-ngạt hương trời nức dậm trời.
Gấm Chức dong tơ khuây mắc củi,
Gương Hăng ngấm bóng ngại tram cài.
Dao-trì lần thấy triều đi rước,
Hớn-hở Thai minh vận thái-giai." (a*)

(a) Cước-chú: Vương-Vũ-Xúng, đời Tống, khi còn nhỏ làm bài thơ vịnh hoa sen trắng:*

*"Tạc dạ tam canh hậu,
Hăng-Nga truy ngọc-trâm.
Phùng di bất cảm thụ,*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*Bỗng xuất tổ ba tâm."
(Đêm qua ba canh hết,
Ả Hằng trâm ngọc rơi,
Dì Phùng không dám nhận,
Nâng lên giữ mặt trời.)*

(Theo sách chiêm-tinh, chòm sao Tam Thai có ba cấp, khi tất cả mọc ngang hàng thì chòm sao rực sáng, ấy là điềm thiên-hạ thái-bình, Ngô-tất-Tố, Thi Văn Bình Chú)

2- Bóng-bày qua ngôn-ngữ bộc-trực

Nói thuyên bền nhớ-nhung, trăng gió bịn-rịn, ong qua, hoa nở hay đầm sen tươi mát ngọt-ngào, những lời lẽ trên đây bóng-bày đã đành vì ngụ-ý kín đáo gửi-gắm qua hình-ảnh, hương thơm; đến như khi nói trắng ra trong ngôn-từ bộc-trực mà ngôn-từ vẫn thấy bóng-bày xa-xôi, man-mác ý tình.

*** Khi yêu đằm-đuôi, người ta đã chẳng ngần-ngại nói thẳng ra rằng:**

“Thương nhau cởi áo cho nhau,
Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay.
Tại mẹ may áo rộng tay,
Con quen gió mát, gió bay mất rồi.”

Tuy táo-bạo liều-lĩnh, song cái cách chống-chế dịu-dàng hồn-nhiên khiến sự "cởi áo cho nhau" trở nên nhẹ-nhàng dễ mến. Tại qua cầu nên gió thổi bay. Gió bay cũng bởi tại mẹ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

may áo rộng tay. Nhưng áo rộng tay thì rộng, sao gió lại làm bay được? Thì ra tại vì "con quen gió mát", gió lùa tay áo rộng làm con thích được mát hơn, nên "đành" cởi áo, nên "gió thổi bay"! Thì ra vì gió, vì con thích mát, nhưng cũng tại mẹ. Ba cái "đổ tại" quanh-co chống-chế thoát nghe có vẻ xuôi tai song không khỏi cười thầm cho một hành-động táo-bạo của tình yêu lãng-mạn.

Tận-dụng xúc-quan, lời lẽ khêu tình gợi ý, chứa-chan nồng-nàn!

*** Khi tình yêu còn cách trở, đôi tình-nhân đem trí tưởng-tượng phong-phú và cái nhìn thực-tế để nói lên những ước mơ của mình:**

“Kêu đòi, chẳng thấy đòi sang,
Mượn lưng con nhái cho chàng đem tin.”

hoặc:

“Anh về xẻ ván cho dầy,
Bắc cầu sông cái cho thầy mẹ sang.
Thầy mẹ sang, em cũng theo sang,
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo.”

hay là:

“Ước gì sông hẹp một gang,
Bắc cầu dài yếm cho chàng sang chơi!”

Cũng là bóng-bày xa-xôi bằng những hình-ảnh sông nước cách trở, nhưng cô gái chất-phác hơn thì gọi đòi chở qua, đòi

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

hò không thấy, đành mượn con nhái đưa thư. Cô gái khác cũng mộc-mạc nhưng khá đổng-đảnh mà cũng rất dịu-dàng, buộc anh xẻ ván thật dày, không phải để bắc cầu qua rạch mương sông máng, nhưng là qua sông cái chỉ vì đò dọc không có, đò ngang chằng còn. Những hình-ảnh rất tâm-thường thể-hiện mỗi người mỗi tính tình. Đem con nhái đưa tin và hò đò qua sông, cô gái này yêu tha-thiết nhưng quá ư thật-thà, đơn-sơ bình-dị; cô gái sau ra vẻ còn làm cao chưa ứng, chưa thuận, song không hẳn là vì cô hợm-hĩnh kiêu-căng, mà vì cô còn muốn giữ nền-nếp con nhà, cô không thể vượt qua giới răn "dễ ai đội áo qua đầu", bởi lẽ như con sông cái kia, chuyện này hệ- trọng:

"Dù khi lá thắm chỉ hồng,
Nên chằng thì cũng tại lòng mẹ cha."

(Nguyễn-Du, Truyện Kiều)

Còn như đi tắt về ngang thì quả là "đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo", chứ thực lòng thì giọng cô vẫn dịu-dàng âu-yếm; không âu-yếm sao lại "anh em, thầy mẹ"?; không dịu-dàng sao "em cũng theo sang"? Đến như cô gái sau cùng thì cũng vẫn là những hình-ảnh tâm-thường xung-quanh: vẫn con sông ấy, vẫn cây cầu này trong mộng; nhưng không phải là "cầu con nhái" hay "cầu ván đóng đinh" mà là "cầu dải yếm". Không gọi đò, không bắc cầu sông cái, nhưng ước gì hai bờ thu hẹp, hẹp còn một gang. Mơ cái dải yếm của mình biến thành cây cầu bắc ngang con sông hẹp để đón tình-nhân, thì ước mơ này quả là táo-bạo mà thơ mộng tình-tứ và rất thần tiên!

*** Cho nên đáp lại mỗi tình nồng-nàn, chân-thật, nên thơ ấy, chàng cũng muốn đón ngã cành hồng tươi đẹp làm cây cầu tuyệt-mỹ cho nàng bước qua:**

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Cô kia đứng ở bên sông,

Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang!”

Thật là diễm-kiều làm cho văn-chương trở nên kiều-diễm!

Tất cả đều bóng-bày, có cái bóng-bày đơn-sơ, có cái bóng-bày lộng-lẫy. Dù đơn-sơ hay lộng-lẫy, những hình-ảnh, những ví-von ước mơ kia đã vẽ ra những bức tranh rất quen thuộc, rất đại-chúng, song cũng rất sống động ý-tứ dạt-dào.

*** Ví-von là đặc-điểm trong ngôn-ngữ Việt.** Mở miêng ra là ví-von bóng gió. Bày tỏ bất cứ một thứ-tình cảm nào, cũng có thể đem ngôn-ngữ ám-chỉ ra mà phát-biểu. Chính lối nói này để đẩy đưa câu chuyện, để làm cho cuộc đối-đáp trở nên nhẹ-nhàng đăm-thăm, dẫu cho giận hờn ghen-ghét, hay than trách yêu thương, ngôn-ngữ vẫn lảng đong cái tình đậm-đà yêu mến, man-mác cái ý hài-hòa an-vui:

“Gió đưa trăng, thì trăng đưa gió,

Trăng lặn rồi, gió biết đưa ai?”

Lời thở than thật băng-khuâng và sao tha-thiết yêu-đương!

Hãy nghe Thúy-Kiều tiếc-nuối tình yêu đầu đời:

“Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,

Dẫu lia ngó ý còn vương tơ lòng.”

Dem sợi tơ mong-manh của ngó sen gầy đôi để nói tình thăm năm xưa dẫu chỉ còn là chút nghĩa cũ-càng nhưng lòng vẫn vương tơ thì thực là gợi hình sống động, nói ít mà tả nhiều, tả một cách cụ-thể rõ-ràng:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

"Cánh hồng bay bổng tuyệt-vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm-đăm."

Từ-Hải như con chim bằng cất cánh bay cao mất hút. Nàng Kiều ở lại mỗi mắt chờ mong. Con mắt mòn-mỏi vì con mắt mãi đăm-đăm; đăm-đăm vì cánh chim đã cao vút tuyệt-vời. Kê ra đi đem cánh bằng đo trời cao biển rộng. Người ở lại ôm mỗi chung-tình mong ngóng đợi trông. Mỗi tiếng mỗi nhiệm-vụ. Từ-ngữ đặc-vị, ý-tứ dồi-dào.

Người viết chỉ muốn mượn một vài trường-hợp bày tỏ tình-cảm làm dẫn-chứng cho tính cách bóng-bày của ngôn-ngữ Việt; tính-cách này bàng-bạc trong mọi khung-cảnh của đời sống, luận-bàn hết e rằng lạc xa sang "nội-dung ngôn-ngữ phản-ánh cuộc sống con người như thế nào?" Đời sống vật-chất, tình-cảm và tư-tưởng dân-tộc thể-hiện rõ nét trong văn-chương, đặc-biệt là trong văn-học dân-gian. Một trong những nét đẹp của văn-chương Việt là bóng-bày, là dí-dỏm. Chúng ta không nghiên cứu đời sống của dân-tộc qua ngôn-ngữ, chỉ gợi ra những nét duyên-dáng của ngôn-ngữ qua một vài khía-cạnh đặc-sắc của cuộc sống mà thôi.

II- Tiếng Việt duyên-dáng dí-dỏm.

Vì vậy, nói về dí-dỏm là nói một nét đặc-thù của nụ cười. Với tâm-hồn đa-cảm, người Việt-Nam thích văn-hoa bóng-bày. Với tâm-hồn lạc-quan, họ thích cuộc sống an-vui. Cười là một cách đem niềm vui đến cho cuộc đời. Lúc nghèo khổ, khi vui sướng, bất cứ mọi giới, chẳng từ một ai, đều có thể là đối-tượng cho mũi tên trào-lộng: một sư cụ, một thầy đồ, ông quan, ông thầy bói, thầy địa-lý, bọn đồng-cốt, quan

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

cầm, ông cò, chú chiệc hay chú khách, anh học trò dài lưng tớn vãi, anh chàng này bốn vợ, anh chàng kia chín vợ, hay cậu chồng bé con vẫn còn phải bồng bồng bế bế, mẹ vợ già, cô gái xấu-xí làng Sơn-Hạ, luôn đến cả toàn-bộ xã-hội nói chung với tất cả phong-tục tập-quán của nó.

1- Dí-dòm cười đùa.

Cười những gì? cười những ai? cười lúc nào? và để làm gì? Đây là nội-dung của trào-lộng. Cười như thế nào? Đó là xét về tính-cách của nụ cười. Chúng tôi chỉ lựa một vài trường-hợp đặc-biệt để chứng-minh tính-cách dí-dòm bông-đùa của thứ ngôn-ngữ trào-phúng mua vui.

Sau đây xin đan-cử một vài trường-hợp lý-thú, nói lên thực-trạng tâm-sinh-lý của những ông già bà lão trong bối-cảnh tập-tục xã-hội xưa.

*** Đó, một cuộc hôn-nhân "đem chén kiêu mà gõ mõ dừa",** cô gái đương-thì sánh duyên với cụ già đã gần đất xa trời nhưng còn "ham trống bỏi":

"Cụ già đầu bạc răng long,
Cưới cô con gái còn măng tuổi dào."

*** Đây, một bà lão đã tám mươi ngoài mà vẫn còn khao-khát chuyện nhân-duyên:**

"Bà già đã tám mươi tư,
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng."

Có thể đó là ngoa-ngôn, nhưng cái hình-ảnh ngồi trong cửa sổ gửi cánh thư hồng thật là trở-trêu, không có câu đầu thì

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

rõ ràng là một tiểu-thư xuân xanh khuê-các, có thêm câu đầu tất phải bật cười, bật cười vì ngần ấy tuổi mà bà vẫn còn "hồi-xuân".

* Cho nên bà già khác mới bắt chước làm theo.

Bà không gửi thư, nhưng bà hành-động: bà đi coi bói. Chẳng ngại-ngùng mắc-cỡ, bà cứ thật-thà nói trắng ra với ông thầy:

"Bà già đi chợ Cầu Đông,

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?"

Ông thầy cười thâm, trả lời huych-toẹt, chẳng sợ sỡ-sàng:

"Thầy bói gieo quẻ nói rằng:

Lợi thì có lợi, nhưng răng không còn."

Ông thầy này thâm lắm, ra vẻ nghiêm-trang đạo-mạo, ông nói nghiêm-túc: "lợi thì có lợi", đến khi kết-thúc "nhưng răng không còn" thì chắc-chắn ai cũng phá lên cười.

Không phải ông thầy bói can mũi mà chính con gái bà cũng là kỳ-đà, nên bà ấm-ức thổ-lộ:

"Ngày sau con lể ba bò,

Sao bằng lúc sống, con cho lấy chồng."

"Con cho mẹ lấy chồng đi!" lại kèm thêm hai tỷ-ngữ "sao bằng thì quả bà già nôn nóng sốt-ruột". Cân nhắc thiệt hơn, giọng nửa trách móc, nửa khẩn-khoản thiết-tha. Cái dí-dỏm còn là ở chỗ tâm-lý thiết-thực của bà. Cái "sự lấy chồng" đối với bà còn cần-thiết, quan-trọng và quý hơn cả đức hiếu sau này của cô con gái phải cúng mẹ hậu-hĩnh linh-đình. Nếu như "Thằng Bờm" cười toe-toét khi được đổi chiếc quạt mo lấy năm xôi, bất kể đến "ba bò chín trâu hay ao sâu cá mè"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

thì để cho bà cũng cười hi-hả nếu cô con gái đẹp bỏ đứcc
hiếu đi để cho bà được toại-nguyện mà đi lấy chồng.

Bởi vậy khi cô con gái đòi:

“Mẹ ơi, con muốn lấy chồng!”

bà mới thú thật:

“Con ơi! Mẹ cũng một lòng như con.”

*** Trách nào bà mẹ trẻ kia chẳng bỏ con thơ đây đàn để dẫn thêm một bước sang ngang:**

“Hỡi thằng cu lớn, cu bé,

Cu Tí, cu Tị, cu Tỉ, cu Tì ơi!

Con đây, con ăn, con ở với bà,

Để mẹ đi kiếm một và em thêm!

Cha con chết đi, trong bụng mẹ đây nó hãy còn thềm,

Mẹ xin que bói, vẫn còn đàn em trong bụng này.”

"Trong bụng mẹ đây nó hãy còn thềm", và trong bụng mẹ
"vẫn còn một đàn em đây" là bởi vì thầy bói nói thế. Có ba
lý-do: Thứ nhất, tại vì mẹ còn thềm. "Còn thềm" khác với
thềm; thềm thì đã thềm từ lâu, nên mới có cu lớn, cu bé rồi
kéo luôn theo một dây: tí, tị, tỉ, tì, ti. Nhưng "còn thềm" là
chưa dứt thềm: mẹ thềm nữa. Đó là duyên-cớ dẫn tới lý-do
hai: mẹ vẫn còn một đàn em trong bụng này. Hai nguyên-cớ
này hỡ-tương nhân-quả và bắt nguồn từ lý-do thứ ba: thầy
bói bảo vậy. Mẹ lại đổ tại ông thầy bói. Hai cái cớ đầu, mẹ
sống-sượng nói ra, đã là buồn cười, đến cái cớ thứ ba,
quanh-co đổ tại người ta chẳng qua vẫn là tại "mẹ còn
thềm", lại càng buồn cười hơn. Nói gần, nói xa vẫn chỉ có
một nguyên-cớ. Không phải mẹ "thềm", cũng không phải chỉ
"còn thềm" mà vì trong bụng đây nó "vẫn còn thềm". Cái sự

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

thèm không phải bây giờ mới có, mà vẫn có từ lâu, từ khi bố con chết đi. Cái sự thèm ấy nó vẫn cứ ầm-ức trong cái bụng mẹ đây. Thế mới dí-dòm hài-hước. Nghe ra, tự-nhiên ai cũng phải bật cười. Cho dù bà già khó tính đến đâu, tuy nghiêm giọng "Đồ quạ mổ!" song miệng bà cũng không khỏi tùm-tìm cười thầm.

2- Dí-dòm cay đắng

* Bởi những lẽ đó, nên mẹ đã quyết là mẹ ra đi, mẹ phải giao trả ngay cái cơ-nghiệp này cho chú con:

"Con ra gọi chú vào đây,
Để mẹ trao trả cái cơ-nghiệp này mẹ đi!"

Bà mẹ này đâu có cần biết đến nỗi buồn tủi của đàn con ở lại:

"Con quạ nó đứng đầu non,
Nó kêu: Bớ mẹ, thương con trở về!"

Không phải con kêu đâu nhé! Đây là con quạ nó đứng nó kêu. Tiếng kêu của quạ thăm-não làm sao thì lòng con xót-xa làm vậ. Bà mẹ này có xót-xa không? Chứ như nghe mấy tiếng "lấy chồng bỏ con" thì tội-nghiệp và thăm-thiết, nghe rõ như tiếng thút-thít của đứa con cô. Bỏ con không phải để đi làm mướn phương xa, nhưng là đi lấy chồng! Vô-tình lắm thay!

Cũng là dí-dòm trào-lộng, cái cười bên trên còn là cái cười bông-đùa nở miệng, cái cười sau này là cái cười méu-máo, cười ra nước mắt, vừa động lòng trắc-ẩn, vừa

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

giận cho tình người mỏng-manh, và đến đây thì nước mắt ứa thực:

“Con quạ nó đứng đầu non,

Nó kêu: Bớ mẹ, thương con trở về!”

Rõ là tiếng khóc nghẹn-ngào thống-thiết: Mẹ ơi, mẹ hãy thương con, mẹ hãy trở về!

Cái hay của dí-dỏm không phải chỉ là bông-đùa cười vui, mà còn cay đắng. Cũng như cái hay của bóng-bày không phải chỉ là tình-tử đong đưa, âu-yếm tràn đầy mà còn là cay-độc xỏ-xiên.

Dí-dỏm trong tiếng Việt làm nổi bật hai nét trái ngược của nụ cười: cười đùa hồn-nhiên và cười buồn ra nước mắt.

*** Những bài như "Tết nghèo", "Mùa hè mặc áo bông", "Phú hồng thi" của Trần-tế-Xương vẫn khiến người đọc thích thú vì lời lẽ tự trào dí-dỏm của ông.**

Qua cái cười đùa hồn-nhiên của nhà thơ non Côi sông Vị, người ta vẫn thấy toát ra một cái gì cay đắng xót-xa: cái cười ra nước mắt.

***Trên đây, dí-dỏm đượm vẻ mộc-mạc, trào-lộng mà bộc-trực nhắm thẳng vào đối-tượng mà nói. Nụ cười châm-biếm sau đây duyên-dáng vì vừa dí-dỏm lại vừa bóng-bày.**

“Chuối khoe chuối hãy còn trinh,
Chuối ở một mình, sao chuối có con?”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cũng là khô-hài châm-biếm người con gái không chồng mà chữa, nhưng lại chẳng nói số-sàng rằng:

“Không chồng mà chữa mới ngoan,
Có chồng mà chữa, thế-gian sự thường.”

hoặc sống-sượng như:

“Phềnh phềnh lớn giữa lớn ra,
Mẹ ơi, con chẳng ở nhà được đâu!”

Ở đây, lại bóng gió xa-xôi, mượn cây chuối để ám-chỉ. Gạt ra ngoài lối bỡn chửi làm tăng tính cách gợi hình của ngôn-từ, câu ca-dao trên còn có giọng trào-lộng ý-nhị sâu-sắc. (Những cây chuối non, trở mầm mọc chi-chít xung-quanh gốc chuối mẹ, thường gọi là "con chuối", hết như đàn con co-ro đứng nép sát bên mẹ) "Khoe"! Tại nàng khoe, chứ ai biết nàng hãy còn trinh hay đã mất?

Rồi hạ tiếp luôn bằng câu hỏi: "Sao" có con? "Khoe" đi với "Sao" làm nổi bật cái mâu-thuẫn nên phải thắc-mắc, phải đặt vấn-đề. Nói cây chuối còn trinh là nói bóng-bày.

Hỏi như trên là thắc-mắc dí-dỏm tự-nhiên. Cái cười này là cái cười gật-gù sâu-sắc. Càng ngẫm càng thấy hay, càng nghĩ càng thấy buồn cười.

III. Tiếng Việt duyên-dáng du-dương

Tiếng Việt duyên-dáng vì bóng-bày, vì dí-dỏm. Đây là cái đẹp thiên về văn-từ. Khi ta nói: cô này ăn nói có duyên, không phải chỉ là muốn nói nàng ăn nói có ý-tử, lời lẽ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

tế-nhị khôn khéo mà giọng còn êm-ái ngọt-ngào, "nói ngọt lọt đến xương" là thế, chứ không như "dùi đục chấm nước cáy", nhưng nói nghe như rót vào tai. **Cho nên cái duyên-dáng của tiếng Việt còn là ở chỗ êm-ái du-dương vì tiếng Việt giàu nhạc tính.**

1- Tiếng Việt chứa sẵn âm-nhạc

Nếu ngôn-ngữ là tiếng nói trực-tiếp thì nhạc là bản trần-thuật không lời những tâm-tư tình-cảm của con người. Tự bản-chất vốn dồi-dào âm-nhạc, cho nên ngôn-ngữ Việt chứa-chan tình ý. Chính cái âm-nhạc tự-nhiên ấy đã phụ giúp cho ngôn-từ rất nhiều, nói lên được hết những mong-manh tế-nhị và sâu thẳm của tâm-hồn. Nhờ hệ-thống dấu gồm tám thanh, khác nào các dấu nhạc trầm bổng trong âm-giai. Người ngoại-quốc nghe ta nói, đều công-nhận tiếng nước ta du-dương, líu-lo, ríu-rít và thật truyền-cảm.

Quả vậy, hầu hết ngôn-ngữ nước nào cũng có giọng trầm bổng, song giọng nhạc lên xuống ấy hầu như đơn-điệu, lập đi lập lại vẫn một điệu cũ từ câu này sang câu khác. Ta có cảm-tưởng như một điệu nhạc đã có sẵn, đem điệu nhạc ấy ráp vào với bất cứ một câu nói nào: nhạc chung cho lời. Tuy có réo-rắt đó, song nhìn chung cả một bài, một câu chuyện dài, thì cũng vẫn chỉ một điệu lên xuống duy-nhất. Trái lại, trong tiếng Việt, mỗi tiếng có một dấu nhạc nhất-định, cung nhạc đã có sẵn trong từ. Mà vì mỗi từ có mỗi cung nên tiếng nói không đơn-điệu. Mỗi câu là mỗi giọng nhạc khác nhau. Toàn bài là sự tổng-hợp của những giọng nhạc đổi thay dật nên bằng biến-thiên của mọi cung bậc: Không phải nhạc chung cho lời, mà nhạc tùy thuộc ở lời. Lời tạo ra nhạc. Không có một công-thức cho giọng nhạc vì mỗi ý có mỗi lời.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

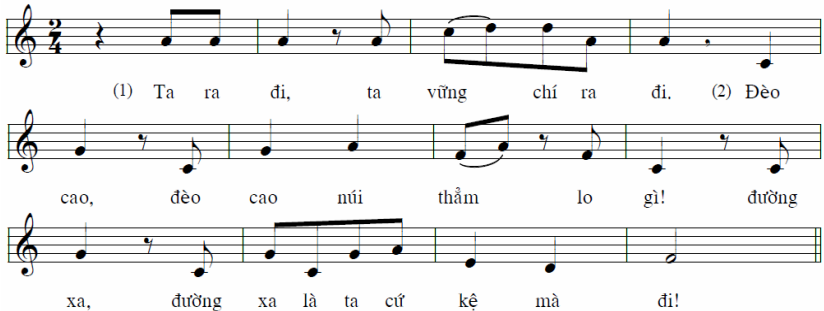
Lời đổi thay để phô-diễn ý, cho nên nhạc trong tiếng Việt biến-điều, không cứng nhắc theo khuôn-mẫu chế sẵn cho lời, nhưng linh-động theo lời mà uyển-chuyển biến-thiên.

Trong đoạn nhạc dưới đây, người viết cố ý lựa các tiếng có đủ các thanh bằng trắc theo đồ-biểu sẽ dẫn (chương 6, đoạn II, mục 2: sự phối-trí thanh và âm), vừa để diễn-tả khuôn-dáng nhạc của dấu, vừa để nhấn mạnh rằng nhạc tuy có sẵn trong bản-thân ngôn-ngữ nhưng là một âm-nhạc sống động.

Câu 1 hình-dung một âm-giai cao với phù-bình-thanh làm cơ-bản, rồi đi nghiêng lên qua các dấu ngã tới dấu sắc.

Câu 2 hình-dung một âm-giai thấp hơn với cơ-bản là phù-bình-thanh và trầm-bình-thanh, khởi từ phù-bình-thanh đi nghiêng xuống qua các dấu hỏi, nặng, huyền tức trầm-bình-thanh.

Hai khuôn-dáng này đối-xúng nhau: các dấu ngã, hỏi, (phụ-thượng và trầm-thượng-thanh) đối-xúng nhau, các dấu sắc, nặng (phụ-khứ, nhập và trầm-khứ, nhập) đối-xúng nhau, và phù trầm-bình-thanh đối-xúng nhau (không có dấu và có dấu huyền).



(1) Ta ra đi, ta vưng chí ra đi. (2) Đèo cao, đèo cao núi thăm lo gì! đường xa, đường xa là ta cứ kệ mà đi!

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

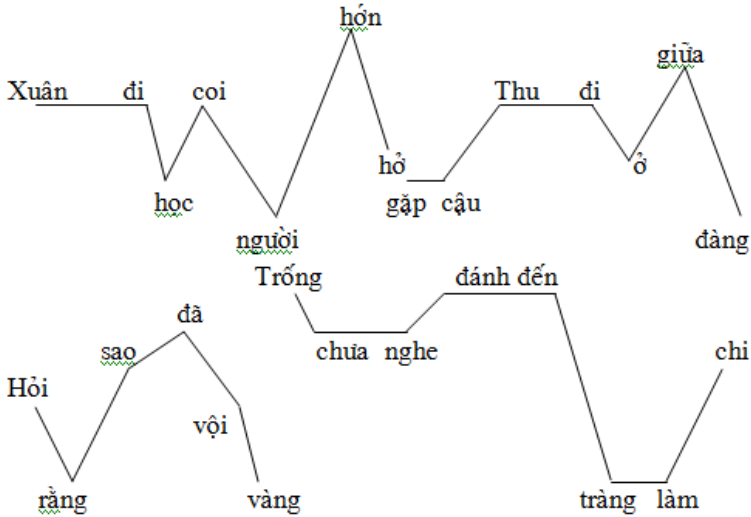
Nhạc của mỗi dấu uyển-chuyển so với nhau trong mỗi khuôn-dáng, nếu minh-họa theo ký-âm-pháp thì không nhất-thiết phải là ở một nốt nhạc nào nhất-định. Chẳng hạn các tiếng phù-bình-thanh ở câu đầu: "ta, ra, đi, nam nhi" phát-âm từ nốt "la" trên, tương-đối với các dấu ngã, sắc ở nốt "đô, rê" đi lên. Sang đến câu sau, cũng phù-bình-thanh, các tiếng "cao, lo, xa, ta, đi" lại xuống ở nốt "sol, fa". Nếu cứ nhất mực giữ ở nốt "la" như đoạn trên, âm-nhạc của từ sẽ phát ra lơ-ló như có dấu sắc (đèo cáo, ló gì, đường sá, là tá, mà đi). Cũng như dấu ngã hợp bởi hai dấu láy với nhau ở âm-giai cao, đối-xúng với dấu hỏi hợp bởi hai dấu láy với nhau ở âm-giai thấp hơn (xem đồ biểu minh-họa các thanh bằng trắc ở chương 6, đoạn II, tiểu mục 2). Trong bài hát dạy tiếng Việt cho thiếu-nhi ở phụ lục II cuối sách, chúng tôi sắp-xếp các tiếng phù trầm, sắc nặng với nhạc của dấu uyển-chuyển theo mỗi khuôn-dáng. Cùng là phù-bình-thanh song khi thì ở nốt "sol" và "rê" cao, khi thì ở nốt "mi" thấp. Cùng là dấu sắc, khi thì ở nốt "mi" cao, lúc ở nốt "đô" cao. Nhạc của tiếng Việt sống động tương-đối theo từng khuôn-dáng, âm-giai, tuy tạo nên sự lên bổng xuống trầm, song không câu nào giống nhạc của câu nào. Chính nhạc ấy đã làm nên những bài diễn-văn hùng-hồn lôi cuốn, khiến những câu chuyện thường ngày trở nên du-dương riu-rít như chim hót líu-lo.

*** Hãy minh-họa điệu nhạc của bất cứ một đoạn văn nào, ta thấy rõ tính-chất linh-động biến-hoá của giọng nhạc trong tiếng nước ta.**

Những ai ở thế-hệ thập-niên 30 hẳn vẫn chưa quên được bài văn vắn mở đầu sách tập đọc Quốc-Văn Giáo-Khoa-Thư lớp Sơ-Đẳng: bài "Xuân đi học". Tôi vẫn không quên được giọng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

tập đọc sang-sảng của các bạn trẻ trường làng thuở xa-xưa vang vang trầm bổng. Cung nhạc có thể được minh-họa như sau.



Ta thấy ngay sự đổi thay cung bậc trong mỗi câu và giữa câu này với câu khác. Có đoạn lên thì có đoạn xuống. Câu trên xuống thì câu dưới lên. Nó đổi biến lúc song-hành tương-xứng lúc tương-khắc đối-nghịch hết như âm dương vận-hành, như đợt sóng nhấp nhô, làm nên cung điệu hoặc khoan-thai êm-ái, hoặc réo rắt thiết-tha.

* Sau đây là một đoạn văn xuôi tả cây thông:

"Ta đã từng nghe tiếng thông reo trên ngọn đồi quang-đại.

Ta đã từng nghe tiếng thông reo bên giòng nước thanh-hương.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Tiếng thông reo khắp bốn phương trời rộng rãi, thấu qua mấy tầng mây năm sắc và có lẽ dội tận đến cung trăng. Giữa cõi thanh-liêu vô-tận, tiếng thông reo là điệu đàn bất-tuyệt của bốn mùa. Thông reo không cần tới gió, mà gió thổi là nhờ thông reo.

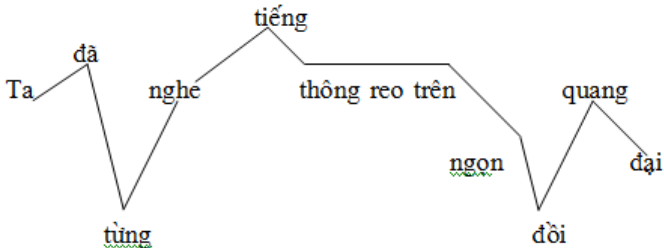
Cây thông cần-cối, cành thông xương-xương, lá thông tỉ-mỉ, nhưng ai dám liệt thông xuống ngang hàng với muôn loài cây cỏ?

Da thông khô xốp, nhưng nhựa thông dồi-dào. Minh thông tuy già, nhưng hồn thông vẫn khoẻ. Thông khinh thường những nơi phồn-hoa huy-động. Thông xa lánh những chỗ cát vẫn bụi lầm. Thông reo vĩnh-viễn, thông sống đời đời, mặc dầu sức nóng của mùa hè thiêu đốt, giá lạnh của mùa đông bao trùm.

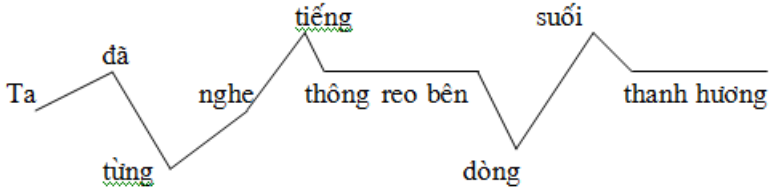
Có ai đi lên một đồi thông mà không thấy cõi lòng rộng mở? Có ai nghe tiếng thông reo mà không gợi hứng nguồn thơ? Ai muốn được như thông sống một đời cao-cả, hãy lắng-lặng mà nghe thông đương tỉ-tê trước gió những lời than-thở cho cuộc thế lăm-than."

(Nguyễn-tất-Thứ, học-báo *Cần Học*, 1950)

Rõ ràng bài văn xôn-xao cung nhạc rộn-ràng thanh âm. Hãy thử minh-họa cung nhạc của hai câu đầu:



Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh



Nhìn biểu-đồ lên xuống của cung bậc cũng hình-dung ngay ra một khuôn nhạc với những nốt lên xuống liên-tục, cũng đủ tưởng-tượng ngay ra được những âm-thanh réo-rất du-dương gieo vào lòng người những cảm-xúc xôn-xao rộn-rã.

* Một ví-dụ khác để chứng-minh nhạc của lời

Việt: Nếu gạt bỏ phụ-âm đầu từ, chỉ đọc mẫu-âm thôi và không phát-thanh dấu, người nghe sẽ không hiểu được người nói:

uân i ọc oi ười ớn ở
 ắp ậu u i ở ừa ang

Nhưng nếu có phát-thanh đúng các dấu sắc, hỏi, huyền, nặng, ngã, người nghe có thể đoán hiểu phần nào câu nói, cho dù không phát-âm phụ-âm đầu từ vốn là một yếu-tố cần-thiết để cấu-tạo từ:

uân i ọc oi ười ớn ở
 ắp ậu u i ở ừa àng

Đến đây, người viết nhớ lại thời thơ-ấu ở thôn-quê cùng với các bạn trẻ vẫn thường nói lóng với nhau theo kiểu này để truyền-đạt cho nhau những điều riêng-tây, và đôi bên vẫn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

cảm-ứng được, vẫn hiểu nhau được. Đây cũng là trường-hợp của những người có tật nói ngọng mà phụ-âm đầu từ thường không thể phát-âm được hay phát-âm không đúng, hoặc không rõ-ràng, tuy nhiên chỉ với mẫu-âm và thanh mà thôi, khi phát-âm lên người nghe vẫn hiểu được họ.

*** Một trường-hợp khác, vẫn đọc cả phụ-âm đầu từ, song bỏ dấu hoặc đổi dấu, lời sẽ thành vô-nghĩa hay đổi nghĩa.** Chẳng hạn, trở lại hai tiếng "tiền dậu" trong giai-thoại về "thủ-tục đầu tiên" đã dẫn ở trên, nếu đổi dấu, sẽ có:

<u>có nghĩa</u>	<u>vô nghĩa</u>
<u>tiền dậu</u> , <u>tiền dậu</u> , (<u>món</u>) <u>tiền dậu</u> ?	tiền dậu, tiền dậu, tiền dậu
<u>tiền dậu</u> , <u>Tiền dậu</u> ?	<u>tiền dậu</u> , <u>tiền dậu</u>
(<u>ai dậu</u> ?) = <u>tiền dậu</u>	
Tiến dậu, Tiến dậu? Tiến dậu	tiến dậu, tiến dậu, tiến dậu
<u>tiền dậu</u> (ngủ đó)	tiện dậu, tiện dậu, tiện dậu, <u>tiện dậu</u> , <u>tiện dậu</u>
<u>Tiền dậu</u> . <u>Tiền dậu</u> ? Tiến dậu	tiến dậu, tiến dậu, tiến dậu
Tiền dậu. Tiền dậu?	<u>tiền dậu</u> , <u>Tiền dậu</u> .
Tiền Dậu	

* Một ví dụ khác có tính-cách hài-hước. Câu văn sau đây là lời một cô gái mới lên thành-phố, tập-sự thư-ký đánh máy gửi thư về cho người yêu dưới tỉnh, thư đánh máy lại không bỏ dấu:

"ANH KHONG LEN MAU, EM THAY BO NGAY CHANG TIEC"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Chàng tá-hỏa hiểu rằng: "anh không lên mau, em thay bồ ngay chẳng tiếc". Gặp nhau, giận-dữ, đôi-chất, chàng mới vỡ lẽ rằng thì ra nàng khoe vụn rữa mấy tấm hình chụp chung: "ảnh không lên màu, em thay bồ ngay chẳng tiếc".

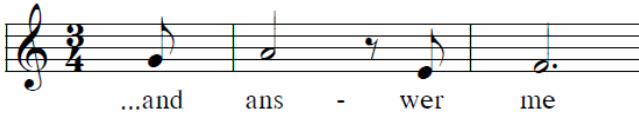
Xem như vậy, thì dấu, tức là thanh hay nhạc, chính là tính cơ-bản của tiếng Việt, và nhạc tính ấy là một yếu-tố quan-trọng để phô-diễn ý tình.

2-Tiếng Việt lại là tiếng đơn-âm nên rất thích-hợp với nhịp trong khuôn nhạc.

Trên khuôn nhạc, giọng nhạc được thể-hiện bằng các dấu, hay nốt nhạc, liên-kết với nhau theo nhịp phách. Một nhịp gồm một dấu (dấu đen) hay nhiều dấu (dấu móc). Một dấu có thể kéo dài ra nhiều nhịp (dấu đen chấm, dấu trắng, dấu tròn).

*** Cấu-trúc này rất thích-hợp cho tiếng đơn-âm,** vì với cấu-trúc đơn-âm, ngoài những từ đơn ra, các từ ghép thường là những từ ghép đôi (tí-tách, điu-hiu, hớn-hở, lạnh-lùng, xót-xa...) hoặc ghép ba (nhân-cách-hóa, lạc-gia-thôn, khải-hoàn-ca...). Tuy là ghép ba, song thực ra chỉ là sự ghép lại giữa một tiếng ghép đôi và một tiếng đơn. Cho nên tuy là ba từ ghép lại song chỉ cần một tiếng ghép đôi, ý cũng đã gần trọn rồi. Mỗi từ tự nó đã có nghĩa. Mỗi từ lại khớp với một dấu nhạc. Cho nên nhịp phách nếu có đổi thay nhanh chậm thì không vì vậy mà từ mất đi ý nghĩa. Nếu như có một từ phải kéo dài quá một nhịp, thì vì mỗi từ đã diễn một phần ý-nghĩa nên không vì thế mà lời trở nên vô-nghĩa khi đem phổ nhạc. Ví dụ:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh



Ta thấy ngay với cách ngắt nhịp của cung nhạc, vần đầu của từ answer kéo dài 2 nhịp rưỡi, vần cuối bắt liền sang từ sau, khiến nghe ra như swer me là một tiếng mới nên có vẻ hơi chướng. Trong khi tiếng Việt với ngay cả cách ngắt nhịp sau cùng, lời vẫn hiểu được vì bản-thân mỗi từ tự nó cũng đã gợi ý rồi.



Ví dụ tiếng ghép đôi => lững - lờ trôi lững - lờ trôi
 Ví dụ tiếng ghép ba => khải - hoàn ca khải - hoàn - ca



Ví dụ tiếng ghép đôi => lững - lờ trôi lững - lờ trôi
 Ví dụ tiếng ghép ba => khải - hoàn - ca khải - hoàn ca

Nếu ghép hai tiếng một thì nghĩa càng rõ hơn mà thôi, miễn là phải gieo nốt nhạc đúng với thanh của mỗi từ và dĩ-nhiên là phải tôn-trọng quy-luật câu văn khớp đúng với nhạc-cú nghĩa là câu nhạc chấm dứt đúng với tiếng cuối của câu văn trong lời nhạc.

*** Ta có thể nhận rõ hơn nữa tính nhạc của tiếng Việt qua những bài đọc cộng-đồng.** Những bài Kinh đọc chung tại các giáo-đường: nhà thờ, chùa chiền là một chứng-minh cụ-thể. Tất cả cùng đọc lên bổng xuống trầm đều nhau, không lổ-mổ, nhưng nhịp-nhàng như tiếng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

mưa rơi, tiếng nào ra tiếng ấy. Ngày xưa, tại các nhà thờ Công-Giáo, tính nhạc dân-tộc được du-nhập vào lời kinh, các tín-đồ còn đọc ngân-nga như hát, có đệm thêm những tiếng "í, a" như những dấu láy trong các điệu dân-ca cổ-truyền. Mỗi bài kinh, tùy theo ý-nghĩa và cũng tùy theo mỗi vùng (địa-phận) mà có điệu nhạc trầm bổng khoan mau khác nhau. Nếu đưa ra bất cứ một bản kinh mới nào, ngay mới đọc lần đầu, cộng-đoàn tôn-giáo này tự-nhiên đọc lên ngân-nga nhịp-nhàng tùy theo ý của mỗi bài và theo cung-điệu của mỗi vùng, chỉ cần một người xướng giọng đầu tiên, tất cả cùng dựa nhau đọc theo đều-đặn. Sáng-tác tự-phát ấy có được là do lời đã chứa nhạc, lời hợp với nhịp điệu của nhạc vậy. Điều này không có được trong các tiếng Âu-Mỹ. Nếu phải đọc cộng-đồng, họ thường đọc loạc-choạc lổ-mổ. Chẳng hạn khi đọc tiếng La-tinh, nhờ dấu nhấn của mỗi từ làm điểm tựa như một nhịp mạnh mà đẩy-đưa cho nhịp-nhàng - sự nhịp-nhàng có được thường do đọc lướt nhanh nuốt vần - cách đọc không chậm-rãi được, lại đều-đều một cung giọng không trầm bổng được như tiếng Việt. Cho nên, họ bảo rằng: Người Việt-Nam nói như hát. Nhận xét ấy quả không sai.

*** Chính nhờ nét đặc-thù ấy mà ngày xưa học Pháp-văn tại các lớp Sơ-học, các vị hương-sư thường bắt học-trò tập đọc cộng-đồng thông-thả nhịp-nhàng theo lối đơn-âm của tiếng Việt.**

Chính nhờ nét đặc-thù ấy mà các thầy đồ dạy chữ Nho đã khai-tâm cho học-trò bằng lối học thuộc lòng đọc to và ngân-nga như hát. Người viết vẫn không sao quên được những buổi học "Tam Thiên Tự" phải ê-a ngân hát theo thầy đồ:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

"Thiên la (à) Trời (à)

Địa là (a) Đất (a)

Cử là (a) Cất (a)

Tồn la (à) Còn (à)

Tử la (à) Con (a)

Tôn là (a) Cháu (a)

Lục là (a) Sáu (a)

Tam la (à) Ba (a)

....."

Giọng hát khi trầm lúc bổng, tất cả cùng nhịp-nhàng ăn khớp với nhau, đúng là một lớp ca hát, dùng ca hát để mà học. Tuy lỗi học trên đây không hẳn đúng với khoa sư-phạm hiện-đại, song nêu lên điểm này là chỉ muốn nói lên nét đặc-thù của tiếng nước ta: một ngôn-ngữ đơn-âm lại giàu nhạc tính.

3- Vì tiếng Việt có nhạc sẵn trong lời như thế, nên lời Việt dễ đưa hồn người vào ý nhạc tứ thơ

Đọc một đoạn văn Anh-ngữ, nhất là tiếng Pháp chẳng hạn, quả có thấy truyền-cảm đấy, vì dĩ-nhiên chức-năng của ngôn-ngữ là truyền-cảm. Tuy có ròn-rã khoan mau đấy, song đó là do ý người phát-ngôn đẩy đưa âm-điệu. Ý diu lời

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

đi vào nhạc-điệu, chứ lời không mang theo nhạc dẫn đưa tình ý. Hàng năm cứ tới mỗi độ tựu-trường, khi bầu trời bắt đầu âm-u chuyển-động, cây-cối rừng mình chợt thấy lá bỗng nhất-loạt vàng úa, xôn-xao trong gió lạnh của buổi lập-thu, chắc hẳn không ai không nhớ tới đoạn văn của Anatole France tả cảnh mùa thu nơi công-viên Lỵc-xâm-Bảo:

"Je vais vous dire ce que me rappelle, tous les ans, le ciel agité de l'automne, les premiers dîners à la lampe et les feuilles qui jaunissent dans les arbres qui frissonnent; je vais vous dire ce que je vois quand je traverse le Luxembourg dans les premiers jours d'octobre, alors qu'il est un peu triste et plus beau que jamais; car c'est le temps où les feuilles tombent une à une sur les blanches épaules des statues. Ce que je vois alors dans ce jardin, c'est un petit bonhomme qui, les mains dans les poches et sa gibecière au dos, s'en va au collège en sautillant comme un moineau. Ma pensée seule le voit; car ce petit bonhomme est une ombre; c'est l'ombre du moi que j'étais il y a vingt-cinq ans...."

Chắc hẳn không ai không thấy bồi-hồi nhớ lại những buổi thiếu-thời cắp sách đến trường. Đoạn văn đọc lên rõ-ràng thấy réo-rắt truyền-cảm. Song cái cung-điệu và sức truyền-cảm ấy phần lớn là do ý của người đọc. Tùy theo mức-độ cảm-xúc của người phát-ngôn mà âm-điệu và sức truyền-cảm ấy cuốn hút mạnh hay yếu. Ta say-sưa đọc ròn-rã vì chính lòng ta đang xôn-xao. Người đọc văn không có cảm-hứng không lời cuốn được người nghe vì không sáng-tác ra được cung nhịp thích-hợp.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*** Nói là cung nhịp vì phải phối-hợp cung với nhịp.** Có cung thì giọng lên xuống trầm bổng; có nhịp thì hơi vẫn đi khoan hay mau. Bài Pháp vẫn trên đây, đọc lên nghe réo-rất gợi cảm phần lớn là do điệu nhịp, lúc nhanh, lúc chậm, khi khoan-thai dồn-dập đẩy đưa cho giọng lên xuống, chứ tự bản-thân lời vẫn không có cung, không có nốt nhạc. Và cái nhịp điệu diu-dặt ấy phải khởi từ cảm-xúc của người nói, cảm-hứng ít hay nhiều.

*** Trái lại, trong tiếng Việt, nhạc là chủ-yếu, nếu phải phối-hợp điệu nhịp cho thích-hợp thì cung nhạc vốn đã réo rất lại thêm ròn-rã du-dương.** Một người không có hồn thơ tứ nhạc, đọc một đoạn văn không có nhịp điệu nhưng phát-âm đúng dấu, cũng khả-dĩ tạo ra âm-nhạc cho lời nói, khác chi người chưa biết đánh đàn dương cầm, mò mẫm từng phím để cho nốt nhạc buông tiếng cũng đã phần nào truyền cảm đến cho người nghe. Nếu phím đàn được gõ theo nhịp phách khoan mau thì cung đàn trở thành một giọng nhạc cuốn hút. Người viết cho đến nay vẫn còn thấy lòng xôn-xao khi nhớ lại những buổi ấu-thơ học đọc Việt-ngữ. Tuổi còn non-nớt đã có gì gọi là hồn thơ tứ nhạc, nhưng đọc lên đã thấy lòng mình xao-xuyến, hoặc khi nghe các bạn nhỏ vừa đọc vừa đánh vần, đọc nhát gừng, thể nhưng cung bậc của mỗi tiếng cũng đã lắng trong tim, gợi nên cảm-xúc xôn-xao. Cho đến nay, mỗi khi đọc lại bài "Tôi đi học" của Thanh-Tĩnh, hẳn ai ai cũng vẫn còn cảm thấy nôn-nao với những nổi bâng-khuâng của buổi tựu-trường thời niên-thiếu. Nôn-nao không phải chỉ vì ý văn mà vì nhạc của lời.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu-yếm nắm lấy tay tôi đi trên con đường làng..."

Ngay từ câu đầu, giòng nhạc bổng trầm đã cuốn hút ta trở về với những kỷ-niệm ấu-thơ. Chính âm-nhạc của đoạn văn đã nói hộ cho tư-tưởng. Ngôn-ngữ là con thuyền chuyên-chở tình-tự. Âm-nhạc của ngôn-ngữ là mái chèo đẩy dìu con thuyền lướt đi trên giòng sông cảm-nghĩ.

Vì vậy ta có thể nói không ngoa rằng tiếng Việt chính là một bản nhạc biến-điệu đa-dạng. Nó là một thứ âm-nhạc tự-nhiên, do đó có sức truyền-cảm sâu-xa rõ-rệt.

4- Hồn thơ ý nhạc dệt nên lời văn duyên-dáng du-dương

Như đã nói, lời tạo ra âm-nhạc. Không có tứ thơ, ý nhạc, song lời có thể gợi ra ý nhạc tứ thơ. Nếu thêm có tâm-hồn dạt-dào rung-cảm, nếu thêm có tài-năng diễn-đạt, ta có thể chọn tiếng lựa văn sắp xếp từ-ngữ dệt thành câu văn có hồn, sống-động. Hệt như một nhạc-sĩ, trước mặt là cây đàn, có phím đàn dấy, có cung bậc âm-giai dấy, chỉ cần đem con tim và kỹ-thuật điêu-luyện của mình ra, phối-hợp các tư-liệu có sẵn dấy, dệt nên nhạc khúc tuyệt-vời khả-dĩ nói lên hết tâm-tư tình-cảm của mình.

Các từ-ngữ Việt với đủ các loại âm dấy, với năm dấu sắc, hỏi, nặng, huyền, ngã chia ra sáu cung bậc trong hệ-thống bình và trắc thanh, kho tư-liệu có sẵn dấy, nhà văn nhà thơ tùy theo trình-độ cảm-xúc của mình, lấy ra những tư-liệu chuẩn-xác nhất, linh-động nhất, phối-trí thành câu, ngắt

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đổ Quang-Vinh

nhịp dứt đoạn cho hơi vắn đi khoan-thai hay lướt mau dồn-dập, cho điệu vắn khắp-khởi rộn-rã hay dàn trải thênh-thang, ngũ-hầu khi đọc lên, có thể rót vào tâm trí người nghe, cho dư-âm lắng sâu vào tâm-hồn người cảm-ứng.

* * *

Lời là nhiên-liệu, hồn thơ ý nhạc là khối than hồng âm-ĩ. Lời dẫn-dụ ý nhạc hồn thơ. Nếu cả hai được bút-pháp hội-nhập tương-phùng thì như gặp cơn gió thổi, ngọn lửa tâm-hồn sẽ bắt cháy, lời vốn đã có tác-dụng kích-động cảm-xúc, nay khiến cho đàn lòng bật tiếng âm-vang, thể-hiện trong điệu vắn lời thơ lưu-loát, nghe như những dấu nhạc thánh-thót buông rơi.

Chính nhờ đặc-tính này mà văn-chương Việt-Nam trở nên du-dương réo-rắt, và phong-phú với đủ mọi thể thơ, không hẳn chỉ là thơ vắn mà cả thơ xuôi với cách kết-cấu âm thanh, ngắt nhịp tạo nên nhạc-điệu êm tai, nhịp-nhàng khả-xúc chẳng khác chi thơ vắn. Khảo-luận về "âm và thanh trong tiếng Việt" ở chương sau sẽ cho thấy rõ hơn tính nhạc của tiếng Việt.



Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Chương 6

ÂM VÀ THANH TRONG TIẾNG VIỆT

Những nước như Triều-Tiên, Trung-Hoa, Nhật-Bản vẫn còn sử-dụng chữ viết theo lối tượng-hình, tượng-ý. Chẳng hạn, người Nhật ngày nay vẫn còn duy-trì lối chữ Kanji theo Hán-tự của Trung-Hoa. Ví-dụ:

Sự vật được nhận xét	Hình-ảnh sự vật	Chữ viết tương hình theo Hán-tự & Kanji	Phiên âm sang tiếng Việt	Ghép chữ hội ý
mặt trời		日	nhật	
mặt trăng		月	nguyệt	
Sáng; Soi sáng		日+月	minh	明
Cây cối		木	mộc	
gốc		本	bản	
Rừng		木+木	lâm	林
núi		山	sơn	
nước		水	thuỷ	
Con ngựa	 => 马	馬	mã	

Hợp ánh sáng mặt trời và mặt trăng lại thành sáng-láng, chiếu soi, ấy là "MINH". Vào lúc sáng sớm, nơi mặt trời ló

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

rạng sau rùng ấy là phương Đông - và ta quen gọi lúc trời Rạng-Đông là thế - nên chữ Đông gồm chữ nhật và chữ mộc ghép lại (東), hội-ý và tượng-hình thành. Nước Nhật-Bản gọi tên như vậy vì là một quốc-gia nằm ở phía Đông nước Trung-Hoa và từ phía Đông này mỗi ngày lúc tảng sáng đều thấy mặt trời ló rạng, đây là cái gốc (bản) của mặt trời (nhật), là xứ của mặt trời mọc (vì vậy trên quốc-kỳ có hình mặt trời là thế).

Cũng như chữ Hán, nữ là con gái (女), tử là con trai (子). Nhà có đủ cả trai cả gái theo quan-niệm xưa thế là tốt phúc nên hai chữ ghép vào để hội ý tốt lành thành chữ HẢO (好).

Tiếng Việt, với chữ Quốc-Ngữ - như đã đề cập ở phần đầu - có ưu-điểm sử-dụng mẫu-tự La-tinh giống như các sinh-ngữ hiện-đại. Chữ viết này là cách ký-âm lời nói rất tự-nhiên thuận-lý. Tác giả dành riêng chương sáu này để phân-tích rõ hơn kỹ-thuật của cấu-trúc chữ Quốc-Ngữ, qua đó mong thể-hiện được tính ưu-việt độc-đáo của chữ viết tiếng Việt vốn hiện-đại, vốn phong-phú và du-dương giàu nhạc như đã trình-bày.

Người Pháp khi viết "chrétien" chẳng hạn, phải hai lần phát-âm: một lần "chré", một lần "tien". Khi ta nói "tự-nhiên", ta chỉ phát-âm một lần cho mỗi tiếng: "tự" và "nhiên". Song, xét cho kỹ, mỗi vần của ta chính thực là hai âm phát ra liên-tiếp ghép nhanh lại thành **một vần (mẫu-âm)** duy-nhất.

Trong tiếng "tự" âm thứ nhất chỉ là một hơi âm nhẹ-nhàng bật ra khi đầu lưỡi đang gấn vào nướu của hàm răng trên bỗng rơi xuống khoảng bên trong giữa hai hàm răng, lúc ấy hàm dưới hạ xuống để cho miệng há ra, âm phát ra đọc khẽ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

là "ờ". Âm này được ghép nhanh với âm thứ hai là "ư" không phải vận-dụng đầu lưỡi, với dấu nặng gieo nốt nhạc thật trầm lắng trong cổ họng, khoác nhạc-tính cho từ. Các chữ a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y chỉ cử-động hàm, miệng mà không vận-dụng lưỡi và răng, là những mẫu-âm đọc lên vẫn còn âm-hưởng ngân dài, và lại tự nó khi đứng một mình đã thành một tiếng có nghĩa, hoặc phải cần tới nó mới có thể ghép nên từ. **Mẫu-âm hoặc nguyên-âm vì vậy là điều-kiện cần và đủ để tạo nên từ.**

Các chữ b, c, ch, d, đ, g, gh, h, k, kh, l, m, n, ng, ngh, nh, p, ph, q, r, t, th, tr, s, v, x, gi, khi đọc phải vận-dụng thêm tới lưỡi, hoặc uốn cong lưỡi lên, hoặc đẩy đưa hay rung đầu lưỡi, phải vận-dụng thêm tới răng và môi, âm phát ra nhanh, gọn và dùng ghép vào với mẫu-âm, hoặc để tạo ra một âm khác gọi là âm biến-dạng (ang, at ach), hoặc để tạo nên một từ (vd: đi lang-thang). Bản-thân tự nó không thể thành một từ. Nó chỉ đóng vai phụ giúp hợp với mẫu-âm để hình-thành một tiếng. Đó là những **phụ-âm**. Điều này sẽ được phân-tích kỹ hơn khi xét về cách cấu-tạo từ.

Ví-dụ trên đặt ra vấn-đề phân-biệt các loại âm và thanh cùng sự phối-trí âm và thanh sao cho ngôn-ngữ có nhạc.

I. Âm, cấu-tạo âm và từ

1- Cấu-trúc của từ

1. 1- Mẫu-âm và phụ âm

a- Nguyên-âm tự nó có thể là một từ.

Ví-dụ:

Ô hay! ai bảo u ở nhà?

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Bản-thân các nguyên-âm ô, ai, u, ơ, tự nó đứng một mình đã có thể tạo nên từ. Các nguyên-âm này hoặc đơn như ô, u, ơ, hoặc ghép như: ai

b- Mỗi từ cũng được cấu-tạo bằng cách ghép các phụ-âm đầu từ với những nguyên-âm. Trong ví-dụ trên, các từ "hay, bảo, nhà" được ghép theo công-thức:

Phụ-âm đầu từ	+	mẫu-âm (và dấu)	=	từ
h		ay		hay
b		ảo		bảo

c- Mẫu-âm cũng được cấu-tạo bằng cách ghép các nguyên-âm vào những phụ-âm cuối từ. Các tiếng trong câu sau này hình-thành bởi những mẫu-âm: ược, ông, ên, yên, ô, iếc.

"Nước ngược chổng lên thuyền một chiếc"
(Phan Văn-Trị)

d- Các phụ-âm

• Để cho sự ghép từ được thuận-lý theo đúng cách ký-âm, các phụ-âm được phát âm tự-nhiên do cử-động của lưỡi, răng, hàm và môi miệng. Chẳng hạn, h không phát âm theo tên mẫu-tự là hát, mà theo tự-nhiên là hồ,

m.....=>em-mờ,.....=>mờ
t.....=>tê,.....=>tờ
đ.....=>đê,.....=>đờ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Trong bảng dưới đây, các phụ-âm đơn hoặc ghép được dùng để cấu-tạo từ (phụ-âm đầu từ) hay để cấu-tạo mẫu-âm (phụ-âm cuối từ). Lấy âm a, ă, â hoặc e, ê, i làm ví-dụ:

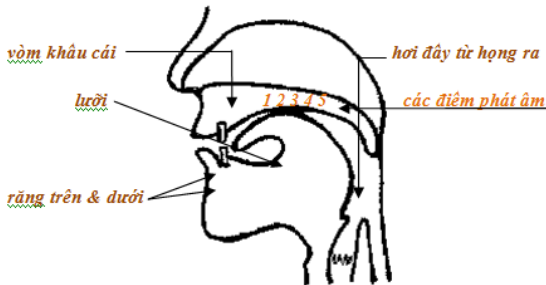
số thứ từ	phụ-âm	Ghép đầu từ để cấu-tạo từ	Ghép cuối từ để cấu-tạo mẫu-âm	Ví-du
1	b	ba		
	c	ca	ac, ăc, âc	bac, cắc, lăc-cắc
	ch	cha	ach	lách-cách
	d	da		
5	đ	đã		
	g	ga		
	h	ha		
	gh	ghe, ghê, ghi		
	k	ka, kê, ky		
10	kh	kha		
	l	la		
	m	ma	am, âm, ăm	tăm, căm, cằ-ăm
	n	na	an, ăn, ân	ăn, găn, ỉn-căn
	nh	nha	anh	lanh-chanh
15	ng	nga	ang, ăng, âng	vàng, trắng sáng
	ngh	nghe		
	p	pa	ap, ăp, âp	cấp, trấp, lấp-cấp
	ph	pha		
	qu	qua		
20	r	ra		
	s	sa		
	t	ta	at, ăt, ât	măt, măt, măt-măt
	th	tha		
	tr	tra		
25	v	va		
	x	xa		
27	gi	gia		

Xét theo biên-độ, cường-độ và vị-trí phát âm, các phụ-âm có thể sắp loại theo bảng dưới đây:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Điểm phát âm	Hơi âm cut	Hơi âm dài
1- môi	p, b, m	
2- môi và răng	v, ph	
3- lưỡi và răng	x, ch, gi	s, tr, d
4- vòm miệng (vòm khẩu cái)		
4.1- phía trước	t, đ	th, n, r, nh
4.2- phía giữa	l	
4.3- sau khẩu cái	c, k g ng	kh gh ngh
5- họng	h	

Sơ-đồ điểm phát âm của một số phụ-âm khẩu-cái



điểm phát âm:

- 1- t
- 2- đ, n, r
- 3- l
- 4- c, k, kh, g, ng, ngh
- 5- h

Cách phát-âm:

b: bậm môi, điểm phát-âm ở bờ ngoài của môi khi bật mở hai môi cho hơi âm thoát ra. Âm phát ra nghe vang, ấm nhờ miệng há rộng hơn khi đọc p.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

p: khẽ mím môi, điểm phát âm ở bờ trong của môi. Khi bật mở hai môi cho hơi âm thoát ra, miệng không há rộng, âm phát ra nghe cụt và sắc.

m: mím chặt môi, điểm phát âm ở giữa bờ môi giữ cho hơi thoát lên hốc mũi. Âm phát ra, nghe âm vang ngân dài nhờ há miệng và đẩy hơi lên mũi.

v: răng trên bật khỏi phía trong môi dưới

ph: cùng điểm phát âm của v, nhưng răng trên khẽ chạm bờ trong môi dưới để chừa ra một kẽ hở nhỏ cho hơi thổi đẩy ra thoát qua được, tạo ra hơi âm cọ xát ngân dài giống như tiếng ngáy của người ngủ say mà vẫn để hở môi.

x: mở môi, răng cửa dưới cắn chặt răng cửa trên, đầu lưỡi chạm phía trong răng cửa dưới, nằm dưới lằn ranh giữa hai răng cửa, đẩy hơi qua kẽ răng cửa vẫn cắn chặt, tạo ra tiếng gió.

ch: như phát âm của x, nhưng thay vì hai hàm răng cửa cắn chặt thì hàm răng dưới hạ bật xuống trong khi đó đầu lưỡi đập vào mặt trong giữa hai hàm răng cửa, hơi đẩy ra tạo thành âm-thanh tuy cọ xát song không sắc nhọn như tiếng gió của x.

gi: hàm răng dưới để tự-nhiên chạm nhau cho răng cửa dưới nấp sau răng cửa trên, đầu lưỡi ở vị-thế như điểm phát âm của x, đẩy hơi âm ra trong lúc hàm dưới hạ xuống cho răng cửa dưới lướt chạm sát (như vuốt xuống mặt trong răng cửa trên), âm phát ra tiếng gió vừa khi hai răng cửa trên và dưới chạm sát nhau.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

s: răng hàm khể cắn chạm nhau để hàm răng cửa dưới nấp phía sau hàm răng cửa trên theo thể tự-nhiên, đầu lưỡi thụt vào cho hơi âm đẩy ra luồn qua lỗ hổng giữa đầu lưỡi và mặt trong của cửa hai hàm răng, âm phát ra nặng, đục, âm vang, ngân dài, sôi sục.

tr: đưa răng cửa dưới lên cho chạm mặt trong răng cửa trên, lưỡi thụt vào, đầu lưỡi lúc đó cùng hạ xuống một lượt với hàm răng dưới, âm phát ra nghe đục, nặng, âm vang ngược hẳn với âm sắc nhọn cọt xát của ch.

d: hai hàm răng chạm nhau theo thể tự-nhiên, lưỡi thụt vào, đầu lưỡi ưỡn lên, 2 mép lưỡi chạm răng hàm trên, đẩy hơi âm ra vẫn giữ đầu lưỡi ưỡn cong trong lúc hàm dưới hạ xuống cho răng cửa lượn chạm sát mặt trong răng cửa trên, âm phát ra nghe đục, nặng khi hai răng cửa trên và dưới chạm sát nhau.

- Các âm **s, tr, d** trái ngược với **x, ch, gi**, một đằng cong đầu lưỡi, âm luồn qua lỗ hổng của lưỡi và mặt trong của răng, một đằng đầu lưỡi không cong, tiếp giáp với mặt trong của răng cửa dưới, hơi âm cọt xát thoát ra qua hai hàm răng cửa cắn lại.

t: đầu lưỡi bật nhanh khỏi phía trước của vòm khẩu-cái giáp với nướu của hàm răng trên.

đ: từ điểm phát-âm của t, điểm phát-âm của đ đi lùi vào phía trong, đầu lưỡi chạm vào điểm phát-âm đ ở phía trước vòm khẩu-cái rồi hạ bật đầu lưỡi xuống.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

n: ấn mạnh đầu lưỡi vào vị trí phát âm của đ rồi hạ bật xuống, hơi âm ngân dài hơn

l: ấn mạnh phần trên của lưng lưỡi vào điểm giữa vòm khẩu-cái rồi hạ bật xuống.

r: đầu lưỡi phát âm của t, nhưng đầu lưỡi khi rời khỏi vị-trí phát âm, thì bật xuống chậm hơn để có một kẽ hở cho hơi từ trong họng đẩy thoát ra, âm phát ra nhẹ, ngân vang không sắc nhọn, ngắn cụt như âm của t.

nh: lưng lưỡi ưỡn lên ấn mạnh vào điểm phát âm của l trước khi hạ lưỡi xuống, miệng há ra cho hơi âm ngân dài.

c: đuôi lưỡi ưỡn lên chạm điểm cuối của vòm khẩu-cái, trong khi bật hạ cuống lưỡi đẩy hơi tự-nhiên từ họng bật ra, âm phát ra ngắn, gọn, nhẹ-nhàng.

k: như phát âm của c song hơi đẩy ra mạnh hơn, âm phát ra nghe đục, nặng và sắc hơn.

kh: cùng điểm phát-âm của **c**, **k** nhưng đuôi lưỡi khi ưỡn lên chỉ gần chạm điểm cuối của vòm khẩu-cái, để chừa một kẽ hở cho hơi đẩy từ cổ họng luồn thoát qua, tạo ra hơi âm cọ xát, rè-rè, ngân dài tựa như tiếng ngáy của người ngủ say mà vẫn há miệng.

g: há miệng, đầu lưỡi chạm mặt trong răng cửa dưới để cho cuống lưỡi chạm sát điểm cuối của vòm khẩu-cái, đẩy nhẹ hơi từ cổ họng thoát ra.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

gh: như điểm phát-âm của g, song đẩy mạnh hơi từ cổ họng ra, âm phát ra nghe mạnh hơn.

ng: hai hàm răng hé mở, lưỡi thụt vào cho đuôi lưỡi chạm điểm cuối của vòm khẩu-cái, đẩy âm thoát qua hốc mũi trong khi đó hạ hàm dưới xuống cho miệng há ra và đuôi lưỡi rời khỏi vòm miệng.

ngh: như phát-âm của ng, nhưng hơi đẩy ra mạnh hơn.

q: cùng điểm phát-âm của e, k nhưng trong khi đẩy hơi ra thì miệng chum lại.

Tất cả có 27 phụ-âm đơn và ghép để cấu-tạo từ, gồm có hai phụ-âm đặc-biệt **qu** và **gi** có ghép với mẫu-âm, và trong đó chỉ có 8 phụ-âm được ghép cuối từ dùng để cấu-tạo những mẫu-âm biến-dạng (xem đoạn dưới: các loại mẫu-âm).

1.2- Những hình-thái đặc-biệt khi cấu-tạo từ.

a- Trong số các phụ-âm đầu từ, có 3 trường-hợp đặc-biệt sau đây do sự phân-biệt 2 loại mẫu-âm khác nhau:

Bảng 1

Phụ-âm	Phát âm	Ghép với các mẫu-âm bắt đầu bằng	Ví-dụ
c	cờ	a, o, u, ă, ã, ô, ơ, ư	Con cáo của cô Cơ cào, cần, cấu cụ Cừ Càn, cụ Cừ cau-có
k	cờ	i, y, ê	Kỳ! Kệ Kỳ Kim kỳ-cọ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Bảng 2

phụ-âm	Phát âm	Ghép với các mẫu-âm bắt đầu	Ví-dụ
G	gờ	a, o, u, ă, â, ô, ơ, ư	Gồm! gã gù gan-góc, dám gạ-gã, gây-gổ, gắt-góng, ghé vào ghi tên ngồi ghế đầu
gh	gờ	i, e, ê	

Bảng 3

phụ-âm	Phát âm	Ghép với các mẫu-âm bắt đầu	Ví-dụ
Ng	ngờ	a, o, u, ă, â, ô, ơ, ư	Rõ ngờ-nga- ngờ-ngấn!
ngh	ngờ	i, e, ê	<i>Ngh</i> ề nhà báo cũng ngẫt-nga ngẫt-ngư, bài dài bài ngắn, ăn ngủ chẳng ngon, không mấy khi được <i>ng</i> hĩ-ngơi, tôi ngày đi <i>ng</i> he ngóng tin-tức

- Loại mẫu-âm thứ nhất gồm các âm đơn thông thường là a, o, u và âm đơn đặc-biệt ă, â, ô, ơ, ư.

- Loại mẫu-âm thứ hai gồm các âm đơn thông thường i, y, e và âm đơn đặc-biệt ê.

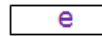
Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Khác nhau vì khi phát âm, tuy cử-động của lưỡi có biến-đổi song điểm chủ-yếu và rõ-rệt nhất, đặc-thù nhất là cử-động của môi, miệng, răng, hàm khác nhau.

Khi phát ra âm a, o, u, xoang miệng mở lớn, hàm và răng hở rộng ra, bắt đầu từ a rồi thu hẹp dần tới u thì chúm môi lại, nhưng dù chúm môi để phát ra âm u, thì hàm và răng vẫn hở, âm phát ra trong xoang miệng vẫn chiếm một thể-tích lớn. Sự vận dụng môi, miệng, hàm khi phát ra âm a, o, u được minh-họa như sau:



Khi phát ra âm i, e thì môi, miệng, răng, hàm khép lại dần để môi kéo dài ra hai bên mép, xoang miệng bé đi và xếp hẳn xuống khiến thể-tích âm trong miệng nhỏ đi, âm phát ra giảm cường-độ so với loại mẫu-âm a, o, u. Sự vận dụng của môi, miệng, răng, hàm trong trường-hợp này được minh-họa như sau:



Chính vì thế cho nên với các vần bắt đầu bằng những mẫu-âm a, ă, â, ô, ơ, u, ư, nếu khởi sự phát ra âm cờ thì phụ-âm đầu từ là mẫu-tự c. Âm cờ của mẫu-tự này phát ra nhanh, ngắn, nhẹ hơn so với mẫu-tự k. Còn các vần bắt đầu bằng những mẫu-âm i, y, e, ê nếu khởi sự phát ra âm cờ, thì phụ-âm đầu là mẫu-tự k. Âm cờ của mẫu-tự k phát ra chậm, sắc và mạnh hơn, khả dĩ đẩy cho các âm (i, y, e, ê) nhẹ yếu này được bật ra mạnh.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Khi đọc ca, co, cu, sự phát âm tương-đối dễ-dàng, nhẹ-nhàng, thoải-mái. Trái lại khi đọc ký, kỹ, kẻ, sự phát âm có vẻ khắc-khổ mạnh-mẽ, họng phải đẩy ra hơi, sức mạnh hơn.

Đối với các âm gờ và ngờ cũng thế. Mẫu-âm vốn đã lớn mạnh thì dùng phụ-âm nhẹ mà đưa đẩy (loại 1). Mẫu-âm vốn đã nhẹ yếu thì dùng phụ-âm mạnh mà đẩy đưa (loại 2).

Cho nên để phân-biệt cường-độ của phụ-âm gờ và ngờ, ta dùng phụ-âm mạnh là các phụ-âm ghép "gh, ngh" để hợp với các mẫu-âm nhẹ yếu như i, y, e, ê so với các phụ-âm yếu là "g, ng" để hợp với các mẫu-âm lớn, mạnh như: a, ă, â, o, ô, u, ư.

Phân-tách kỹ ra thì âm gờ của "gh" và ngờ của "ngh" mạnh là nhờ có sự kết-hợp của âm "hờ". Âm họng "hờ" của h có tác-dụng phụ lực đẩy cho âm "gờ" của "g" và "ngờ" của "ng" được thoát mạnh ra ngoài.

Bảng 4

mẫu-âm	thế-tích xoang miệng và cường-độ âm	cử-động của hàm miệng	ghép với phụ-âm đầu từ (phụ-âm nhẹ)	ghép với phụ-âm đầu từ (phụ-âm mạnh)
a, o, u, ă, â, ô, ơ, ư	lớn, mạnh	mở	c, g, ng	
i, y, e, ê	nhỏ	khép		k, gh, ngh

b- Trường-hợp i và y.

Tại sao không viết là "kyếm ăn" mà viết là "kiếm ăn"? Vì i phát-âm ngắn hơn y. Cho nên "iêm" đọc nhẹ hơn "yêm". Do đó, từ "kiếm" vốn đọc nhẹ nên không viết là "kyếm". Cũng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

vậy, la-liếm khác với yếm-trợ, vì âm "yếm" vốn mạnh hơn "liếm" đòi phải vận-dụng hơi, sức nhiều hơn, đọc có vẻ chậm hơn, âm "y" được nhấn mạnh, phân-biệt, tách riêng với "ê" tuy rằng cả hai âm y và êm đọc liên-kết làm một: "y-êm".

Chính vì sự nhấn mạnh và kéo dài của âm y mà ui khác uy là thế. Với âm **i** ngắn, hai tiếng "lúi-húi" phát ra âm ngắn hơn, khi đọc miệng chúm lại và gần như giữ nguyên ở vị-thế này, chỉ khẽ cử-động thêm một chút sang hai bên, trong khi với âm **y** kéo dài và nhấn mạnh, tiếng "túi-lúi" phát ra âm dài hơn, mạnh hơn, khi đọc miệng chúm lại có thể giữ lâu một chút làm đà đẩy hơi mạnh ra khi mở rộng miệng sang hai bên mép, nghe như phân-biệt rõ hai âm u và y tách rời. Tuy nhiên khi một từ chỉ có duy nhất mẫu-âm đơn là **i** hoặc **y**, chính-tả thường có sự lẫn-lộn giữa **i** và **y**. Ta vẫn thường thấy viết:

- hòn bi, cái bi, quả bí, bí cực, so bì, bì mặt.
- cái chi? chị em, chí-khí, chuông chì, kim chỉ, chỉ-tê.
- di-chuyển, dị-biệt, cô dì, dạn-dĩ.
- đi học, định-cư, đình làng, đĩnh-đạc, đĩnh chung.
- hy-vọng, hý-trường, hỷ-tín
- ky-cóp, kỳ cọ, kỹ-nghệ, kỷ-hà-học, ký tên.
- tình lý, lý lẽ, liên-lý, lý-lợm
- lông mi, mí mắt, bột mì, mĩ-miêu.
- bên ni, vãi ni, cái "ni"
- Phan Rí, rù-rì, rí tai.
- si mê, kẻ sĩ, liêm-sĩ, đen sì.
- ti-tiền, bé tí ti, liền tù tù, tì-vết, tì-tê
- tinh-vi, bởi vì, câu ví, cái vủ, vĩ-đại, vị nể, địa-vị.
- xi mạ, xì hơi, xí-xọn, xấp-xỉ, xì rượu.
- y nguyên như cũ, ý lại, tính ý

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nhưng gần đây, nhất là các từ bắt đầu bằng phụ-âm h, k, l, thường thấy viết không phân-biệt **i** với **y**. Sự thống-nhất chính-tả thiển-ngĩ cũng nên sớm được giải-quyết.

Chúng tôi nhận-định có 3 trường-hợp viết **i** hoặc **y** :

1) Khi một từ phát-âm là i (chỉ có **i** hoặc **y** đứng một mình).

2) Khi i hoặc y có trong mẫu-âm ghép (kết-hợp với nguyên-âm khác, ví-dụ: IÊ, IÊU...) **và mẫu-âm biến-dạng** (mẫu-âm kết-hợp phụ-âm cuối từ, ví-dụ: IM, IÊM..., YÊM, YẾT...)

3) Khi một từ có mẫu-âm đơn-thuần duy-nhất là nguyên-âm chính gốc i hoặc y (không phải là mẫu-âm biến-dạng có ghép thêm phụ-âm cuối từ), mẫu-âm này đứng sau phụ-âm đầu từ để tạo nên từ.

Như đã phân-tách, tuy cả hai là âm khẩu-cái (*voyelle palatale*) nhưng khi phát ra âm I, thanh nghe ngắn, gọn, nhẹ và nhanh, ít vận-dụng hơi từ họng đẩy ra, ngữ-học Pháp quen gọi là *voyelle palatale non arrondie*, như trong *ami* tiếng Pháp.

Còn Y trái lại, được coi là một *voyelle palatale arrondie*, vì khi phát ra âm Y, thanh nghe nặng (*sourde*) có âm-hưởng (*echo*) do hơi âm ngân dài (*prolongée*) có tính-cách bành-trướng rộng lớn hơn (*arrondie*) bởi phải vận dụng nhiều hơi hơn từ họng đẩy ra. Âm Y dài, vì thế, nghe mạnh hơn, có vẻ tạo phát hơn là âm I ngắn tự-phát và nhẹ. Cho nên:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Đôi với trường-hợp 1: Chúng tôi nghĩ không viết là I ngắn, mà nên viết là Y dài.

Ta có các từ: y, ÿ, ý, ÿ, y, ÿ. Ví-dụ: Anh chàng này chẳng có **ý**-tử gì cả, **ý** có người giúp đỡ nên cứ **ý** ra không chịu mó tay làm bất cứ việc gì, cứ **y** như là người ở trên cung trăng rớt xuống vậy, đã thế lại còn la hét ầm-**ỹ**.

Đôi với trường-hợp 2:

Ví-dụ trong các từ *la-liếm*, *tiêm-nhiễm*, mẫu-âm IÊM phát âm nhẹ, vì ở đây I là một bán nguyên-âm (semi voyelle) trong mẫu-âm ghép IÊ, giống như *piéd* trong tiếng Pháp. Trái lại trong các từ *yêu-kiểu*, *âu-yếm*, mẫu-âm YÊU, YÊM phát âm mạnh, thanh đục, nặng và âm-hưởng hơn vì Y đứng đầu từ nên còn có chức năng của một bán-phụ-âm đầu từ như trong *yeux* tiếng Pháp và trong *yesterday*, *young*, *yoke* tiếng Anh. (the letter Y came progressively to take over the function of representing semiconsonantal i,- sách trích-dẫn cước-chú 1, vol. 23, vần Y). Ta viết *tiêu-điều* chứ không *tyêu-điều* vì I là bán-nguyên-âm hợp với ÊU thành mẫu-âm ghép IÊU.

Vì vậy, riêng có từ ia âm đầu từ không viết Y dài, bởi âm này là bán-nguyên-âm tạo thành mẫu-âm ghép IA, nếu là Y dài thành YA: hai âm này như được tách rời, vì Y dài ở đây mang thêm chức-năng của một bán-phụ-âm.

Đôi với trường-hợp 3:

Khi đứng một mình, I hay Y không đóng vai một bán-nguyên-âm. Nhưng khi nào thì I ngắn, khi nào thì Y dài?

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Câu trả lời tùy thuộc ở phụ-âm đầu từ ghép với I ngắn hoặc Y dài.

Có 2 cách phân-biệt:

* *Thứ nhất*. - Khi phụ-âm đầu từ có điểm phát-âm phía sau khẩu-cái, ngoại trừ G, GH, NG, NGH, KH, hay nói khác, khi phụ-âm đầu từ là K, L, H,.

* *Thứ hai*. - Khi đầu từ là các phụ-âm khác K, L, H.

* **Về cách 2**: *Đối với các phụ-âm khác với K, L, H:*

Các phụ-âm này ít dùng hơi sức từ họng hay cuống lưỡi đẩy ra nên ít mạnh hơn, không có điểm phát-âm phía sau khẩu-cái ngoại trừ G, GH, NG, NGH, KH tuy cùng với C, K có điểm phát-âm ở phía sau khẩu-cái, nhưng là những âm *có thanh rẹ, nhẹ, khàn khàn không kêu vang như thanh của K và L*.

Ví-dụ: G (và tương-tự là GH trong tiếng Việt), ngữ-học Pháp gọi đó là *consonne occlusive vélaire*, đọc theo tiếng La-tinh, ngữ-học Anh gọi đó là *the sound of a velar stop* như khi đọc các từ GET, GIVE (sách trích-dẫn cước-chú 1, vol. 10 vần G).

Gọi là *velar hay vélaire* là do biến-thể của tiếng La-tinh VELUM, có nghĩa là tấm màn mỏng, từ đó còn có nghĩa là âm-thanh hơi khàn-khàn (Pronounced with back of tongue near soft palate, slight huskiness of voice- *The Concise Oxford Dictionary of Current English*, [veil & velar], p.1190).

Vì vậy, các phụ-âm này được ghép trước I ngắn thay vì Y dài. Ta có thể công-thức-hóa trong bảng ví-dụ sau đây:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Số thứ tự	phụ-âm	Ghép đầu từ để cấu-tạo từ	Ghép cuối từ để cấu-tạo mẫu-âm	Ví-đụ
1	b	ba		
	c	ca	ac, ăc, əc	bac-các, lác-các
	ch	cha	ach	lách-cách
	d	da		
5	đ	đá		
	g	ga		
	h	ha		
	gh	ghe, ghe, ghi		
	k	ke, kê, ky		
10	kh	kha		
	l	la		
	m	ma	am, ăm, ăm	tăm-cám, cà-lăm
	n	na	an, ăn, ẹn	ăn-gian, ăn-cần
	nh	nha	anh	lanh-chanh
15	ng	nga	ang, ăng, ằng	vàng-trắng-sắng
	ng	nghe		
	p	pa	ap, ăp, ẹp	cấp-tráp, lập-cấp
	ph	pha		
	qu	qua		
20	r	ra		
	s	sa		
	t	ta	at, ăt, ət	mát-mặt, mắt-mắt
	th	tha		
	tr	tra		
25	v	va		
	x	xa		
27	gi	gia		

-Về cách 1: Đối với các phụ-âm có điểm phát-âm hoặc ở phía sau khẩu-cái như L, K, hoặc ở trong cổ họng như H:

Phụ-âm K phát ra khi cuống lưỡi đập lên đáy vòm miệng lấp kín hốc mũi, thanh đục, nặng và sắc (consonne occlusive palatale sourde) phụ với mẫu-âm Y nhấn mạnh và kéo dài khiến cho thanh của từ đọc lên nghe mạnh và nặng: Ky, Ký, Kỳ, Kỳ, Ky, Kỳ vẫn mạnh hơn Ki, Kí, Kì, Kì, Kị, Kỉ (sách dẫn 1, trang 125, 128)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Riêng phụ-âm L vì lưng lưỡi đập vào điểm giữa của vòm khẩu-cái, nên có thể coi L như loại phụ-âm phía sau khẩu-cái cùng với C và K, đều là những thanh nghe mạnh hoặc âm vang như L (sonore) hoặc nặng, đục như C, K (sourde).

Còn âm của H là âm hở, âm của họng khi phải há miệng rồi đẩy hết hơi thật mạnh trong cổ họng ra ngoài, nếu ghép với Y dài thì cả hai mới phụ-lực cho nhau tạo nên từ, phát được ra thanh-âm mạnh. Hỉ đọc vẫn yếu hơn Hỷ là thế.

Ngoài ra, nếu xét theo từ-nguyên của hình tượng chữ viết, thì vào cổ-thời Ai-Cập, chữ K được tượng-hình bằng hai cẳng tay bắt chéo theo hình cái chén (a cupped hand), do đó từ *Kaph* có nghĩa là bàn tay, được người Do-Thái diễn-dịch là nắm đấm. Còn chữ L được tượng-hình bằng con sư-tử, do đó người Do-Thái diễn nghĩa từ *Lamedh* là cái roi của thầy giáo. Những hình ảnh ấy mang ý-nghĩa cứng rắn mạnh-mẽ cũng diễn-tả phần nào tính-cách của thanh-âm phù-hợp với mẫu-âm Y đứng sau. (sách trích-dẫn cước-chú 1, các vần K, vol.13; L, vol. 14.)

Do đó, có thể công-thức-hoá trong bảng ví-dụ sau đây

phụ-âm	0 dấu	dấu sắc	dấu huyền	dấu hỏi	dấu nặng	dấu ngã
l	biệt-ly	lý-do	lỳ-lợm	liên-ly	kiết-ly	0
k	ky-cóp	ký-thác	kỳ-cục	kỷ-lục	ky gió	kỹ-sư
h	hy-vọng	hỷ-viện	hỳ-hục	hỷ-tín	0	0

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nếu nhất loạt thay Y dài bằng I ngắn như ở quê nhà hiện nay thì rõ là quá giản-tiện, nhưng về mặt ngữ-học, e rằng chữ viết không ký-âm chính-xác được tiếng nói. Tóm lại:

Thông-thường viết là I, **chỉ viết là Y dài khi:**

a) từ nào duy nhất có một mẫu-tự phát ra âm I: Ta có các từ: y, ý, ý, ý, ý, ý, ý.

b) đâu từ là một nguyên-âm phát ra âm I đứng trước mẫu-âm ghép hay biến-dạng: Ta có các từ yêu, yếu, yếu, yêm, yếm, yếm, yên, yển, yểng, yết. Do đó không có YA nhưng là IA (ia).

c) phụ-âm đầu từ là K,L,H

c- Trường-hợp c và q: Ta phân biệt

Phụ- âm đầu từ	V í-dụ
c	Câu Canh con Cự Cả Cư, cố công cặm-cụi, căn-cơ cần-cù
q	Quan quyền quý-quyết quen quanh-quéo, quật quân quan, quá-quất, quả quý-quan!

Có người cho rằng viết "ca, co, cu" được tại sao không viết "coa, cươ hay cuay" mà lại viết là "qua, quơ, quay" cho nhiều-khê phức-tạp? Có hai vấn-đề được đặt ra:

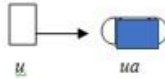
- **Vấn-đề 1:** Tại sao lại c hay q?
- **Vấn-đề 2:** Q hay Qu? Khi ráp vần nên coi phụ-âm đầu từ là phụ-âm đơn với mẫu-tự q hay phụ-âm ghép bởi hai mẫu-tự q và u? Nếu là phụ-âm ghép qu thì phải đọc phát-âm như thế nào?

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Có hai nhận-xét:

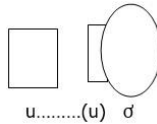
Nhận-xét 1: Những tiếng trên đây khi viết c khi viết q vì âm-vận phát ra khác nhau:

So sánh "cua" với "quơ" chẳng hạn. Âm-vận của từ "cua" hợp nhanh hai âm u và a, hơi âm phát ra nhẹ-nhàng, sau khi môi chúm lại với âm u thì liền mở giãn ra hai bên một chút. Sự ghép âm này xảy ra rất nhanh không có dừng nghỉ tại âm u để tạo thành mẫu-âm ghép ua:



Những tiếng như "mùa lúa, chua-chát, tua-tũa, của-cải" đều có âm-vận loại này.

Trái lại âm-vận của từ "quơ" hợp chậm hai âm u và ơ, hơi âm phát ra mạnh-mẽ, phân-biệt rõ-rệt giữa u với ơ, nhấn mạnh ở ơ, sau khi chúm môi lại với âm u, kéo dài âm u một



chút rồi mở rộng tròn theo chiều dọc đứng, dừng lại và không dẫn ra hai bên, để cho âm ơ như được tách rời:

“Thuở lâm-hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca?
(Chinh-Phụ Ngâm)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Vần *uơ* như vậy phát âm mạnh, rõ, chậm hơn vần *ua* lướt nhanh và nhẹ. Âm *u* chỉ làm đà bẩy hơi lên cho mạnh ra khi phát ra âm *ơ*. Tóm lại với âm ghép *ua*, âm *u* là chủ-yếu, với âm ghép *uơ*, âm *ơ* là chủ-yếu, âm *u* chỉ là phụ-lực đưa-đẩy.

Cho nên với phụ-âm đầu từ *c* phát ra âm "cờ" nhẹ-nhàng, nếu đem ghép vào với mẫu-âm *uơ* thì từ *cuơ* không ký-âm chính-xác bằng từ *quơ* vốn đọc mạnh hơn nhiều, vì lẽ với phụ-âm đầu từ *q* phát ra âm *cu* đã mạnh kéo dài thêm khi hợp với *uơ* cũng mạnh khiến cho từ đọc lên nghe ra mạnh-mẽ, rần-rỏi và khắc-khổ. Phân-tách cách phát âm của *quơ*, như đã minh-họa và giải-thích, ta có thể ráp vần *cu-u-ơ*, ba âm này đều được phân-biệt rõ-ràng, đều nhấn ở *Ku (qu)* và ở *ơ*.

Cũng vậy, khi viết "ăn qua-loa cho đỡ đói" thì trong từ "loa" khởi từ âm *o* miệng há tròn rồi biến-dạng rộng ra âm *a*, để cho hai âm tương-tự *o* và *a* lướt nhanh thành mẫu-âm ghép *oa*, trong khi đó tiếng "qua" khởi từ âm *u* miệng chúm môi dừng lại rồi đổi hẳn sang *a*, hai âm khác hẳn nhau, để cho môi phải cử-động tối-đa dẫn sang hai bên.

Ta đọc từ "loa" miệng vẫn còn vị-thể mở tròn; ta đọc từ "qua" miệng chuyển sang vị-thể khép dẹp, lại ghép với phụ-âm đầu từ *q* phát âm là *ku*: *cu-u-a qua* thì rõ ràng "qua" đã ký-âm khá chính-xác âm-vận rần-rỏi của từ hơn là "coa" với phụ-âm "cờ" nhẹ, ngắn, nghe ra có âm-vận nhẹ-nhàng không đúng. Khi đọc "cua" hay "coa", hơi âm không phát hết ra ngoài. Khi đọc "qua", âm phát hết ra ngoài, dẫn mạnh và vận-dụng tối-đa môi miệng hàm.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Khi nói "loay-hoay" và "quay-quắt", hai tiếng sau đọc lên nghe mạnh hơn hai tiếng đầu vì âm "oay" vẫn nhẹ hơn âm "uay". Đọc âm "oay", miệng thoát mở tròn rồi mới mở rộng sang hai bên. Trái lại đọc từ uay, miệng thoát chúm lại rồi mở ra hai bên, do đó đẩy hết hơi âm đi ra mạnh hơn, thêm vào đó âm u được chúm môi lâu hơn vì có phụ-âm q đầu từ phát-âm là cu chứ không tự bật ra tiếng như âm cờ của mẫu-tự c hay k. Ta viết "đi qua đi lại" là thế.

Nhận-xét 2: Chính vì vậy nên khi tách âm, rõ là qu hợp riêng ra một âm.

Có ý-kiến tuy cũng lấy qu làm phụ-âm đầu từ để ráp vần nhưng chủ-trương "không nên đánh vần cu-u mà chỉ cần nhắc các em chúm môi lại rồi phát-âm k (cờ)" (*Sách Em Học Việt-Ngữ 1, Nguyễn-thị Tuyết-Long & Trần -anh-Linh, Trung-Tâm Việt-Ngữ Hồng-Bàng, California, USA, 1989, tr.3*)

Như vậy, theo đó phải chăng phụ-âm ghép này vẫn phát-âm là cu với âm "cờ" mạnh? Thực ra qu phát ra âm "ku" mạnh - như đã phân-tích ở trên - không hẳn chỉ do ở "cờ" mà là ở u, làm sao để cho âm u phát ra được mạnh, giữ lâu hơn một chút so với khi đọc từ cu thông-thường: đem phân-tích kỹ ra chừng như đọc là cu-u (phiên-âm ku:).

Bảng dưới đây ghi thêm một vài quan-niệm khác để đối-chiếu. Trong 2 câu thơ Kiều sau đây:

“Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên,
Phỉ nguyện bói phượng, đẹp duyên cưỡi rồng.”
(Truyện Kiều)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Trong bảng 5 dưới đây, chúng tôi lấy những tiếng có vần uyên làm ví-dụ:

Bảng 5

Ví- dụ	mẫu- tự	chỉ danh mẫu tự	phụ-âm đầu từ	phát âm	ráp vần cấu-tạo từ
1	t, h	tê, hát	th	thờ	thờ-uyên, huyền thuyên
	n, g	en-nờ, dê dưới	ng	ngờ	ngờ-uyên huyền nguyên
	d	dê trên	d	dờ	dờ-uyên duyên
2	q, u	cu, u	qu	ku	ku-uyên quyen
3	q	cu	q	cu	cu-uyên quyen
4	q, u	cu, u	qu	quờ	quờ-uyên quyen

Chúng tôi chủ-trương qu và phát-âm là quờ như ví-dụ 4 vì hai lẽ:

Thứ nhất: với phụ-âm qu mà phát-âm là ku như trong ví-dụ 2 thì không những khó phân-biệt với cách gọi tên mẫu-tự q cũng đọc là cu - tuy nhẹ hơn ku - mà còn không diễn-tả chính-xác lắm âm xoắn của từ so với cách phát âm ở ví-dụ 3 và 4:

Nhưng nếu phát âm theo ví-dụ 3 với phụ-âm đơn q, tuy ký-âm chính-xác song lại có tính-cách cá-biệt vì vấp phải trường-hợp các tiếng phát âm giống nhau nhưng mang những mẫu-âm khác nhau. Ví-dụ:

Bảng 6

Phụ-âm đầu từ khác q (không khởi-phát bằng âm của "cờ")			Phụ-âm đầu từ bằng q (khởi-phát bằng âm của "cờ")		
ví- dụ	tách-vần	mẫu-âm	ví- dụ	tách-vần	mẫu-âm
Hoảng	Hỡ-oảng	oang	Quang	cu-uang	uang
Loanh	Lờ-oanh	oanh	Quanh	cu-uanh	uanh
Xoắn	Xờ-oắn	oắn	Quần	cu-uần	uần

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Khi chính tả "loanh-quanh", học viên không thể vì thấy cùng phát-âm là oanh như tiếng "loanh" mà ráp vần là ku-oanh quanh, trừ phi phải ghi nhận một biệt-lệ rằng: tất cả các âm ku đầu từ đều phải ghép với mẫu-âm bắt đầu bằng u, sau q luôn-luôn phải là u.

Vậy tại sao không hợp lại thành phụ-âm ghép qu đọc là quờ như ở ví-dụ 4 mà sự ký-âm vẫn chính-xác: quờ-anh quanh.

Thứ hai: Như đã biết, mỗi từ được ký-âm do sự hợp hai âm lại làm một.

Khi nói: "được mùa hoa quả" thì rõ-ràng là "mùa và quả" phát âm khác nhau tuy mẫu-âm viết giống nhau nếu theo cách phát âm ở ví-dụ 3:

quả: u-a ua, q-ua (cu-ua) qua hỏi quả

Rõ-ràng ký âm như vậy không chính-xác vì hợp u với a thành mẫu-âm ua ghép với phụ-âm đơn q.

Ngay nếu theo cách phát âm ở ví-dụ 2, phát âm là ku với âm kờ mạnh: u-a ua, qu-a (ku-a) qua hỏi quả, thì như vừa trình-bày ở trên, âm không hẳn chỉ nhấn ở k mà còn ở u, nếu phân-tách thành cu-u-a mới ký-âm đúng được, âm u giữ lâu hơn một chút như vậy đã tách-biệt qu với a.

Và cũng không vì đọc là quả mà viết là "hua quả" với lý-do phát-âm của "quả" có mẫu-âm là ua nên phải viết là "hua". Khi quan-niệm mẫu-âm của "quả" là a (quờ-a qua hỏi quả), tất-nhiên vì phụ-âm đầu từ của "hoa" không phải là q nên mẫu-âm phải là o-a: oa, hờ-oa hoa như bảng trên đối-chiếu.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Như vậy cách phát âm là quờ vẫn áp-dụng chung cho mọi trường-hợp, không phân-biệt trường-hợp riêng nói trên. Quờ-a qua hỏi quả không thể lẫn với mờ-ua huyền mùa, và quờ (qu) không thể lẫn với cu (q).

d- Trường-hợp những phụ-âm phát-âm là giờ (g và gi)

Bảng 7

Phụ-âm	phát-âm	ghép với các mẫu-âm bắt đầu bằng	ví-dụ
g	giờ	i	a) Cái gì? b) Cái giếng. Cá giếc. Tháng giêng, giết heo Gìn vàng (giữ ngọc)
gi	giờ	mọi mẫu-âm khác không bắt đầu bằng	c) - Giữ ngọc, gian-giảo - Giữ tục ăn giỗ, bà già mua cả giỏ giò - giống-giả mãi mà chả thấy giặt-giũ, còn nói giấm-gia-giấm-giã, rò đồ khí gió, ối giờ! ối là giờ!

Ở bảng 2 và 7, mỗi cách phát-âm đều có trường-hợp khác nhau, tức là có ngoại lệ: cùng đọc là gờ song nếu ghép với e và i thì đổi thành gh (bảng 2), nếu phát ra tiếng gió nghịch với phát-âm của mẫu-tự d đọc cong lưỡi thì g lại đổi thành gi khi ghép với mọi mẫu-âm (ví-dụ c bảng 7) trừ ra khi ghép với i đứng một mình (ví-dụ a bảng 7) hay ghép với các mẫu-âm vốn đã bắt đầu sẵn bằng i rồi (ví-dụ b, bảng 7). Nếu đặt gi là "phụ-âm giờ" thì khi viết "cái gì? cái giếng" ta sẽ ráp vần ra sao? không thể ráp là:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

- giờ (gi) - i(?) huyền gì (thiếu 1 chữ i)
- giờ (gi) - ếng sắc giếng (không ký-âm đúng)

Như vậy, đúng ra, luật ngữ-pháp phải phát-biểu:

"g" phát-âm là gờ, ngoại trừ khi ghép với các mẫu-âm bắt đầu bằng e, ê, i, y (mẫu-âm khép) thì đổi thành gh và phát-âm là giờ nếu ghép với các mẫu-âm bắt đầu bằng i (gi, giếng) do đó gi đọc là giờ khi ghép với các "mẫu-âm mở" như a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư.

Cứ cho là như vậy đi, song cũng vấp phải trường-hợp sau đây: Như người miền Bắc quen nói câu sau này: "suốt ngày cứ ngồi "dệt" một chỗ, nhưng lại không phát-âm cong lưỡi chữ d, mà phát ra tiếng gió như z; nếu nghe như z thì có thể viết là "giệt" được không? Dĩ-nhiên không, vì mẫu-âm của "giệt" là iết - mẫu-âm đã bắt đầu sẵn bằng i như trong từ "giết" chẳng hạn, hay trong từ phiên-âm tiếng La-tinh: vườn Giet-si-ma-ni trong Thánh-Kinh -. Nếu viết là gệt lại càng không được vì phải viết là ghệt với phụ-âm đầu từ phát-âm là gờ, phiên-âm tiếng Pháp la guêtre là miếng da che ống chân. Nếu viết là diệt thì nghĩa lại là tiêu-hủy và dĩ-nhiên không phải là cách đọc "không cong lưỡi" của câu "ngồi dệt một chỗ" với "dệt" phát-âm như có tiếng gió z; hơn nữa "dệt" lại lẫn sang ý-nghĩa ngồi dệt vải tại một chỗ.

Hoặc có người nói giặt-già. Ta nói giặt-giũ áo quần, công-việc giặt-già nói chung. Rõ-ràng già với giã cùng một cách viết chỉ khác dấu mà đọc khác nhau. Khi nói "giặt-già" thì mẫu-âm của già là **ia**: giờ-ia nặng già. Khi nói: "bà già" thì mẫu-âm của già là **a**: giờ-a huyền già. Vì thế chính-tả mới phải sửa giặt-già là giặt-dịa để phân-biệt.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nhưng như vậy thì không ký-âm chính-xác lắm vì thông-thường khi phát-âm giệt-dĩa, dĩa không cong lưỡi, nên mới viết là **giết-gĩa** Nhất là theo cách ghép từ bằng một tiếng đệm, tiếng đệm với chức-năng tạo âm-hưởng và nhịp điệu, thường bắt đầu cùng một phụ-âm đầu từ với tiếng đơn đứng trước, như: sẵn-sàng, sáng-sủa, giảm-giã giảm-giễn, vội-vã, vội-vàng, làm-lụng, tức-tưởi, dí-dỏm, hóm-hình, hỏi-han, muộn-màng, non-nớt, ngoan-ngoãn v.v...(sẽ đề-cập ở mục dưới: II-1 phối-trí thanh và nhịp điệu). Xin mở dấu ngoặc: gian-dối, không phải dối là tiếng đệm mà là kết-hợp giữa hai tiếng gian-giảo và dối-trá, cũng như gia-giảm là kết-hợp gia-tăng với giảm bớt.

Vậy tóm-tắt lại là:

gi phát-âm là giờ, với biệt-lệ: nếu mẫu-âm ghép vào bắt đầu bằng I thì vì trùng với I của phụ-âm đầu từ gi nên đơn giản bớt một I. Ví-dụ, cái gì = giờ-ì = g(i) ì thành gì; giờ iếng = g(i) iếng = giếng

Thật là phức-tạp với những biệt-lệ nhiều-khê. Để giản-tiện chừng nào hay chừng ấy, có nên chằng thay gi bằng z phát-âm là giờ để ghép với mọi mẫu-âm? Bảng trên sẽ đổi thành:

phụ-âm	phát-âm	ghép với các mẫu-âm bắt đầu bằng:	ví-dụ
z	giờ	a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư i, y, e, ê (mọi mẫu-âm)	cái zì? cái ziếng zan-zảo, v.v...

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cách giản-tiện này vấp phải hai vấn-đề:

- du-nhập thêm mẫu-tự
- lỗi viết thấy có gì hơi chướng-chướng

Về điểm thứ nhất, thiết-nghĩ không vì du-nhập thêm một mẫu-tự mà bảng chữ cái trở nên rườm-rà. Và chẳng đây là mẫu-tự quốc-tế đã phổ-quát trong đa-số các sinh-ngữ hiện-đại.

Về điểm thứ hai, quả là có chướng mắt vì lỗi viết đã thành tập-quán. Thay đổi quán-tính tất-nhiên không tránh khỏi dị-kỳ. Nhưng nếu sự dị-kỳ ban đầu một khi đã trở thành tập-quán thì sẽ không còn dị-kỳ nữa. Hơn nữa, ngôn-ngữ là một thực-thể sống-động phát-triển không ngừng để tiến tới hoàn-mỹ. Chữ viết của Nhật theo đà tiến-hóa, mỗi ngày mỗi cải-cách, từ chữ viết Kanji hiện vẫn còn sử-dụng cho các danh-từ và động-từ nay đã có thêm hai cách viết mới: lỗi viết Hiragana và Katana. Ngay chữ quốc-ngữ hiện-hành cũng đã có bao nhiêu thay đổi so với lúc mới ra đời. Dấu sao đó cũng chỉ là thiếu-kiến của người viết mà thôi.

Đến đây, ta tự hỏi, tại sao không thay ph bằng f như ông Hồ Chí-Minh đã từng viết và như gần đây có người vẫn hô-hào trên mạng đưa ra một loạt cải-cách sẽ được đề-cập? Ngữ-học Anh Pháp đã phân biệt hai phụ-âm này: **ph** phát âm khác với **f**. Trong tiếng Pháp, Anh có từ **physionomie**, **physiognomy** cả hai đều xuất từ tiếng La-Hy **physiognomia**, cũng như trong Kinh Thánh, tiếng Latinh có từ **Pharisæus**, tiếng Hy-Lạp là **Pharisaios** (Φαρισαῖος) chỉ người **Pharisêu** giả hình ("Dico enim vobis, quia nisi abundaverit justitia

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*vestra plus quam Scribarum, et **Pharisæorum**, non intrabitis in regnum cælorum, Mat. 5, 20. Vậy, Thầy bảo cho anh em biết, nếu anh em không ăn ở công-chính hơn các kinh sư và người **Pha-ri-sêu**, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời”).* Hầu hết các từ tiếng Anh với các chữ ghép âm như ph bắt nguồn từ chữ Hy Lạp; **ph** là phiên âm chuẩn của chữ cái Hy Lạp **φ** (phi). Lý do là, trong tiếng Hy Lạp cổ đại, các chữ **φ** được phát âm là **[pʰ]**, trái ngược với **n (π)**, phát âm rõ là [p]. Đó là, **φ** được bật ra hơi và khác hẳn **n** như trong các từ pie, apple. Sự bật hơi này khác nào *như có một hơi thở liền sau khi phát ra tiếng*, cho nên trong bảng chữ cái theo mẫu tự latin có thêm chữ h để chỉ phụ-âm ghép **ph** này là **phụ âm có thanh của hơi**. (*Most English words with the digraph ph come from Greek words; ph is 257 the standard transliteration of the Greek letter φ (phi). The reason for this is that, in Ancient Greek, the letter φ was pronounced [pʰ], as opposed to π (pi), pronounced [p]. That is, the φ was aspirated and π was unaspirated, the difference between the p's in pie and apple. Since aspiration is like putting a breath after the sound, the best way to accommodate it in the Roman alphabet is to add an h*). Ngữ-học Anh gọi đó là **phụ âm cọ xát** (fricative consonant), khi hơi thở đi qua một khẩu-độ hẹp tạo ra maxát âm thanh, như **f, v, th** (of speech sounds produced by the passage of breath through a narrow aperture with resultant audible friction, as f, v, th). Ngữ-học Pháp cũng gọi những phụ-âm thuộc môi và răng này là phụ-âm có thanh đục, cọ xát (*fricative labio-dentale sourde et voisée*). Phát âm phân biệt pharmacy với father, physionomie với figure tuy cùng có một thanh “phờ” của f, là vì với ph thì có thêm hơi từ họng thoát ra.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Quả như chúng tôi đã phân-tích ở bên trên về **cách phát âm các phụ-âm**. Có điều ngữ-học Anh dựa theo tính-chất của hơi âm, gọi đây là **phụ-âm cọ xát** (*fricative*), chúng tôi gọi **h** là phụ-âm hở, hay **phụ-âm họng** dựa theo vị-trí xuất phát của hơi âm **h** mà giải thích rằng:

* khi phát âm **v**: răng trên bật khỏi phía trong môi dưới

* khi phát âm **ph**: cùng điểm phát âm của v, nhưng răng trên khẽ chạm bờ trong môi dưới để **chừa ra một kẽ hở nhỏ cho hơi thở đẩy ra thoát qua được, tạo ra hơi âm cọ xát ngân dài** giống như tiếng ngáy của người ngủ say mà vẫn để hở môi.

Và chẳng, thiết-nghĩ sự du-nhập thêm một mẫu-tự mới, xét ra chỉ cần-thiết khi ta không có được cách nào khác nữa để cho sự ghép từ được đơn-giản thuận-lý hơn. Ở đây các chữ cái **p, h** đã có sẵn và **âm "phờ" không có một áp-dụng biệt-lệ nào như âm "giờ" trên đây, nhưng chung cho 258 bất cứ mọi mẫu-âm**. Trong ba tiếng *gì, gia, giêng* sự phát âm ghép từ có khác nhau trong khi "*phì-phà phiến-phức*" đều chung một quy-luật: *ph* đọc là phờ cho dù ghép với mẫu-âm nào đi chẳng nữa. Vậy, cần chi phải thay **ph** bằng **f** cho nhiều-khê mà lại không ký-âm được đúng theo ngữ-học?

Thật vậy, đành rằng ngôn-ngữ luôn luôn tiến-hóa. Nhưng không hẳn là ta có thể tùy tiện cải-cách chữ viết theo ý riêng của mình. Những năm gần đây, có người đã viết trên mạng lưới toàn cầu theo kiểu mới lạ-lùng, dụng ý muốn cải-tân chữ viết tiếng Việt, gọi là để "đơn giản hoá" và để "**cho có mỹ thuật**", nên đã chủ-trương rằng:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* *thứ nhất*, ta chưa hề có chữ quốc-ngữ, chữ viết hiện hành là chữ La-tinh lai.

* *thứ hai*: vì thế nên cải-cách mà cho rằng không có sự phân-biệt K với C, ngh với ng, ph với f, gi với z, chỉ cần viết d và bỏ đ, v.v...và viết dấu ngã thay vì dấu hỏi dựa theo cách phát âm của thổ-âm địa-phương mình. Như vậy cũng lại là dùng mẫu-tự Latinh mà thôi. Cách viết này đã gây những phản-ứng khó chịu nơi đa số độc-giả vì đọc rất khổ công. May thay, cũng chẳng ai theo mặc dù tác-giả vẫn một mực bảo-lưu quan-điểm. Xin dẫn một trích-đoạn nguyên văn:

"Mời quý vị thăm **kông** viên Quốc **za** (vườn bách **thảo**) ở Cape Town Nam **Fi**, những **kon** đường ngoằn ngoèo qua rừng –**không fải zười đất** mà **được** xây **kao** 12 mét trên không – **zài** 427 bộ - **zúp** cho **kẽ zu**-lịch quan sát rừng kây như chim muông & **khĩ, thõa** măn bằng thích..." Ông viết: **ngiêm ngị** thay vì nghiêm-nghị, ông nêu lý lẽ và viết rằng: "chữ h **ở** đây không cần thiết, **bõ** đi thì không **fải** gõ thêm một lần nữa, mà âm thoại vẫn không thay **đổi**" 259 Ông viết: "**qăn qít**" thay vì quăn quít". Ông nêu lý lẽ và viết rằng: "chữ u **ở** đây không cần thiết. Theo thói quen từ trước đến nay, hể xài chữ q là chữ u lẻo **đẻo** theo sau như cái đuôi. Nếu lấy chữ u **di**, cách phát âm cũng thế thôi mà phải gõ thêm một lần nữa." Cũng một lý lẽ trên, ông chủ trương viết "**gen gét**" thay vì "ghen gét", ông bảo: "cứ lấy chữ h ra thì phát âm cũng **júra** thôi, không thay **đổi**", v.v... Rồi ông ngang nhiên kết luận: "Những cách viết nguyên **thũy đều** có thể thay **đổi**, miễn sao chúng ta **zuy** trì cách phát âm như nguyên **thũy**" và "vì lý **zo** trên, tôi **chĩ** áp dụng cách viết của "**Hàn Lâm Việן Matthew Trần**" mà thôi vì nó

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

...thực tế, và **zăn zị** và **dúng nhất!!!** Nếu người lớn hay trẻ nít áp **zụng** cách **dánh** vần Việt ngữ theo "**Hàn Lâm Viện Matthew Trần**" thì thời **zan** tập **dánh** vần hay tập viết, sẽ được rút ngắn đi một **nửa**. **Khoẽ** reee!" Mà ông cũng không biết đọc tiếng La-tinh khi ông viết "cũng **jừa** thôi", vì **j** tiếng Latinh đọc như **y/i** chứ không phải **r**, như: **ejus** đọc là **ê-yus**; **Jesus** đọc là **Yê-giút-x**; nên có bản viết **justitia** (công-chính) là **iustitia** theo cách đọc.

Có điều cần lưu ý là **văn viết khác với văn nói**. Cần phân biệt **phương-ngữ thổ-âm** với **quốc-ngữ văn-tự** là chữ viết áp dụng trên toàn lãnh-thổ quốc-gia. Vì môi-trường địa lý, phong-thổ, tập-quán, vì giao-thông hội-nhập còn khép kín, vì cấu-trúc của hàm miệng, răng lưỡi cơ-thể mà mỗi vùng có giọng nói, tiếng nói khác nhau. Nhưng không vì vậy mà bắt phải chỉnh sửa văn viết để cho chữ viết phải phù-hợp với giọng nói, tiếng nói của mỗi địa-phương. Cho nên nước nào cũng có môn học chính-tả theo quốc-ngữ của mình. Ngày xưa đi học phải viết **ám-tả**, là viết theo người khác đọc, không nhìn vào sách, sau này gọi là viết **chính-tả**. Môn này được gọi là orthographe (orthography) thay cho dictée (dictation). Orthography/orthographe xuất từ tiếng La-Hy: orthographia = ortho + graphein với tiền ngữ ortho có nghĩa là chính-thống, được định-nghĩa là nghệ-thuật viết các chữ đúng theo tiêu-chuẩn thông-thường đang sử-dụng (*the art of writing words with the proper letters according to standard usage*). Học trò dù ở địa-phương nào cũng phải học viết cho đúng chuẩn-ngữ của chữ viết phổ-cập, áp-dụng chung cho toàn lãnh-thổ quốc-gia, đó là **ngôn-ngữ thống-nhất và duy nhất của quốc-gia**, là chữ quốc-ngữ vậy. (*xin xem thêm phần III- Sự Biến-Dạng Âm Và Thanh Giữa Các*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Miền, đoạn 1 & 2 bên dưới) Nếu cứ viết hoài như thế, thì như mưa dầm thấm đất, liệu giới trẻ, nhất là các em nhỏ bắt đầu học chữ, có nhiễm thói quen này không? May thay! Chẳng mấy ai đồng tình, nhưng dấu sao cũng đặt ra trách-nhiệm của nhà làm văn-hóa trong việc giữ-gìn sự trong sáng của tiếng Việt vậy. Về điểm này, chúng tôi đã phân-tích theo ngữ-học và trình bày lập luận của mình ở bên trên.

Còn về điều bảo rằng ta không có quốc-ngữ: chúng tôi thiếu-nghĩ khi nói “quốc-ngữ” nên hiểu là “văn-tự quốc-gia”, là thứ chữ viết hiện đang được dùng trên toàn lãnh-thổ quốc-gia ai nấy đều thừa-nhận là chữ viết riêng của người Việt, chứ không nên hiểu là thứ “quốc-tự” do tổ-tiên sáng lập rồi bảo rằng ta không có quốc-ngữ; lại nữa nói rằng Latinh lai, thì về phương-diện ngữ-học, ghép từ “lai” vào e rằng không trang-trọng nghiêm-chỉnh khiến cụm từ này thành như thứ tiếng lóng nghe có vẻ hài-hước. Lại nữa, ông bảo rằng: linh mục Alexandre de Rhodes “đã phát-minh ra chữ quốc-ngữ” là không đúng. Như chúng tôi đã trình bày (*xin xem mục cước-chú 2 trong bài viết: "Vinh Danh Trương Vĩnh Ký, Một Nhà Văn-Hoá Lớn, Một Nhà Bác-Ngữ-Học Lỗi-Lạc (<http://doquangvinhvenguan.com/>)*), công-trình sáng-tác chữ quốc- ngữ không phải là do Alexandre de Rhodes, người Pháp, như xưa nay người ta đã sai lầm gán cho ông, trái lại đây là một công-trình tập-thể mà người có công đầu đóng góp là một thanh-niên người Việt tên thánh là Phêrô, thông-thạo Hán- Văn, đã giúp cho đoàn giáo-sĩ người Tây Ban Nha và Bồ Đào-Nha, trong đó linh-mục Pina là người chính yếu. Họ đã dùng mẫu-tự và cách phát âm của cổ-ngữ Latinh để phiên âm tiếng nói Việt Nam ra thứ chữ viết được gọi là chữ quốc-ngữ hiện-hành, vì thứ chữ này sau một thời gian bị chống đối bởi các nhà nho thủ-cựu và bởi chính người Pháp,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

nó đã trở thành phổ-cập, mặc-nhiên cưỡng-bách và chính-thức sử-dụng trong các cơ-quan công quyền. **Đó là sự chuyển âm văn nói thành văn viết Việt-ngữ.** Học-giả Roland Jacques đã viết: "Theo chính lời xác-nhận của *chính linh-mục Pina, ngay từ năm 1622, ông đã hoàn-thành việc xây-dựng một hệ-thống chuyển mẫu-tự La-tinh cho thích-hợp với lối phát âm và thanh-điệu tiếng Việt Nam.* Ông đã làm được một tuyển-tập và bắt đầu viết một bản văn-phạm. Kết-qua đó, linh-mục Pina đã đạt được một cách vất-vả, với sự trợ giúp của một số ít học-sinh Việt Nam quy-tụ chung quanh ông...*Năm 1624, Pina mở trường dạy tiếng Việt cho những người ngoại-quốc đầu tiên trong đó có hai học-trò rất cự- phách: linh-mục người Bồ-Đào-Nha António de Fontes, và linh-mục Alexandre de Rhodes.*" Roland Jacques là linh-mục giáo-sư thần-học tại đại chủng viện Ottawa, một học-giả viết và nói tiếng Việt rất sành-sỏi, có nhiều biên-khảo công-phu về văn-hoá Việt, tham chiếu từ các thư-khố Âu-Châu và Vatican đăng trên tạp-chí Định Hướng Paris. Đến đây chúng tôi nhớ đã đọc ở đâu đó, tác-giả Mark Twain khi bàn về sự cải-cách các văn chính-tả Anh-ngữ đã đưa ra ví-dụ thật khôi-hài. Nếu cứ thay đổi tùy-tiện theo thói quen, thì mỗi năm mỗi đổi, năm đầu C thành K hay S, rồi CH. Các năm sau thì W rồi Y, I, rồi CH, SH, và X thay cho TH...,riết rồi RESPECTIVELY sẽ thành RISPEKTIVLI và cuối cùng 20 năm sau, người ta sẽ có một đoạn văn viết biến-cải như sau:

"Fainali, xen, aafte sam 20 iers ov orxograefkl riform wi wud hev a logikl, kohirnt spelling in ius xrewawt xe Ingliyspiking werld."

Đoạn văn này thay thế cho cách viết hiện-hành:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Finally, then, after some 20 years of orthographical reform we would have a logical, coherent spelling in use through the English-speaking world."

Quả đúng là khôi-hài! Sự cải-cách chữ viết cho gọn-gàng thống-nhất dĩ-nhiên là cần-thiết theo đà tiến-hóa của dân tộc, nhưng phải cho hợp-lý. *Nếu chỉ nhằm vào việc giản-dị hoá tiện-lợi cho nhu-cầu của tập-quán địa-phương mà không chú-trọng vào tính-cách ký-âm cho trung-thực thì chữ viết mất đi tính-chất đặc-thù của ngôn-ngữ, nhất là đối với chữ quốc-ngữ vốn là một ký-âm-pháp tuyệt-diệu rất khoa-học, thuận-lý có khả-năng ghi lại một cách chính-xác, đầy-đủ, trọn vẹn, linh-động và tinh-tế tiếng nói Việt-Nam, thứ tiếng hay nhất của nhân-loại, phong-phú, sống động, dồi-dào âm-sắc, hết sức uyển-chuyển vì phải vận-dụng tối-đa lưỡi, răng, môi và xoang miệng cũng như các dây thanh-quản.* Dầu sao đây chỉ là những thiển-kiến cá-nhân của người viết, không ngoài ước-vọng giữ-gìn và làm đẹp cho Tiếng Mẹ.

Cước-chú: (1) Collier's Encyclopedia, Crowell-Collier Edition

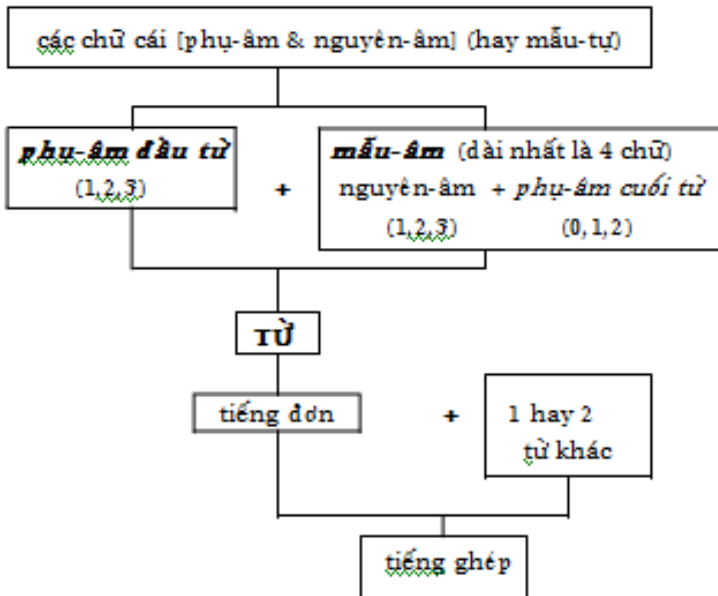
2- Các loại mẫu-âm

Nếu phụ-âm ghép vào cuối mẫu-âm chính gốc, ta sẽ được một mẫu-âm biến-dạng. Gọi là chính gốc vì các mẫu-âm này gồm các nguyên-âm tự nó đã thành mẫu-âm rồi. Nếu mẫu-âm chính gốc này được ghép vào một vài phụ-âm cuối thì phát-âm sẽ biến-thể nên gọi là mẫu-âm biến-dạng. Phụ-âm ghép cuối chỉ có hai mẫu-tự là tối-đa, trong khi phụ-âm đầu từ chỉ có 3 là nhiều nhất.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Mẫu-âm chính gốc có thể là một nguyên-âm gọi là mẫu-âm đơn, có thể do hai hay ba nguyên-âm hợp lại gọi là mẫu-âm ghép 2 hay mẫu-âm ghép 3. Các mẫu-âm chính gốc thông-thường là a, o, u, e, i, y, gọi là mẫu-âm đơn thông-thường vì chung cho cả các sinh-ngữ hiện-đại có cùng một cấu-trúc la-ngữ. Riêng tiếng Việt có thêm các mẫu-âm đặc-biệt khác là ă, â, ô, ơ, ê, ư. Các mẫu-âm này ghi lại rất tinh-tế những cách phát-âm khác nhau của tiếng Việt khá tỉ-mỉ, chẳng hạn an đọc khác hăn ăn và âm, on đọc khác ôn hay ơn, ăt và ăt, ăc khác nhau.

Sơ-đồ cách cấu-tạo từ và mẫu-âm



Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Bảng dưới đây phân loại và tập-hợp tất cả các mẫu-âm:

* Để thấy rõ sự biến-thể do cách ghép âm, các mẫu-âm biến-dạng được trình-bày theo hàng ngang liên-hệ với âm chính gốc

* Các mẫu-âm này xếp dọc không theo thứ-tự trong bảng chữ cái, nhưng xếp theo cách phát-âm.

* Các mẫu-âm a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư tạm gọi là những mẫu-âm mở vì khi phát-âm miệng mở rộng hơn so với những mẫu-âm khép e, ê, i, y khi đọc miệng và hàm khép sang hai bên; hơn nữa khi khởi-sự phát ra âm cờ, gờ, ngờ thì các "mẫu-âm mở" chỉ ghép đơn giản với các phụ-âm c, g, ng trong khi đối với các "mẫu-âm khép", phức-tạp hơn, phải ghép với những phụ-âm k, gh, ngh.

* Có những mẫu-âm ghép:

- nguyên-dạng của nó không có từ nào như thế, hoặc cho dù ghép thêm phụ-âm đầu từ vào, thì cũng không tạo được từ-ngữ,

- nhưng dùng ghép với một nguyên-âm khác hay ghép với phụ-âm cuối sẽ biến-dạng thành mẫu-âm mới (như ơ ghép với l thành lơ, cả hai đều vô-nghĩa, song nếu ghép với phụ-âm cuối n hay nguyên-âm i, ta sẽ có âm biến-dạng ơn, ơi trong các tiếng ơn-hèn, đười-ơi, thườn-thợt).

Các mẫu-âm không đọc này viết trong dấu ngoặc.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

* Các mẫu-âm ghép với phụ-âm đầu từ **qu** được để chung một cột với các âm tương-tự ghép với **phụ-âm đầu từ khác q** cho tiện đối-chiếu.

Mẫu-âm chính gốc Mẫu-âm đơn Mẫu-âm ghép				Mẫu-âm biến dạng (ghép thêm phụ-âm cuối)		
Âm đơn thông thường	Âm đơn đặc biệt	Âm ghép 2	Âm ghép 3	Ghép 1 phụ-âm	Ghép 2 phụ-âm	Ví dụ
a				ac am an ap at ai ao au ay	ach anh ang	bạc ác, lách cách tạm tạm, làm nhàm tan-tành, gian manh tạp-nhập tan nát, sát phạt lang-bang, tang-tàng lai-rai ào-ào, thao-thao cầu-nhàu cầu-nhàu mây-may, may thay!
	ă			ăc ăm ăn ăp ăt	ăng	răng-rắc, lằng-nhằng đăm-đăm, bằm-lằm ăn-năn lấp-bấp, im tằm-tấp lặt-vặt, lắt-nhắt
	â	âu ây		âm ân âp ât âc	âng	lâm-râm, chằm-chặm châu-chấu, âu-sâu mây-mấy, lấy-bấy tần-ngần tằn-ngằn lâng-lâng lập-cập, tấp-nập cao chắt ngất lắc-cắc
o				oc om on		tò-mò học đọc om-sòm lon-ton

Tiếng Việt Tuyền-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

u		oa oi (oo)	oai	op ot	ong	lóp-ngóp chót vót lóng-ngóng
				oac oam <i>(uam)</i> oan	oong oach	đoá hoa thoái mái con thoi xoong chào khoác-lác, hoạch-địch nhòm-nhoàm <i>(không có từ)</i> ngoan-ngoãn
	(oăc)		oay oao	oat oăăm oăăn oăăt	oang oanh	bỏ hoang ráo hoảnh khoảng khoát khoăăm-khoăăm hoạ-hoảnh nhọn hoắt con hoẩng hoặc là, mở ngoặc loay-hoay oào!
				oăc	oăng	tủ-mủ lúc-nhúc um-sùm bủn-rủn, úp chụp hun-hút lủng-củng
	ua qua			uc um un úp ut	ung	tua-tủa hoa quả quác quác, cho quách quan quách quang-quác loanh quanh quất tháo kỳ-quặc, quắc mắt lông quặm đầu quăn, tóc quăn quá quắt co quắp
				quac	quach	
				quan	quang quanh	
				quat quăc quăăm quăăn quăt quăp		

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

		<p>ươ</p> <p>ươ ươ quai quay quau</p> <p>(uâ)</p>	<p>uây</p> <p>quây</p>	<p>ươn</p> <p>uân</p> <p>uâng</p> <p>quâng</p> <p>quân</p> <p>uât</p> <p>quật</p>	<p>quảng</p> <p>quảng gánh</p> <p>thườ ấ trườn bò, hườn (hoàn)thuốc quở trách quở (quỷ) chức quái lạ! qua qua quay lại quạu cọ</p> <p>ngu xuẩn bâng khuâng nguyên-nguấy thâm quầng quây quần uất hận quần quật</p>
		<p>oe</p> <p>que</p> <p>uê</p> <p>quê quêu</p> <p>uô</p>	<p>oeo queo</p> <p>uôi</p>	<p>oen</p> <p>quen</p> <p>oet quet</p> <p>quên quết</p> <p>uôm uôn</p> <p>uôt uộc quốc</p>	<p><i>(oeng)</i></p> <p>đỏ hoe, hoen ố <i>(không có từ)</i> que củi, vun quén ngoằn ngoèo nằm chèo queo đỏ loét, mắt toét quét nhà hoa huệ đuểnh-đoảng quểnh-quáng quê mùa, bỏ quên quết trâu quều-quào nguech-ngoạc <i>(không có từ)</i> đá cuội, tuổi tác ao chuôm, cuôm cuồn-cuộn buông-tuông tuồn-tuột cước đất, uống thuốc tổ quốc</p>
		<p>ui</p> <p>uy quy</p>	<p>uyu uya</p>		<p>lúi-húi, túi-bụi say tuỷ-luỷ quỵ-lụy khúc-khuỷu</p>

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

			(uyê)	uyn uyt uyên quyên uyêt	uynh quynh uych	đêm khuya-khoắt màn tuyn, huynh đệ luýnh-quýnh xe buýt, huyết sáo nói huých toét ra nói huyên-thuyên quyên-luýễn
	ô			ôc ôm ôn ôp ôt	ông	thuyết phục, quý quyệt, xảo quyệt xổ số chạy hộc-tốc ôm đồm, đau ốm ôn-tôn, tông-ngông mưa rơi lộp-độp hốt cốt, sệt-soạt
	ơ	ôi		ơm ơn ơp ơt		hôi thổi lờ-mờ, lơ-mơ đơm cơm thờ-bơn nhơ-nhớp thơn-thốt, phơn-phốt
	ư	ơ ư ư (ư) ư	ư ư ư	ưc ưm ưn ưt ưc ưm ưn ưp ưt	ưng ưng	tơi-bời cứ tử tử, chớ bực tức hùm! phủn-phụt, ứng hồng, tưng-bùng bút-rút xa xưa, hứa bừa khung cử, gửi thư được nước rướm-rướm nước mắt lươn-lẹo nướm-nướp khóc sườn-mướt con đười-ươi nói hươu nói vượn mường-tượng ư tư, ư ái
e				ec	eng	mẹ bé che dù eng-éc, mềng đéc ơi!

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

		eo		em en ep et		lem-nhem, kềm-nhèm len-lén, rón-rén bép-xép, lép-bép ken-két, lệt-đệt lèo-tèo, bèo-nhèo
i	ê	êu	iêu	(êc) êm ên êp êt im ip, in, it quyt iêc iêm iên iêp iêt	êch ênh (êng) ich inh iêng	lê-thê, ê-chê, đê-mê lếch-thếch, mắt xếch êm-đêm, thêm nếm đẹp đên, kên-kên lênh-đênh, tênh-hênh nền-nếp nết-na, hết Tết anh em mừng (minh) cao lâu-ngâu, sêu tết im lìm, tìm chim tịch-mịch, lịch-kịch kịp xin ít đình ăn quýt, quà quýt lia-chia, tía-lia, lia-lĩa đều-hiêu, gió hiu-hiêu tiêu-điều, bêu riêu tiếc thay! tiêm-nhiễm phiên-phiển, tiên-tiến thiêm-thiếp, khi êp sợ biên-biệt, da-diết thiêng-liêng
y		(yê)		yêm yên yêt yêu		bà Tý kỳ dị âu-yếm, yếm-trợ yên-ổn, yển tiệc niêm-yết yêng (<i>anh</i>)- hùng yếu-điểm, yêu-kiêu

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Về hai âm ă, â, các âm đơn đặc-biệt này tự nó đứng một mình không tạo nên vần, phải cần tới các phụ-âm cuối mới tạo nên vần.

Khi đọc là á cho ă và ớ cho â, thực ra chỉ là cách gọi tên, về ngữ-học đó không phải là cách phát-âm, vì âm hay ăm mà đọc là ớ-mờ ơm hay á-mờ ăm thì không ký-âm đúng.








Các dấu ◡ trên chữ ă và dấu ^ trên chữ â hay dấu râu > của chữ ơ chỉ là những dấu chữ (ký-hiệu) ghi nhận một cách đọc khác, tạo ra một nguyên-âm khác chứ không phải là những dấu giọng diễn-tả cung bậc âm-sắc như năm dấu: sắc, ngã, hỏi, nặng, huyền.

*Các ký-hiệu này có tính-cách **tượng-hình**.*

Từ a tới ă, dấu hiệu ◡ hình-dung cách cử-động miệng thay vì mở to như a thì - theo hình-tượng của dấu - xoang miệng xẹp xuống, hai hàm răng gần sát nhau để cho miệng kéo rộng sang hai bên mép, âm của ă trở thành "a mạnh", khép ngắn và sắc hơn; như vậy khi ghép với "n cuối" chẳng hạn thì đương-nhiên phát đúng ra âm ă.

Từ a tới â, dấu ^ hình dung cử-động miệng đang từ a mở to, bồng thu vào giữa để cho âm a trở thành "ơ mạnh" phàtra nghe khép ngắn và sắc hơn vì như hình tượng của dấu hiệu ^, xoang miệng co vào, mở lên theo hình bầu-dục thẳng đứng và cao hơn so với xoang miệng của ơ.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

chữ	xoang miệng	giải-thích
o		mở tròn
a		mở tròn theo hình chữ nhật rộng
ă		xẹp xuống theo hình chữ nhật hẹp
â		co lại theo hình bầu dục đứng
ơ		xẹp xuống mở theo hình bầu dục ngang
ô		so với xoang miệng co hơn, hình bầu-dục đứng cao hơn
ư		hai hàm răng khép lại gần như cắn hàm răng, khe hở khoảng răng cửa, đẩy mạnh hơi từ trong họng ra

Phân-tích các âm trong tiếng Việt như trên, chúng tôi muốn ghi nhận thêm một nét đặc-thù sau đây trong cách phát âm của ngôn-ngữ Việt, ngoài tính-chất đọc sao viết vậy như đã đề-cập ở phần đầu.

Đó là sự tinh-xác của âm-vận, và chính do sự tinh-xác này mà tiếng Việt có rất nhiều âm-vận so với tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc ngay cả với tiếng La-tinh. Rất tinh-tế và chính-xác, người Việt khi nói đã vận-dụng tối-đa môi miệng lưỡi, hàm và răng.

Ví-dụ đoạn văn sau đây:

Chúng **toa** rập với nhau **toan** tính **quàng** dây vào cổ hăn rồi **xoăn** lại cho tắt thở. Bất ngờ có tiếng **oang-oang** từ **ngoài** hành-lang vọng vào. Chúng **hoảng** sợ **quảng** sợ dây

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

rồi **chuyên** tay nhau leo qua cửa sổ **chuôn** ra ngõ sau. **Luống-cuống**, chúng **tuột** tay té **xuống** đất chết **tươi**. Người ta **quần** cho mỗi xác một manh chiếu rách rồi **khuân** xác chúng đi, không một may mắn **bâng-khuâng** tiếc-**nuôi**.

Cũng là bắt đầu bằng chún môi rồi mở rộng miệng ra, song cử động của sự uốn miệng chỉ điều-chỉnh lệch đi mỗi chút là lại có thêm mỗi âm khác, hết như trên phím đàn dây, ngón tay lúc ấn, lúc vuốt, nhẹ nhẹ lướt đưa xê dịch, cung đàn bỗng thành đổi giọng ngay.

Những âm "**oa, oai, oan, oang, quang, quăng, uyển, uồn, uông, uôi**" trên đây là một chuỗi biến-thiên của cử động môi miệng, quả-thực, khó thấy có ở các sinh-ngữ hiện-đại. Mỗi âm-vận chỉ xê-xích khác nhau một chút, nhưng âm nào rõ ra âm nấy, phân-biệt với nhau, ráp thành từ, mỗi tiếng mỗi khác ghĩa.

Ngày xưa sách giáo-khoa tập đánh vần cho lớp đồng-ấu đã sắp xếp các vần cùng một loại theo cách biến-thiên như trên. Về phương-diện phát âm, xét ra cũng có lợi-điểm là tập cho người học làm quen và phân-biệt được các âm tương-tự khả-dĩ đọc lên và chính-tả cho thật chính-xác.

II. Sự phối-trí âm, thanh và nhịp điệu

1- Phối trí thanh và nhịp điệu

Ta đã biết các thanh lên xuống tự-nhiên do mỗi từ có mỗi thanh riêng, cho nên tự bản-thân, tiếng Việt đã có nhạc rồi. Nếu sắp-xếp sao cho các thanh lên xuống thích-hợp với ý văn thì câu văn có nét nhạc riêng-biệt, phụ-lực với lời văn để

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

lột hết tình ý, tư-tưởng gói ghém trong ngôn-ngữ. Đây là cách phối-trí thanh và nhịp điệu.

Như đã nói, sự phối-trí đòi-hỏi phải lựa tiếng chọn từ, hoặc bỏ bớt, hoặc thêm vào, hoặc thay bằng từ khả-xúc hơn. Trở lại những ví-dụ đã kể ra ở bên trên: tả cây thông chẳng hạn. Sơ-khởi, một đoạn văn viết như sau:

"Mỗi người trong chúng ta ai cũng đã có lần lên trên một đồi thông hoặc dạo chơi bên bờ suối, có hàng thông cao, nghe tiếng thông reo vi-vu."

Câu văn kể ra cũng đã có nhạc trầm bổng, song không réo-rất vì có nhiều dấu nhạc thừa, hay thiếu, vì không có nhịp điệu tức là chưa ngắt nhịp thích-hợp, do câu văn còn rườm-rà lủng-củng. Như vậy phải gia-giảm hay thay tiếng đổi từ.

" Ta đã từng nghe tiếng thông reo trên ngọn đồi quang- đại.

Ta đã từng nghe tiếng thông reo bên dòng nước thanh- hương"

(Nguyễn Tất-Thứ)

Câu văn rõ là hai câu nhạc đối-xúng. Câu trên dứt bằng nốt trầm nặng gieo, bởi thêm vào từ "quang-đại". Câu dưới lập lại dáng đi của câu trên, rồi đang từ nốt thật trầm (giọng) vút đi lên (nước) và dứt bằng hai tiếng phù-bình-thanh (thanh-hương) với âm-hưởng ngân dài. Trong mỗi câu, nhạc vừa lên cao chợt đổ xuống thấp rồi lại vút lên cao và đang dần trải chơi-với chợt lại gieo xuống. Cái dáng bổng trầm, trầm bổng, lửng-lơ cứ thế mà đổi thay tiếp-diễn. Hai từ "ta

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

đã" đọc nhanh ở giọng cao bắt liền xuống tiếng "tùng" ở dưới thấp, dẫn giọng vào phách, rồi bắt liền ngay sang nhịp khác nhấn mạnh ở từ "tiếng", dứt phách nhẹ êm ở từ "thông". Phách tiếp mở ngay vào bằng giọng mạnh của âm "reo" lơ-lửng kéo liền hai tiếng "trên ngọn" lướt nhanh rồi rơi mạnh xuống giọng trầm của tiếng "đồi", dứt phách nhẹ bằng giọng hắt lên của tiếng "quang", để rồi kết-thúc câu văn bằng phách cuối với nốt nhạc lắng xuống thật trầm của từ "đại".

Thanh và nhịp tùy theo tình ý mà đổi thay:

Cũng có lúc mưa dồn sóng vỗ,
Quyết ra tay buồm lái với cuồng-phong.
Chí những toan xẻ núi lấp sông,
Làm nên đấng anh-hùng đâu đấy tỏ.
Đường mây rộng thênh-thênh cử bộ,
Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo."
(Nguyễn Công-Trứ)

Trong bài thơ trên, bốn câu đầu, âm-thanh nhịp điệu rõ ra cái giọng khắc-khổ nói lên cuộc chiến-đấu cam-go khi đối-diện với những thách-đố lớn-lao khắc-nghiệt. Chính là do sự tận-dụng trắc-thanh liên-tiếp (cũng có lúc, sóng vỗ, quyết, lái, chí những, xẻ núi) lẫn với những tiếng trầm-bình xen kẽ như thác nước đang từ trên cao chọt nghe đổ xuống vực thẳm, rồi dội vút lên cao trở lại

Chính là do sự lựa chọn các tiếng có âm-vận phức-tạp khó đọc như: quyết, buồm, cuồng, toan, hoặc những phụ-âm

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

răng và môi như: "chí, xè" phát ra tiếng gió qua kẽ của hai hàm răng cắn lại nghe như tiếng gió rít, thể-hiện thái-độ đanh-thép cứng-rắn, quyết-liệt. Chính là do hơi vẫn được ngắt nhịp mau hay lâu, nhẹ hay mạnh ở những tiếng thích hợp theo dáng đi trầm bổng vừa minh-họa.

Đến hai câu cuối thì nhịp vẫn đi ung-dung thông thả ra cái dáng nhàn-tản thanh-thơi của người đã phủ tay xong phận-sự, tự-do hưởng thú thanh-nhàn. Tiếng điệp-thanh "thên-thên" cũng như hai từ "trang trắng" cùng có một âm-vận "ênh" hay "ang" khiến cho âm-hưởng dàn trải, nhịp vẫn bước đi khoan-thai chậm lại, sau cùng dứt câu bằng hai tiếng "tay reo" toàn là phù-bình-thanh lơ-lửng với âm "eo" ngân dài.

Chính giọng nhạc này lúc vội-vã, nhát gừng, khắc-khổ như vật lộn, lẩn-lóc (4 câu đầu) khi hiền-hòa khoan-thai (2 câu chót) điềm-đạm như khinh-thể ngạo vật cho ta hình-dung ra hai dáng-dấp: một dáng-dấp vội-vàng, vất-vả, một dáng-dấp từ-tổn thanh-nhàn.

Trong một bài khác, Nguyễn Công-Trứ có câu tương-tự:

Đố kỵ xá chi con Tạo!

Nợ tang bằng quyết trả cho xong"

Thật hết như hơi vẫn bốn câu đầu bài trên. Song, nếu đem đối-chiếu câu:

Nợ tang bằng quyết trả cho xong"

với câu:

"Nợ tang bằng trang trắng vỗ tay reo."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

thì rõ khác nhau một trời một vực. Cũng là nợ tang-bồng đây, song ở trên là "quyết trả cho xong", ở dưới là "trang trắng vỗ tay reo"; "quyết trả" âm-vận vừa khó đọc lại vừa răn-rỏi với hai dấu sắc, hỏi; "trang trắng" dễ đọc mà êm-ái nhẹ-nhàng. Đến như "cho xong" thì hơi gió của các phụ-âm "ch" và "x" rít lên nghe thấy ớn lạnh sắc bén, quyết-liệt dứt-khoát, khác hẳn với "vỗ tay reo" có phụ-âm t và r đẩy-đưa, rung đầu lưỡi, rộn-ràng, ròn-rã, toát ra niềm vui.

Câu văn có nhịp điệu thì hơi văn lướt đi tự-do thanh-thoát, không bị hụt hơi, dứt quãng. Cho nên thường có những từ đệm thêm hợp lại thành tiếng ghép. Những tiếng đệm này có khi là thổ-ngữ đồng-nghĩa thuộc một địa-phương khác làm cho hơi văn đi không bị khựng lại. Khi nói: dọn-dẹp đường-sá, bận rộn bếp-núc, nghỉ-ngơi cho thư-giãn tinh-thần, không nên đánh-đập tàn-nhẫn nghe không cụt-ngùn như khi nói: dọn-dẹp đường, bận rộn bếp, nghỉ cho thư-giãn, không nên đánh tàn-nhẫn.

Đây chính là một nét đặc-thù trong khả-năng sáng-tạo từ-ngữ như đã nói ở đoạn 4. Khả-năng này lợi-dụng tính nhạc, phối-trí thanh và nhịp điệu. Chính những tiếng đệm đồng nghĩa ấy khoác thêm cho từ một nghĩa tổng-quát hơn là tiếng đơn nguyên-thủy, vì bếp-núc, đường-sá... không phải chỉ danh cái bếp, con đường mà chỉ chung công-việc, quang-cảnh, tất cả những gì liên-quan đến bếp hay nói chung về phương-tiện giao-thông trên bộ.

Cũng có khi những tiếng đệm này tự nó thực vô-nghĩa song với âm và dấu của nó khiến cho tiếng ghép điều-chỉnh được giọng trầm bổng và kéo dài thêm dư-âm cho hơi văn không bị gián-đoạn "châng-hẫng". Hòn đá rơi xuống đất không nảy

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

lên, tiếng rơi nặng-nề cộc-lốc. Quả bóng va vào tường còn dội bật ra, tiếng động còn âm-hưởng. "Ngoan-ngoãn, muộn-màng, nói-nặng, hỏi-han, dữ-dẫn, nhọc-nhẫn, vội-vàng, làm-lụng, sẵn-sàng, sớm-sủa v.v...", những từ đệm đứng sau trong mỗi tiếng ghép trên đây chính là tạo ra âm-hưởng cho lời, khiến lời thành nhịp-nhàng, êm-ái.

Chính những tiếng đệm này tạo thêm từ mới. Có lẽ phiên âm từ tiếng Anh "bad" nghĩa là xấu, tồi-tệ, chúng ta quen nói "bết" lắm, rồi dần-dà trong câu dài để cho có âm-hưởng, một từ đệm được thêm vào thành "bết-bát". Cũng là "quanh" để chỉ danh một phạm-vi gần đâu đây, không xa lắm, gần hơn thì "quanh-quẩn", xa hơn thì "quanh-quất" như ta quen nói: "tối ngày quanh-quẩn xó nhà", hoặc như khi Vương Quan giới thiệu về chàng Kim trong truyện Kiều:

"Nguyên người quanh-quất đâu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm-anh"

Nếu "quanh" có ý nghĩa là đường uốn khúc, lượn vòng, để chỉ lời nói không vào đề, ta bảo người ấy nói "quanh-co vòng-vo", ấy cũng là thói quen của kẻ "giấu quanh" như Thúc-Sinh giấu vợ việc "chút nghĩa đèo bồng" với Thúy Kiều, để cho Hoạn-Thư vợ chàng phải nghiến răng chau mày:

"Lại còn bưng bí giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười."

Để chỉ lời nói không ngay thẳng, ta nói người ấy "quanh-quéo". Những tiếng "quẩn, quất, quéo" tự nó vô-nghĩa song chêm vào cho lời không cụt-ngủn, điệu không hụt hơi.

Ở đây cũng nên mở thêm dấu ngoặc: Hai tiếng loanh-quanh, luẩn-quẩn kết-hợp thành từ quanh-quẩn, do đó được tách ra

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

thành hai từ quanh và quần đồng-nghĩa, như khi Kiều khuyên Vương Ông bình-tâm xét lại sau vụ "liều mình, ông rắp gieo đầu tường vôi:

"Cũng đừng tính quần lo quanh
Tan nhà là một, thiệt mình là hai."

Thêm một ví-dụ, tùy theo âm-điệu của câu, muốn cho êm tai nhịp-nhàng, ta nói: "hay-ho gì mà cứ lái-nhái hoài!".

Tú-Xương tự trào cái tài "văn dốt vũ dát" của mình như sau trong bài làm câu đối Tết:

"Nhập thể cục bất khả vô văn tự,
Chẳng hay ho cũng nghĩ một vài bài.
Hưởng chi mình đã đỗ tú-tài,
Ngày Tết đến cũng phải một vài câu đối."

(có bản chép: "Chẳng hay-ho cũng húng-hăng lấy một bài." Có lẽ vừa để tránh trùng-điệp và vừa để đặc-vị đi với "hay-ho" qua phép bõn chữ).

Nếu nói "chẳng hay" không thôi:

"Chẳng hay cũng húng-hăng lấy một bài"
thì hơi văn đi khập-khiểng khác nào như đang đi bồng hục chân gập phải hổ, làm giảm mức độ truyền-cảm vì thiếu nhịp điệu. Muốn có nhịp-nhàng ta phải thêm vào một liên-từ làm đệm cho hơi văn chuyển từ nhịp một đẫy sang nhịp hai được suông-sẻ.

"Chẳng hay / thì cũng húng-hăng / lấy một bài."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nhưng nếu là "hay-ho" thì hơi văn đàn trải thanh-thoát hơn. Và chẳng "hay-ho" vẫn mang một ý-nghĩa khác hơn là "hay". "Hay-ho" vẫn đượm cái vẻ trào-phúng dí-dỏm, "hay-ho" vẫn kém hay hơn là "hay".

"Chẳng hay-ho / cũng húng-hắng / lấy một bài"

Không phải chỉ trong khi viết văn làm thơ, người ta mới gọt giũa, chọn lời đổi tiếng như thế, mà trong ngôn-ngữ bình-thường, người ta cũng tự-nhiên tìm cách sao cho lời được truyền-cảm dễ nghe.

Nếu nói "bày bừa cho nhà rác" hay "dọn sạch rác" không thôi, thì câu nói cụt-ngủn, không có âm-điệu, ta nói: "bày bừa cho rác nhà" hay "dọn-dẹp nhà-cửa cho sạch rác-rưởi", nghe vẫn êm tai hơn. Rồi khi gặp trường-hợp có rác ở ngoài cổng rãnh dơ bẩn hơn, người ta nói "rác-rến" để phân-biệt với rác trong nhà ngoài sân. Đổi tiếng "nhà" xuống sau, hay thêm những tiếng "rưởi, rến" đệm sau tiếng "rác", ấy là kỹ-thuật phổ nhạc cho lời, là cách sáng-tạo cho ngôn-ngữ được phát-triển không ngừng.

Kỹ-thuật này được tận-dụng dễ-dàng là nhờ cấu-trúc và âm-sắc của từ như đã đề-cập khi biện-minh trong các đoạn trước, rằng: tiếng Việt phong-phú giàu từ, giàu tứ và duyên-dáng du-dương vì chứa sẵn nhạc-tính trong lời. Kỹ-thuật này không do công-thức nào nhất-định mà do óc sáng-tạo, do cảm-hứng nó đã thấm sâu từ trong nguồn-cội chủng tộc mà bản sắc vốn phóng-khoáng tự-do, ưa phiêu-lưu giang-hồ lãng-tử, ưa:

"Gươm giàng nửa gánh, non sông một chèo"
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

2- Sự phối-trí thanh và âm

a-Hệ-thống thanh trong tiếng Việt

Cố giáo-sư Dương-Quảng-Hàm trong "Việt-Nam Văn-Học Sử-Yếu" liệt kê các loại thanh trong biểu sau này:

loại thanh	tên các thanh	dấu chỉ thanh	chưa thêm
Bằng	<u>phù-bình-thanh</u> <u>trầm-thường-thanh</u>	không có dấu huyền (ˊ)	
Trắc	<u>phù-thường-thanh</u>	ngã (~)	
	<u>trầm-thường-thanh</u>	hỏi (?)	
	<u>phù-khử-thanh</u>	sắc (´)	
	<u>trầm-khử-thanh</u>	nặng (ˋ)	
	<u>phù-nhập-thanh</u> <u>trầm-nhập-thanh</u>	sắc (´) nặng (ˋ)	riêng cho các từ đang sau có các <u>phụ-âm</u> , ch, p, t

Cách chỉ-danh phân-biệt trên dựa theo tứ-thanh của Trung-Hoa.

Bình là bằng phẳng, đều-đều, bình-thường; trắc là nghiêng lệch.

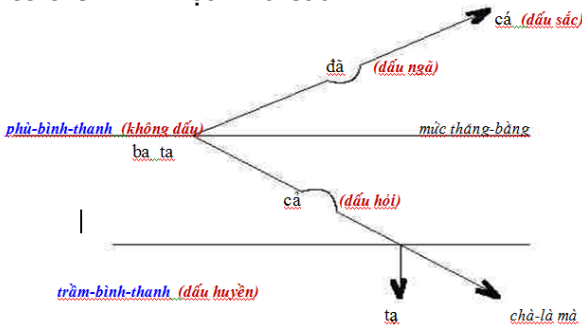
Âm thanh đang ở mức bình-thường (bình-thanh) chột bổng lên cao hay đổ xuống thấp hơn (trắc-thanh). Mức bình-thường ấy ví như hoặc nổi lên lơ-lửng trên mặt nước phẳng-lặng (phù-bình-thanh) hoặc chìm trong lòng mặt nước (trầm-bình-thanh).

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

So với mặt nổi có những thanh đi lên như dầu ngã, dầu sắc; so với mặt chìm có những thanh muốn đi lên như dầu hỏi hay rút đọng xuống sâu như dầu nặng.

Đó là lý-do phân-biệt phù với trầm-bình-thanh và bình-thanh với các trắc-thanh.

Trong thực-tế, các thanh trong tiếng Việt là những nốt nhạc trầm bổng có thể minh-họa như sau:



Biểu-đồ thang âm tiếng Việt

Với âm a không có dấu (BA, TA), thanh phát ra như nổi trên mặt nước phẳng-lặng, âm à có dấu huyền (CHÀ-LÀ□MÀ) thanh phát ra chìm trong lòng mặt nước phẳng êm. Các thanh ngã, sắc, hỏi, nặng đều là trắc, đi nghiêng lên hoặc xuống. Với dấu ngã (Đã), thanh không lên cao tự-nhiên hẳn như dầu sắc (CÁ), trái lại bị gậy giữa chừng làm như còn kẹt đọng trong hốc mũi. Với dấu hỏi (CẢ), thanh ở dưới mức thăng-bằng của mặt nước, đi xuống nghe đục và thay vì theo đà, chìm sâu xuống như dầu huyền (MÀ) thì nửa chừng dừng lại như muốn đi lên. Với dấu nặng (Tạ) thanh chìm sâu, rơi nặng xuống, không có âm-hưởng ngân dài như dầu

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

huyền, làm như kẹt đọng trong cổ họng. Những thanh ngã, sắc ở trên mức thẳng-bằng, tiếng nghe trong, hoặc trong đục như thanh "ngã", hoặc trong sáng như thanh "sắc". Những thanh chìm dưới mức thẳng-bằng thì hoặc trầm đục như dấu hỏi, trầm đọng như dấu nặng, hoặc trầm-trầm như dấu huyền, còn âm-hưởng ngân vang.

Ở đây chúng tôi có hai nhận-xét:

Thứ nhất, về sự phân-biệt phù, trầm, nhập, khứ, khi ta nói "nắn-nót, mặn chặ" tất cả đều là trắc: hoặc dấu sắc hoặc dấu nặng. Cùng mang dấu nặng như "mặn chặ", cùng mang dấu sắc như "nắn-nót", mỗi thứ tuy có hơi khác nhau đấy song không phải tại bản-chất của thanh phân-biệt thành hai loại thanh khác nhau, mà thanh chỉ biến-độ do phụ-âm cuối từ bắt cử-động lưỡi và hàm miệng phải khác nhau. Thực ra bản-chất của thanh vẫn là những thanh "trong, chìm" do dấu sắc đi lên và dấu nặng rơi chìm sâu trong cổ họng. Với sự biến-độ này các âm mang dấu sắc hay nặng tận cùng bằng c, ch, p, t có thanh phát ra bị cụt, không có âm-hưởng so với các âm mang dấu "sắc, nặng" khác: cụt như "nót, chặ", còn âm-hưởng như "nắn, mặn", song tất cả đều cùng hoặc lên cao (dấu sắc) hoặc lắng xuống cổ họng (dấu nặng).

Thứ hai về cách viết dấu:

* Những dấu hỏi, ngã tượng hình rất đúng giọng của âm phát ra (coi mô-hình). Cứ theo hình-tượng của dấu mà nắn giọng, thanh sẽ phát ra chính-xác. Chúng tôi đã áp-dụng cách này để hướng-dẫn cho học-viên nước ngoài, vừa giải-thích vừa minh-họa dáng đi của dấu, họ đã theo đó mà

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

uốn giọng và phát-thanh được khá chính-xác, không khó-khăn lắm, các tiếng có dấu hỏi và ngã này.

* Về dấu sắc, cách chỉ-danh đã dịch theo Pháp-ngữ accent aigu, diễn-tả cường-độ của thanh, điều này rất chính-xác. Nhưng về cách viết, nếu phải bắt đầu từ phía trên bên phải phẩy xuống phía trái bên dưới thì lại không mô-tả được giai-điều của thanh vốn từ mức bình thanh hất lên cao để cho âm-hưởng còn tiếp-tục đi lên. Kinh-nghiệm thực-tế khi giảng-dạy cho hay, khi diễn-tả cho học-viên theo dáng đi như vậy, học-viên đã phát-thanh đúng và dễ-dàng. Nếu viết từ trên xuống như thói quen xưa nay thì thấy không phù-hợp theo âm-giai nhạc-điều. Do đó, chúng tôi trộm nghĩ khi viết dấu sắc ta có nên bắt đầu từ dưới hất lên cao ngược lại với thói quen thông-thường hay không? Đây cũng là thắc-mắc mà học viên ngoại-quốc học tiếng Việt đã đặt ra cho chúng tôi. Thiển-nghĩ viết như vậy không những vừa tượng-hình được giai-điều của thanh-âm hưởng thượng mà vẫn minh-họa được cường-độ sắc nhọn và âm-hưởng của thanh.

b- Phôi-trí âm và thanh cho có vần.

b1- Nếu như lựa tiếng sao cho âm và thanh tương-hợp thì khi đọc lên nghe thấy êm tai, ta gọi là lời văn có vần. **Hai tiếng vần với nhau khi chúng có âm phát ra tương-tự và có cùng thanh**, hoặc cùng bình-thanh, hoặc cùng trắc-thanh, không phân-biệt phù, trầm.

Trong thơ, nhất là thơ cũ, hợp vần là điều cốt-yếu. Vần gieo khít-khạo với nhau, ấy là thông-vận. Về trắc-thanh, nếu nhập-thanh hiệp nhau được, vần gieo càng đặc-pháp (ví-dụ: ác, bạc, tách, bạch, nấp, tấp, hát, mặt, tấp, đập...)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu,
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp, ai sầu hơn ai?

Những tiếng "thấy", "mấy", cùng phát ra một âm "ây" và cùng gieo trắc-thanh. Những tiếng "dâu, màu, sầu" có âm "âu" và âm "au" tương-tự, cùng gieo bình-thanh. Tất cả từng cặp một như thế gọi là "vần với nhau".

Vần ở cuối câu gọi là cước-vận tức là gieo ở chân câu (cước là chân). Vần gieo ở lưng-chùng câu gọi là yêu-vận (yêu = lưng). Chính sự phối-trí âm thanh nhịp điệu là yếu-tố cơ bản của thơ. Tùy theo vị-trí của vần, câu thơ ngắt nhịp, hòa-âm, đọc lên nghe nhịp-nhàng, êm-ái du-dương.

Tùy theo cách gieo vần và câu dài, ngắn, thơ có nhiều thể khác nhau, nhiều lối khác nhau. Có thơ vần và thơ xuôi. Thơ vần có thơ cổ và thơ mới.

Về thơ cổ, ngoài lối cổ-phong có dáng-dấp như lối văn Kinh-Thi, và thể thơ Đường-luật, áp-dụng luật thơ Hán-Văn đời Đường bên Trung-Quốc, phải nói đến thể thơ thuần-túy Việt-Nam là lục-bát và song thất lục bát, rất được dùng trong ca-dao Việt-Nam.

Người viết không lạm-bàn sang địa-hạt văn-học-sử và nghệ-thuật viết văn để trình bày về các thể thơ và cách làm thơ, chỉ đan-cử một vài thể thơ thông-thường, gọi là vẽ ra một khuôn dáng nhạc-điệu trong thơ. Chính khuôn dáng này làm cho thơ nói riêng, ngôn-ngữ Việt nói chung có nhạc-tính, có âm-nhạc sống động. Không luận riêng về thi-luật, thi-pháp,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

chỉ muốn qua thi-luật tìm ra tính nhạc của ngôn-ngữ Việt. Cho nên, ở đây, xin tóm-tắt thơ Đường thông-dụng trong văn-chương khoa-cử bác-học, và thơ Việt thông dụng trong văn-học dân gian.

b2- Thơ Đường-luật thất ngôn hay ngũ ngôn bát cú là một lối thơ khoa-cử gồm mỗi bài 8 câu (bát cú), mỗi câu bảy tiếng (thất ngôn) hay năm tiếng (ngũ ngôn). Luật thơ có thể tóm-tắt như sau:

b2.1- Luật bố-cục:

Bài thơ bát cú có kết-cấu không khác gì bố-cục của một bài văn nghị-luận hiện nay

<i>bố-cục một bài nghị-luận</i>		<i>bố-cục một bài thơ Đường bát cú</i>
<i>nhập-đề:</i> - nêu lên một chủ-đề - mở ra để dẫn xuống thân bài		<i>2 câu đề:</i> - phá-đề: nêu vấn-đề lên - thừa đề: đưa vấn-đề vào bài
<i>Thân bài</i>	- giải-thích, chứng minh	- <i>2 câu thực (trạng):</i> giải-thích vấn-đề cho thiết-thực rõ-ràng
	- biện-luận, phê-bình	- <i>2 câu luận:</i> bàn luận, diễn ý vấn-đề cho rộng thêm ra
<i>Kết-luận:</i> tóm lại chủ-đề		<i>2 câu kết:</i> tóm-tắt ý-nghĩa cả bài

b2.2- Các luật gieo vần, bằng trắc và luật niêm

Để viết một bài thơ, có thể theo các nguyên-tắc lần-lượt sau đây:

* **Bài thơ vần bằng** thì tiếng cuối câu 1 là bằng và ngược lại. Tiếng cuối câu 1 vần với tiếng cuối các câu chẵn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

và ngược lại về bằng trắc với tiếng cuối các câu lẻ ôm ở giữa (tức là các câu 3, 5, 7); các tiếng này không vần với nhau.

* **Bài thơ luật bằng** thì hai tiếng đầu của câu 1 mở vào là bằng, và ngược lại. Về luật bằng trắc, ta phân-biệt:

Đôi với thơ thất ngôn:

- Trong câu thứ nhất, tiếng thứ 3 luôn luôn trái ngược với tiếng thứ hai.

- Trong mọi câu, các tiếng thứ 2 và thứ 6 giống nhau, tiếng thứ 4 trái ngược lại: $2 = 6 \neq 4$

- Riêng về các tiếng thứ 5: Nếu là bài thơ vần bằng, thì tiếng thứ 5 hai câu đầu đều là trắc, kể đó từ câu 3 trở đi, tiếng thứ 5 của mỗi câu sẽ bằng, trắc luân-phiên thay đổi. Trái lại, nếu là bài thơ vần trắc, thì tiếng thứ 5 hai câu đầu đều là bằng, kể đó kể từ câu 3 trở đi, tiếng thứ 5 của mỗi câu sẽ luân-phiên thay đổi trắc, bằng.

Đôi với thơ ngũ ngôn chỉ có 5 tiếng, vì tiếng thứ 5 là tiếng cuối đã tuân theo luật gieo vần rồi, nên thay vì $2=6 \neq 4$, chỉ còn lại tiếng thứ 2 và 4 trái ngược nhau: $2 \neq 4$.

Nếu là bài thơ vần bằng thì tiếng thứ 3 của hai câu đầu đều là trắc, kể từ câu 3 trở đi, tiếng thứ ba của mỗi câu sẽ bằng, trắc luân-phiên thay đổi. Nếu là bài thơ vần trắc thì ngược lại, tiếng thứ 3 của hai câu đầu đều là bằng, kể từ câu ba trở đi, tiếng thứ 3 của mỗi câu sẽ luân-phiên thay đổi trắc, bằng.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

*** Hai câu khớp với nhau thành một cặp giống nhau về bằng trắc theo luật niêm.**

Niêm là dính với nhau. Có 4 cặp niêm lần-lượt trái ngược nhau từng cặp một: cặp nhất bát (câu 1#câu 8), cặp nhị tam (câu 2#câu 3), cặp tứ ngũ (câu 4 # câu 5), cặp lục thất (câu 6 # câu 7).

Luật niêm không áp-dụng cho tiếng cuối câu (đã tuân theo luật gieo vần) và các tiếng thứ 5 trong bài thất ngôn hoặc tiếng thứ 3 trong bài ngũ ngôn.

*** Luật đối** áp-dụng cho các cặp thực (câu 3, 4) và luận (câu 5, 6)

- Hai câu thực đối nhau, hai câu luận đối nhau.
- Đối chữ và đối ý: đối chữ gồm đối thanh và đối loại (tức tự-loại: danh từ, động từ v.v...). Dĩ-nhiên, đối thanh - do luật niêm bó-buộc - thì câu trên câu dưới bằng trắc khác nhau. Còn đối loại thì trên dưới cùng một tự-loại như nhau. Và đối ý thì ý trên ý dưới tương-ứng cân-xứng với nhau.

b2.3- Bất-luận và khó-độc

Các nguyên-tắc về bằng trắc nói trên tóm-tắt cho tiện lợi, dựa theo luật "nhất, tam, ngũ, bất luận" đối với thơ thất ngôn (các tiếng 1, 3, 5 không cần theo đúng luật) và luật "nhất tam bất luận" đối với thơ ngũ ngôn (các tiếng 1, 3, không cần đúng luật).

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Tuy nhiên, tiếng thứ 3 các câu chẵn và tiếng thứ 5 các câu lẻ trong bài thất ngôn nếu không theo đúng luật, đáng bằng mà đổi là trắc, hay đáng trắc mà đổi là bằng, thì đọc không êm tai gọi là khổ đọc.

Cũng vậy, tiếng thứ nhất của các câu chẵn và tiếng thứ ba của mọi câu trong bài ngũ ngôn, nếu không theo đúng luật mà đáng bằng đổi là trắc, đáng trắc đổi là bằng, bài thơ thành khổ đọc.

Dưới đây là 2 bảng minh-họa hai bài thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng.

Dựa theo các tóm-lược trên, độc giả tuần-tự viết thành các bài vần trắc và các loại cho thể ngũ ngôn.

Minh-họa 1: bài thất ngôn bát cú luật trắc, vần bằng

Câu / ↓ Từ →	1	2	3	4	5	6	7	
1	t	t	b	b	t	t	b	(vần)
2	b	b	t	t	t	b	b	(vần)
3	b	b	t	t	b	b	t	
4	t	t	b	b	t	t	b	(vần)
5	t	t	b	b	b	t	t	
6	b	b	t	t	t	b	b	(vần)
7	b	b	t	t	b	b	t	
8	t	t	b	b	t	t	b	(vần)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Minh-họa 2: bài thất ngôn bát cú luật bằng, vần bằng

Câu / ↓ Từ →	1	2	3	4	5	6	7	
1	b	b	t	t	t	b	b	(vần)
2	t	t	b	b	t	t	b	(vần)
3	t	t	b	b	b	t	t	
4	b	b	t	t	t	b	b	(vần)
5	b	b	t	t	b	b	t	
6	t	t	b	b	t	t	b	(vần)
7	t	t	b	b	b	t	t	
8	b	b	t	t	t	b	b	(vần)

Ví-dụ 1: bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc, vần bằng

TÔN PHU-NHÂN QUI THỰC

(bài xướng)

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tong
 Ngàn thu rặng tiết gái Giang-Đông.
 Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
 Về Hán traу tria mảnh má hồng.
 Sơn phấn thà cam dày gió bụi,
 Đá vàng chi để thẹn non sông?
 Ai về nhả với Châu Công-Cẩn,
 Thà mất lòng anh đặng bụng chồng!
 (Tôn Thọ-Tường)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Ví-dụ 2: Bài thơ thất ngôn bát cú luật bằng, vần bằng.

TÔN PHU-NHÂN QUI THỰC

(bài họa)

Cài trâm sửa áo vẹn câu tòng,
Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.
Khói toả trời Ngô un sắc trắng,
Duyên về đất Thục đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bền trời đất,
Một gánh cương-thường nặng núi sông.
Anh hỡi, Tôn Quyền! anh có biết?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng!

(Phan Văn-Trị)

Bài thơ trên do Tôn-thọ-Tường khởi đầu, gọi là bài xướng. Bài sau Phan-văn-Trị đáp lại gọi là bài họa. Thơ xướng họa là thơ có vần gieo hòa-hợp nhau. Bài họa phải hòa theo vần bài xướng, gieo đúng các tiếng cước-vận trong bài xướng đã đề ra (ví-dụ ở bài trên là: tòng, Đông, hồng, sông, chồng), và ý tưởng có thể tán-đồng hay phản-đối ý của người xướng.

Biến-thể của thơ Đường-luật bát cú là thơ tứ-tuyệt. Luật thơ do cách ngắt bài bát cú ra. Gọi là tứ-tuyệt vì coi như một bài bát cú đứt (tuyệt) ra làm 4 câu. Có hai cách ngắt:

- Nếu ngắt ở giữa bài ta được hai bài tứ tuyệt theo luật bát cú áp-dụng cho những câu:

* 1, 2, 3, 4

* 5, 6, 7, 8

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

- Nếu ngắt ở câu 2 và câu 6, ta được hai bài tứ-tuyệt theo luật bát cú áp-dụng cho những câu:

- * 2 câu đầu và 2 câu cuối
- * 2 câu thực và 2 câu luận

b3- Thơ lục bát

* *Luật bằng trắc:*

- Câu trên 6 tiếng, câu dưới 8 tiếng
- Bỏ các tiếng lẻ không xét đến vì được tự-do gieo bằng trắc, còn lại các tiếng chẵn bắt-buộc theo luật sau đây: các tiếng thứ hai, thứ sáu, và thứ 8 đều là bằng, còn tiếng thứ tư trái ngược lại: (2=6 = 4). Nhưng tiếng thứ 6 và thứ 8 trong câu bát khác nhau về phù-bình-thanh và trầm-bình-thanh. (nếu tiếng 6 không dấu thì tiếng 8 có dấu huyền và ngược lại).

Có hai loại vần, cước-vận (vần ở chân câu) và yêu-vận (vần ở lưng câu):

- Tiếng cuối câu trên vần với tiếng thứ 6 câu dưới.
- Trong câu bát, có thể tiếng thứ 4 vần với tiếng cuối câu trên, khi ấy phải đổi tiếng thứ 2 và 6 ra trắc, và tiếng thứ 4 thành bằng. (ngoại lệ 2 về luật bằng trắc sẽ đề cập ở dưới) . Để giản tiện, chúng tôi tóm tắt:

Bình: hai, sáu, tám; trắc: tư,

Câu dài: sáu, tám trầm phù khác nhau.

Điệu thơ dù chậm hay mau,

Cuối trên sáu dưới vần nhau nhịp-nhàng;

Cuối trên bốn dưới cũng xong,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Sáu, hai phải trắc, bốn sang giọng bằng.

Dựa theo đó, bảng sau đây minh-họa tóm-tắt luật thơ:

Câu ↓ tiếng →	1	2	3	4	5	6	7	8
<u>câu lục</u>		b		t		b* ↔		
<u>câu bát</u>		b		t		b*		b**
<u>câu lục</u>		b		t		b** ↔		
<u>câu bát</u>		b		t		b**		b***
<u>câu lục</u>		b		t		b***		
<u>câu bát</u>		t		b***		t		b

* Ngoại-lê 1: Tiếng thứ 2 câu lục có thể đổi là trắc, khi ấy nhịp thơ ngắt đôi ở giữa câu:

Người nách thướt, kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa, ào ào như sóng"
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

* Ngoại-lê 2: Tiếng thứ 2 câu bát có thể đổi là trắc, khi ấy nhịp thơ ngắt phách ở giữa câu để cho tiếng thứ 4 vần với cước-vận câu lục ở trên, do đó luật bằng trắc áp-dụng cho các tiếng thứ 2, thứ 6, thứ 4 sẽ ngược lại là:

$$\underline{2} = \underline{6} \neq 4$$

$$\underline{t} = \underline{t} \neq b$$

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Đêm nằm gối gấm không êm,
Gối lụa (t) không mềm (b) bằng gối (t) tay em”

b4- Thơ song thất lục bát là loại thơ cú hai câu 7 tiếng lại luân phiên đến hai câu lục bát. Đây là thể thơ lục bát có hai câu 7 tiếng xen cách vào (gián), cho nên còn gọi là lục bát gián-thất; thể này quen dùng cho điệu ngâm nên cũng gọi là thể ngâm. Luật thơ vì vậy gồm 2 phần: luật bằng trắc áp-dụng riêng cho hai câu bảy và còn phần áp-dụng cho lục-bát thì vẫn giữ như thường lệ.

- luật bằng trắc áp-dụng riêng cho hai câu bảy như sau:

* Tiếng thứ 3 và thứ 7 giống nhau, tiếng thứ 5 trái ngược lại. Thực ra nếu đẩy lui hai câu bảy về bên trái một tiếng, thì các tiếng 3, 5, 7 của câu bảy sẽ ứng với các tiếng chẵn 2, 4, 6 của câu lục bát trong thể lục bát. Vậy:

- Vì lục bát chẵn tiếng, nên: $2 = 6 \neq 4$

- Vì câu bảy lẻ tiếng nên: $3 = 7 \neq 5$

* Câu bảy trên trái ngược với câu bảy dưới: câu trước gieo trắc thì câu dưới gieo bằng.

* Câu bảy trên (hay câu bảy trước) bắt đầu ở tiếng thứ 3 là trắc, nhưng có thể đổi là bằng mà các tiếng khác vẫn giữ nguyên luật, không thay đổi.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Luật gieo vần:

- Tiếng cuối câu bảy trên, vần với tiếng 5 câu bảy dưới
- Tiếng cuối câu bảy trên vần với tiếng 5 câu bảy dưới
- Tiếng cuối câu bảy dưới vần với tiếng 5 câu lục
- Tiếng cuối câu lục vần với tiếng 6 câu bát
- Tiếng cuối câu bát vần với tiếng 5 câu bảy thứ nhất hay gọi là câu bảy trên (trước) so với câu bảy dưới là câu bảy thứ hai; tuy nhiên cước-vận câu bát cũng có thể vần với tiếng thứ 3 của câu bảy thứ nhất vì lẽ tiếng này được tự-do đổi trắc thành bằng.

Ví-dụ, đoạn thơ sau đây trích trong "Chinh-Phụ Ngâm-Khúc" nói lên niềm mơ ước của chinh-phụ tưởng-tượng ngày chồng về trong khải-hoàn-ca.

- 1- Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khung cử dạm rầy-ruồng làm cao (b)
- 2- Xin vì chàng (b) xếp bào (b) cởi giáp (t)
Xin vì chàng (b) giữ lớp (t) phong sương (b)
Vì chàng tay chuốc chén vàng (b)
Vì chàng điểm phấn đeo hương nã- nùng (b)
Mở khăn lệ (t) chàng trông (b) từng tấm (t)
Đọc thơ sâu (b) chàng thắm (t) từng câu (b)
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời (b).
- 11- Sẻ rót vơi (b) lần lần (b) từng chén (t)
Sẻ ca dần (b) ren-rén (t) từng thiên, (b)
Liên-ngâm đối-ấm đòi phen (b)
- 14- Cùng chàng (b) lại kết (t) mỗi duyên (b) đến già (b)''

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Bảng dưới đây minh-họa tóm-tắt luật bằng trắc và luật gieo vần của thể lục-bát gián-thất cho cả hai trường-hợp thông-thường và ngoại-lệ (tiếng 3 câu bảy thứ nhất thay vì trắc được đổi là bằng và do đó có thể vần với tiếng cuối câu bát ở trên)

Câu ↓ tiếng →	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu lục		b		t		b*		b
Câu bát		b		t		b*		b**
Câu bảy trên			t (b)		b**		t#	
Câu bảy dưới			b		t#		b*	
Câu lục		b		t		b*		
Câu bát		b		t		b*		b**
Câu bảy trên			t (b)**		b		t#	
Câu bảy dưới			b		t#		b*	
Câu lục		b		t		b*		
Câu bát		b		t		b*		b**

Để giản tiện, chúng tôi tóm tắt như sau:

Bình: hai, sáu, tám; trắc: tư,
 Câu dài: sáu, tám trăm phù khác nhau.
 Điệu thơ dù chậm hay mau,
 Cuối trên sáu dưới vần nhau nhịp-nhàng;
 Cuối trên bốn dưới cũng xong,
 Sáu, hai phải trắc, bốn sang giọng bằng.
 Riêng hai câu bảy xen hang:
 Cuối trên năm dưới vần ràng với nhau,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Tiếng ba giống bảy khác năm,
Câu trên câu dưới ngược nhau trắc bằng,
Tiếng ba câu dưới phải bằng,
Tiếng ba câu trước trắc bằng tự do,
Nên câu bảy trước: tiếng ba
Cùng chân câu bát được cho một vần

Trong đoạn thơ Chinh-Phụ-Ngâm trên đây, luật bằng trắc được áp-dụng ngoại lệ cho câu thơ thứ ba (chàng), và cả hai luật bằng trắc, luật gieo vần được áp dụng ngoại lệ trong câu thơ thứ 11, với tiếng "vời" thay vì trắc lại là bằng và được hiệp vần với tiếng "lời" là tiếng ở chân câu bát bên trên.

Có hai điều đáng lưu ý ở đây là:

Thứ nhất: Thơ lục bát là thể thơ thuần-túy Việt-Nam, tuyệt nhiên không thấy có trong văn-học Trung-Quốc, cho dù Việt-Nam bị nước này đô hộ cả trên ngàn năm. Một lần nữa chúng tỏ cái đẹp tuyệt vời của tiếng nước ta, tuyệt vời không phải chỉ có nét đặc-thù về cơ-cấu nội dung mà còn đặc thù về tính tự-chủ tự-cường của một chủng-tộc không bị Hán-hóa, vẫn giữ mãi được bản sắc của tổ-tiên nguồn cội. Nguồn cội chính là cái bản sắc làm nên "tiếng Việt tuyệt vời.

Đúng thế, thể thơ này làm nên "Kinh Thi" Việt-Nam, trước khi có văn-tự, tổ-tiên đã dùng để ký-thác tình tự. Quần-chúng ngày nay dù cho chưa theo đòi nghiên bút, vẫn có thể tự-nhiên diễn-tả, nếu không đúng y theo lục-bát thì cũng tương-tự cho có vần có điệu. Những bài hát ru em, ca hò ở

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

cả ba miền Trung, Nam, Bắc với những tiếng "ý, a, hò, lơ", với những câu dài ngắn không đúng là sáu tiếng, tám tiếng, thế nhưng vẫn có vần ăn khớp hòa hợp với nhau giữa câu trên câu dưới, cho thấy rõ rằng đây là những sáng-tác tự-nhiên của họ. Họ phát-biểu, vừa hát, vừa suy-nghĩ lựa lời, chọn dấu, tìm âm. Phải tận mắt chứng-kiến, tham-dự những buổi hát trống quân, quan họ, những cuộc đối-đáp giữa chàng trai xa lạ đi trên đường quê với các thôn-nữ cấy lúa cắt rạ dưới ruộng vọng lên tiếng hát riêu cọt trêu gọi, mới thấy cái tuyệt vời của ngôn ngữ Việt, cái óc sáng-tạo và tâm-hồn dạt-dào tình yêu nghệ-thuật của con người Việt-Nam.

Cô gái Huế hò rằng:

"Hò ơ ...Con cá tróc **vi** hiêm **vi** nước **chày**,
Cần câu **gầy** vì bởi bụi hóp **cong**,
Bởi vì anh mượn người mai chước chưa **xong**
Khiến xuôi (xui) nên căn-duyên trắc-trở,
Hò ơ ...xuôi (xui) tằm **lòng** em khó **ngươi**."

Cô gái Bắc tay thoăn-thoắt cấy lúa, miệng đòng-đánh hát vọng lên bờ:

"Cao-ly sắc với ngân-**hoàng**,
Uống không mát dạ bằng thiếp với **chàng** gặt nhau."

Người miền Nam bị bắt đi phu đồn-điền cũng hát:

"Ở làm chi đây mà phú-lít và cò bót cản **ngăn!**
Đi theo ông Lê-Bá-Cử một hai **năm** rồi về."
(ông Lê-Bá-Cử đại-diện các công-ty đồn-điền Pháp đứng ra mộ phu cho các đồn-điền cao-su Nam-Kỳ hay đi Tân Calédonie)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Ta hãy nghe ông Chín Đờn Cò "u-hoài cất giọng:

"Hò ơ.....

Bìm-bịp kêu nước lớn em ơi!

Buôn bán không lời, chèo chống mỗi mê ...ơ ..."

Và bà Năm Trầu, "giọng vui-vẻ riều-cợt, cất giọng hò đối-đáp với người bạn lâu năm:

"Hò ...ơ ...ờ

Bìm-bịp kêu nước lớn anh ơi...ờ

Buôn bán không lời ... ờ ...cứ về ...ờ với em...ơ"

(Hải Bằng, *Gia-Đình Bác Tám*)

Những câu hát, hò trên đây không đúng là 6 tiếng 8 tiếng như quy-định nghe như ứng-khẩu thông-thường, người hát như cố kéo dài để lựa lời tìm được ra một tiếng thích-hợp gieo vần cho khớp nhau. Đó là sáng-tác độc-đáo tự-nhiên của người Việt-Nam.

Thứ hai: như đã nói, nêu lên luật thơ của một vài thể thơ nói trên trong văn-chương bác-học cũng như dân-gian, chúng tôi muốn dẫn đến tính nhạc của ngôn-ngữ Việt.

Ngôn-ngữ có nhạc là do cách sử-dụng từ sao cho réo rắt, đây là cách gieo bình và trắc thanh, sao cho êm-ái du-dương, đây là cách ngắt nhịp lựa chọn âm-vận. Nhìn khuôn dáng các thể thơ nói trên, nói chung ta thấy các nguyên-tắc này:

* trong mỗi câu, bằng trắc đối thay lên lên xuống xuống, tiếng trong xen lẫn tiếng đục. Câu nọ đối-xúng với câu kia.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* câu thơ ngắt nhịp đôi hay nhịp ba, nhịp bốn, tùy theo câu ngắn hay câu dài và tùy theo cách cấu-tứ, cho nên nghe điệu nhạc du-dương truyền cảm, hơi văn đi thấy khoan mau nhịp-nhàng.

* có âm-vận trên dưới, nên nghe ra thấy êm tai và hỗ-trợ cho âm-điệu thêm nhịp-nhàng hơn.

b5. Vì vậy sau này, **các thể thơ mới, thơ tự-do ra đời**, thực ra không có quy-luật chặt-chẽ. Nếu nhận-xét ra một quy-luật nào đó, chẳng qua là những nhận-xét quy-nạp. Khi phong-trào thơ mới ra đời, lúc ấy căn-cứ vào các thi-phẩm xuất-hiện, các học-giả mới phân-tích nhận-định mà sắp-xếp ra thành quy-luật, và tự-trung vẫn mang dáng-dấp của các lối thơ đã quen dùng trên đây hoặc lối văn biên-ngẫu trong các thể phú, kinh-nghĩa, văn-sách xưa, theo nguyên-tắc trầm-bồng, ngắt nhịp và âm-vận như vừa nói. Tản-Đà nhà nho đầu tiên đã ra ngoài công-thức của thơ cũ, nổi tiếng với những bài thơ mới, thơ tự-do, tự-do như chính tâm-hồn ông thoát khỏi khuôn-thước cổ-truyền để được vùng-vẫy phóng-khoáng thung-dung.

Các bài này truyền-cảm sâu-xa vì nó đã hoàn-toàn thoát xác không còn gò-bó theo luật-lệ chỉ giữ lại cái thanh-tú của nhạc dẫu, của âm-điệu mà thôi. Chẳng hạn bài Thiên Thai sau đây:

Lá đào rơi rắc lối Thiên-Thai
Suối tiễn oanh đưa luống ngậm-ngùi.
Nửa năm tiên-cảnh,
Một bước trần-ai,
Ước cũ duyên thừa có thể thôi!
Đá mòn rêu nhạt,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nước chảy huê trôi.
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ.
Trời đất từ nay xa cách mãi!
Nghìn năm thơ-thần bong trắng trôi.
(Nguyễn Khắc-Hiếu)

b6- Thơ xuôi cũng thế, chẳng qua là một bài văn xuôi, nhưng ngoài tứ thơ mênh-mang sâu-sắc, hình-thức tạo nên thơ vẫn là nhạc-tính sử-dụng trong khuôn dáng trầm bổng nhịp điệu. Có thể nói đây là một biến-dạng của lối văn biên-ngẫu xưa. (**)

Trong ngôn-ngữ bình-thường, nếu không cân nhắc dùng tiếng thì ngôn-từ trở nên rườm-rà dây cà dây muống; âm-điệu lủng-củng, rời-rạc hay buồn lê-thê. Cho nên cần phải phối-trí âm thanh, nhịp điệu sao cho lời rót vào tim óc người nghe, tức là phải có kỹ-thuật sử-dụng từ. Kỹ-thuật này không phải chỉ nắn-nót nhạc cho lời mà còn đan dệt ý cho sông, tứ cho đôi-dào bóng-bày, khiến cho ngôn-ngữ khả-xúc. Kỹ-thuật này rất thuận-lợi đối với tiếng Việt vì cơ-cấu của từ và nhạc-tính của từ.

(**) **Cước-chú:** Độc-giả có thể tham-khảo thêm trong thi-tập Về Nguồn, chúng tôi có giới-thiệu một số sáng-tác gồm những thể-điệu thơ xuôi, thơ xuôi tổng-hợp, thơ lục-bát, song thất lục-bát, lục-bát lưỡng tú (mỗi câu hai từ), lục-bát ghép từ, lục-bát đọc xuôi đọc ngược, lục-bát liên-hoàn đọc xuôi đọc ngược, thơ Đường xứng hoa, thơ Đường ghép chữ, thơ Đường đọc xuôi đọc ngược.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Đến đây, rõ-ràng là học để "đọc và viết tiếng Việt" rất đơn-giản dễ-dàng, nhưng để thấu-triệt, để rung động, để sống động trong ngôn-ngữ Việt lại là một vấn-đề khác, vì lẽ ngôn-ngữ Việt độc-đáo, cũng như tâm-hồn Việt có những sắc-thái riêng. Nhân-sinh-quan và vũ-trụ-quan Việt vốn có những nét đặc-thù ảnh-hưởng tới ngôn-ngữ Việt. Người Âu-Mỹ không đánh giá đúng cái tâm-hồn ấy nên đã sa lầy trong cuộc chiến. Người Cộng-sản đã chối bỏ cái tâm-hồn ấy nên đã mê-muội phiêu-lưu, phí hoài thời-gian và sinh-mệnh của dân-tộc đến nỗi phải ngỡ-ngàng không sao chôn vùi được tụi nhục xót-xa theo nỗi tang-thương khốn-khổ của đồng-bào.

III- Sự Biến-Dạng Âm Và Thanh Giữa Các Miền

Cũng như bất cứ quốc-gia nào, mỗi miền đều có những thổ-âm riêng; Tiếng Việt cũng thế. Ngoài sự khác nhau trong cách dùng từ-ngữ và thành-ngữ, tiếng nói mỗi miền phát-âm theo giọng khác nhau.

1- Khác nhau về âm giọng

a- Ở miền Bắc, tiếng Việt phát âm đúng với âm-vận và dấu giọng, ngoại trừ một vài địa-phương quen nói giọng.

Chẳng hạn, có những nơi không phát âm được phụ-âm tr, thường đọc tr thành t, như đã có câu riếu: "Con tàu tăng nằm ở bụi te".

Có vùng phát-âm lẫn-lộn th với s như: "mưa như xế mà ra thân xì xế nào cũng cảm mất xô!" Có vùng phát-âm lẫn-lộn l với n như: "chim hót nú no" thay vì chim hót líu-lo; "Ná rơi năn nong nóc" thay vì lá rơi lãn long-lóc.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Các cô gái Hà-thành xưa thay vì phải cong lưỡi các phụ-âm r, tr, s, d thì cứ quen phát ra tiếng gió thành gi, ch, x. Ví-dụ họ nói: ánh chẳng (trắng) đố chàn (tràn) chên xóng (trên sóng) nước, gió thổi gi-giào (rì-rào), xóng (sóng) biển giạt-giào (dạt-dào).

b- Ở miền Trung, như vùng Quảng-Ngãi thì âm "a" nói trại thành e hay ơ như:

Eng có hơi bát cơm mờ đờ no keng cối bụng.
(ăn có hai bát cơm mà đã no căng cái bụng)

Trong một bài viết trên internet, Nguyễn Nhật Ánh nêu ra hai bài thơ nhái giọng Quảng-Nam sau đây:

Rủ nhau vô núi hái chơm chơm
Nhớ bạn hồi còn học chữ Nơm
Sáng sáng lơn tơn đi như cuốc
Chiều chiều xớ rớ đứng câu tơm
Mùa đông tươi lá che mưa bấc
Tiết hạ hiên tranh lộng gió nồm
Nghe chuyện xóm xưa thời khói lửa
Sáng hờn, sẫm nỗ tưởng đầu bươm!
(*Tường Linh*)

Rứa mới kêu là chất Quảng Nôm
Ăn hòn nói cục chẳng thôm lôm
Có chàng công tử quê Đà Nặng
Cưỡi ả Thúy Kiều xứ Phú Cô
Cha vợ đến thăm chào trọ trọ
Mẹ chồng không hiểu nói côm rôm
Thêm ông hàng xóm người Hà Nội

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Chả hiểu mô tê cũng toạ đờm.

(Tú Rua)

Từ Thanh-Hoá trở vào Nghệ-An, Hà-Tĩnh, từ Huế trở ra Hà-Tĩnh, Nghệ-An, giọng nói nặng dần, dấu sắc nghe như dấu hỏi, dấu huyền như dấu nặng. "Trước 1945, thổ-âm của những miền quê xứ Huế còn giữ những nét đặc-biệt từ khi Chúa Nguyễn vô lập-nghiệp" Những người miền quê này - "đúng ra của đất Thuận-Hóa (Huế) hay của tỉnh Thừa-Thiên" có một đặc-điểm "so với những vùng khác trên đất nước Việt-Nam, là tiếng nói với một âm-sắc độc-đáo, với những thổ-ngữ cực-kỳ đặc biệt" (Lê-văn-Lân, tài-liệu đã dẫn). Về âm-sắc, giọng nói trầm nặng, âm nọ đọc trại thành âm kia tương-tự: trại cả mẫu-âm lẫn cả phụ-âm đầu từ. Chẳng hạn:

Nêm muối đọc trại thành nêm mới
hứng nướchẩng nác
canh bầukeng bù
ngắt lángút lá
choitrọi
cắn.....cằm
phơi lúaphơi ló
lúa gạoláo gạo
nóinoái
(trơ) trên.....trên (mắc cỡ)
Cáicấy
(sai) trái(sai) trấy
nhớ-nhớp.....dơ-dớp
như dư
nhàdà
ông.....ông
tổ-quốc.....tổ-quắc

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

anh em mình.....yêng em mềng

c- Vào đến trong Nam, tuy không nói ngọng các phụ-âm đầu từ, song họ lại hay đọc trại các phụ-âm cuối từ, cũng như đọc trại các mẫu-âm, lại thêm thắt dấu hay tình-lược, thay dấu các từ làm thay đổi giọng nói, và thường viết sai chính-tả. Chẳng hạn:

"Nè (này), ăn (anh) Hai nè (này), tui (tôi) qua đây là có chiện (chuyện) nè (này) quan-trọng muốn nói với ăn (anh) Hai: Mềng đéc (trời đất) ơi! thẳng chả (cha ấy) thiệt (thật) vô diên (duyên). Khi không gặp tui (tôi), nó làm như tui (tôi) với nó quen biểc (biết) hồi nào (nào ấy), nó nói tàn (toàn) những chiện (chuyện) bất-nhơn (nhân) lãng xec, hồng (không) đầu vào đầu, nghe hồng (không) có dô (vô)... ừ (ừ!), thôi tui (tôi) đi (về) đây ăn (anh) Hai!"

Những phụ-âm cuối từ thường phát-âm lẫn-lộn t với c, ch và n với ng: ít với ích, uôn với uông, biểt với biểc.

Các mẫu-âm nói trên đọc trại đi là do phong-thổ mỗi vùng. Một số từ-ngữ khác, theo cổ giáo-sư Dương-Quảng-Hàm, là do kiêng tên húy của các bậc vua chúa thần-thánh, như "tòng" thay vì "tùng", "cang" thay vì "cương", "phước" thay vì "phúc" vì sợ phạm tới tên của các chúa Trịnh-Tùng, Trịnh-Cương và họ nhà Nguyễn-Phúc.

Theo tác-giả Lê-văn-Lân, miền quê xứ Huế họ nói trại vì cũ tên của Thành-Hoàng, Tổ-tiên, cha mẹ, như có làng Thành-Hoàng tên là Tôm, họ gọi con tôm là tép. Có gia-đình cũ tên của cụ nội là Ái nên gọi là ới, Bình gọi là Bường. (Lê-văn-Lân tài-liệu đã dẫn)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Điều này cũng xảy ra ở miền Bắc, như có làng thay vì gọi là ông Lý lại gọi là ông Lối.

d- Âm và thanh đổi thay như vậy, nên giọng nói mỗi miền có nét riêng.

* **Giọng Bắc** đanh và nhọn sắc, nhất là khi phát-thanh, dấu sắc cao giọng, nhiều người lại đọc phụ-âm tr thành ch, d thành gi, s thành x, quen phát ra tiếng gió, khiến giọng trở nên chua.

* **Giọng Nam** uyển-chuyển nhẹ-nhàng nghe ra có vẻ cởi mở phóng-túng.

* **Giọng Trung** thì nặng-nặng nghe ra cái vẻ sâu-sắc thâm-trầm. Mỗi miền có cái vẻ dễ thương của nó: có cái đậm-đà kiểu cách kín-đáo như sắc đào thắm đỏ, có cái dịu-dàng tươi mát, dễ-dãi như mai vàng nở rộ, có cái trầm-mặc nồng-nàn như giòng Hương-giang lờ-lững, như Trường-sơn âm-u chập-chùng. Cũng là cái mặn-mà, song cái mặn-mà của giọng Bắc nó đậm-đậm như nước mắm nhĩ nguyên-chất, của giọng Trung thì đậm-đặc như thêm muối, thêm cay, của giọng Nam thì dịu-dịu như đã pha loãng đi vì có thêm chua ngọt. Cũng là ngọt-ngào, song cái ngọt-ngào giọng Bắc như của đường cát ngọt lịm, của giọng Trung như mật mía ngọt sắc, của giọng Nam như ngọt mát của đường phèn.

Nói như vậy để thấy rằng đó không phải là dị-biệt, nhưng chỉ là những sắc-thái uyển-chuyển do phong-thổ địa-lý mỗi miền. Cũng như tuy cùng một loài hoa, song có hồng đào đỏ thắm; lại có anh-đào phơn phớt hồng tươi; có mai vàng hớn-hở lại có mai trắng e-ấp dịu-dàng.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Đây là tập-quán trong ngôn-ngữ thông-thường, chứ không phải trong văn-chương chữ viết phải viết như thế. Những tiếng: "chừ, mô, tê, răng, rứa" với âm-giọng nặng-nặng khi xuống thì trầm-trầm, khi lên thì không tới hết cao-độ như giọng Bắc, nghe ra vẫn thấy cái vẻ ấm-áp đầm-thắm mà nhịp-nhàng phảng-phất âm-hưởng của ca Huế, điệu hò sông Hương. Những tiếng đọc trại âm trại dấu của miền Nam như "ừ, đi dià" "hông có đâu, ăn Hai nè!" nghe ra cái dáng uốn-éo, mềm-mại, cái giọng nhừa-nhựa, nhỏ-nhẹ, nhõng-nhẽo và quyến-rũ làm sao!

Tập-quán ấy thể-hiện đời sống của người dân mỗi miền: hoặc khuôn-thước, câu-nệ của đất ngàn năm văn-vật, hoặc trang-nghiêm cổ-kính, kín-đáo nông-nàn như của đất Thần-Kinh u-hoài thơ-mộng và trầm-mặc khắc-khổ như vùng Trường-sơn sỏi đá khắc-nghiệt, hoặc phóng-túng, cởi-mở hồn-nhiên tự-do như đồng bằng Nam-Việt thẳng cánh cò bay.

Sự giao-thông cách trở từ ngàn xưa tiếp đến chính-sách chia, trị của thực-dân đã cản trở luồng giao-lưu văn-hóa giữa các miền, tạo nên những sắc-thái không phải chỉ trong phong-tục, lễ-nghi mà ngay cả trong tiếng nói, một khía-cạnh của văn-hóa. Những biến-cổ chính-trị từ thập-niên 1950 đã thuận-lợi cho hội-nhập đời sống: người Bắc thuở xưa di-cư vào Nam hồi 1954 nay nói giọng Bắc cũng đã khác với người Bắc hiện nay vào Nam sau 1975.

Ngược lại những người miền Nam tại các vùng Saigon, Chợ-lớn và các tỉnh có lẫn-lộn dân-chúng hai miền Nam Bắc - nghĩa là có hội nhập - cũng đã có giọng nói mang-máng giọng Bắc.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

2- Ngôn-ngữ vẫn thuần-nhất.

Tuy mỗi vùng, mỗi vẻ, song người Việt ở bất cứ nơi nào cũng đều nói một thứ tiếng, viết một thứ chữ. Tính thuần-nhất vĩnh-cửu là nét đặc-thù của ngôn-ngữ Việt-Nam. Không như một số quốc-gia khác tuy gọi là đã đạt đến trình-độ văn-minh, song vẫn còn trở-ngại ngôn-ngữ, du-khách nước ngoài tới, phải ngỡ-ngàng về những tiếng nói khác nhau hoàn-toàn.

Trung-Hoa có tiếng Quảng-Đông, Triều-Châu, Hạ, Quan-Thoại v.v... Chính họ cũng không hiểu được ngôn-ngữ của nhau nếu ở khác miền. Ấn-Độ thì khỏi nói, nhiều tiếng nói khác nhau đến nỗi các kinh-tế-gia phải coi đó là một trong những yếu-tố kìm hãm đà phát-triển. Hiến-pháp Ấn-Độ nhìn nhận 15 ngôn-ngữ chính-thức trong đó 11 ngôn ngữ thuộc giòng Indo-Aryan và 4 ngôn-ngữ thuộc giòng Dravidian. Thụy-Sĩ có tới 4 ngôn-ngữ được sử-dụng cho những vùng khác nhau: Ý, Pháp, Đức, Romande gốc La-tinh, khiến các vùng hệt như những tiểu-quốc trong một quốc-gia.

Tiếng Việt không phải là một thứ tiếng "đa-ngữ" nhưng "đa dạng" với những màu sắc đổi thay theo phong-thổ tập-quán, và ai ai cũng đều cùng hiểu nhau qua ngôn-ngữ ấy.

Các tiếng nói của một vài bộ-tộc miền sơn-cương chỉ là những ngôn-ngữ của dân-tộc ít người còn sót lại trong cuộc tiến-hoá của lịch-sử và đã hội-nhập vào cộng-đồng rộng lớn của quốc-gia. Cũng như người Mường nói na-ná tiếng Kinh, bộ-tộc này vốn được coi là nguyên-thủy của chủng-tộc Việt, họ cũng hiểu và hòa-nhập vào đời sống Việt-Nam qua ngôn-ngữ chính-thức của Việt-Nam.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Tính thuần-nhất này kết chặt niềm cảm-thông tương-ái giữa mọi người, tạo thành một khối duy nhất vững chắc không phân-biệt tôn-giáo địa-phương hay Kinh Thượng. Chính đó là yếu-tố cơ-bản để kết-hợp toàn dân trải qua bao cuộc chiến đấu chống ngoại-xâm, giữ gìn bờ-cõi, xây-dựng và bảo-vệ nền độc-lập cho giang-sơn.

Cho nên không vì những tiểu-tiết mà nghĩ rằng sự thuần-nhất nói chung đã bị tổn-thương để rồi cố uốn-nắn xóa bỏ những tiểu-dị. Cái đẹp tự-nhiên của rừng hoa vẫn khác cái đẹp cắt xén của vườn hoa trồng tỉa.

Thật không gì khó chịu bằng phải nghe người miền Bắc cố bắt chước không đúng giọng Nam hay giọng Trung hoặc ngược lại. Nghe nó ngây-ngô chói tai làm sao! Có thể, như đã nói, với thời-gian, mai này do sự tái phân-phối và định-cư dân-số, do sự giao-lưu và hội-nhập văn-hóa giữa các miền, vẻ đa-dạng của màu sắc ngôn-ngữ Việt sẽ biến-thiên uyển-chuyển hơn, lúc ấy vẻ đẹp hài-hòa khả-ái hơn sẽ càng làm tăng thêm tính ưu-việt của ngôn-ngữ Việt.



Chương 7

TIẾNG VIỆT VÀ VẬN-MỆNH QUỐC-GIA

Chúng tôi không nói vận-mệnh đất nước theo cách nhìn "địa-lý", nhưng nói vận-mệnh quốc-gia, theo cách nhìn "nhân-văn", vì lẽ tiếng "quốc-gia" còn chỉ rõ thêm ý-tưởng gia-đình là yếu-tố cần-thiết và đi trước, theo quan-niệm luân-lý đạo-đức vốn có từ ngàn xưa: tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ. Gia-đình là nền-tảng của quốc-gia, xã-hội, có trách-nhiệm rèn luyện bản-thân mỗi cá-nhân, để họ trở thành những phần-tử tốt cho nhà, cho nước và cho xã-hội.

Quả thực tiếng Việt nói riêng và ngôn-ngữ nói chung có quan-hệ mật-thiết với sự bảo-tồn và phát-huy truyền-thống luân-lý gia-đình. Riêng trong tiếng Việt thì quá rõ-ràng. Chỉ nội cách xưng-hô - mà có người vì nhiễm tinh-thần Tây-Phương than phiền cho là phiền-toái - cũng cho ta thấy cái ý-nghị sâu-sắc trong mỗi tương-quan thân-thuộc. Những tiếng "dạ, vâng, thưa, trình" tùy theo mỗi tương-quan, mỗi hoàn-cảnh mà diễn-tả sự lễ-độ kính-trọng, và do địa-vị cao thấp của mỗi người. Người trên mình như thuộc hàng cha chú, khi gọi hỏi thì kẻ dưới phải đáp lại "dạ, vâng". Muốn trình-bày điều gì với người trên thì phải "thưa ông, thưa bà, thưa chú, thưa bác. v.v..." Ngày xưa đối với bậc cao hơn thì "trình, lạy" như "lạy cố, trình cụ" v.v... Rồi đến lời nói, giọng nói cũng phải cho khiêm-tốn, dịu-dàng. Chứ không như đối với chúng bạn thì "ừ, hử" là cách nói thân mật xuống-xã giữa kẻ bằng vế cùng vai. Bạn bè "mày tao chi tớ" gọi nhau có thể "Ê! tớ về đây!" chứ không thể vì quen cách nói như vậy mà gặp bậc cha chú hay thầy cô giáo, cũng: "Ê! chú! Ê!

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

thầy!". Người miền Bắc vẫn có thói quen giữ phong-tục cũ, mời hỏi người trên mình dùng cơm thì không nói: "Ông đã ăn cơm chưa? Bố mẹ ăn cơm nhé!", nhưng là: "Ông đã xơi cơm chưa? Mời bố mẹ xơi cơm"

Trong ngôn-ngữ Việt, như đã nói, cùng một sự xưng-hô mà có nhiều từ khác nhau. Là vì tùy theo trường-hợp thân sơ, tùy theo địa-vị tôn ti mà thay đổi. Ấy là do lễ-giáo của gia-đình. Thiết-nghĩ hơn bao giờ hết, nó vẫn là điều tối-cần để duy-trì sự bền-vững của gia-đình, tức là duy-trì được văn-hóa của dân-tộc vốn lấy gia-đình làm nền-tảng. Cho nên khi nói tới vận-mệnh quốc-gia, tiếng Việt hiển-nhiên gắn liền với vận-mệnh gia-đình là thế.

Trở về mối tương-quan của tiếng Việt đối với vận-mệnh quốc-gia, chúng ta không phủ nhận trong quá-trình bảo vệ và phát-huy dân-tộc-tính, tiếng Việt là một khí-cụ hữu-hiệu.

I. Vai trò của tiếng Việt trong quá-trình bảo-tồn, phát-huy dân-tộc-tính và gìn-giữ giang-sơn

1- Tiếng Việt vẫn giữ bản-sắc của nguồn-cội

Như đã đề-cập khi bàn về tiếng Việt hiện-đại và khả-năng sáng-tạo của tiếng Việt, tuy mượn cấu-trúc của La-ngữ hay du-nhập tiếng nước ngoài, tiếng Việt vẫn giữ được cái nét đặc-thù về cú-pháp, ngữ-pháp và về kiểu nói, hành-văn. Đây là bảo-tồn dân-tộc-tính. Tính dân-tộc còn thể-hiện ở một nét đặc-sắc khác nữa là: tiếng Việt hiện vẫn còn giữ vết-tích của chủng-tộc nguồn-cội xa-xưa.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

a-Trong những yếu-tố pháp-lý hình-thành một quốc-gia, dân-tộc vẫn là chủ-yếu. Xưa nay, đã có biết bao nhiêu công-trình khảo-cổ của các học-giả trong và ngoài nước nghiên-cứu về nguồn gốc dân-tộc Việt-Nam. Gần đây, trong cuốn "Nguồn-gốc dân-tộc Việt-Nam"⁽¹⁾, giáo-sư Nguyễn-Khắc-Ngữ đã trình-bày mạch-lạc các quan-điểm từ mọi phía và của riêng ông. Ở đây, xin tóm-tắt những nhận-định chính-yếu:

Chúng ta không xét tới quan-niệm thông-thường theo cách nhìn "nguồn-gốc chính-quyền" cho rằng: Dân-tộc Việt-Nam là một bộ-phận của Trung-Hoa, dựa trên lập-luận "người Trung-Hoa đã đọt này rồi đọt khác sang thực-dân tại đây và cuối cùng khi mọi sự tỏ ra thuận-lợi đã đứng dậy lập một nước riêng". (Nguyễn-Phương, *Việt-Nam thời khai-sinh*, *Viện Đại-Học Huế xb 1965, trích-dẫn trong sách kể trên*).

Nhưng, một cách hợp-lý hơn, chúng ta xét theo quan-niệm "nhân-chủng-học" để xác-định nguồn-gốc dân-tộc. Giáo-sư Nguyễn-Khắc-Ngữ đã tóm-tắt và nhận-định **(1)**:

Dân-tộc Việt-Nam là một sắc dân lai giữa các sắc dân từ các hải-đảo phía Nam lên và giống Mongoloid từ phương Bắc xuống.

Các sắc-dân thứ nhất đã có mặt từ thời tiền-sử Việt-Nam và gồm có: đầu tiên là giống Melanesian (hiện còn sống ở miền Bắc đảo Guinea, quần-đảo Polynesia và các đảo rải-rác khắp Thái-Bình-dương), kế tiếp là giống Indonesian cổ (khác hẳn với người Indonesian hiện-tại) đã được các tác-giả xếp vào giống Australo-Melanesian. Hiện nay, "trên cao-nguyên miền Nam và đồng-bằng Phan-Rang, Phan-Rí vẫn còn sắc-dân

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

thuộc giống Indonesian cổ như Rhade, Jarai, Chàm. Dựa vào ngôn-ngữ họ đang nói, nhiều tác-giả đã xếp những người Indonesian này vào giống Malayo-Polynesian".

Sắc-dân thứ hai từ phương Bắc xuống thuộc giống Mongoloid. Giống này hiện-diện "bắt đầu thời-kỳ hữu-sử với trên một ngàn năm Bắc-thuộc khi người Hán-tộc" tràn sang nước ta. "Những người Mongoloid thuần-túy này là những người cổ Trung-Hoa từ phương Bắc di-cư xuống đợt đầu-tiên mà trong truyền-thuyết chúng ta còn thấy nói đến trong truyện Kinh-Dương-Vương và Lạc-Long-Quân". Trong cuộc lai giống này, không phải tất-cả người Việt thổ-dân nguyên-thủy đã bị Hán-hóa. Khi người Hán xâm-lãng xứ ta, một số người Việt nổi lên chống-đối, rút vào rừng núi phía Nam tỵ-nạn, sau này trở thành người Mường "còn giữ được bản-chất Việt-Nam nhất" về nhân-hình, ngôn-ngữ và tập-tục.

Xét riêng về mặt huyết-tộc, máu người Việt lại khác hẳn máu người Bắc-Á Mông-Cổ. "Trong bản-đồ phân-phối nhóm máu...miền Bắc Việt-Nam được xếp chung một vùng có máu OB...như miền duyên-hải Hoa-Nam (nơi ngày xưa đã có các dân hải-đảo phương Nam di-cư lên), Đông Indonesia, Melanesia, Polynesia, "khác hẳn người Trung-Hoa chính gốc Mongoloid ở vùng nội-địa phía Bắc vì những người này có máu ABO". Điều này chứng-minh hùng-hồn rằng người Việt chúng ta ngày nay và người Melanesian (sắc-dân đầu-tiên sống trên mảnh đất này) có chung một đặc-tính về máu huyết và khác hẳn người Trung-Hoa. Ấy là chưa xét tới các đặc-điểm khác: "người Việt và người Melanesian có cùng một cơ-cấu tổ-chức gia-đình cũng như những phong-tục, tập-quán giống nhau, cùng với những đặc-điểm nhân-hình gần-gũi."

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(1) **Chú-thích:** Nguồn Gốc Dân-Tộc Việt-Nam, *Nhóm NCSĐ xb*, Montréal, 1985

b- Chính vì vậy, chủng-tộc Việt ngay từ xưa đã có một ngôn-ngữ riêng-biệt: có tiếng nói và văn-tự riêng. Tiếng nói ấy vẫn còn tồn-lưu trong ngôn-ngữ Việt hiện nay.

Đầu tiên ta có thể kể đến lập-luận của học-giả Hương-Giang Thái-văn-Kiểm. Theo ông:

Tại vùng Bình-Trị-Thiên vốn là đất Châu Ô thuộc Chiêm-Thành ngày xưa, vẫn còn lưu-truyền bài ca-dao nói về Châu Ô như sau:

“Ba đồn là đất châu Ô,
Một đoàn vợ lính trảy vô thăm chông.
Gặp trở mưa dông
Đàng trơn gánh nặng,
Mặt trời đã lặn,
Đèo Ngang chưa trèo,
Khớp hòn đá cheo-leo.
Gặp o gánh lúa,
Chộ chú chẵn trâu
Ba đồn quan lính ở đâu?”

Trong bài dân-ca này, chúng ta thấy nhiều cổ-ngữ như trảy là chạy, khớp là khiếp (khiếp sợ), o là cô, lúa là lúa, chộ là

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

thấy, râu là râu... Những cổ-ngữ kể trên là thành-tích của ngôn-ngữ Mường-Việt đặc-biệt có những phụ-âm ghép (kép: double consonne) như tl, bl, ks, tr, và những chữ rất xa-xưa như chộ (trông thấy) khớp...v.v... khiến chúng ta có thể khẳng-định rằng miền Bình-Trị-Thiên ngày nay là nơi ẩn-cư di-trú cực nam và cuối cùng của địa-bàn ngôn-ngữ Mường-Việt. Ví-dụ như dân quê vùng Bình-Trị-Thiên còn nói cà cáy thay vì gà gáy, dân Mường nói Ksong Pờ thay vì sông Bờ, tức là sông Đà ngày nay" (2) địa-bàn cư-trú của người Mường

(2)**Chú-thích:** *Hương-Giang Thái-văn-Kiểm: Ô-Lâu Tình Sử, đăng trong tuyển-tập Làng Xưa Phố Cũ, tập 1, Hoài-Việt, Từ-Nguyên và Hồ-Trọng-Khôi, NXB Việt-Bình, Villebon sur Yvette, France 1990.*

Sự tương-đồng giữa tiếng Kinh và Mường càng thấy rõ hơn trong một bài văn Mường - Việt kể sự tích sông Bờ (Ksông Pò) trích từ sách Cours de Langue Annamite của A. Cheon (2e édition, Hà-nội 1904).

'Khây klước mǎng pâu Pô rằng cỏ môch ông, thên hốp là ông Tùng, mà cỏ hai bơ chổng: nǎ rú ra tế nĩ lấp cải Ksông Pờ. Nǎ tan lê Ksông Pờ pao tất Thạch Pi. Bơ nǎ mê ti lê ksú tế nǎ lấp ksông. Lòng klời ksinh tha môch ông hốp là ông Sách; mê thuổng mê thếch pất bơi ông Tùng. Nǎ mê pao lò; nǎ tỏ mìnng nó tha, nǎ mê pát ông Tùng. Ông Tùng mê chǎi hết mìnng, mê chết. Cho đênh cải ksông dĩ chǎng lấp ǎn, mê đênh cải Thác pờ dĩ.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Khi trước nghe người ta nói rằng có một ông, tên gọi là ông Đông, mà có hai vợ chồng: nó rủ nhau để nó lấp cái sông Bờ. Nó toan lấy sông Bờ vào đất Thạch Bi. Vợ nó mới đi lấy đá để nó lấp sông. Lòng trời sinh ra một ông gọi là ông Sắt: mới xuống mới thách vật với ông Đông. (Sách Làng Xưa Phố Cũ trích dẫn in thiếu câu này, có lẽ dịch là: Nó mới vào lò; nó đổ mình nó ra, nó mới vật ông Đông...) Ông Đông mới cháy hết mình, mới chết. Cho nên cái sông ấy chẳng lấp được, mới nên cái Thác Bờ ấy."

Còn về chữ viết, theo tác-giả thì "xưa kia chúng ta đã có văn-tự mà người Mường còn lưu-trữ và sử-dụng" chứ không như "một số học-giả Tây-Phương vũ-đoán rằng dân ta chưa bao giờ có thứ chữ riêng-biệt và dân ta phải nhờ hai cuộc đô-hộ mới có chữ mà dùng: đô-hộ Tàu đem lại chữ Hán, đô-hộ Tây đã đem lại chữ Quốc-Ngữ!" Thứ chữ Mường-Việt này "còn được ghi lại trong quyển "Thanh-Hóa Quan-Phong" của cụ Vương-duy-Trinh, biên soạn khi còn làm Tổng-đốc Thanh-Hóa năm 1903. Thứ văn-tự này gồm có 35 chữ cái, viết theo lối "khoa-đầu-văn" (chữ đầuì nòng-nọc) là một thứ chữ tương-tự chữ Thái và Ấn (phụ-lục I).

Sở-dĩ thứ chữ này không được người Việt lưu-dụng là vì cuộc đô-hộ Tàu trên một ngàn năm đã áp-đặt chữ Hán trong mọi lãnh-vực, khiến cho chữ Mường-Việt phải lùi sâu vào trong rừng miền núi Thượng-du, không có môi-trường để phát-triển.

Ngoài ra, cũng phải kể đến lập-luận của giáo-sư Nguyễn-Khắc-Ngũ cùng một quan-điểm cho rằng tổ-tiên chúng ta đã

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

có một thứ ngôn-ngữ khác biệt với tiếng nói của người Trung-Hoa xưa. Theo ông:

Giữa tiếng Việt và tiếng Chàm "có những tiếng gần giống nhau về âm và nghĩa. Trong khoảng 1000 tiếng thông-dụng của Chàm, ta thấy có trên 200 tiếng giống tiếng Việt. Những tiếng giống nhau này phần lớn là những tiếng cổ mà ngày nay người Việt cũng ít dùng và là những tiếng không phải mượn từ Trung-Hoa... Phải chăng chính tiếng Việt và tiếng Chàm đều bắt nguồn từ cái gốc Mã-lai Đa-đảo (Malaya-Polynesia) mà ra."

Hơn nữa, sách Lĩnh-Nam chích-quái khi chép truyện chim Bạch-trĩ có viết:

"Về đời vua Thành Vương nhà Chu, Hùng-Vương sai bề tôi tự-xưng là họ Việt-thường đem chim bạch-trĩ sang tiến cống. Vì ngôn-ngữ bất-đồng, Chu-Công phải sai sứ qua nhiều lần dịch mới hiểu nhau được..."

Và sách sử-ký của Tư-Mã-Thiên cũng chép:

"Năm Tân Mão thứ 6 (1110 tTC) đời vua Chu-Thành-Vương, phía Nam bộ Giao-Chỉ có họ Việt-thường qua 3 lần sứ-dịch dâng chim trĩ trắng".

Dẫn-chứng các tài-liệu trên, tác-giả "Nguồn gốc dân-tộc Việt-Nam" kết-luận: "Cả hai tài-liệu trên đã chứng tỏ rằng ở phương Nam có họ Việt-Thường, nói một thứ ngôn-ngữ khác biệt với Người Trung-Hoa thời cổ" (Nguyễn-Khắc-Ngữ, sách đã dẫn)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

c- Sau cùng, riêng về thể thơ lục-bát với những bài ca-dao làm nên khúc hát câu hò đã chứng tỏ đây là di-sản của nguồn-cội chủng-tộc Việt.

Nếu chúng tôi không lầm, còn nhớ khoảng năm 1971, 1972 (?) nhà văn Võ Phiến trong "Tùy-bút" của ông có dẫn-chứng một bài hát ru em của sắc dân Chăm vùng Bình-Thuận. Bài hát viết theo thể lục-bát được dân gian trong vùng hát ca khắp ngõ hẻm hang cùng. Thể thơ lục-bát vẫn được sắc-dân này sử-dụng từ xa-xưa, nó mang dấu-tích của cái gốc Mã-Lai Đa-Đào, nguồn-cội của chủng-tộc Việt-Nam.

Ngoài ra, sử còn ghi chép, trong những cuộc chinh-phạt Chiêm-Thành, các vua nhà Lý đã cho bắt các cung-nữ Chăm đem về Kinh. Cổ giáo-sư Dương-quảng-Hàm vì vậy đã cho rằng: "Ta có tiếp-xúc với ca-nhạc của Chiêm-Thành và chịu ảnh-hưởng của nền ca-nhạc ấy". Và nhất là, như đã đề-cập, thể thơ lục-bát này tuyệt-nhiên không có trong văn-học Trung-Quốc. Văn-học dân-gian Trung-Hoa có Kinh-Thi. Văn-học truyền miệng Việt-Nam có ca-dao mà thể thơ lục-bát là chủ-yếu và thông-dụng. Ca-dao không những khác Kinh-Thi về hình-thức với thơ lục-bát là nét đặc-thù, mà về nội-dung cũng khác hẳn. Kinh-Thi là những bài thi ca cổ-phong được Khổng Tử sưu-tầm san-định lại, nặng về giáo-huấn, lễ-nghi, phong-tục, đóng khung trong một xã-hội khuôn-thước cổ-điển, quân-chủ, phong-kiến, phụ-quyền, nam tôn nữ ti, nam ngoại nữ nội, thấp-thoáng hình-ảnh của những khuê-nữ yếu-điều, những công-tử vương-tôn, những tình quê đôi lứa mà nổi bật vẫn là những thôn-nữ "cúi đầu nép xuống sân mai một chiều". Ca-dao Việt-Nam thì dù khởi-phát từ bậc trí-thức ưu-thời hay từ kẻ dân-giả bình-thường, song nó vẫn là đúc kết từ những sáng-tác truyền miệng của tập-thể dân-gian,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

nói lên được muôn hình, muôn vẻ của cuộc sống, của mọi giai-tầng xã-hội, ký-âm những rung-cảm tế-nhị thực-sự của con tim, vẽ ra những mơ tưởng đạt-dào đích-thực của tâm-hồn, in đậm những nét phóng-khoáng, tự-do, lãng-mạn, ca-ngợi bình-dẳng, bình-quyền, công-bằng, bác-ái, kêu gọi đoàn-kết hy-sinh, gào lên những khát-vọng sâu thẳm của con người. Không câu-nệ, khuôn-thước, ca-dao chân-thực, nhân-bản, phi thời-gian và không-gian. Kinh-Thi vẫn phảng-phất một thứ giáo-huấn-ca, đề ra những điển-mô hơn là một khúc ca tâm-tinh. Ta có thể khẳng-định, ca-dao với điệu thơ lục bát làm nên vẻ đẹp duyên-dáng thuần-túy Việt-Nam, hoàn-toàn của người Việt-Nam.

Nguồn-cội chủng-tộc Việt-Nam không phải Hán-tộc. Họ Việt-Thường đã có một ngôn-ngữ riêng. Ngoại trừ văn-tự nguyên-thủy đã mai một, tiếng nói Việt-Nam vẫn còn duy-tri và phát-triển đến ngày nay là một tiếng nói riêng biệt, tiếng nói ấy còn mang dấu ấn của nguồn-cội mà ta có thể tìm thấy vết-tích nơi ngôn-ngữ Mường, Chăm vốn cùng một gốc Á-Úc (langue austro-asienne) của thuở khai-nguyên.

Trong cuộc bôn-ba dựng nước, dù trải qua bao phân-hóa đổi thay, dù bị đô-hộ trên một ngàn năm Bắc-thuộc, người Việt không vì cuộc hỗn-hợp chủng-tộc này mà để mất đi bản-sắc cố-hữu của mình. Một trong những bản sắc ấy là ngôn-ngữ Việt-Nam. Ngôn-ngữ ấy đã không hề bị ngoại-lai hóa, trái lại đã Việt-hóa tiếng nói và chữ viết của nước thống-trị: phát-triển từ-ngữ, thiết-lập chữ Nôm. Ngôn-ngữ ấy tồn tại những đặc-thù và thể-hiện tinh-thần đê-kháng của một chủng-tộc dũng-cảm, muốn độc-lập, thích tự-do, quyết tự-chủ tự-cường. Ngôn-ngữ ấy đã bảo-tồn và phát-huy dân-tộc-tính. Nói về cá-tính của dân-tộc Việt, giáo-sư Pujarniscle người

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Pháp, đã ca-ngợi sự cương-quyết dũng-cảm khi so-sánh với quan-niệm Âu-Tây, như thế này:

"Đối với chúng ta, đó là một sức mạnh bẻ vỡ bất cứ vật gì bắt gặp dù chính mình có bị bẻ vỡ.

Sự cương-quyết của người Việt-Nam có nhiều điểm khác, trước hết, đây là sự nhẫn-nhẫn, sự kiên-nhẫn, sự bóng gió. Con đường được chọn để đưa đến kết-quả, không phải luôn luôn là con đường thẳng; tuy nhiên đích vẫn tới với thời-gian cần-thiết. Đây không phải là sự cương-quyết của cây sến đứng đầu bão-táp, mà là của cây sậy hay đúng hơn của cây tre rất ẻo-lả nhưng rất cứng-rắn, mà người Việt-Nam gọi là khôn-ngoan, có lẽ bởi chưng cây tre ngã xuống mà không gãy, điều này trước tầm mắt họ là sự khôn-ngoan tột- độ (3)

(3)Chú-thích: M. Pujarnisclé, cité dans Méditation sur l'histoire du Vietnam par Phạm-Quỳnh (France-Asie No 59 pages 1089-1090). Cửu-Long-Giang và Toàn Ảnh dịch, trích trong Miền Bắc Khai-Nguyên tr. VIII, Đại-Nam xb.

Cái cá-tính ấy bàng-bạc trong ca-dao, trong văn-chương truyền miệng, trong chữ nghĩa Việt-Nam. Bởi vì ngôn-ngữ gắn liền với dân-tộc. Ngôn-ngữ mang văn-hóa đi theo chủng-tộc, kết-hợp chủng-tộc thành một tổ-chức, thiết-kế các quy-ước, định-chế, truyền-đạt duy-trì và phát-triển tâm-thức của giống nòi.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Chính ngôn-ngữ kêu gọi quá-khứ, nhắc-nhở hiện-tại và vạch lối tương-lai. Chính ngôn-ngữ đốt cháy lòng yêu nước thương nòi, kêu gọi ý-chí hợp đoàn để sinh-tồn và tiến-bộ:

“Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

Ý chí ấy không phân biệt nam ngoại nữ nội, nhưng là bình-đẳng bình quyền:

“Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh”

Ý chí ấy là sự vững bền kiên-quyết đấu-tranh:

“Dù ai nói đông nói tây,
Thì ta vẫn vững như cây giữa rừng.”

Ý-chí ấy là bảo-tồn nguồn cội:

“Ta về ta tắm ao ta,
Dầu trong, dầu đục, ao nhà vẫn hơn”

Chính tiếng nói này đã thay chữ viết truyền miệng cho nhau để bảo nhau làm nên non-nước Việt. Nếu không bảo-tồn tiếng nói ấy thì cả nền văn-hóa Việt cổ-kính đã tiêu-tan để cho hàng-ngũ rã-rời, hòa-nhập vào các chủng-tộc kia thành dân-tộc Trung-Hoa ngày nay rồi. Nhờ vẫn ôm-ấp tiếng nói ấy mà còn giữ được hàng ngũ chỉnh-tề, tổ-chức thành cơ-cấu.

Cho nên lịch-sử được viết ngay trên trang đầu bằng huyền-thoại "con Rồng cháu Tiên" là thế. Huyền-thoại muốn rút vào tim óc đồng-bào rằng chủng-tộc ta không phải là chủng-tộc Hán, chủng-tộc ta khác biệt với hết mọi chủng-tộc (4).

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Huyền-thoại nhắc-nhở rằng chúng ta đùm bọc yêu thương nhau như trứng trong cùng một bọc do một cha mẹ sinh ra, như bầu bí cùng leo chung một giàn:

"Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn!"

Huyền-thoại dạy rằng chúng ta có cả một triết-lý về vũ-trụ nhân-sinh: triết-lý âm dương dịch-học tương-khắc, tương-sinh. Huyền-thoại nói lên rằng dân-tộc ta vốn hùng-mạnh, bất-khuất, nhưng cũng lại nhu-hòa khả-ái, khoan-dung. Ai dám chối bỏ rằng nước ta không có văn-hiến? Rõ-ràng văn-hiến đã có ngay từ thuở phôi-thai. Tất cả cái đẹp xán-lạn của nền văn-minh trống đồng đã xác-minh điều này.

(4) Chú-thích: "Thần-thoại Hồng-Bàng viết sau thời-kỳ nước ta bị trên một ngàn năm Trung-Hoa đô-hộ nên không thể tránh được những ảnh-hưởng của Trung-Quốc", song xét về chế-độ gia-đình mẫu-hệ như mẫu-cư, mẫu-thống, mẫu-tộc và phong-tục tập-quán như: tục cướp vợ, tục thờ Thần Rùa, cũng như xét về cách sinh-hoạt như: cắt tóc, xâm mình, ăn trầu, ăn cơm gạo, thịt cầm thú, cá, ba-ba, làm rẫy, làm nhà sàn, thổi cơm bằng ống tre, lấy vỏ cây làm áo, những điều này cho thấy vết tích Melanesian trong thần-thoại Hồng-Bàng, "chứng tỏ rằng tổ-tiên Lạc-Việt chúng ta và tổ-tiên những người Melanesian có liên-quan mật-thiết với nhau". Như vậy tổ-tiên ta không phải là chủng-tộc Hán (xem Nguyễn-khắc-Ngũ, sách đã dẫn trang 104-116)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

2-Tiếng Việt chấn-hưng phong-hóa gìn-giữ giang-sơn

Là một phương-tiện truyền-thông, tiếng Việt chu-toàn chức-năng giáo-dục quần-chúng. Tiếng Việt đóng vai-trò quan-trọng trong việc chấn-chỉnh phong-tục đạo-lý, kiện-toàn văn-hóa giáo-dục, tu-bổ luật-pháp, ngăn-ngừa ngoại-xâm, xây-dựng quốc-gia, nói chung chấn-hưng phong-hóa, gìn-giữ giang-sơn.

a- Văn-học chữ viết: Khi chưa có Quốc-ngữ, dân-tộc Việt mô-phỏng Hán-tự để tạo ra một văn-tự riêng, và sau một thời-gian dài Hán-văn giữ địa-vị độc-tôn trong văn-học, bắt đầu từ quyết-định của Hồ Quý-Ly muốn làm một cuộc cải-cách sâu rộng trên mọi địa-hạt, chữ Nôm đã chính-thức trở thành văn-tự quốc-gia, sử-dụng cưỡng bách trong guồng máy hành-chánh, giáo-dục, khoa-cử, mà kết-qua là vô số các tác-phẩm viết bằng chữ Nôm, hoặc có tác-giả, hoặc khuyết-danh ra đời. Dù Nôm hay Hán, tiếng Việt vẫn luôn-luôn vẹn tròn chức-năng nhiệm-vụ của mình. Một bài thơ của Lý-Thường-Kiệt đủ sức để đẩy mạnh công-cuộc phá Tống, bảo-vệ giang-sơn, bài thơ khẳng-định chủ-quyền quốc-gia, minh-định biên-cương lãnh-thổ, không phải khẳng-định với toàn dân mà nói thẳng vào mặt quân thù những muốn nuốt trôi dân-tộc nhỏ bé này:

“Nam-quốc sơn-hà Nam-đế cư,
Tuyệt nhiên định phận tại thiên-thư,
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”

Xin tạm dịch:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

"Núi sông nước Nam: vua Nam ở,
Phận định rõ-ràng trong sổ trời.
Bọn giặc cố sao xâm lấn đất?
Rồi xem ta sẽ đuổi bay lui!")

Những Trinh-Thử, Trê Cóc khuyết-danh viết bằng chữ Nôm truyền-bá rộng-rãi trong dân-gian, là những ngọn roi trào-phúng quất vào mặt chế-độ, vào thực-trạng luân-lý, thể-thái suy-đôi nhằm chấn-hưng tổ-quốc, khải-dĩ vững-mạnh mà gìn-giữ biên- cương.

"Nghe quan thủ-tướng bên này,
Cửa nhà tráng-lệ của dầy bằng non.
Muốn ăn hết phải đào giun,
Pha bờ xông bụi nào còn biết e!"
(Trinh-Thử, Hồ Huyền-Quy xử-sĩ soạn)

Lời nói của con chuột bạch trinh-tiết là lời nói của sĩ-phu "trung-thần bất sự nhị quân" ám-chỉ vào ông Thủ-tướng Hồ-Quý-Ly đương cầm quyền vì đã dứt ngôi nhà Trần, mà con chuột đực trơ-trẽn trâng-tráo vô-duyên kia thì rõ là điển-hình cho phường vô-lại "túi cơm giá áo". Con chuột cái hồ-đồ, lảm điều, tai-ác lại là cái bung-xung để xử-sĩ Hồ Huyền-Quy giáo-dục những người đàn bà lẳng-loàn, lộng-ngôn, đanh-đá, coi thường cả trật-tự tôn ti:

"Chồng giận thì vợ bớt nhời,
Cơm sôi nhỏ lửa một đời chẳng khê."

Vì rằng:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Để ai đội áo qua đầu,
Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tày?”

Không có đạo-lý thì làm sao chinh-đốn được chính-trị. Bởi vậy tề-gia vẫn là bước đầu cần-thiết trước khi muốn trị-quốc an-dân. Cho nên cũng vẫn là khuyết-danh, tác-giả Trê Cóc đem cái sự việc đôi co kiện-cáo của hai nhà Trê Cóc vừa để mổ xẻ cái ung nhọt loạn-luân đoạt-nhân thủ-tử của anh em Trần-thủ-Độ, vừa để châm chích chế-độ quan-lại thối-nát với những cảnh hồi-lộ sách-nhiều dân đen thấp cổ bé miệng.

Nói về trung-thần bất sự nhị quân, ở đây không phê-phán tính-cách của quan-niệm trung-nghĩa cổ-hủ thái-độ chủ-quan thiên-lệch của người xưa, nhưng vấn-đề là phản-ứng của quần-chúng đem ngôn-ngữ ra trình-bày quan-điểm chính-kiến của mình. *Vai trò của ngôn-ngữ là vai trò của lợi-khí. Tiếng Việt là lợi-khí sắc bén để quần-chúng xây-dựng quốc-gia Việt-Nam.* Khi quân Minh sang xâm-chiếm nước ta, theo vết chân của Tần-Thủy-Hoàng đốt sách vở, đã thu hết về Tàu, những tác-phẩm của Việt-Nam đang lưu-hành. Thế nhưng văn-tự ngôn-ngữ vốn gắn liền với cuộc sống, từ cuộc sống và cùng với cuộc sống mà đi lên, cho nên lại là dịp may để cho tiếng nói quật-cường của cha ông trỗi dậy. Mất sách vở, nhưng ta không mất văn-tự, tiếng nói. Ta còn văn-chương truyền miệng rất dồi-dào, ta còn văn-tự khắc sâu trong tâm-não. Những bức thư của quân-sư Nguyễn-Trãi, sau này là khai-quốc công-thần của Lê triều, gửi vào hàng ngũ địch-quân, cũng như một bài Bình Ngô Đại-Cáo đã đủ sức lũng-đoạn tinh-thần đối-phương, đồng thời thức dậy ý-chí bất-khuất, kết-hợp nhân-dân nhất-tề đứng lên đánh đuổi quân thù.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Những triều-đại kế-tục Lê-thái-Tổ, tuy chính sự có thăng-trầm, song riêng về mặt văn-hóa giáo-dục, mỗi ngày mỗi chấn-chinh canh-tân. Tiếng Việt đã chứng tỏ khả-năng đa-hiệu của mình đi vào mọi lãnh vực chính-trị, triết-học, pháp-luật, lịch-sử, địa-dư, canh-nông v.v... Những pho sách của Nguyễn-Trãi, một nhà chính-trị, quân-sự, văn-hóa, của nhà bác-học Lê Quý-Đôn, bàn về đủ mọi vấn-đề bao-quát mọi lãnh-vực; những công-trình trước-tác khảo-luận xung-quanh Tao-Đàn Nhị Thập Bát Tú, những tác-phẩm quốc-văn nổi tiếng đời Trịnh Nguyễn Tây-Sơn, những văn-gia lỗi-lạc trong Hồng-Sơn văn-phái, rồi Nguyễn-công-Trứ, Cao-bá-Quát, Nguyễn-đình-Chiếu, Phan-văn-Tri, Huỳnh-mẫn-Đạt, Nguyễn-Khuyến, Trần-tế-Xương .v.v... tất cả đã góp phần xây-dựng cho văn-học nói riêng và văn-hóa Việt nói chung một nền-tảng ngày càng vững-chắc.

Nền-tảng ấy vững-chắc đến nỗi không có gì lay chuyển nổi cho dù lại một lần nữa, bị đe-dọa bởi ý-đồ thâm-độc của thực-dân Pháp muốn tiêu-diệt truyền-thống bất-khuất của dân-tộc. Truyền-thống ấy kêu gọi các nhà nho đứng dậy:

“Nước ngược chống lên thuyền một chiếc,
Gác cao bó lại sách trăm pho.”

(Phan Văn-Tri)

Truyền-thống ấy hiên ngang coi thường bạo-lực, lấy châm-biếm mỉa-mai làm vũ-khí miệt-thị, tấn-công quân thù. Ngày 10-9-1989, "tên thiếu-úy Pháp Crivier từ Đồn Lầy (Phụ-Dực, Thái-Bình) mang lính khố xanh về vây làng Yên-Lũ để bắt Đốc-Binh Bùi-như-Quang, tức Đốc Đen, thủ-lĩnh của lực-lượng kháng Pháp tại vùng ấy. Hắn bị chém rụng đầu ngay trước cổng nhà Đốc Đen. Các quan phủ, huyện sở-tại cử hành đám táng trọng-thể, làm cả văn-tế để ca-tụng công-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

đức của tên đó. Nhà Nho địa-phương bất-bình nên mới làm ra bài văn-tế khác mĩa-mai. Theo hồi-ức của ông Đào-văn-Trinh, một giáo-chức sinh-trưởng ở làng Yên-Lũ là nơi tên Crivier bị giết và được tế, cụ Mên họ Phạm ở làng Tống-Thơ có làm bài văn-tế như thế này", lời lẽ mĩa-mai trào lên uất-hận:

"Nhớ ông xưa:
Tóc ông quăn, mũi ông lõ,
Chân ông đi giầy, đầu ông đội mũ,
Ông ở bên Tây ngang-tàng,
Ông sang bên Nam bảo-hộ.
Mắt ông chiếu kính thiên-lý, đít ông cưỡi lừa;
Vai ông đeo súng lục liên, miệng ông huýt chó.
Trong nhà ông bày những chai,
Ngoài sân ông trồng những cỏ,
Công ông to, nên ông có lon vàng đeo tay;
Của ông nhiều, nên ông có mẽ-đay đeo cổ.
Tháng... ngày... ông ở Phụ-Dực, đôn lây,
Tháng tám ngày rằm, ông vào Yên-Lũ.
Ông định giết thẳng Đen, để yên con đỏ.
Nào ngờ: nó lấy mất sọ ông đi.
Đầu ông đồng Cống đó nọ,
Đít ông dò Gọ kia kìa!
Khốn nạn thân ông! Đ...mẹ cha nó!
Tướng ông như thử chi tài, mà ông như thử chi ngộ.
Hay quản khái mưu gian giết ông vào đó?
Hay Lãnh Nhàn chí phảo, nhét ông vào rọ?

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nay tôi:

Vâng lệnh các quan, tế ông một tuần,

Xôi một mâm, rượu một vò,

Chuối một buồng, trứng hai quả.

Ông xơi cho no, nằm cho ấm ổ.

Phù cho nước mạnh dân giàu, người đông của đủ.

Thượng hưởng." (5)

Truyền-thống ấy cay đắng riêu-cột cái cảnh nô-lệ:

"Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt,

Dưới sân ông Cử ngẩng đầu rồng."

(Trần Tế-Xương)

hay cái nhục mất nước trong ngày hội "cắt tóc râu dê" (quatorze Juillet), ngày quốc-khánh của Pháp mà toàn dân phải mừng như quốc-khánh của mình:

"Kìa hội thăng-bình tiếng pháo reo:

Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo ,

Bà quan tênh-hếch xem bơi chải,

Thăng bé lom-khom ghé hát chèo.

Cây sức cây đu, nhiều chị nhún,

Tham tiền cột mỡ lắm anh leo.

Khen ai khéo vẽ trò vui thế!

Vui thế bao nhiêu, nhục bấy nhiêu!

(Nguyễn-Khuyến)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Truyền-thống ấy thức-tỉnh hồn nước giành lại cơ-nghiệp
ngàn năm cha ông để lại:

“Trời Nam một dải Non Sông,
Ngàn năm cơ-nghiệp cha ông hãy còn.
Từ khi đá lở sóng cồn
Nước non trơ đó mà hồn ở đâu?”

* * *

Cùng trong một bọn quốc-dân,
Gánh giang-sơn cũng một phần trên vai.
Than ôi! Hồn nước ta ơi!
Tình nghe là gọi mấy lời đồng-tâm.”
(Nguyễn-Quyền, *Kêu Hồn Nước*, 1907)

Truyền-thống ấy hô-hào nhân-dân đoàn-kết chống Pháp làm
cho vẻ-vang nòi giống cội nguồn:

“Đừng như đàn quạ giữa trời,
Gặp cơn mưa gió lại rời xa nhau!
Có đàn thì mới có ta,
Đàn là rất trọng, ta là rất khinh.
Dù khi sóng gió bất bình,
Lợi dân thì dầu thiệt mình cũng cam.
Làm cho cố kết nghìn năm,
Mới hay rằng bọn người Nam anh-hùng.
Làm cho nổi tiếng Lạc-Hồng,
Vẻ-vang dòng-dõi con Rồng cháu Tiên.”
(Phan Bội-Châu, *Ái Quần* 1910)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

(5) **Chú-thích:** "Tri-huyện Thanh-Quan có nhờ cụ Mền Tổng-Thơ làm giùm bài văn tế. Nhưng rồi y lại không dám dùng bài đó, và phải đích-thân làm lấy. Tri-phủ Bùi Phụng cũng làm một bài nữa. Hai bài này ông Bảo-Vân đã giới-thiệu trong bài 'Đốc Đen Qua Mấy Bài Văn-Tế' đăng trong Tri-Tân số 15 đề ngày 19-9-1941. Cả hai bài này không được truyền-tụng bằng bài của cụ Mền Tổng-Thơ mà sau này có nhiều bản sao-lục khác nhau được nhận lầm là của Nguyễn-Khuyến tế Ngạc-Nhi Francis Garnier. (xem bài của Lạn-Kha: Vụ Bé Cái Lầm Của Nhiều Biên-Khảo-Gia Ở Cả Hai Miền Nam Và Bắc Nước Ta - Lửa Việt số 62, Xuân Quý-Dậu 1993, Toronto, Canada.

Như vậy thì truyền-thống bất khuất ấy không thể nào tiêu-diệt được một khi còn văn-hóa và còn tiếng nói Việt-Nam. Cho nên ngoài những biện-pháp chính-trị muốn tách riêng 3 miền thành ba kỳ dẫn tới ba nước, cơ-bản bằng một pháp chế riêng rẽ: Nam-Kỳ theo Dân-luật Giản-Yếu, Bắc-Kỳ có Dân-luật Bắc-Việt và Trung-Việt riêng, chính-sách văn-hóa giáo-dục được coi là phương-tiện hỗ-trợ chủ-yếu mà chính họ đã gọi đó là "chính-sách thực-dân bằng sách vở" (Politique de colonisation par les livres) hay là: "cuộc chinh-phục tinh-thần tiếp theo sau cuộc chinh-phục vật-chất". (conquête morale des habitants après la conquête matérielle du pays) (6)

(6) **Chú-thích:** trong tường-trình "Communications à faire la presse de 1913 à 1916" trích-dẫn trong "Chú-Đích Nam-Phong", Nguyễn-văn-Trung, tr. 135, Xuân Thu xb

Chính-sách này tố-cáo mỗi lo sợ của Thực-dân trước sức mạnh của nền quốc-văn mới. Người ta còn nhớ trường Đông Kinh Nghĩa-Thục lấy quốc-văn làm lợi-khí đấu-tranh phổ-biến văn-chương cách-mạng đã làm rung động nhà nước Bảo-Hộ.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Với chủ-trương "thập niên chi kế, mạc nhi thụ mộc; bách niên chi kế, kế, mạc chi thụ nhân" (kế mười năm không gì bằng trồng cây, kế một trăm năm không gì bằng trồng người), trường bắt đầu tiến- trình giành độc-lập bằng việc khai dân-trí quật-cường. Trường hoạt-động sôi-nổi rầm-rộ với việc phổ-biến sách vở, bài ca, diễn-thuyết:

"Gái trai nô-nức học-hành,
Giáo-sư tám lớp học-sinh non ngàn."

Tác-dụng của văn-chương cách mạng do Đông Kinh Nghĩa-Thực đề-xướng đã được toàn quyền Klobukowski xác-nhận như sau trong báo-cáo đọc ở hội-nghị thường-niên của hội-đồng tối-cao Đông-Dương họp ngày 27-11-1909:

"Hàng loạt thơ ca truyền miệng đã đưa vào tới vùng thôn quê hẻo lánh, có những áng văn những bài thơ đả kích từ ngoài nước bí-mật chuyển về được đem rải khắp trong đô-thị ... các cuộc thăm-vấn ở tòa đại-hình cho chúng ta biết phương-pháp hành-động của bọn phát-ngôn cho phong-trào chống đối ấy. Họ đọc thuộc lòng những đoạn thơ ca đượm một tinh-thần yêu nước rất kích-động - Đây là lời của viên quan tòa đã thăm-vấn họ - Họ đi khắp Đông-Dương, tổ-chức những buổi họp bí-mật. Và đọc những điều răn mà một khẩu-khí hùng-hồn làm cho thêm phần linh-hoạt, và một mặt nữa về bí-mật bao phủ chung-quanh họ cũng làm câu chuyện họ nói có một sức quyến rũ lớn lao hơn nữa". (7)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(7) **Chú-thích:** trích trong bài "Bức thư ngỏ gửi các nhà nghiên-cứu truyện Kiều ở miền Nam về ý-nghĩa cuộc tranh-luận giữa Phạm-Quyên và Ngô-đức-Kể năm 1924". Nguyễn-văn-Hoàn đăng lại trong "Vụ án truyện Kiều" do Viện Đại-học Đà-Lạt xb (166, tập 2 trang 334), dẫn trong "Chú-dịch Nam Phong", Nguyễn-văn-Trung, Xuân Thu tái-bản, USA, trang 134.

Việc truyền-bá quốc-ngữ cũng chính là công-cuộc tuyên-truyền kêu gọi "cái hồn ái quốc gọi nhau trở về". Và quả cái hồn ái-quốc ấy như lời xác-nhận trên đây, đã trở về trong lòng đại dân-tộc khiến thực-dân khiếp sợ phải ra lệnh đóng cửa trường và truy lùng các nhà lãnh-đạo phong-trào. Đông Kinh Nghĩa-Thực tan vỡ nhưng ảnh-hưởng của Đông Kinh Nghĩa-Thực không bị tiêu-diệt. Quốc-văn quả đã là phương-tiện tuyên-truyền đặc-dụng hữu-hiệu nhất cho tinh-thần dân-tộc được hưng-phấn vươn lên.

Bởi vậy "chính sách thực-dân bằng sách vở" một mặt muốn áp-đặt nền văn-hóa thống-trị với việc thiếp-lập chương-trình và chế-độ thi-cử Việt-Pháp, mặt khác muốn mượn chiêu-bài quốc-văn làm phân-tán nhân-tâm, tiêu-ma lực-lượng đoàn-kết, cho nên "phải tổ-chức gấp một cuộc tuyên-truyền có phương-pháp nhằm thắm sâu vào mọi tầng lớp trong xã-hội bản-xứ. Mục-tiêu ấy chỉ có thể đạt được bằng cách sáng-lập ra những tờ báo quốc-ngữ có lãnh-đạo tốt và có kiểm-soát cẩn-thận". (8)

Đông-Dương tạp-chí và Nam-Phong tạp-chí ra đời mục-đích sâu-xa là mượn quốc-văn để tuyên-truyền chính-sách bảo-hộ của Thực-dân, khảo-luận về triết-học Đông Tây kim-cổ, hay nêu lên luận-án bút chiến về một nàng Kiều cũng là để cho

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

quần-chúng lãng-quên chuyện rồi-ren chính-trị, phản tuyên-truyền đối-phó với các cao-trào cách-mạng, làm quần-chúng phân-tâm sang những vấn-đề xa-xôi, hơn là để ta chú-tâm vào lòng yêu tổ-quốc. Cũng như phong-trào thể-thao thời Toàn-Quyền Decoux là để vừa gây cái kỳ-thị giữa các miền các xứ, vừa để dân-chúng quên khuấy đi những biến-động thế-giới hay quốc-nội bất-lợi cho chính-sách cai-trị.

Thế nhưng chính-sách chủ-trương ấy lại là con dao hai lưỡi, một mặt để cho văn-hóa Việt-Nam tiếp thu được những tư-tưởng tự-do, dân-chủ, nhân-quyền mà vùng lên, mặt khác quốc-văn có được miếng đất và cơ-hội để mà cải-tiến nảy-nở lan-trần. Chính-sách trên không hẳn đã được tất cả mọi người đón nhận.

(8) **Chú-thích:** trích báo-cáo của Thống-Sứ Bắc-Kỳ trình lên Toàn-Quyền về vấn-đề báo-chí. Tài-liệu ghi chép, Hoàng-văn-Lân, trường đại-học tổng-hợp, theo Nguyễn-đình-Chú "Thực-chất cuộc đấu-tranh giữa Ngô-đức-Kế và Phạm-Quỳnh chung quanh vấn-đề truyện Kiều", Nghiên-Cửu Văn-Học Hanoi số tháng 1960, dẫn trong "Chú-dịch Nam-Phong" Nguyễn-văn-Trung, Xuân Thu tái bản, Hoa-Kỳ trang 138.

Bên cạnh các nhà nho cương-quyết tây-chay, còn có giới thanh-niên cấp-tiến tích-cực chống đối, bằng những sáng-tác với lối văn mới gọn-gàng sáng-sủa hơn như "nhóm Đông-Tây của Hoàng-tích-Chu, nhóm Ngọ-Báo với Vũ-đình-Chí, nhóm Phụ-Nữ Tân-Văn ở Sài-gon và nhất là nhóm Tự-Lực Văn-Đoàn đã gọi Nam-Phong là "bà lão phố hàng Da" với một lối viết khởi-sắc hồn-nhiên. (Chú-dịch Nam Phong, sách đã dẫn)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Sự xuất-hiện của hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ chống nạn mù chữ, sự phát-triển của Tự-Lực Văn- Đoàn từ đó phân chia ra đủ các trường-phái: lãng-mạn, tà-chân, siêu-thực v.v.... Các sách vở báo-chí khác với những thể văn đủ loại, một mặt bài-trừ tẻ-đoan hủ-tục, đả-kích thối-nát bất-công, chống bóc-lột áp-bức, mặt khác chấn-chỉnh đạo-đức phong-hóa, cải-cách xã-hội, bảo-vệ nhân-quyền, đòi-hỏi độc-lập tự-do, dân-chủ, tất cả đã chứng-minh rằng văn-học quốc-ngữ chẳng những không bị suy-yếu mà còn lớn mạnh vươn lên hơn bao giờ hết.

Chính tiếng Việt đã là lợi-khí sắc bén hữu-hiệu cho các trào-lưu tiến-bộ này. Tiếng Việt quả thực tuyệt- vời trong vai trò giữ-gìn vận-mệnh quốc-gia.

Sự tuyệt vời này lại càng không thể phủ-nhận được khi ta lướt qua đoạn đường nửa thế-kỷ sau này kể từ 1945 đến nay, ở cả hai miền Nam, Bắc, tiếng Việt ngoài những khả-năng khác, được tận-dụng như một khí-cụ chiến-tranh chính-trị rất hữu-hiệu. Cũng như con dao năng liếc năng sắc, khí-cụ ấy càng tận-dụng càng thấy bén nhọn. Ai dám bảo rằng ngôn-ngữ Việt không đa-dụng, đa-năng?

b- Văn-học dân-gian: Ấy là xét qua văn-học chữ viết. Trở lại kho-tàng ngôn-ngữ truyền miệng để thấy rằng đầu cho hốt sách vở như quân Minh trước kia, hay như Cộng-sản sau này thu hết mọi tác-phẩm văn-hóa xuất-bản dưới chế-độ tự-do cũ đối-ngịch mà họ lạm-ngôn gọi đó là văn-hóa đồi-trụy, hoặc áp bức văn-học nghệ-thuật theo công-thức giáo-điều, thì vì còn miệng nói, còn tim óc nên vẫn còn ngôn-ngữ đối-kháng, xây-dựng.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

b1- Người viết vẫn không quên được bài hát ngộ-nghĩnh hồi đầu thập-niên 30 lúc còn để chỏm cùng với các bạn nhỏ trường làng ca hát, khi ấy chỉ biết hát là thể mà chưa hiểu được tinh-thần đề-kháng của dân ta. Hát rằng:



Ngô là ngô bên Tàu (à) Ngô là ngô mới sang (a)



Sang Nam Việt bán buôn làm giàu (à)

Người khác lại bĩu môi

“Cô kia đội nón chờ ai?

Chớ lấy chú Chiệt mà hoài tấm thân!” (Ca-dao)

và một bà nọ trong lúc sửa soạn cho năm hết Tết đến, đã dí-dỏm:

“Ba mươi Tết, Tết lại ba mươi

Vợ thẳng Ngô đốt vàng cho chú khách.

Một tay em cầm cái dù rách,

Một tay em xách cái chần bông.

Cô ra bờ sông,

Cô trông sang nước người:

Ới chú Chệt ơi là chú Chệt ơi!

Một tay cô cầm quan tiền,

Một tay cô cầm thẳng bù-nhìn

Cô ném xuống sông.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Quan tiền nặng thì quan tiền chìm.
Bù-nhìn nhẹ thì bù-nhìn nổi.
Ồi ai ơi! Của nặng hơn người!
(Ca-dao)

Bởi vậy họ bảo nhau nào có nhân-nghĩa gì chú chiệc bọn Tây:

“Lấy Tây lấy Chiệc làm chi?
So bề nhân-nghĩ chẳng bì An- nam.”

chi bằng

“Trâu ta ăn cỏ đồng ta
Tuy rằng cỏ cụt, nhưng mà cỏ Quê.”
(ca-dao)

Đó là lý-do tại sao người ta đã gọi họ là chú khách. Cái danh xưng này đã giải-thích tại sao dân-tộc Việt vẫn mãi-mãi giữ được bản-sắc của nguồn-cội. Người viết vẫn không quên hồi 1945, khi quân-đội Tưởng-Giới-Thạch sang Việt-Nam giải-giới quân-đội Nhật, chứng-kiến cảnh đoàn quân ghê lở chân phù ồm đói, lúc ấy trẻ em đã nhái theo bài Tiến-Quân-Ca - sau này là quốc-ca của nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa - hát trên gheo đám dân quân này mượn cố sang nước ta để giải-quyết nạn đói.

“Đoàn quân Tàu Ô đi, sao mà ốm thế!
Vác cái chân phù lê trên con đường Việt-Nam.”

Thì ra thứ ngôn-ngữ truyền miệng kia là tiếng nói công-phẫn đối-kháng của quần-chúng không muốn nhìn nhận những kẻ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

mà đất nước họ trước đây đã đặt ách đô-hộ lên dân ta trải suốt cả ngàn năm lịch-sử.

b2- Đối với những kẻ thống-trị mới, thì qua ca-dao trào-phúng, tiếng Việt cũng nói lên niềm khát-vọng độc-lập gìn-giữ giang-sơn.

“Bao giờ lúa mọc trên chì,
Voi đi trên giấy, Tây thì về Tây!”

Tiếng Việt đã nhắc-nhở nhau nuôi-dưỡng tiết-tháo, bất hợp-tác với quân thù:

“Văn-minh gặ buổi Lang-Sa,
Tri-âm thì ít trắng hoa thì nhiều.
Khuyên ai giữ chí về sau,
Đừng còn tập-tên Tây Tàu mà mo (mort = chết).
Thà rằng chịu đói no rau cháo,
Lấy chồng nghèo giã gạo nấu cơm.
Chẳng hơn thịt, cá đầy mâm,
Mà đem thân-thể làm thân thể này!”

Cũng với tiết-tháo ấy, tiếng Việt đã dè-bĩu những kẻ cam chịu làm tay sai cho thực- dân:

“Gáo vàng đem múc giếng Tây,
Khôn-ngoan cho lắm, tố thầy người ta!”
Những kẻ này đã bị miệt-thị là bọn bồi bàn điếm- đàng:
Đèn nhà lầu hết dầu đèn tắt,
Cửa nhà máy hết cháy thành than.
Em Hai ơi! Lấy chồng lựa chỗ cao sang!
Lấy chi thẳng điếm dọn bàn Tây ăn!”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Cho nên họ nhất-định phản-kháng việc đi lính cho Tây:

"Anh ơi! Đi lính cho Tây,
Con dại cả bày, để lại ai nuôi?"

Nhẹ-nhàng, kín-đáo hơn, tiếng Việt bóng-gió bảo nhau giữ sao cho "nặng tình non-nước", nhắc-nhở, đùm bọc "thương nhau vì bởi quê-hương một nhà" hay "rủ nhau cho rập mái chèo non sông!". "Từ các sông ngòi, hói rạch, đầm phá, ao hồ của toàn cõi châu Ô, vọng lên biết bao lời ca tình-tứ đậm đà, vấn-vương thương nhớ, mong đợi chờ trông" mà cũng thiết-tha niềm yêu quê-hương trước "tình-thế giang-sơn hiểm nghèo

"Gánh mít chợ Cù, gánh dưa chợ Bàn,
Chung một chuyến đò, qua bán về buôn,
Gặp nhau đây gói muối đùm cơm,
Thương nhau vì bởi quê-hương một nhà.
Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá
Đò về Vĩ-Dạ thẳng ngã Ba-Sinh,
Lờ-đờ bóng ngả trăng chênh,
Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non.
Sông Mĩ-Chánh bủa bao ngang dọc,
Đèo Hải-Vân chóc-lóc, cheo-leo,
Giang-sơn tình-thế hiểm-nghèo
Rủ nhau cho rập mái chèo non sông (9)

(9) Hương-Giang Thái-văn-Kiểm, Ô-Lâu Tình-Sử, sách đã dẫn

b3- Ngày nay trong khi bị áp-đặt bởi một chế-độ nô-lệ mới, chế-độ vô-thần muốn xóa bỏ biên-cương của gia-đình,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

tôn-giáo và tổ-quốc, sự phản-kháng ứa tràn trong ngôn-ngữ Việt. Khởi phải kể ra - mà làm sao kể cho hết - những tác-phẩm khảo-luận, xã-thuyết, tiểu-thuyết, thi-ca, chỉ một thi-phẩm căng đầy máu và nước mắt, tác-phẩm "Vô-Đề", còn được gọi là "Hoa Địa-Ngục", hay thi-phẩm "Thiên-Đường Máu" mới đây (Quê Ngoại xuất bản) cũng đủ nói lên được cái sinh-lực dồi-dào mãnh-liệt của tiếng nước ta trong ý-chí quật-cường xây-dựng tổ-quốc. Phong-trào "Nhân-Văn Giai-Phẩm" hồi cuối thập-niên 50 và hiện-tượng văn-nghệ đối-kháng hiện nay tại miền Bắc đã hùng-hồn minh-chứng tiếng Việt là khí-cụ tuyệt vời để nói lên niềm tha-thiết của dân-tộc đối với vận-mệnh quốc-gia. Nhưng trước khi có những tác-phẩm chữ viết như vậy xuất-hiện, thì ngay trong quần-chúng đã truyền miệng cho nhau những câu vè, giai-thoại, những bài ca-dao trào-phúng cay-độc, chẳng hạn:

"Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hoà

Áo quần bán trước cửa nhà bán sau.

Bác Hồ khuyên ăn cơm rau,

Chớ ăn thịt, cá mà đau dạ-dầy!"

Nếu tiếng Việt trong ca-dao đã đưa vào dân-ca cổ-nhạc thì tiếng Việt cũng gửi vào tân-nhạc những tình-tự dân-tộc, những khát-vọng đối với vận nước hồn quê. Phải nói rằng lời Việt trong âm-nhạc Việt-nam hiện-đại thật tuyệt-vời óng-ả. Như trên đã phân-tích, lời và nhạc dắt-diu nhau đi vào lòng dân-tộc, chủ-yếu chính là tiếng Việt đã đem cái sâu-sắc bóng bẩy, duyên-dáng du-dương của mình để rót vào tim óc quần-chúng tiếng gọi của non sông, tình yêu của dân-tộc. Chính tiếng Việt của nền âm-nhạc Việt hiện-đại trong tác-dụng truyền-cảm sâu-xa nhất, mãnh-liệt nhất, đã gắn liền hơn bao giờ hết với vận-mệnh quốc-gia. Tiếng nói ấy đầu

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

cho lưu-lạc nơi xứ người đất-khách, thì cũng như những cánh bướm Mélanesian xa-xưa phiêu-lưu bốn bể, vẫn không hề mai-một, vẫn nói lên cho cả loài người tình yêu nguồn-cội Việt-Nam, nỗi ưu-tư cho vận nước và niềm khát-vọng cho tương-lai quê Mẹ.

Xin đan-cử một bài trong muôn vản: "Chút Quà Cho Quê-Hương". Chỉ đọc không thôi, người nghe đã thấy xót xa tình yêu quê-hương nói chi không se-thắt con tim khi lại nghe nhạc dịu lời ca cho thêm réo-rắt thiết-tha, làm cho mọi người dù ở bên này hay bên kia đại-dương cũng không thể không rơi lệ:

"Gửi về cho anh dầm bao thuốc lá
Anh đốt cuộc đời cháy ngọn trên ngón tay.
Gửi về cho mẹ dầm chiếc kim may,
Mẹ may hộ con tim gan quá đoạ-đày.
Gửi về cho chị dầm ba xấp vải,
Chị may áo cưới hay chị may áo tang.
Gửi về cho em kẹo bánh thânh-thang,
Em ăn cho ngọt vì đời nhiều cay đắng.
Con gửi về cho cha một manh áo trắng,
Cha mặc một lần khi ra pháp-trường phơi thân
Gửi về Việt-Nam nước mắt đong đầy
Mơ ước một ngày quê-hương sẽ thanh-bình.
Gửi về Việt-Nam khúc hát ân-cần.
Mơ ước yên lành trong giấc ngủ da vàng.
(Việt-Dũng)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Không chỉ riêng người Việt mà cả đến người nước ngoài đều vô cùng phấn khởi say-sưa hát bản "Việt-Nam, Việt-Nam" của Phạm-Duy, không hẳn chỉ vì giọng nhạc cuốn hút mà còn vì lời lẽ tràn đầy dân-tộc-tính, nói lên tất cả cái nhân-sinh-quan, niềm khát-vọng chính-đáng cao-cả của con người Việt-Nam:

"Việt-Nam đem vào sông núi
Tự-Do, Công-Bình, Bác-Ái muôn đời....
---Việt-Nam trên đường tương-lai,
Tình yêu đây là khí-gió
Tình thương đem về muôn nơi,
Việt-Nam, đây tiếng nói đi xây tình người!"

Tiếng Việt thức-tỉnh nhân-dân, kêu gọi quần-chúng cùng nhau xây-dựng đất nước. Tiếng Việt bảo-tồn và phát-huy văn-hóa dân-tộc ngày thêm xán-lạn. Cho nên "Tiếng Việt còn thì nước ta còn", câu nói ấy vẫn là một chân-lý bất-diệt. Quả vậy, e rằng còn thiếu sót nếu chưa kể đến một khía-cạnh tích-cực của tiếng Việt trong nỗ-lực đẩy mạnh cuộc phát-triển quốc-gia. Đã có một thời, khi nền Đại-Học Việt-Nam mới thành lập với chuyển-ngữ Việt-văn, một số người bần-khoăn lo-ngại tiếng Việt không đủ để diễn-tả, nhưng rồi với nhiệt-tình và cố-gắng của các giáo-sư tiên-phong, dần-dà tiếng Việt đã hãnh-diện làm tròn đặc-lực vai trò chuyển-ngữ. Riêng về địa-hạt tôn-giáo, như Thiên-Chúa-giáo, ngoài phần các tín-đồ vẫn có kinh nguyện bằng tiếng Việt ngay từ lúc tôn-giáo này mới được du-nhập, khóa-lễ của các linh-mục vẫn đọc bằng tiếng La-tinh. Kể từ thập-niên 60, giáo-hội này đã thích-ứng với nhu-cầu của thời-đại, với sự phát-triển của ngôn-ngữ và của quốc-gia, các linh-mục chủ lễ đã hoàn-toàn sử-dụng Việt-Ngữ. Tiếng Việt hiện nay đã được hoàn-toàn

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đổ Quang-Vinh

triệt-để sử-dụng trong phụng-vụ cũng như trong các phương-tiện truyền-thông, dịch-thuật và trước-tác. Tại các chùa-chiền, cũng râm-ran các bản kinh hay âm-vang những bài hát cộng-đồng bằng tiếng Việt. Ngày nay cùng với cộng-đồng người Việt tha-hương khắp năm châu, tiếng Việt dễ-thương đã giới-thiệu được với toàn thế-giới nền văn-hóa cổ-truyền của cả một dân-tộc bất-khuất tự-do, cương-quyết mà cũng nhu-hòa chứa-chan tình-cảm. Tiếng Việt trong sáng ngọt-ngào, quả đã vượt thời-gian và không-gian, với sức sống mãnh-liệt, giới-thiệu với bốn bể năm châu: đất nước và con người Việt-Nam.

Chính vì vậy, chúng ta có bốn phận phải giữ-gìn sự trong sáng ấy và phát-huy tiếng Việt, đặt tiếng Việt vào chỗ ngồi xứng-đáng vẻ-vang.

II- Giữ-gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Tiếng Việt vốn trong sáng. Cứ nhìn kho-tàng văn-chương truyền miệng, đủ rõ bản-sắc dễ-thương này. Tiếng Việt phong-phú, ngày càng phong-phú nữa. Làm cho phong-phú thêm mãi, đấy là tinh-thần khai-phóng của nhà văn-hóa. Giữ-gìn cho tiếng Việt luôn luôn trong sáng giản-dị, ấy là biết đặt nặng tinh-thần dân-tộc. Những hiện-tượng sau đây đã làm giảm đi vẻ đẹp tự nhiên của tiếng Việt.

1- Hiện-tượng ngoại-lai. Nói về mặt kỹ-thuật diễn-tà, bên cạnh những nét son tô-điểm cho văn-chương Việt-Nam ngày thêm tươi đẹp rực-rỡ khi tiếp nhận tinh-hoa học-thuật nước ngoài, phải nhìn-nhận rằng đôi khi tiếng Việt ngày nay đã có xen lẫn vẻ cứng nhắc của ngôn-ngữ ngoại-lai. Các tác-giả ban đầu quen lối nói của người Âu-Mỹ, thói quen này cứ thế

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

áp-dụng không dẫn-đo khi viết tiếng Việt, lâu dần tập-quán của ngoại-ngữ biến thành tập-quán của Việt-văn. Sau đây là một vài ví-dụ quen thuộc, điển-hình xin miễn ghi xuất-xứ:

"Tờ báo X. đăng bài phỏng-vấn ông Nguyễn văn Y. **của** hai ký-giả A và B". Lỗi nói này "tây-phương" quá! Đối với Việt-văn, nó tối-nghĩa nếu không nói là lạc ý. Giả-thủ đây là lời nói, vì một lý-do nào đó, lời nói tự-dưng ngưng ở hai tiếng phỏng-vấn, thì câu văn thành ngớ-ngẩn là "ông Nguyễn-văn-Y của hai ký-giả A và B". Chỉ-định túc-từ rời vị-trí đúng của nó, không đứng liền với tiếng mà nó chỉ-định, nên mới ra nông-nổi. Nếu viết lại cho đúng với cú-pháp tự-nhiên của tiếng Việt: "Tờ báo X đăng bài của hai ký-giả A và B phỏng-vấn ông Nguyễn-văn-Y" tưởng nghe xuôi tai hợp lý hơn. Cũng vậy, một bản tin từ trong nước đánh đi, viết rằng: "tại đền Ngọc Sơn cũng có màn phát nón xanh, nhưng đó là ngày thả chim **của** các cụ. Văn Việt không viết thế, nhưng viết: ".... đó là ngày các cụ thả chim." Ở một tạp-chí khác: "Bà J.S. cho hay không-khí chung-quanh đã cởi-mở và hiểu về B.B.C hơn là lần tới Mỹ trước của bà cách đây hơn hai năm". Đúng ra, tiếng Việt cho được sáng-sủa nên viết là: "Bà....và hiểu về BBC hơn là lần trước Bà tới Mỹ cách đây hơn hai năm". Còn nhớ khoảng những năm 1950-53 nhà xuất-bản Yếm-Yếm Thư-Trang với tuần-báo Nhân-Loại tại Saigon, có mục "Nhặt cỏ dại, trồng hoa thơm" (?) nêu những khuyết-điểm, sai lầm trong việc xử-dụng ngôn-ngữ hầu xây-dựng tiếng Việt cho được trong sáng toàn-bích. Nếu như các tạp-chí ngày nay có thêm được mục này thiết-nghĩ rất cần-thiết và bổ-ích cho việc trau-giồi tiếng Việt nhất là đối với thanh-thiếu-niên Việt tại hải-ngoại hiện nay. Trên đây, chỉ là một hạn sạn nhỏ, nhưng dù nhỏ nếu được gạn đãi, trau-

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

chuốt thì bức tranh sơn mài kia vẫn giữ được vẻ tươi sáng và bóng-bẩy lên nước hơn nhiều.

2- Ngoài ra cũng phải nói đến một hiện-tượng khá phổ-thông đó là bệnh "dùng chữ". Quả thực, rất nhiều từ-ngữ Hán-Việt mỗi ngày mỗi khai-sinh làm giàu thêm cho ngôn-ngữ Việt-Nam song khuyết-điểm là sử-dụng bừa-bãi. **Tinh-thần khai-phóng được đáp-ứng song tinh-thần dân-tộc lại không được bảo-tồn, ngôn-ngữ trở nên cầu-kỳ, khúc-mắc, mất hẳn đi tính trong sáng giản-dị tự-nhiên.** Tại miền Bắc, lối văn này nhồi sọ quần-chúng hằng ngày theo nhu-cầu cấp-bách, chính những người tiếp-nhận để tuyên-truyền huấn-luyện lại cho quần-chúng cũng chưa thấu-triệt ý-nghĩa và công-dụng của ngôn-từ, trách sao dân-chúng tiếp-thu chẳng nói sai và người người đều mang cái bệnh "nói chữ". Trong câu chuyện hằng ngày, những chuyện hàn-huyên, chuyện chợ-búa cây cày, cuộc đàm-thoại rất những từ chính-trị "kêu to". Sau ngày 30-4-1975 tại miền Nam, lần đầu tiên thấy xuất-hiện những từ-ngữ thật ngây-ngô: "chiến-sĩ gái, chiến-sĩ trai, nhà đá nam, nhà đá nữ, xưởng đẽ", trong khi đó trên màn ảnh truyền-hình hiện ra bốn từ chữ Hán: "Sự-cố kỹ-thuật". Thái-độ dưới lập-dị kiểu-cách cho rằng càng nhiều từ-ngữ Hán-văn càng làm nên sâu-sắc uyên-bác, nhưng lại không thấy rằng đó là một khuyết-điểm lớn làm mất đi tính trong sáng của tiếng Việt. Cho nên thái-độ trên mới chủ-trương không dùng Hán-văn chừng nào tốt chừng ấy và nghĩ rằng đây là dân-tộc-tính vì dùng toàn từ thuần nôm "gái, trai, đá, đẽ". **Cả hai thái-độ đều cực-đoan, mâu-thuẫn. Vấn-đề không phải là nên hay không nên dùng từ Hán mà là dùng khi nào và như thế nào cho lọt tai và diễn-đạt ý được suôn-sẻ trọn- vẹn.** Nếu đã nói được nam, nữ như: nhà đá nam, nhà đá nữ, honda nam, xe đạp nữ, thì tại sao không

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

gọi là nữ chiến-sĩ, hay anh chiến-sĩ, chị chiến-sĩ là những tiếng xưa nay đã quen dùng tự-nhiên? Khi nói rằng nhà đáí, thì quả thực, đưa vào văn-từ "chữ viết" công-khai, nó đã mất đi vẻ thanh-tú của ngôn từ.

Có thể phân biệt những trường hợp sau:

2.1- Dùng Hán-tự khi tiếng Việt đã có đủ

Đôi khi du nhập Hán-tự là để cho câu văn gọn-gàng. Tuy nhiên trong trường hợp ngữ Việt không thiếu, lại vẫn có thể diễn tả đầy đủ và sáng sủa hơn, thì tại sao lại cứ nhất-định phải dùng Hán-tự khiến cho câu văn thêm nặng nề tối nghĩa? Chẳng hạn:

* **hiển thị:** 顯示 là hiện ra rõ-ràng. Tại sao không nói "sẽ hiện rõ trên màn hình" mà lại nói "sẽ hiển-thị trên màn hình"? Quả là rắc rối cầu kỳ khó hiểu, văn chương không còn bình dị để cho người bình dân ít học cũng có thể hiểu ngay không cần suy nghĩ.

* **ách tắc:** "Sau phiên tòa phúc thẩm xử vụ "chống người thi hành công vụ" xảy ra ở xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, sáng 9-10, hàng trăm người kéo ra khu vực trung tâm TP Phan Rang - Tháp Chàm phản đối gây ách tắc giao thông nhiều giờ"

(<http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/qay-ach-tac-giao-thong-sau-phiên-phúc-tham-20141009215142483.htm>).

Nói "ùn tắc" nghe còn có lý để hiểu vì ùn là dồn đọng lại thành đống. Chứ nói "ách tắc" là tiếng kếp Hán-tự, thì cầu kỳ không sáng-sủa.

Chữ Hán "Ách" 阂 nghĩa là ngăn trở, "Tắc" 塞 cũng có cùng nghĩa là ngăn trở. Nhưng hai chữ ghép lại, "ách tắc" là

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

chỗ đất hiểm yếu, vd: "Tần tuy tiểu ấp, phạt tịnh đại thành, đắc ách tắc nhi thủ chi, 秦雖小邑, 伐并大城, 得阨塞而守之. Tần tuy là một nước nhỏ, mà đánh đều thắng lớn, đó là nhờ ở chỗ đất hiểm yếu." Thực ra "ách" cũng có nghĩa là "chẹn, bóp" đã được Việt-hoá với nghĩa "bắt chẹn" theo từ-điển của Hội Khai Trí Tiến Đức, ví dụ: "ách nhân vu hiểm", cho nên ta thường nói xe đồ bị ách lại, hay bị chặn lại để lính khám xét; "tắc" 塞, Hán-tự có nghĩa là lấp kín, không thông, ví dụ bế-tắc, từ này cũng đã được việt-hoá như khi nói con đường tắc nghẽn hay mắc nghẽn không đi lại được. Tuy nhiên hai tiếng đã Việt-hoá rồi, tại sao không nói "đường phố bị nghẽn lối vì xe cộ kẹt cứng" lại dùng tiếng ghép đôi Hán-tự để thành ra nghĩa khác, lại làm cho câu văn thêm khó hiểu? Ngoài ra cũng từ điển trên của Hội Khai Trí Tiến Đức còn giải-thích thêm, ách-tắc là sự khó khăn về thời vận như: "Có đâu trái mấy nắng mưa, bao nhiêu ách tắc như xưa hãy còn" (Hoài Nam Ca). Bởi vậy nói rằng giao thông ách tắc e rằng không ổn.

* Nếu vì trời sương mù mà trên xa lộ nhiều chiếc xe hơi đụng nhau dây chuyền (xe nọ đụng đít xe kia) thì vì sao họ dùng chữ "đụng liên hoàn," cho ra Tàu, trong khi chữ liên hoàn còn có nghĩa "trở lại" như thơ liên hoàn là bài thơ mà câu cuối lặp lại câu đầu tiên. Cái xe đầu tiên bị đụng không thể nào đụng lại cái xe cuối cùng trên đường!

* **tường minh:** Sau đây là một cuộc đối-thoại về chữ nghĩa.

Phòng văn một nhà giáo, "tác giả và đồng tác giả nhiều tập sách dạy Văn theo đường lối Công nghệ Giáo dục tái bản nhiều lần trong hơn 20 năm qua", phóng-viên đặt câu hỏi:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Nếu trả lời trực tiếp hơn, *tường minh hơn ư, anh sẽ nói gì?*”

“Tường” 詳 là biết rõ, minh 明 là hiểu biết, chiếu sáng, làm sáng tỏ. Tại sao không nói rằng: “Nếu trả lời trực tiếp hơn, cho rõ-ràng hơn ư”? mà lại dùng Hán-tự làm chi cho cầu kỳ khó hiểu? Tiếng Việt đã có đủ chữ nghĩa để diễn tả suôn-sẻ ai cũng hiểu, sao phải dùng tới văn chương bác học?

<http://boxitvn.blogspot.ca/2010/02/day-van-hoc-van-nham-lan-va-thiet-thoi.html>

* “nội y” thay vì áo quần lót , “sở hữu” hơn là có , “khẩn trương” thay vì nhanh lên.

* Nếu chữ “liên lạc” của chúng ta dùng trong nghĩa trao đổi, thông tin thì cũng với nghĩa đó, họ dùng chữ “liên hệ,” như trong nghĩa nó có nghĩa trói buộc với nhau như gia tộc, con cái, họ hàng. Vì chúng ta đâu cần phải “liên hệ” qua điện thoại với một công ty khi chỉ cần mua một món hàng.

2.2- Chữ dùng sai nghĩa, sai văn phạm, hoặc một từ mà áp dụng cho nhiều trường hợp làm tiếng việt nghèo đi thành ngớ ngẩn

* Công nghệ dạy văn và đấu thầu ý tưởng:

Cũng trên mạng ấy, người được phỏng-vấn trả lời:

“Tôi sẽ nói là trẻ em không thích học văn, có khi chán ghét học văn, nên kết quả học văn rất thấp. Nội dung này tôi đã viết trên báo *Văn nghệ* từ năm 1986, và lấy lại bài báo đó in thành chương 4 cuốn *Công nghệ dạy văn.*”

Câu chuyện trao đổi tiếp theo:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Vâng, tiếc rằng... Để cho môn Ngữ văn ở trung học cơ sở và trung học phổ thông bây giờ thành ra như là một "môn học lạ". Môn học ấy cho ra đời những "bài văn lạ", những "kết quả thi kỳ lạ thấp và kỳ lạ vênh" giữa học sinh tỉnh này với học sinh tỉnh khác, những "đề văn và đáp án lạ"... Kỳ lạ hơn cả là ngay các giáo viên cũng rất lúng túng với môn học này, bây giờ những người soạn sách giáo khoa bắt đầu nói ra những bất đồng... Đã có những cuộc tranh luận dài kỳ trên báo... Rất lạ?

----- Nhưng tôi ngả nhiều hơn vào ý tưởng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đấu thầu ý tưởng soạn lại sách Văn ở trường phổ thông. Sau khi đấu thầu, sẽ có thể có ba nhóm đua nhau hoàn thành công việc."

Công 工 là thợ làm việc chân tay. Nghệ 藝 là nghề, tài năng, kỹ-thuật. Công-nghệ 工藝 là nghề chân tay, chỉ về phương-pháp kỹ-thuật, đem nguyên-liệu hoặc bán thành-phẩm chế biến thành sản-phẩm. Dạy học là lao-động trí óc. Thuật dạy học là một kỹ-năng (skill), thuật ngữ này liên quan đến trí-tuệ, đến tư-tưởng, cảm-xúc. Đề-nghị một phương-pháp, một kỹ-năng dạy học cũng như đưa ra quan-điểm về dạy học là những vấn-đề thuộc phạm-trù tinh-thần, tư-tưởng, còn nói "công-nghệ" là thuộc về lao-động chân tay liên-quan đến thể-chất và "đấu thầu" là việc mua bán hàng-hoá liên-quan đến vật-chất. Thật là vô lý khi nói thuật dạy học là một công-nghệ và việc thu thập tập hợp các quan-điểm dạy học là một việc đấu thầu thương-mại. Phải chăng đó là cách biện-chứng duy-vật để hạ thấp giá-trị nhân-văn.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Lại còn **"kỳ lạ vênh"**. Vênh là cong lên một bên như khi nói: tằm ván vênh. Tiếng Anh là "warped", giải-thích theo nghĩa bóng là một sự biến-dạng đạo-đức và tinh-thần, một sự thay đổi theo chiều hướng xấu như bóp méo xuyên-tạc sự thật, một tình-trạng không chính xác không rõ rệt, đặc-biệt một cách ngoan-cổ hay bất thường của giám-khảo hay diễn-xuất (a moral or mental distortion, a change for the worse, a status unclear and inaccurate, especially a perverse or abnormal way of judging or acting). Tiếng mới này đúng là kỳ lạ, vì thông thường người bình-dân quen hiểu theo nghĩa hẹp như khi nói miếng ván bị cong, bị vênh.

Chẳng biết tác-giả có ý nói theo nghĩa bóng của tiếng Anh hay không, nhưng nếu vậy, thì thiếu-nghĩ nên nói rõ ra theo nghĩa bóng cho rõ ràng cho văn chương bình dị trong sáng hơn. Nếu đúng vậy, thì coi như đây là tiếng lóng, không biết có tồn tại mãi với thời gian theo đà tiến hoá của văn minh văn hóa mai này?

*** vô tư:** Báo Người Lao Động đưa tin: (NLĐO)- Sáng nay 3-3, dù đã cam kết không nhận tiền nhưng các liên anh, liên chị quan họ ở Hội Lim vẫn đứng trên thuyền rồng "vô tư" đưa khay trầu nhận tiền của du khách và người dân.

(<http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/hoi-lim-lien-anh-lien-chi-phot-lo-lenh-cam-vo-tu-nhan-tien-20150303130933727.htm>)

Nhà thơ Nguyễn Duy có cả một bài thơ về tiếng "vô Tư"

"Người đầu ngày đó vô tư
em bây giờ có còn như bây giờ
Ngon lành gió lửng mưa lơ
vô tư như thực như mơ như gì
Mình vô tư với ta đi
vô tư nhau chả cần chi nhiều lời

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Vô tư thế chấp đời người
trắng tay còn chút coi trời bằng vung
Luật chơi cấm kị nửa chừng
vô tư đặt cọc tận cùng chiếu manh
Liên em vô tư liên anh
không ngây không dại không đành phải không?

<http://lucbat.com/news.php?id=8498>

Vô tư 無私 là công-chính, không thiên-tư, thiên-vị, nghĩa là không coi nặng bên này, coi nhẹ bên kia, nhưng đối xử ngang bằng như nhau. Còn nếu hiểu là vô tư-lự, thì lự 慮 là lo lắng, tư-lự là lo nghĩ. Nếu hiểu cả hai nghĩa thì cũng không ổn, tại sao không dùng từ quen thuộc xưa nay là "thần-nhiên, điềm-nhiên, tự nhiên, ngang nhiên, tự do, tha hồ, thoải mái, v.v.." cho tùy trường hợp, mà lại dùng chung cho mọi tình huống. Dùng xe rồi vô tư bỏ đi thay vì nói thần-nhiên bỏ đi. Thấy họ đánh nhau chảy máu đầu mà vẫn vô tư ngồi nhâm-nhi nhậu-nhẹt thay vì nói điềm-nhiên nhậu nhẹt. Hàng quốc cấm vô tư bày bán trước cửa trụ sở công an cảnh sát thay vì nói bày bán ngang nhiên. Xe này rẻ lắm, cứ vô tư mua, cứ vô tư lái xe đến nhà hàng, vô tư cạn mấy chai bia, rồi vô tư điện về nhà khoe với vợ con. Gặp trường hợp nào cũng vô tư, người người vô tư, vô tư tràn lan rộng khắp, người làm văn-hoá quen viết vô tư huống chi người bản-dân cũng quen miệng vô tư.

Có thể ban đầu, hai tiếng "vô tư" đã được sử dụng đúng nghĩa. Thử tưởng tượng bên bàn nhậu, mấy ông đang bô bô bàn chuyện "nước non", chuyện "đấu-tranh quyền lực", thì bỗng có một ông thắm đậm men cay, giở say giở tỉnh, đứng lên khoa tay gạt đi mà rằng: "Thôi đi các cụ ơi! Xin van các cụ! Hơi sức đâu mà bàn chuyện trên trời dưới đất, "đấu tranh" với chả "tránh đâu", cứ vô tư đi! lo nghĩ thắc mắc làm

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

chi cho chặt óc, mệt sức! vô tư đi mà say sưa ngủ kỹ, ấy là thượng sách!" Thế là cả bàn nhậu nhao nhao, cụng ly cao giọng "vô tư! vô tư!". Giọng nói "vô tư" đúng là giọng trào-phúng ẩn chứa sự châm-biếm mỉa-mai, rồi theo đà truyền nhau lan rộng thành cái dịch chữ nghĩa "vô tư". Phải chăng là thế?

* **Hết vô tư lại đến rất tâm tư, rất tâm trạng, rất hoàn cảnh.** Xin trích một vài bản tin từ trong nước:

"**Không phong Tượng, anh em tâm tư**.....

.....Bộ trưởng Quốc phòng cho hay:.....Cả toàn quân chỉ có trường này to nhất. Học viện Hậu Cần trước đây là 3 trường sỹ quan, trung cấp hậu cần, giờ là ba trong một. Như vậy có từ lâu rồi, giờ hạ xuống, anh em **rất tâm tư**".

<http://www.giaoducvietnam.vn/Xa-hoi/Dai-tuong-Phung-Quang-Thanh-Khong-phong-Tuong-anh-em-tam-tu-post151969.gd>

"VINACOMIN (công ty mẹ của Công ty than Khánh Hoà) **rất tâm trạng** khi thông tin với chúng tôi về việc ngày 1-11-2014,..." (<http://baothainguyen.org.vn/trang-in-221901.html>)

"Bộ trưởng Bộ y tế Nguyễn Thị Kim Tiến đã cảm thấy **quá "hoàn cảnh"** sau khi khảo sát một số khoa, phòng của bệnh viện Chợ Rẫy về công tác giảm tải vào sáng 7.7."

<http://motthegioi.vn/xa-hoi/bo-truong-bo-y-te-benh-vien-cho-ray-qua-hoan-canhh-84843.html>

"Đôi lúc con bạn sẽ **rất "tâm trạng"**. Rồi chúng có thể ương bướng, lười biếng, ngủ nhiều và trầm ngâm, ít nói hơn".

http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/day-con-tuoi-teen_210121.htm

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Tâm-tư, tâm-trạng, hoàn-cảnh là những danh-từ, lại dùng như một tính-từ, cũng như "Tôi sẽ **kỷ luật** anh" thay vì "Tôi sẽ phạt anh, vì "kỷ luật" là danh từ chứ không phải là động từ.

* "Nhất định tôi sẽ **giải phóng** con chó này" thay vì "nhất định tôi sẽ làm thịt con chó của tôi". Nói về việc "**Khó hoàn thành nâng cấp đường sắt Hà Nội - Lào**", bản tin viết:

"Theo chỉ đạo của Bộ GTVT, dự án này sẽ phải hoàn thành trước quý I/2015, sớm hơn 6 tháng so với kế hoạch ban đầu. Tuy nhiên, mục tiêu này có nguy cơ không đạt được, do hiện nay có hạng mục vẫn gặp vướng mắc trong **giải phóng mặt bằng**".

<https://www.google.ca/webhp?sourceid=chrome-instant&ion=1&espv=2&ie=UTF-8#q=kh%3%b3%20ho%3%a0n%20th%3%a0nh%20n%3%a2ng%20c%e1%ba%a5p%20c4%91%c6%b0%e1%bb%9dng%20s%e1%ba%aft%20h%3%a0%20n%e1%bb%99i%20-%20l%c3%a0>

Từ-Điển Hán-Việt định nghĩa: giải-phóng là cởi ra, mở ra, là thả ra, phóng thích, làm tiêu tan, giải-trừ gò bó, đem lại tự-do. Giải phóng (libérer) như vậy liên quan đến con người thuộc phạm-vi nhân-văn, còn giải-toả (dégeler, débloquent; décongestine, désinvestir) liên-quan đến sự vật. Nói rằng "giải-phóng Miền Nam", giải-phóng ách nô-lệ, nghe còn hợp lý, không thể nói giải-phóng đất đai, nhưng ta chỉ nói giải-toả đất đai, giải-toả đô thị, giải-toả một ngân-khoản, giải-toả một cứ-điểm, giải-toả một con đường.

* **Tham gia:** Thay vì nói "Ban văn nghệ sẽ tham gia biểu diễn một tiết mục", thì nên nói: "Ban văn nghệ sẽ đóng góp một màn diễn", như vậy chính-xác hơn. Trong một đề-mục "**Hướng dẫn người tham gia giao thông của Cục Cảnh sát giao thông**", có bài "**Xem người Mỹ tham gia giao thông**"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

như sau: “Tôi đã được tận mắt nhìn thấy cách thức đi lại, **tham gia giao thông** của người Mỹ. Đúng như nhiều người nói với tôi trước đây, người Mỹ đã xây dựng cho mình một văn hóa giao thông tiên tiến...”

<http://www.csqt.vn/tintuc/c-166/Huong-dan-nguoi-tham-gia-giao-thong.html>

Nói về **Tai nạn giao thông**, “luật Giao thông đường bộ quy định các quy tắc chung để mọi đối tượng thực hiện khi tham gia giao thông là:

1. **Người tham gia giao thông** phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

2. Xe ô tô có trang bị dây an toàn thì người lái xe và người ngồi hàng ghế phía trước trong xe ô tô phải thắt dây an toàn”.

Như vậy thì tham-gia giao-thông chính là nói chung về sự lưu thông trên đường phố. Tham gia 参加 là tham dự, gia nhập, góp phần vào (participer, prendre part) như khi nói tham gia kháng chiến, tham gia đoàn chủ tịch, tham dự buổi họp, tham dự cuộc triển-lãm. Tại sao không nói là người đi đường, khách bộ hành, xe cộ lưu thông? Tiếng Việt giàu từ phong-phú, thu gọn vào một động-từ “tham gia” áp dụng cho mọi trường hợp, làm cho tiếng Việt nghèo thêm đi.

* **“Thu nhập bình quân”** thay vì phải nói thu nhập trung bình. Cần phân biệt:

Thu nhập là tiền vật thu nhận vào. **Lợi tức** là tiền lời. Như vậy thu nhập bao gồm cả tiền vốn lẫn lời. Trong kinh-tế-học, khi kết toán sổ sách xem lời hay lỗ, nếu lời thì phải nói lợi tức (net income) chứ không nói thu nhập

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Còn **bình quân** thì khác với **trung bình**: Trung bình (average, mean) là vừa phải, ở khoảng giữa, vd: lấy số trung bình, mức trung bình; sự ước lượng trung bình (*average = around the middle of a scale of evaluation relating to or constituting the middle value of an ordered set of values, or the average of the middle two in a set with an even number of values, i.e:*

the median value of 17, 20, and 36 is 20

the median income for the year was \$15,000)

hay nói theo toán học: Giá trị trung bình là trung bình của các con số, tức là cộng tất cả các con số, sau đó chia cho bao nhiêu số có. Nói cách khác, nó là số tổng cộng đem chia cho số lượng. (*The mean is the average of the numbers. It is easy to calculate: add up all the numbers, then divide by how many numbers there are. In other words it is the sum divided by the count).*

quân bình = đều bằng nhau, **bình quân**, theo từ điển của Hội Khai Trí Tiến Đức, là chia đều nhau. Hán Việt Từ Điển định nghĩa bình quân như sau:

a) Đồng đều, không khác biệt (về nặng nhẹ, nhiều ít,...).vd: *Phân nhục thậm bình quân, phụ lão thiện chi* 分肉甚平均, 父老善之

b) Tính trung bình, chia đều.

vd: *nhĩ tương thặng hạ lai đích tiền bình quân phân cấp đại gia* 你將剩下來的錢平均分給大家 anh đem tiền còn dư chia đều cho mọi người.

Hiện nay tại Việt-Nam, các từ này dùng lẫn lộn

* **Chất lượng**. vd: Phòng văn Thứ-Trưởng Bộ Công Thương về "Chất lượng thấp nhưng giá đường VN đắt gấp

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

đôi thế giới”, được trả lời như sau: “... Cứ giả sử *chất lượng* của ta bằng các nước, vậy giá trong nước phải cao thế nào các doanh nghiệp mới nhập khẩu, dù phải chịu thuế. Hay nếu giá đường trong nước bằng hoặc thấp hơn giá thế giới, thì *chất lượng* phải thế nào các doanh nghiệp mới nhập khẩu với thuế suất cao như thế chứ?...”

tuoitre.vn/tin/kinh-te/20150309/chat-luong-thap-nhung-gia-duong-vn-dat-gap-doi-the-gioi/717977.html

“Chất lượng” là phẩm chất tốt hay xấu (quality) và số lượng đếm được nhiều hay ít (quantity). Khi nói về phẩm chất tốt, xấu, không thể bao gồm cả hai được. Thay vì nói: “Cần nâng cao chất lượng trong công tác sản xuất”, nên nói: “Cần làm sao để cho ra các sản phẩm tốt”.

* **Cảm-giác.** Cảm giác là phản-ứng thuộc về giác quan (sensation), cảm tưởng, cảm nghĩ thuộc về tinh thần (impression). Nói rằng “tôi cảm giác bài nhạc rất mùi lòng” là lẫn lộn với cảm tưởng hay cảm nghĩ. Đúng ra có thể nói: Tôi nghĩ là / Tôi có cảm tưởng bài nhạc dễ gây xúc-động.

* **Khả-năng** là có thể làm được việc gì. Tiếng Anh định-nghĩa là *“ability possession of the qualities (especially mental qualities) required to do something or get something done”*. Từ-Điển Hán-Việt giải thích là “Có tài sức làm được, biểu thị khả dĩ thực hiện. Sách Lễ Ký viết: **Dưỡng khả năng dã, kính vi nan** 養可能也, 敬為難 = Nuôi dưỡng cha mẹ có thể làm được, nhưng tôn kính cha mẹ mới là khó làm. Ví dụ: có thể nói “Bệnh-nhân có khả năng mắc bệnh mất trí nhớ”, (tuy nhiên để giản dị hơn, nên nói “Bệnh-nhân có thể sẽ mắc bệnh mất trí nhớ”). Thực là sai lầm và kỳ-cục khi nói “trời hôm nay có khả năng mưa” thay vì phải nói “trời hôm nay có thể mưa”.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Loan tin việc “đứt cầu treo, hơn 40 học sinh rơi xuống suối”, một tờ báo viết: “Trưa qua, chiếc cầu treo bắc qua suối Nậm Lay (thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên) bất ngờ đứt cáp khiến 42 học sinh THPT Nậm Cán trên đường đi học về đã bị lộn nhào xuống suối. Trao đổi với [VnExpress.net](http://www.vnexpress.net) sáng nay, Chủ tịch UBND thị xã Mường Lay Nguyễn Thành Phong cho biết, ngay sau tai nạn, các em được đưa đến Bệnh viện đa khoa Mường Lay. Tối qua lãnh đạo tỉnh và thị xã đã xuống thăm. **Khả năng** chiều nay 35 em sẽ xuất viện do bị thương nhẹ. 3 em bị gãy tay, trật khớp còn nằm lại điều trị”, (<http://www.vnexpress.net/GL/Xa-hoi/2008/11/3BA083A8/>). Theo đúng tiếng Việt phải nói là “**Có thể**, chiều nay 35 em sẽ xuất viện...”)

Tiếng Việt rất phong-phú, giản-dị, ví dụ hỏi: “không biết hôm nay anh ta có đến được không? Thay vì trả lời “có thể lắm”, hay “chắc hẳn bạn không thể đến được” thì lại trả lời: “có khả năng hay khả năng là hẳn sẽ không đến, v.v..”. Tại sao lại cứ nhất thiết phải dùng Hán-tự, lại còn dùng bừa-bãi cho bất kỳ mọi trường hợp?

Thay vì “ghi tên dự thi” thì lại nói “**đăng ký dự thi**”. Thay vì nói: “Hầu hết người nghe đều nắm vững và thông suốt vấn-đề (hay hiểu rõ vấn-đề)”, thì lại nói “**tuyệt đại đa số** thí-giả đều **nắm bắt, và tiếp thu xuyên suốt** vấn-đề”. Thay vì “cần coi trọng việc quảng cáo”, thì lại nói: “**chủ yếu tập trung vào khâu quảng cáo**”. Thay vì nói: “Các bạn nên cố gắng làm cho xong”, thì lại nói: “Các bạn nên **tranh thủ** làm cho xong”.

* Trả lời những câu hỏi về việc “**Đài Loan bắt giam và trục xuất người vượt biên từ Việt Nam**”, Ông Nguyễn Bá Hải,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

trưởng phòng Quản Lý Công Nhân Việt Nam thuộc Phòng Văn Hoá Kinh Tế Việt Nam tại Đài Bắc, trả lời những câu hỏi của Thanh Trúc như sau:

“Khi mà họ báo cho phía Việt Nam thì Việt Nam sẽ phải giúp họ làm thủ tục, thậm chí là họ ở đâu thì **bộ phận theo dõi** về việc này là đến tận nơi gặp những người đó xem là như thế nào để giúp cho họ quay về nước.....**Đại bộ phận** là đi kiểm việc làm đấy nhưng mà lại **không đi qua con đường chính thống**. Mà thông thường là họ sang Trung Quốc, từ Trung Quốc người ta thuê thuyền người ta đi.....(http://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/Vietnamese-detained-by-crossing-border-to-Taiwan-TTruc-01292009163339.html)

Theo mạch văn thì bộ phận là một ban, phòng, sở hay chi cục trong một cơ quan, vì bộ phận (part) là một thành phần của một tổng-thể như bộ phận của máy, bộ phận của cơ-thể. Nếu vậy thì nên nói: "... ban/phòng/sở đảm-trách việc theo dõi". Còn về "đại bộ phận" thì lại hàm ý tổng-quát bao gồm hết thầy, và "chính-thống" hàm ý chính-thức được thừa nhận. Như vậy sao không nói rằng "*nói chung, xét cho cùng thì họ đều có ý đi kiểm việc làm đấy, nhưng lại không theo con đường chính-thức cho hợp pháp....*", việc chi phải "nói chữ" cho cầu-kỳ khiến câu văn nặng-nề rườm-rà mất đi sự trong sáng của tiếng Việt vốn giàu và đẹp?

* Nói rằng: "**Chỉ có 1% số giáo sư ở Việt Nam là phụ nữ, đài VOA Tiếng Việt**" loan tin: ".....giáo sư Phạm Phụ, giảng viên trường đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh, một người thường lên tiếng góp ý về **chất lượng** giáo dục tiến sĩ tại Việt Nam nói: "*Trong thực tế thường thường số giáo sư nữ tương đối ít, vì phụ nữ theo văn hóa phương*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Đông thì thường gánh vác công việc gia đình nhiều hơn. Vì vậy, mặc dù *trong mặt bằng chung thì chưa cao*, nhưng trong điều kiện của Việt Nam để đạt đến giáo sư thì các chị em cũng phải cố gắng nhiều lắm. Phụ nữ thường đến giai đoạn lên được bậc tiến sĩ, phó giáo sư thì cũng là lúc có con cái, gia đình nữa. "... Nếu đi sâu vào lĩnh vực khoa học xã hội thì theo tôi *phương pháp luận* ở Việt Nam có vấn đề, đó là một trong các nguyên nhân ảnh hưởng đến *chất lượng* đào tạo tiến sĩ. Theo tôi, để đặt tiêu chí lớn như vậy thì thế nào cũng ảnh hưởng đến chất lượng. Theo tôi, nên đặt chỉ tiêu vừa phải thôi.."

<http://www.voanews.com/vietnamese/news/vietnam-female-professors-11-20-10-109504094.html>

Mặt bằng thuộc về hình-học. Trong khoa địa-hình, đó là mặt phẳng cắt song song với mặt hình chiếu phẳng, là hình quan-trọng nhất trong các bản vẽ kiến-trúc. Khi phải nghiên-cứu một công-trình quy-mô phức-tạp, cần đề ra một phương-pháp, một đường lối với những luận-cứ về cách thức tiến hành để thực-hiện, ấy là nói đến phương-pháp luận, đây là một thuật-ngữ liên quan đến triết-học luận-lý. Cách "nói chữ" này cũng làm cho câu văn "kêu to" nhưng rỗng ý. Nếu nói rằng: "*mặc dù nói chung kết quả việc đào tạo chưa cao*," và "*phương-pháp nghiên-cứu (hay cách thiết-lập dự-án)* có vấn-đề ..." thì hiển-nghĩ sẽ dễ hiểu hơn nhiều.

Có những địa-hạt, việc dùng chữ nghĩa quá tùy tiện và ngu dốt, một cách "nói chữ" như chữ "xử lý" bị lợi-dụng một cách nặng-nề và không cần thiết như nói "xử lý cá xong" thì đến "xử lý" rau. Thay vì nói đơn-giản "một con bọ xít" thì họ nói "một cá thể bọ xít,"

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

* **bức xúc:**

Hán Việt Từ-Điển giải nghĩa:

nếu là động từ:

a) Bức là buộc, bó lại. Như: **thúc thủ** 束手 bó tay. Nguyễn Du đã dùng lối bốn chữ khi nói về Thúc Sinh thua kế vợ cả là Hoạn-Thư đã cao tay hạ nhục chàng rằng: "Người đâu sâu sắc nước đời, mà chàng **Thúc** phải ra người **bó** tay"

b) Ép buộc, cưỡng bách. (Cũng như **bức** 逼.)

c) Uy-hiếp, cưỡng-bách, ép buộc. Như: **cưỡng-bức** 強逼 là ép buộc, **uy-bức** 威逼 là uy hiếp.

nếu là tính-từ, bức có nghĩa là chật hẹp, gò bó.

Bức-xúc 逼促 nghĩa là thôi thúc, bức bách.

Vd: Giá quan nhân đãi tu du, hữu nhẫm bàn tương bức xúc.

這官人待須臾, 休恁般相逼促

(Xin vị quan nhân đợi chốc lát, đừng có thôi thúc như vậy.)

Trong Từ Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức không có "bức xúc" nhưng giải nghĩa các từ sau đây:

Bức = nóng nực, nghĩa rộng là **khó chịu**

Bực = không được thoả bụng như **bực dọc, bực mình**, Ví dụ: "Bực mình chẳng muốn nói ra", hay như ca-dao:

"Rồng vàng tắm nước ao tù,

Người khôn ở với người ngu bực mình"

Bứt-rứt = bực dọc, bức tức

Tức mình=bực trong mình như: nghe chuyện trái tai mà tức mình.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Hiện nay, từ khi có Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam, tiếng “bức xúc” được dùng bừa bãi, tràn lan, trở thành một hiện-tượng, ví-dụ:

Phim hay đang coi thì bị sự cố tôi rất *bức xúc*.
Nghe cán-bộ giải-thích, chúng tôi quả thực *bức xúc*.
Tôi thật *bức xúc* với thái độ hống hách kiêu kỳ của hắn.
Thật *bức-xúc* phải nghe cán bộ nói dai, nói dài, nói dở.
Chuyện dây dưa chẳng giải quyết thì phải *bức xúc* chứ!
Khi không mất đất đai, bảo sao mà dân chẳng *bức xúc*?
Xử án bất công nên dân *bức xúc* là phải rồi.

“*Bức xúc* khi xe tải đâm học sinh, rồi lùi lại cán tiếp cho chết: “Nhiều người chứng kiến vụ tai nạn và *bức xúc* trước hành động của tài xế xe tải, sau khi đâm học sinh rồi tiếp tục lùi lại chạy cán tiếp lên lần nữa”.

v.v...

Tiếng Việt đâu có nghèo nàn, giàu từ, phong-phú lắm. Tại sao không nói là: tôi cảm thấy bức-bội, khó chịu, bức tức, tức tối, giận trong bụng, bức dọc, bần khoăn, trăn-trở, bất mãn, bất bình, không hài lòng, v..v.....tuỳ hoàn-cảnh, tuỳ trường-hợp mà sử-dụng, làm đẹp cho tiếng nước ta; sao lại cứ phải lệ-thuộc nhất-thiết chỗ nào, gặp đâu cũng tuỳ tiện “bức xúc” với “bức xúc”? Tinh-thần đê-kháng cố-hữu của Việt-tộc để đi đâu? Nên nhớ tổ-tiên mình đã không chịu khuất-phục nô-lệ, nên đã sáng tạo chữ Nôm làm cách viết riêng mà không chịu dùng Hán-tự.

2.3- Ghép chữ vừa Hán vừa Việt

Siêu trắng rọi sáng bầu trời thế giới
Siêu Sao Bóng Đá
Siêu sủng bắn tia

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Súng máy siêu độc của quân đội Triều Tiên

"Siêu trộm" gặp "siêu cướp"

Vận tài siêu trường siêu trọng

Siêu Quậy Trường King and Queen - Đọc Truyện Online

“Những mảnh đất “vàng” dễ trở thành... “nhà siêu mông”:

“Một số hộ đã tự ý xây dựng, cải tạo thành cửa hàng kinh doanh; một số hộ thì xây tường, che chắn bằng tôn... Và nếu như chính quyền, cơ quan chức năng không kiên quyết, buông lỏng quản lý, chắt chắt những lô đất này sẽ biến thành những căn nhà “*siêu mông*”, “*siêu hẹp*” trong tương lai”.

<http://cafef.vn/bat-dong-san/nhung-manh-dat-vang-de-tro-thanh-nha-sieu-mong-201411160837143579.chn>

2.4- chữ Việt dùng sai

Ca-dao có bài:

Tháng Giêng ăn Tết ở nhà,
Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè.
Tháng Tư đong đậu nấu chè,
Ăn Tết Đoan Ngọ trở về tháng Năm.
Tháng Sáu buôn nhãn bán trăm.
Tháng Bảy ngày Rằm xá tội vong nhân.
Tháng Tám chơi đèn kéo quân.
Trở về tháng Chín chung chân buôn hồng.
Tháng Mười buôn thuốc bán bông,
Tháng Một, tháng Chạp nên công hoàn thành.

Việt-ngữ với cấu-trúc theo lối song trùng, lưỡng từ (*xin xem chương 8: Tiếng Việt với Triết-Lý Âm Dương và Đạo Sống Thái-Hoà: http://doquangvinhvnguồn.com/tvtv_trichdan.html*), người Việt quen tình-lược tháng Mười Một thành tháng Một và như

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

vậy tháng đầu năm, thay vì nói tháng Một, ta quen gọi là tháng Giêng. Tháng cuối năm là tháng giáp Tết, vào những ngày cuối tháng, người Việt mang theo văn hóa cội nguồn từ vùng Lưỡng-Quảng, có tục lệ đi tảo mộ, họ gọi là đi “đạp mả” phiên âm theo ngôn-ngữ của vùng này là “chạp mả”. Vì vậy tháng mười hai vẫn quen gọi là tháng Chạp. (*xin xem http://doquangvinhvenquon.com/uploads/3/5/3/0/3530842/tet_trong_truyen_thong_van_hoa_dan_toc_newest.pdf*). Cách nói xuôi tai này đã phổ-cập từ ngàn xưa, nhưng hiện nay, trong nước cũng như ngoài nước, nhiều nơi làm ngược lại, gọi tháng Giêng là tháng Một, nên tháng kế tiếp tháng Mười thì gọi là tháng Mười Một.

Ngoài ra bây giờ còn thấy nói **buổi đêm** thay vì ban đêm. Từ-Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức giải thích “ban” là đương lúc, đương buổi (không dùng một mình), còn “buổi” là khoảng thì giờ trong một phần ngày, một thời kỳ ít lâu.

Vậy Buổi là một khoảng thời gian được chỉ định, một thời kỳ, ta nói: buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối. Còn Ban (time) là thời gian nói chung, ta nói: ban ngày, ban sáng, ban trưa, ban chiều, ban đêm, vì đêm thường là thời-gian ngủ, không có hạn-định, không xác-định nên gọi là ban đêm.

Xin kể ra đây một bài nhại lại “tiếng Việt mới” ngày nay, được *nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo* khôi-hài châm biếm là: “**Tiếng Việt đọc chết liền**” (xem: “[Tiếng Việt đọc chết liền! | Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo](#)” hoặc: [Tiếng Việt đọc chết liền - Ao thả vịt - BeBanQuanhTa](#)).

Bài viết như sau:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Chú cán bộ công an A giải phóng thím phó giáo sư tiến sĩ Z trong một sự cố giao thông ở vùng sâu vùng xa, hùng hiểm ngoài Bắc, chú phát hiện thím đẹp cực kỳ. Sau cuộc gặp ấn tượng đó, thím là đối tượng của chú. Chú thím thành sơ hữu, âm thầm chú tích cực truy kích tư liệu, làm rõ lý lịch trích ngang của thím, của cả các thành viên trong gia tộc thím. Té ra, thím là chị ruột của một nghệ nhân nghiệp dư trong làng Quan Họ và một siêu sao trong làng VPop. Rồi chú tranh thủ liên hệ với thím. Thi thoảng, rảnh công tác, chú đột xuất đón thím về tham quan đa số cảnh quan Hànội. Qua trao đổi, lần hồi chú trọng thị thím, thống nhất thím, và nhất trí đăng ký, tranh đấu quản lý đời thím bằng một đám cưới thuộc diện đại trà, nào thực đơn cao cấp, lễ tân chiêu đãi chất lượng cao vì khách chủ yếu gồm đủ mặt quan chức các bí ban, các nghệ sĩ ưu tú, các nghệ sĩ nhân dân quanh thủ đô ngàn năm văn vật cách mạng anh hùng cho tương thích với vị trí của chú.

Cưới được vợ đẹp xong, chú phấn khởi quản lý đời thím và hồ hởi đăng ký làm chiêu sinh ngành hải quan.

Nhờ ơn đảng và nhà nước chú lại trúng thưởng xổ số quốc gia được 500 triệu. Chú khẳng định cải tạo mặt bằng căn hộ của chú, nâng cấp thành tổ ấm đúng tiêu chuẩn EU. Mua một cái đài, một đầu máy; đặc biệt một dàn vi tính HP với bộ vi xử lý P4 đương đại, truy cập nhanh, điều phối LCD, ổ cứng trên 60 tỉ bai, đầy đủ phần mềm như cơ sở dữ kiện, bộ gõ TCVN, truyền dữ liệu, ác liệu, phần mềm gián điệp, mạng mạch, nạp luôn chỉ trình 3D... cộng thêm máy quét, máy in lê-dờ, máy ảnh kỹ thuật số. Chú còn mua một chiếc xe con để thím đi làm ở cơ quan chủ quản. Riêng chú vì quá bận với nhiều quy trình tắc tị, nên chú chỉ khẩn trương về nhà thao tác máy vi tính độ nửa giờ buổi đêm nên có khả năng không đạt yêu cầu để trúng tuyển cấp thủ trưởng ở cơ quan hải quan nhập khẩu tại cửa khẩu Việt-Kampuchia, chú quá bức xúc nên tâm tánh

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

chú chao đảo rồi bị cao huyết áp. Một hôm chú đưa thím về thăm quê cũ, chú tham quan đa phần chợ trời miệt cửa khẩu Hoa-Việt, duy ý chí truy tìm và mua được một đùai cây tơ về nhấm với rượu đặc sản, say sưa rồi chú tinh tướng gây thím. Vợ chú nhiech chú là đồ tập kết biển chất, hủ hóa và hăm he đi đề nghị với bí ban. Chú quát:

- Cái thứ đàn bà chưa ai vấy đã le te đi ủng hộ như mầy, ngủ thì tích cực lắm, mà làm thì chẳng thấy có kiên quyết gì hết. Muốn đề nghị để ông đi đề nghị cho một thể, ông trường kỳ với mầy mà...

[Tiếng Việt đọc chết liền - Ao thả vit - BeBanQuanhTa

<http://bbqt.com/forum/index.php?/topic/5748-ti%E1%BA%BFng-vi%E1%BB%87t-d%E1%BB%8Dc-ch%E1%BA%BFT-li%E1%BB%81n/>]

3- Cũng còn phải kể đến việc lạm-dụng ngôn-từ.

Những tiếng như "bọn, thẳng, hần, nó, chúng nó" tùy cách dùng mà ý-nghĩa khinh-miệt ghét bỏ gia-giảm mức độ, tùy hoàn-cảnh diễn-tả mà ngôn-ngữ thành dễ thương hay thô-kịch mất vẻ thanh-cao. Nói "thẳng ăn trộm, bọn cướp" còn nghe được vì đúng như thế. Bọn bè rủ nhau gọi "bọn mình, thẳng ấy" là lẽ thường thân-mật. Chứ như đối với những người đáng bậc tôn-kính nhưng chỉ vì bất-đồng tư-tưởng lập-trường mà bạ ai cũng gọi là thẳng thì thấy chướng tai và tỏ ra không tự-trọng. Ông Trời cao thẳm mà còn bị coi là thẳng thì quả ngoài sức tưởng-tượng của con người. Nhất nữa, đó không phải chỉ là ngôn-ngữ thì-thầm riêng-tư, nhưng là văn-từ khẩu-hiệu công-khai đàng-hoàng:

“Thẳng Trời hãy đứng một bên,
Để ông thủy-lợi đứng lên làm Trời!”

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Ngôn-ngữ tuy là phương-tiện truyền-thông nhưng cũng còn có chức-năng giáo-dục quần-chúng, phản-ảnh của văn-hóa và văn-minh. Những tác-giả của thứ ngôn-ngữ này phải gánh lấy trách-nhiệm vì đã bôi nhọ tiếng Việt. Một khi đã xuất-hiện công-khai trên những phương-tiện truyền-thông công-cộng thì ảnh-hưởng của nó lan rộng trong quảng-đại quần-chúng. Nhất là đối với thiếu-niên vốn dễ bắt chước, đang cần được trau-giồi tiếng Mẹ, sự sử-dụng sai hay bừa-bãi tiếng Việt rất tai hại, một khi thấm sâu vào tiềm-thức, vào tập-quán chúng, khó mà sửa-chữa. Trách-nhiệm của nhà văn-hóa không phải chỉ là truyền-đạt quan-điểm, đả thông tư-tưởng mà còn là xây-dựng ngôn-ngữ, bảo-tồn và phát-huy sự trong sáng, vẻ đẹp thanh-tú của tiếng Việt, ấy là bảo-tồn và phát-huy dân-tộc-tính vậy.

4- Sau cùng, nhằm che đậy những ý-đồ chính-trị, nhằm lôi kéo mê-hoặc quần-chúng, đã xuất-hiện một thứ ngôn-ngữ khoa-trương ngụy-biện với những mỹ-từ hoặc quanh-co uyển-chuyển, hoặc mơn-trón khích-động, hoặc bịa-đặt xuyên-tạc.

Người ta nói "Việt-Nam-hóa chiến-tranh" để phủi tay rũ trách-nhiệm "học-tập tập-trung, xây-dựng vùng kinh-tế mới" thay cho lao-tù và cưỡng-bách khổ-sai; người ta nói "Cách-mạng văn-hóa, trăm hoa đua nở" hay "đỉnh cao trí-tuệ của loài người" "kháng-chiến thần-thánh" v.v... là để phỉnh-lừa, khích-động làm sao "tất cả cho cứu-cánh". Giữa ngôn-ngữ và tư-tưởng có mối tương-quan nhân-quả, nên ý-đồ bất-chính được che đậy bằng ngôn-từ hoa-mỹ giả-dối, ngôn-từ giả-dối ngày càng làm cho tư-tưởng ô-nhiễm dối-trá hơn, và cái vòng ảnh-hưởng liên-hoàn này cứ thế mà tiếp diễn mãi.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Ngôn-ngữ có tác-dụng vừa tích-cực vừa tiêu-cực. Tư-tưởng thanh-quang thì ngôn-ngữ trong sáng rõ-ràng, ngược lại tư-tưởng mù-mờ tối-tăm thì ngôn-ngữ dầy-đầy những nguy-nghôn uyển-ngữ. Nếu ngôn-ngữ càng phong-phú, sâu-sắc, ý-nghị bao nhiêu, thì do mối tương-quan ảnh-hưởng với tư-tưởng, tác-dụng tiêu-cực của nó càng sâu đậm bấy nhiêu, lúc ấy tính phong-phú sâu sắc đã bị lạm-dụng để biến-chất ngôn-ngữ làm cho ngôn-ngữ ngày càng sa-sút suy-vi: về lượng thì càng phong-phú dầy, song về phẩm-chất thì càng suy-thoái tối-tệ. Đối với ngôn-ngữ Việt-Nam vốn phong-phú sâu-sắc, vốn ý-nghị bóng-bẩy, phải chăng đây là một báo-động?

Viết đến đây, chúng tôi bắt gặp quan-điểm của George Orwell. Trong đề-tài "Chính-trị và Anh-ngữ" viết năm 1946, tác-giả cảnh-giác rằng "cùng với nền văn-minh sa-sút của chúng ta, Anh-ngữ đang trên đà suy-thoái" và "kết-cuộc, ngôn-ngữ sa-sút rõ-ràng là bởi những nguyên-do thuộc về chính-trị và kinh-tế."

Tác-giả dẫn một số đoạn văn tiêu-biểu trích từ các bài luận-đề về chính-trị và kinh-tế để vạch ra những sai-lầm khiến cho ngôn-ngữ không còn giữ được tính trong sáng của nó nữa. Khi nêu lên những lỗi lầm về cách viết văn, tác-giả đặc-biệt nhấn mạnh đến ngôn-ngữ chính-trị như thế này:

"Trong thời chúng ta, văn-chương chính-trị quả là tối-tệ..

Trong thời chúng ta, ngôn-ngữ và văn-chương chính-trị phần lớn là để bênh-vực cho những cái vốn không thể bào-chữa nổi. Thực vậy, những chuyện như duy-trì quyền thống-trị của Anh-quốc tại Ấn-độ, những cuộc thanh-trừng và lưu-đày

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

tại Nga-sô, thả bom nguyên-tử xuống đất Nhật, có thể được bào-chữa nhưng chỉ là bằng những luận-cứ quá phũ-phàng và chẳng đúng với những mục-tiêu mà các đảng-phái chính-trị đã từng tuyên-bố. Ngôn-ngữ chính-trị vì thế ắt đầy-dẫy những xảo-ngữ, những vấn-nạn hoàn-toàn mập mờ. Những thôn ấp không được tự-vệ bị dội bom, dân-chúng bị trục-xuất khỏi thành-thị đẩy về các vùng quê, gia-súc bị các họng súng liên-thanh tàn-sát, những túp lều bị đạn lửa thiêu rụi, tất cả những cái đó được mệnh danh là công-cuộc bình-định. Hàng triệu dân quê bị tước-đoạt tài-sản, đuổi ra khỏi nông-trại, lê bước trên những con đường mà không được mang theo gì thêm, người ta gọi đó là hoán-chuyển dân-số, hay là chỉnh-trang ranh-giới. Những người bị cầm tù lâu năm không được xét-xử, hoặc bị bắn sau ót (gáy) hoặc bị gửi đi lao-động để rồi chết thảm-nhục trong các trại khai-thác gỗ miền Bắc-cực, người ta gọi đó là loại-trừ những phần-tử khả-nghi. Người ta cần tới những lối nói như thế khi người ta muốn chỉ-danh sự-kiện nhưng lại không muốn gợi lên những thể-hiện tinh-thần của các sự-kiện ấy...

... Kẻ thù lớn nhất của ngôn-ngữ trong sáng là sự không thành thực. Khi có một khoảng cách giữa sự thực với những mục-tiêu mà họ đã tuyên-bố, có thể nói là người ta tự-nhiên xoay sang những lời nói dài dòng và những thành-ngữ rỗng tuếch hết như con cá mực để phọt chất mực ra ngoài. Trong thời chúng ta, không có những chuyện như vậy mà không dây-dưa đến chính-trị, và chính-trị tự nó là một mớ những sự nói dối, tránh né lảng chuyện, lối-bịch, hận-thù và tảo-điên. Khi bầu-khí chung tối-tê, ngôn-ngữ ắt bị tổn-thương. Tôi nghĩ là đã nghiệm ra rằng - đây là một ức-đoán mà tôi chưa đủ quảng-bác để xác-minh - trong mười, mười lăm

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

năm qua, ngôn-ngữ Đức, Nga, Ý tất cả đều suy-thoái như là kết-quả của chế-độ độc-tài.

Nhưng nếu tư-tưởng làm ngôn-ngữ sa-sút, thì ngôn-ngữ cũng làm bại-hoại tư-tưởng..." (10)

Ngôn-ngữ khi bị lạm dụng, không những đã bị ức-hiếp mà còn bị lãng-nhục. Ngôn-ngữ làm nên văn-minh, đi vào tập-quán và biến-đổi con người. Khi ngôn-ngữ bị ô-nhiễm, suy-thoái phẩm-chất, hệ-lụy này còn dai-dẳng biết bao giờ mới gột rửa hết? Tập-quán xấu đằm thành gốc rễ, mọc thành cỏ-thụ, đặt ra vấn-đề cho các nhà văn-hóa giáo-dục tương-lai.

*(10) **Chú-thích:** lược-dịch trích "Politics And English Language" của George Orwell trong Thinking Through the Essay của Judith Barker, Sandbrook và Neil Graham, Mc Graw-Hill Ryerson Limited, Canada 1986:*

"Our civilization is decadent, and our language - so the arguments runs - must inevitably share in the general collapse.....It is clear that the decline of a language ultimately have political and economic causes...(trang 4)

...In our time it is broadly true that political writing is bad writing. (trg 10)...

In our time, political speech and writing are largely the defence of the indefensible. Things like the continuance of British rule in India, the Russian purges and deportations, the dropping of the atom bombs on Japan, can indeed be

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

defended, but only by arguments which are too brutal for most people to face, and which do not square with the professed aims of political parties. Thus political language has to consist largely of euphemism, question-begging and sheer cloudy vagueness. Defenceless villages are bombarded from the air, the inhabitants driven out into the countryside, the cattle machine-gunned, the huts set on fire with incendiary bullets: this is called pacification. Millions of peasants are robbed of their farms and sent trudging along the roads with no more than they can carry: this is called transfer of population or rectification of frontiers. People are imprisoned for years without trial, or shot in the back of the neck or sent to die of scurvy in Arctic lumber camps: this is called elimination of unreliable elements. Such phraseology is needed if one wants to name things without calling up mental pictures of them.

The great enemy of clear language is insincerity. When there is a gap between one's real and one's declared aims, one turns as it were instinctively to long words and exhausted idioms, like a cuttlefish squirting out ink. In our age there is no such thing as keeping out of politics. All issues are political issues, and politics itself is a mass of lies, evasions, folly, hatred and schizophrenia. When the general atmosphere is bad, language must suffer. I should expect to find - this is a guess which I have not sufficient knowledge to verify - that the German, Russian and Italian languages have all deteriorated in the last ten or fifteen years, as a result of dictatorship.

But if thought corrupts language, language can also corrupt thought..." (trang 11-12)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh



Tre xanh thủ-thỉ tình quê,
Tre xanh thành lũy chở-che xóm làng.
Dầu cho đông-tổ phũ-phàng,
Hiên-ngang, mềm-mại, vững-vàng, dẻo-dai,
Xiết hàng, đứng dậy, chọc trời,
Ngăn quân gian tặc trông coi cõi bờ,
Nghìn thu tiết trực tâm hư,
Chẳng như tâm-gửi sống nhờ bám quanh,
Chẳng cùng lau sậy đua tranh,
Trọn đời giúp ích, hiến mình xả thân.
Tre già, mặng tiếp chen chân,
Vươn cao tiếng hát chiêu hồn nước non.
Đoàn em là những mặng non,
Còn non, còn nước, mặng còn đứng lên

(xem Về Nguồn, trang 33, mục Ấn Hành: <http://doquangvinhvenquon.com/>)

TIẾNG VIỆT VỚI TRIẾT-LÝ ÂM DƯƠNG VÀ ĐẠO SỐNG THÁI-HÒA

hay là:

§1- Hồn Nước Trong Tiếng Việt

(Trích: Tiếng Việt Tuyệt-Vời, ấn-bản lần 2, năm 2000)

Một ngàn năm Bắc-thuộc vẫn không đồng-hóa được Việt-tộc với Hán-tộc. Những chiến-dịch thu gom trống đồng, sách vở cũng không thể tước-đoạt được sở-hữu văn-hóa của giống nòi Việt-Nam. Sở-hữu ấy bàng-bạc trong ngôn-ngữ, trong văn-chương truyền miệng. Những chứng-tích khảo cổ và những khám phá được khai quật sau này càng chứng-minh hùng-hồn rằng: tổ-tiên chúng ta đã xây dựng từ ngàn xưa một nền tảng cho Việt-Triết, triết-lý âm dương với đạo sống Thái Hòa, nhận diện con người là trung-tâm-điểm của vũ-trụ, là hội-tụ của đất trời, là gạch nối trong tương-quan Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân. Đạo Sống quy tụ mọi nẻo ngã tương-liên giao-hội về chung một mối, một đường.

Thật vậy, tổ-tiên Lạc-Việt chúng ta đã có sẵn một triết-lý âm-dương dịch-học:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

*** TRIẾT-LÝ NÀY ĐƯỢC DIỄN TẢ TRÊN MẶT TRỐNG ĐỒNG⁽¹⁾.**

Theo truyền-thuyết, Hùng Vương trao ban 1600 trống đồng cho mọi chi tộc làm căn bản trị quốc. Nhưng khi Mã Viện sang đánh Trưng Vương, đã ra lệnh thu hết trống đồng về Trung Quốc. Trong số các trống đồng được khai quật sau này, tiêu biểu nhất là trống đồng tìm thấy ở chùa Long Đại Sơn, làng Ngọc Lũ, Hà Nam, và trống đồng tìm thấy ở Đông Sơn, Thanh Hóa. Qua các hình vẽ trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, người ta đọc được tất cả ý nghĩa truyền thống mà đức Hùng Vương đã truyền ban cho con dân ngàn đời để lập quốc, bảo quốc và hưng quốc. Các yếu tố đó là ánh sáng, âm thanh, việt điệu, hướng đi tả nhậm theo hướng mặt trời (ngụ ý thuận theo thiên lý, thiên mệnh), triết lý tam tài, âm dương, đời sống nông nghiệp và kiến trúc mái nhà cong. Học giả Hán Chương Vũ đình Trác đã gọi đây là hồn nước thể hiện trên mặt trống.

Những nét vẽ song trùng, diễn tả nguyên lý âm dương là hai yếu tố cơ động của trời đất, của muôn loài và của mọi biến thái trong cuộc sống. Trời đất, người vật, nam nữ, núi sông, Tiên Long, nóng lạnh, tối sáng, vui buồn, động tĩnh, sống chết, có không, ẩn hiện tất cả đều tương khắc, tương sinh hài hòa theo nguyên lý âm dương dịch biến. Song trùng vì chúng song song rồi giao nhau, gọi là giao chỉ, nói lên sự tương giao tương hòa giữa hai yếu tố âm dương tương khắc, biểu hiện của tinh thần tương liên, hiệp nhất hài hòa.

Các nhà khảo cổ đã chứng minh rằng: truyền thống văn hóa Viễn Đông phát khởi từ Bách Việt mà ra, trong đó có Việt Nam, trước cả Hán tộc, những đồ đào được tại Trung Quốc

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

đều thuộc vùng Việt tộc. "Theo sử quan trống đồng Việt Nam, kiến trúc mái nhà cong của ta đã có trước Công nguyên ít gì cũng hàng ngàn năm. Trung Hoa chỉ có mái nhà cong từ đời nhà Đường, khoảng năm 630. Chính Đường Huyền Trang, pháp danh Đường Tam Tạng, sau khi thỉnh kinh ở Ấn Độ về, được vua Đường Cao Tông cho xử dụng Ngọc Hoa Cung làm chùa. Huyền Trang sửa lại cung thành chùa cũng theo kiến trúc mái thẳng, chưa có mái cong. Trước đó, năm 539, nhà Hán tu bổ miếu thờ Khổng Tử vẫn còn mái thẳng, như nhà Kim Thanh Ngọc Chấn, Đạo Quan Kim Cổ. Mái cong của Việt tộc tượng trưng cho sự vươn lên, hướng thượng, lên tới Thiên, đồng thời cũng là nét hài hòa giữa đường thẳng và vuông, để lập một sự cân đối giữa vuông tròn, là đường đi tới đạo sống toàn diện: bao quát trên dưới, trong ngoài, tả hữu và ba bề bốn bên".

*** TRIẾT LÝ NÀY CÒN ĐƯỢC MINH THỊ TRONG SỬ LIỆU CỔ THI (1).**

Gần đây học giả Hán Chương Vũ Đình Trác cũng tìm thấy trong đại bộ Lĩnh Nam Di Thư tàng trữ nơi thư viện Đại Học Đông Kinh, tập tài liệu cổ quý giá nhan đề "Bách Việt Tiên Hiền Chí". Sách này do Âu Đại Nhậm, tự Trịnh Bá, đời Minh tuyển soạn, bao gồm 102 hiền triết Bách Việt. Trong số này có nhiều nhân vật quen thuộc như Phạm Lãi, Chu Mãi Thần, Vương Sung, Lý Tiến... Tư tưởng nổi bật của các vị tiên hiền đó quy về các đề tài chính: Triết lý Âm Dương, Triết lý Tam Tài, Đạo Sống Quân Tử, Hiếu Đạo, Triết lý Nông Nghiệp, Đạo Sống Thiên Nhiên. Bài tựa cho thấy Việt Câu Tiễn đã có thời diệt Ngô xưng vương hùng cứ một phương, sáu đời gia công đánh Sở. Sở rất mạnh về thương mại, đánh bại Câu Tiễn. Vũ Việt phân tán các con mỗi người một nơi: kẻ xưng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

Vương, người xưng Chủ khắp miền duyên hải Giang Nam. Đó là Bách Việt. Câu Tiễn thấu hiểu cả miền Dương Việt lập thành ba quận. Con cháu sau này quy phục Hán tộc, liên hiệp các miền thành Phù Việt, Mân Việt, Âu Việt và Lạc Việt. Sau này có Diêu Triệu thấu hiểu dân Việt chung quanh, lập thành hai kinh Đông Tây (tức Quảng Đông và Quảng Tây). Thần dân Việt tộc có công nghiệp văn chương rải rác khắp bảy tám dặm miền duyên hải Giao Châu đã đem lại nhiều lợi ích. Cả hơn mười Việt tộc đã bị đồng hóa với Hán tộc, chỉ trừ Lạc Việt và Việt Thường tự cường mà tồn tại thành Việt Nam ngày nay.

Về điểm này, học giả Hán Chương nhận định tiếp: "Triết lý Âm Dương được xuất hiện dưới ngòi bút của các vị tiên hiền: Kế Nghi, Dưỡng Phấn, Quách Thương. Kế Nghi đề cập luật âm dương với ngũ hành. Dưỡng Phấn trình bày hậu quả của âm dương. Quách Thương nhấn mạnh dương đức là căn bản của chánh sách tu, tề.

Đọc qua ba tiên hiền này, ta có cảm tưởng như dòng Bách Việt xưa coi âm dương là nguyên tố sinh tử của một hệ tộc. Cũng nhờ âm dương quân bình và dương đức cường thịnh mà hai hệ tộc Lạc Việt và Việt Thường còn tồn tại, để thành Việt Nam ngày nay. Nhờ dòng triết lý này, đạo sống quân bình Âm dương được thể hiện nơi người Việt muôn thuở, mà lịch sử tôn họ là dân anh hùng".

*** TRIẾT LÝ NÀY CÒN ĐƯỢC GÓI GHÉM NGAY TRONG NGÔN NGỮ VIỆT.**

Vào thời tiền sử, khi chưa có chữ viết, tư tưởng của Việt tộc, như đã đề cập, được thể hiện trên mặt các trống đồng, mà

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

chính sử Hán tộc đã xác nhận kể lại trong di thư nói trên. Nhưng còn một dấu tích sống động nhất, ghi lại được ý thức hệ của tổ tiên, ấy là tiếng nói của người Việt muốn thuở dù cho phiêu bạt nơi góc bể chân trời, để rồi sau này theo đà tiến hóa, khi chữ viết thành hình, tư tưởng ấy được chuyên chở qua các tác phẩm văn học.

A.- NGÔN TỪ, NGỮ PHÁP ĐỀU BẰNG BẠC NGUYÊN LÝ ÂM DƯƠNG

1- Xét về mặt ngôn từ:

a.- Người Việt có thói quen nói đôi xứng: Cặp âm dương tương đối luôn luôn nằm sẵn trong sự vật gây ra những mâu thuẫn, như mặt trái ví mặt phải, như ghen ghét chính là bề trái của yêu thương. Hoạn Thư ghen ghét cũng chỉ vì yêu nên mới:

*Bề ngoài thơn thớt nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người không dao.*

Cho nên trong ngôn ngữ thường ngày, nhan nhản những câu nói đối như:

(1) Về ngữ vựng: Người ta nói **ra vào, đứng ngồi** không yên, lòng người **đen bạc**; biết đường **lui tới**; lòng yêu quê hương **đất nước**, v.v...

(2) Về thành ngữ: Ta quen nói ăn không nói có, lá mặt lá trái, đầu xuôi đuôi lọt, tiếng bắc tiếng chì, dãi nắng dầm mưa, vui buồn sướng khổ, nói trước quên sau, đi ngang về tắt, vào lòn ra cúi, ngày đêm lặn lội, một nắng hai sương, than dài thở vắn, đầu tắt mặt tối, cửa dứt đục suốt v.v...

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(3) Trong tục ngữ cao dao:

- Hòn đất ném đi, hòn chì ném lại.
- Ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối.
- Thương nhau lắm cắn nhau đau.
- Chết cha còn chú, chết mẹ bú dì.
- Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi.
- Nước dưới sông khi mặn khi nhạt,
Vận người đời hết nhục, phải vinh.
- Ớn cha nặng lắm ai ơi,
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang.
- Con quốc kêu réo rất trên ngàn,
Gà rừng tao tác gọi con tha mỗi.
- Trai nuôi vợ đẻ gãy mòn,
Gái nuôi chồng ốm, béo cùn cối xay.

b.- Việt ngữ cấu trúc theo lối song trùng:

Điều này đã được bàn đến trong chương 4 nói về tiếng Việt không ngừng sáng tạo, và trong chương 6 nói về âm và thanh trong tiếng Việt. Đó là các đặc điểm

(1) Hoặc lặp lại từ: Ta vẫn thường nói lặp lại như người người, nơi nơi, trời nắng chang chang, xăm xăm bằng lối, ăn ăn uống uống, hạp hạp bàn bàn, đi đi lại lại...

- *Đêm sao đêm tối mãi **mò mò**.* (Trần Tú Xương)

- *Đường mây rộng **thênh thênh** cứ bộ.* (Uy Viễn)

- *Trên dưới quyền hành tay cắt đặt,*

*Làng nước **ai ai** cũng cứ lời.* (Lê Thành Tôn)

- *Buồn trông cỏ nội **rầu rầu**,*

*Chân mây mặt đất một màu **xanh xanh**.* (Nguyễn Du)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*

(2) Hoặc nói kết hợp từ như: Nết hạnh, ngoan hiền, ngắn gọn, quanh quẩn, lung lay, rung chuyển, rung động, nặng nhọc, cực khổ,, đắng cay, chua xót, rau cỏ, mỡ màng, thương tiếc, thảm thương, thâm thâm, thảm thiết, u ám, ngõ ngách, vắng tắt, ngược xuôi, lẫn lộn, lẫn lộn, mồi meo, ầm ứốt, khoan nhân, hiền từ, hiền lành, hiền dịu, la hét, hò hét, học hành, gánh vác, ôm ấp, ấp ủ, viết lách, bay bướm, vòng vo, tan nát, dốt nát, ngay thẳng, cong queo, quá quắt v.v...

(3) Hoặc ghép thêm tiếng đệm như: hay ho, rác rưởi, rác rến, gồ ghề, lác đác, rải rác, lơ thơ, lún phún, lạnh lùng, lạnh lẽo, mát mẻ, nóng nãy, nhớ nhung, rung rinh, dịu dàng, vội vàng, vội vã, lẫn lộn, làm lụng, gọn gàng, gọn ghẽ, vất vả, lật đật, đau đớn, xót xa, nhanh nhẩu, chậm chạp, ngỡ ngàng, lỡ làng, thịt thà, cá mú, máu me, mờ mịt, tối tăm, tức tối, lúc nhúc, ngứa ngáy, rửa ráy, khóc lóc, dở dang, tan tành v.v...

(4) Hoặc đơn giản cụm từ thành còn hai từ: Trong cách đếm số, hai mươi lè thu gọn thành **hăm**, ví dụ hăm hai, hăm ba, hăm bõm, hăm lăm v... hay một trăm hai mươi, một trăm ba mươi thành trăm hai, trăm ba. Cho nên, ngay trong sự phiên âm tiếng nước ngoài, thường thường cũng dùng cấu trúc lưỡng âm, chẳng hạn:

- *Arrosoir* (Pháp ngữ 3 âm): cái ô-giòà.
- *Aérogram* (Pháp ngữ 4 âm): tờ ô-gam.
- *Par-dessus* (Pháp ngữ 3 âm): áo ba-xuy.
- *Mangoustan* (Pháp ngữ 3 âm): quả măng-cụt.
- *Clef* (Pháp ngữ một âm): cái lặc-lê.
- *Clé à molette* (Pháp ngữ cụm từ): cái mỏ-lét.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

2- Xét về mặt ngữ pháp:

a.- Về các loại từ:

(1) Phân biệt tĩnh với động: Người ta nói: con người, con vật, con sông, con thuyền, con đò, con đường, con suốt, con dao phân biệt với những sự vật không cử động như cái xiên, cái kéo, cái thớt, cái nghiêng v.v... Cho nên "con" khác với "cái" là vậy.

Chẳng tham ruộng cả ao liền,

Tham vì cái bút, cái nghiêng anh đờ.

Ở đây có sự phân biệt tỉ mỉ hơn, khác với con dao, cái kéo tuy cũng là vật xử dụng chuyển động, song con dao chuyển động nhiều hơn, người làm bếp có thể lẩn lộn, sắp ngửa con dao trên cái thớt bất động, không như cái kéo chỉ đi theo một đường đã vạch. Cho nên không gọi con kéo, con bút là thế. Thực ra cái bút lông mà nhà nho vẫn chấm mực trong nghiêng bút làm bằng ngọn trúc, nên thường gọi là cây bút, hoặc cho văn vẻ gọi là ngọn bút lông; ở đây khi nói cái nghiêng cái bút còn hàm ý nói tổng quát về vấn đề văn chương chữ nghĩa như đã đề cập nơi chương 2 bàn về mạo từ "cái" trong câu tục ngữ "cái răng, cái tóc là gốc con người" hay câu ca dao:

- Ai ơi chớ lấy Kẻ La,

Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.

(2) Phân biệt giống đực và giống cái không có trung tính: Điều hợp lý là sự phân biệt giống chỉ áp dụng cho sinh vật mà thôi. Tên đệm của đàn ông con trai thì lót chữ Văn, của đàn bà con gái thì lót chữ Thị. Chỉ chung thì phân biệt con Hĩm, cái Tũn với thằng Cu, thằng Đấy. Cho nên cha còn gọi là Bố và Cái còn gọi chỉ người mẹ như người

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

xưa đã tôn sùng Phùng Hưng làm cha mẹ nhân dân khi gọi ông là Bố Cái Đại Vương. Tùy theo tuổi tác mà phân biệt, trẻ thì nói chàng đọc sách, nàng quay tơ, anh Tám theo trâu, chị Tư cấy lúa; đứng tuổi thì chào ông chào bà. Đối với loài vật thì chó đực phân biệt với chó cái, gà trống với gà mái, heo nọc với heo nái hay lợn cấn với lợn sề. Đối với loài thực vật thì nói đu đủ đực, đu đủ cái, nhụy đực nhụy cái. Bởi vì các sinh vật là loài có sinh sản, sự phân biệt âm dương trên đây là thuận lý tự nhiên.

b.- Sự phân biệt càng thấy rõ ngay trong cách phát âm với cấu trúc lưỡng âm của ngữ Việt:

Chữ quốc ngữ khi ký âm tiếng nói của người Việt quả đã làm tròn chức năng này. Như ở chương 5, chúng tôi đã phân biệt mỗi từ là do sự kết hợp hài hòa giữa phụ âm đầu từ với mẫu âm, mẫu âm biến dạng là sự kết hợp của mẫu âm chính gốc và phụ âm cuối từ. Khi ta nói: "Ồ! cô Chương ương như ối", cách phát âm được phân tích như sau:

- cô = cờ + ô,
- ương = ươ + ngờ,
- chương = chờ + ương.

Mẫu âm chủ đọc mạnh, ấy là nguyên tố dương; phụ âm phát âm nhẹ hơn, ấy là nguyên tố âm. Mỗi từ khi phát âm, phân tách cho kỹ, là do hai nguyên tố âm dương kết hợp lại.

B- NGUYÊN LÝ ÂM DƯƠNG ĐIỂN GIẢI ĐẶC THÙ

I- Thơ lục bát là một nét đặc thù thuần túy Việt Nam

Như đã đề cập trong chương 4, chỉ Việt tộc mới có, một loại thơ thắm nhuần từ trong huyết quản, hầu như bất cứ người

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Việt nào cũng có thể cảm hứng tự nhiên, và ca dao chính là thứ âm nhạc, ngôn ngữ phổ thông đặc hữu của người Việt Nam. Trong văn học Hán tộc tuyệt nhiên không có lối thơ này.

*Nghe vè nghe vè,
Nghe vè cây trái.
Dây ở trên mây,
Là trái đậu rồng.*

.....
*Cắt ra nhiều mú,
Là trái mít ước.*

Đoạn vè trên đây, mỗi câu bốn từ là một loại ca dao phổ cập. Nếu vè là hình ảnh của tứ tượng, lục bát là miêu tả của âm dương lục khí bát quái. Cặp lục bát trên sáu dưới tám gọi là một liên, liên kết một ngắn một dài, nối liên âm với dương, ràng buộc lục khí với bát quái, và ngay trong mỗi câu dù lục hay bát, điệu thơ cũng đi theo nhịp hai thành từng cặp song hành:

Người ta / đi cấy / lấy công,
Tôi nay / đi cấy / còn trông / nhiều bề:
Trông trời, / trông đất, / trông mây,
Trông mưa, / trông gió, / trông ngày, / trông đêm,
Trông cho / chân cứng, / đá mềm,
Trời trong, / bể lặng, / mới yên / tấm lòng.

Về điểm này, tác giả Lê Công Tâm biện luận: "Tám quẻ trong Kinh Dịch gồm có: Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. Càn khôn là cha mẹ, sáu quẻ: khảm, cấn, chấn, tốn, ly, đoài là sáu người con do càn khôn sanh ra và còn được gọi là lục khí. Cha mẹ vì đã già nên khó thay đổi, các

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

con còn trẻ nên dễ thay đổi vì thế gọi là lục khí... Theo quan niệm của Dịch thì lục khí bao giờ cũng quan trọng hơn càn khôn cho nên mới có câu con hơn cha nhà có phúc⁽²⁾

II- Âm dương biến dịch theo tiến trình thuận lý tự nhiên:

a.- Khởi từ gốc tới ngọn: Cái gốc ấy là mẹ như thấy trong Đạo Đức Kinh của lão Tử: "**Thiên hạ hữu thủy dĩ vi thiên hạ mẫu, ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử. Ký tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu**" (Thế gian có cái bắt đầu lấy làm Mẹ của chúng sanh. Đã tới được nơi Mẹ để biết đến vạn vật chúng sanh, đã biết được vạn vật chúng sanh lại trở về giữ gìn nơi Mẹ). Mẹ đây tượng trưng tình yêu của tạo hóa bao bọc các con tạo vật trong lòng, cảm thông với đứa con của mình.

(1) Nguyên lý Mẹ bàng bạc trong ngữ Việt, vai trò của người Mẹ luôn luôn được đề cao: Tục ngữ cao dao nói:

- *Chết cha ăm cơm với cá,
Chết mẹ liếm lá đầu đường.*
- *Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau!*

Cho nên người Việt mới bảo nhau:

- *Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Và người dân Việt nhắc nhở nhau tuy không cùng một bộ tộc, nhưng tất cả đều cùng một dòng Bách Việt mà ra như một trăm con đều cùng sinh ra từ trong một bọc Mẹ Âu Cơ.

- *Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(2) Tuy nhiên, không những được đề cao, mà còn có phần khác hơn, vai trò của người Mẹ lại chiếm ưu thế, mặc dù không phủ nhận địa vị của người cha:

- Giặc đến nhà đàn bà phải đánh.
- Lệnh ông không bằng cồng bà.

Bởi vậy, con đi lấy chồng, con dành một quỳ là để tôn kính quyền cha; nhưng thương cha, con xin dành cho cha ba lạy mà thôi, bốn lạy con để phần cho mẹ, vì mẹ dứt ruột sanh con:

- Lạy cha ba lạy một quỳ,
Lạy mẹ bốn lạy con đi lấy chồng.

Bởi vậy con mới nói:

- Công cha như núi Thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Ở đây lại thấy cặp dương và âm, trên núi cao, dưới biển cả. Tình mẫu tử hơn bao giờ hết vẫn là nét đặc thù của văn hóa Việt. Người mẹ trở thành biểu tượng cho quốc gia:

- Thưa Mẹ, quê hương mình đã chết rồi,
Mẹ ơi, Mẹ Việt Nam ơi!
(Lời nhạc Nguyễn Đức Thành)

b.- Chính từ gốc mẹ to lớn tới ngọn ngành bé con mà các sự vật được chỉ danh phân biệt với nhau từ chính yếu tới phụ thuộc:

Nói về gà người ta phân biệt gà hoa mơ, gà mái tơ, gà giò, gà gi, gà ác, gà trống, gà mái. Gà là gốc mẹ mà hoa mơ, mái tơ, giò, gi, ác, trống hay mái là các ngành con của gà

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

mẹ. Cũng vậy, ta nói hoa đào, hoa cúc, hoa mai, hoa lan, hoa huệ, hoa lài, hoa ngâu; lá xoài, lá mít, lá dâu, lá chanh, lá bưởi, lá trầu. lá sung. Khi nói gà, hoa, lá người ta đã có ngay khái niệm hình dung sự vật chính yếu, rồi sau đó mới thấy rõ mỗi thứ phụ thuộc. Cũng như đã đề cập ở chương I, ta nói gió mát trăng thanh hay rông vàng ngựa trắng, chứ không mát gió thanh trăng hay vàng rông trắng ngựa như người Trung Hoa Hán tộc vẫn nói thanh phong minh nguyệt hay hoàng-long, bạch-mã

C- ẤY LÀ DO CÁI NHIÊN CỦA DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG NHẤT QUÁN

I- Vừa phân tán nhị nguyên vừa huyền đồng nhất thể:

"Vạn vật âm nhi bảo dương. Xung khí dĩ vi hòa"

(Trong vạn vật, không vật nào mà không có âm và dương dương. Nhân chỗ xung nhau mà hòa với nhau).

Cũng vì vậy mà huyền thoại Lạc Long Quân và nàng Âu Cơ được viết lên trang đầu của lịch sử Việt Nam:

"Ta đem 50 con về thủy phủ, phân trị các xứ, còn 50 đứa theo nàng ở trên đất chia nước mà cai trị, dù lên núi xuống biển nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau".

Giáo sư Khiếu Đức Long phân tích từ nguyên như sau: Lạc Long Quân là tên ghi bằng chữ Hán có nghĩa là Bồ Rồng

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

dưới nước: long quân = vua rồng (vua, âm cổ là "bua" như phân bua, bua và bố tương cận về âm và nghĩa, người xưa quan niệm vua là người cha, gia trưởng gia đình lớn là quốc gia, nên thế kỷ thứ VIII, Phùng Hưng được suy tôn là Bồ Cái Đại Vương); còn "lạc" là biến thể Hán hóa lâu đời của "nác" (nác = nước, một số vùng Thanh Hóa đến Nghệ An mà chúng tôi có dịp đi qua hồi còn niên thiếu còn nói "nác": cho xin miếng nác = cho xin ngụm nước). Âu Cơ, một âm là "ấu" có nghĩa là "bà mẹ", ngoài ra còn có chữ "khu" cho ra tiếng "gò", cả tên có nghĩa là bà mẹ trên gò⁽³⁾.

Bồ Rồng (+) ở dưới nước (-) là trong dương có âm, trong cương có nhu; Mẹ Tiên (-) ở trên núi (+), ấy là trong âm có dương, trong nhu có cương. Lại cho dù phân tán kẻ ở bên này người ở bên kia, nhưng khi cần vẫn gọi nhau để cùng chung lưng đấu cật mà lo liệu mọi bề. Rõ là "một sự kết hợp hài hòa: vừa chia đôi để phát triển (mở rộng địa bàn sinh hoạt) vừa kết hợp để tạo sức mạnh (núi cung cấp lâm sản như gỗ làm nhà, biển cung cấp thủy sản, đặc biệt muối rất quý đối với người miền núi⁽³⁾).

Ấy là âm dương điều hòa. "Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn", bầu bí ấy là phân tán nhị nguyên, chung một giàn ấy là huyền đồng nhất thể. Cá tính, hoàn cảnh khác nhau, nhưng đều hợp chung về một mối.

Trong các huyền thoại Rồng Tiên, Sơn Tinh và Thủy Tinh, kẻ ở trên non, người ở dưới nước, kẻ cứng rắn hùng mạnh, người mềm mại dịu dàng, xung khắc nhưng lại hào hòa, luôn luôn âm dương song hành. Những cặp danh từ đất nước,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

non sông, giang sơn, sơn hà, xả tắc được dùng làm biểu tượng cho tổ quốc là vậy.

II- Cái lẽ huyền đồng nhất thể ấy là tuân theo luật phản phục của Tạo hóa, cho con người thấy được chỗ đứng của mình trong tam tài mà tìm ra đạo sống thái hòa:

"Vạn vật tinh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục kỳ qui căn" (Vạn vật đều cùng sinh ra, ta lại thấy nó trở về gốc. Ôi, mọi vật trùng trùng đều trở về cội rễ của nó). Vật cùng tắc phản, vật cực tắc biến. sự vật bao giờ cũng phản biến, mà đã biến tất biến thành cái đối địch của nó.

a.- Thấy chỗ đứng của mình trong tam tài, cho nên ngôn ngữ Việt nhắc nhở rằng: được không nên vội mừng, mất không nên vội buồn. Ấy là giữ được trung dung quân bình nội tại: Ca dao có câu:

*- Cười người chớ vội cười lâu,
Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*

Tục ngữ cũng có nói: "Không ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời", là bởi vì:

*- Nước dưới sông hết trong còn phải đục,
Vận người đời hết lúc nhục phải vinh.*

Nguyễn Công Trứ vì vậy mới an vui tự tại, thung dung bình thản mà rằng: "Khó ai bằng Mã Thần, Mông Chính, rồi cũng có khi ngựa cưỡi dù che; giàu ai bằng Vương Khải Thạch Sùng, rồi cũng có lúc tường xiêu ngói đổ".

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

b.- Thấy rõ chỗ đứng của mình trong tam tài, ấy là biết nhận diện bản thân, hòa đồng vào ngoại giới, hài hòa với tha nhân: Cho nên ông cha ta mới dạy rằng:

*- Trông người lại gắm đến ta,
Thử sờ lên gáy xem xa hay gần.*

(1) Biết nhận diện bản thân: Cho nên con người như "Kẻ Sĩ" của Nguyễn Công Trứ, ý thức được mình là trung tâm điểm của vũ trụ, là kết tinh của trời đất, là giao thoa của âm dương, nhờ vậy mà tràn đầy hào nhiên chính khí:

*- Khí hào nhiên chí đại chí cương,
Sở chính khí đã đầy trong trời đất.*

để nhận lấy mọi trách nhiệm với trời đất, với nợ nước tình nhà:

*- Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.*

Và bà Huyện Thanh Quan cũng đã dừng chân nơi Đèo Ngang với cái nhìn bao quát vũ trụ, hòa đồng vào ngoại giới, để rồi trở lại chiêm nghiệm bản thân lắng nghe lòng dạt dào tình yêu thiên nhiên, xôn xao tình yêu cội nguồn, khắc khoải tình nhà tình nước chan hòa trong khí âm bao la của Đất và trong khí dương bát ngát của Trời:

*- Dừng chân đứng lại trời, non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

(2) Không như Hán tộc hiếu chiến, người dân Bách Việt vốn hiếu hòa chăm lo tăng gia sản xuất, ăn nói từ tốn khoan thai, "biết đường lui tới, biết đường phải chăng", những mong hòa hợp với mọi người, thích nghi với

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

mọi hoàn cảnh, "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", cho nên truyền miệng bảo nhau:

- *Chồng giận thì vợ bớt lời,
Cơm sôi nhỏ lửa một đời chẳng khê.
Chồng giận thì vợ làm lành,
Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì?*

Trong đạo xử thế "đĩ hòa vi quý", lấy sự hòa hợp làm tốt đẹp cho nên phải biết nghĩ tới nghĩ lui, "một câu nhin là chín câu lành", bởi "già néo thì đứt dây":

- *Bên trái thẳng, bên phải chùng,
Cả hai cùng thẳng thì cùng đứt dây.*

c.- Thấy chỗ đứng của mình trong tam tài, nên với lẽ sinh tồn, người dân Việt mới có một triết lý hành động:

(1) Làm chủ cuộc sống:

a- biết khắc phục thiên nhiên đất đai:

- *Trông trời, trông đất trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm bể lặng mới yên tấm lòng"*

(2) Biết làm chủ ngoại cảnh:

- *Đã sinh ra kiếp làm trai,
Đèo cao, núi thẳm, sông dài quản chi!*

Để bằng chính thực lực của mình mà làm nên sự nghiệp:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Nước lã mà vã nên hồ,

Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.

Ngõ hầu đem xương máu bảo vệ cơ đồ, lưu tiếng thơm cho muôn đời về sau:

- Làm sao cây quế trên non,

Trăm năm khô héo, vỏ còn thơm tho.

Đây chính là cái tinh thần tự chủ của bà Nữ Oa đội đá vá trời, của Kỳ Mạn trong huyền thoại "Sách Ước của thần Tản Viên". Triết gia Kim Định giải nghĩa Kỳ Mạn là "làm chủ vận mệnh của mình". Truyện kể rằng một đứa bé bị bỏ rơi trong rừng, được chim ấp ủ, đẻ rừng cho bú, sau được người tiều phu lượm đem về nuôi đặt tên là Kỳ Mạn. Lớn lên Kỳ Mạn đi đồn củi mưu sinh. Cây đại thụ đồn từ sáng tới chiều, mãi không xong, vì hôm sau trở lại đồn tiếp thì vết chặt hôm trước đã liền lại. Mấy ngày liền ra công đồn đều vô hiệu. Rồi một hôm chờ tới nửa đêm, Kỳ Mạn rình bắt gặp một bà lão cầm gậy trở vào quanh cây, vết chặt lại liền ngay. Bà lão cho biết lý do là bà ngụ trên cây, bà không muốn ai đồn cây này, rồi bà cho Kỳ Mạn cây gậy thần. Nhờ chiếc gậy thần, Kỳ Mạn giúp đỡ kẻ ốm đau. Một hôm gặp con rắn bị tré chần trâu đập chết, vút ở bờ sông, Kỳ Mạn dùng gậy thần cứu sống con rắn. Vài hôm sau, kẻ lạ xưng là Tiểu Long Hầu đến tạ ơn Kỳ Mạn đã cứu sống mình hôm trước. Nhận lời mời Kỳ Mạn theo Tiểu Long xuống chơi thủy phủ, trở về được Long Quân biếu tặng quyển Sách Ước để ước gì được nấy. Về sau nhờ có đủ uy quyền sức mạnh, Kỳ Mạn dong ruổi đó đây cứu nhân độ thế. Chấn cảnh trần tục, Kỳ Mạn lên núi Tản Viên ở luôn đấy. Đó là sự tích thần núi Tản Viên⁽⁴⁾.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(2) Cái tinh thần tự chủ ấy thể hiện triết lý hành động, nhập thế: Tích cực chủ động và chấp nhận thực tại của cuộc sống, chứ không tiêu cực xuất thế mà thụ động quan niệm đời là ảo ảnh phù du hay coi đời là giấc mộng như tư tưởng Lão Trang trong thơ Lý Bạch:

*- Xử thế nhược đại mộng,
Hỗ vi lao kỳ sinh?*

Cho nên không quan niệm thiên mệnh là định mệnh khắc nghiệt và thuận thiên mệnh không có nghĩa là cúi đầu khuất phục định mệnh. Ca dao nhắc nhở ta rằng:

*- Đừng nên trông đợi ở trời,
Hãy tin vào sức con người lớn lao.*

Nguyễn Du mới khẳng định:

*- Có trời mà cũng có ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Bởi vì: "Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều" và Nguyễn Công Trứ đã cương quyết:

*- Đố kỵ xá chi con tạo,
Nợ tang bằng quyết trả cho xong.*

III-Thấy chỗ đứng của mình trong tam tài, cho nên người Việt trong tinh thần tự chủ, thuận thiên, tuân theo trật tự tự nhiên của trời đất, không ưng làm điều gì nghịch với thiên lý:

a.- Ấy là trong nhân vị, lấy nhân bản làm gốc: Để bảo vệ chế độ phong kiến, Hán nho diễn giải dịch lý trái ngược với lẽ tự nhiên khi đề ra tam cương, tam tòng hay phân biệt giai tầng tứ dân để xây dựng trật tự xã hội.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

(1) Tam cương: Buộc phải chu toàn ba đạo, trước hết là quân thần, thứ đến là phụ tử, sau cùng mới là phu phụ. Dịch lý Việt thì trái lại xác nhận nghĩa vợ chồng làm trước:

*- Một duyên hai nợ ba tình,
Chữ Trung, chữ Hiếu, chữ Tình là ba.
Chữ Trung thì để phần cha,
Phần Mẹ chữ Hiếu đôi ta chữ Tình.*

Cho nên cha mẹ không ưng, thì cũng nhẹ lời năn nỉ:

*- Cây kiềng vàng đeo lâu chẳng bỏ,
Đôi lứa mình còn nhỏ còn thương.
Dầu mà cha mẹ không thương,
Hai đứa trái chiếu ngoài đường lạy vò.*

Hoặc nặng hơn thì:

*- Ngày xưa ai ép duyên bà,
Bây giờ bà già, bà ép duyên con.*

Còn nghĩa vụ đối vua quan vẫn là thứ yếu:

*- Quan dẫu cần, nhưng dân chưa vội,
Quan có vội, quan lợi quan đi.*

Dưới mắt người Việt, "miệng quan, đít trẻ", "phép vua thua lệ làng". Những truyện như Trinh Thử, Trê Cóc là ngọn roi trào phúng quất vào mặt chế độ quan lại phong kiến, là những tiếng kêu đối kháng với chủ trương tôn quân quyền. Riêng ở trong truyện Trê Cóc, thì rõ ràng là thiên lý thắng tà tâm. Con Trê và ngay cả cường quyền cũng không qua mặt được thiên lý. Trê có nhận vợ con Cóc làm con mình thì lẽ trời đã định, cuối cùng con Cóc vẫn là con Cóc mà thôi.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(2) Tam tòng: Giam hãm người phụ nữ trong hàng rào lễ giáo khắc nghiệt phi nhân: phu tử tòng tử. Ở nhà thờ ha mẹ, lấy chồng theo nhà chồng đã đành, nhưng chồng chết thì phải ở vậy thủ tiết thờ chồng theo con. Cái trật tự này hoàn toàn không biết đến nhân vị con người, đó không phải là triết lý nhân bản lấy con người làm gốc. Cho nên với khát vọng quyền làm người, người goá phụ Việt đã mĩa mai cúng chồng mà xin phép người chết để đi thêm bước nữa:

*- Giàu thì cá thịt cơm canh,
Khó thì lưng rau dĩa muối, cúng anh, tôi đi lấy chồng.
Hỡi anh chồng cũ của tôi ơi!
Anh đã khôn thiêng, xin anh trời dậy ăn xôi nghe kèn.
Thôi anh đã về kiếp ấy xin đừng ghen,
Để cho người khác cảm quyền thế nhi.*

Như đã đề cập, người con gái trong Kinh Thi của Khổng Tử, một thứ văn học dân gian của Trung Hoa cổ xưa, vẫn phảng phất hình ảnh của một thứ nô lệ cho giáo điều khắc khe phi nhân, phi lý chỉ biết "cúi đầu nép xuống sân mai một chiều", người con gái Việt thì trái lại, vùng lên chống cái thứ tam tòng mà Hán nho đem sang áp đặt đi ngược lại với truyền thống Việt, với bản năng con người, để gào lên những khát vọng thực sự của con tim, nói lên cái tinh thần nhân bản trong đời sống. Họ đã chẳng ngần ngại mà táo bạo trả lời rằng:

*- Đi đâu mà chẳng lấy chồng,
Người ta lấy hết chồng mông mà gào.
Gào rằng: "Đất hỡi, Trời ơi!
Sao không thí bỏ cho tôi tấm chồng?"*

Hoặc nói thẳng ta lời than thở với nỗi ảm ức trong lòng:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Tròng trành như nón không quai,
Như thuyền không lái, như ai không chèo.
Gái có chồng như gông đeo cổ,
Gái không chồng như phản gỗ long đanh.
Phản long đanh, anh còn chữa được,
Gái không chồng chạy ng ược chạy xuôi
Không chồng khổ lắm chị em ơi!

(3) Giai tầng xã hội: Hán nho phân biệt gồm tứ dân: sĩ, nông, công, thương; người bình dân Việt Nam đã lật đổ thành "nhất sĩ, nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ". Hoặc lên tiếng phá bỏ kỳ thị giai cấp, chỉ vì muốn đòi quyền tự do:

- Con vua lấy thẳng bán than,
Nó đem lên ngàn cũng phải đi theo.
Con quan đô đốc, đô tài,
Lấy thẳng thuyền chài, cũng phải lụy mui.

b.- Ấy là trong nhân đạo, lấy đức nhân làm đầu:

Khác với Hán nho quan niệm là "nhân giả nhân dã" như nói trong sách Trung Dung của Khổng Tử. Chữ Nhân, hán tự gồm có chữ nhân đứng bên chữ nhị, như vậy đức nhân hàm ngụ mỗi tương quan giữa người với người. Còn đức nhân của Việt nho không phải chỉ gồm cách đối xử với người mà còn cả mọi loài sinh vật. Kỳ Mạng được Long Quân biểu tặng sách ước, là vì Kỳ Mạng đã dùng gậy thần cứu sống con rắn, hiện thân của thần Tiểu Long. Học giả Thái Văn Kiểm kể lại, sách xưa nói rằng: "Vào mùa đông mới phân biệt được kẻ giàu người nghèo. Mùa đông lạnh lẽo mưa phùn gió bắc, khiến cho cảnh vật tiêu điều đời sống khó khăn. Người và thú vật cùng tranh nhau đi kiếm ăn. Người mặc áo ấm,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

mang cung tên vào rừng săn bắn chim muông. Giữa chốn rừng sâu bên bờ suối, người chột thấy con rái bắt được con cá, mang lên bờ đặt cá trước mặt, ngừng đầu chấp tay vái lạy trời đất rồi mới bắt đầu ăn. Con rái biết cảm tạ trời đất đã giúp cho hẳn món ăn, rất hiếm hoi giữa mùa đông băng giá. Nhìn thấy cảnh tượng này, người đi săn xúc cảm mà nường tay, dẹp cung tên ra về. Cho nên người xưa gọi con rái là Tế Vật Thú hay là Lại Tế Ngư, con rái biết tế trời. Và người đi săn đã khéo đặt đức nhân lên trên hết, để xứng đáng là con người đứng trên tất cả mọi giống vật: "Nhân ư vạn vật chi linh"⁽⁵⁾. Chẳng thế mà nhà nông đã coi con Trâu là người bạn chí thiết:

- *Trâu ơi, ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn việc nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Nường theo đạo sống Thái hòa, cho nên ý niệm Rộng Tiên ghi trên trang đầu lịch sử là muốn nói lên **tinh thần đông tâm nhất trí, chống phân hóa chia rẽ, lấy đoàn kết làm lẽ sinh tồn, là muốn nêu lên đạo Trung Dung vừa cứng rắn vừa nhu hòa**, cũng như cây tre là biểu tượng đức khôn ngoan của dân Việt, tuy mềm mại nhưng không ngã gục, trước bão tố bạo lực không gãy đổ chỉ vì biết mềm dẻo mà vẫn rắn rỏi bất khuất, ấy là biết tới biết lui, ấy là lấy nhu thắng cương. Trong huyền thoại Sơn Tinh (nhu) và Thủy Tinh (cương), cuối cùng Sơn Tinh thắng thế. Lịch sử đã từng xác minh ý chí của tổ tiên tuy cương quyết mà cũng biết hài hòa. Thế nước biển, nên hòa hay nên chiến? Hội nghị Diên Hồng đồng thanh quyết chiến. Thế nhưng bình

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

định xong ta lại sai sứ sang Tàu giao hảo. Ấy là do cái đức nhân đặc thù mà Lê Lợi từng lấy nhân giết lũ bất nhân, lấy chính dẹp phường bất chính, đem đại nghĩa để thẳng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo.

Tóm lại dịch lý Việt Nam có nét đặc thù riêng biệt, gói ghém ngay trong ngôn từ, ngữ pháp và cú pháp, bàng bạc trong văn chương truyền miệng, một nền văn học bất diệt, một chứng tích văn hóa sống động, hùng hồn và trường cửu từ ngàn xưa còn để lại. Việt tộc bị xâm lăng, một số bị đồng hóa với Hán tộc, số còn lại lập nên tổ quốc Việt Nam, nhưng lại bị thu hồi sách vở. Kho tàng văn hóa của tổ tiên bị tịch thu, dĩ nhiên, khi sang nhượng, nó được biến hóa cho thích nghi với trật tự mới, để bảo vệ chế độ mới, chế độ phong kiến đào tạo nên các Hán nho, chỉ biết cúi đầu vâng phục những giáo điều bóp méo triết lý nguyên thủy cho phù hợp với chủ nghĩa mới. Tài liệu Bách Việt Tiên Hiền Chí trong đại bộ Lĩnh Nam Di Thư của Trung Quốc mà triết gia Hán Chương khai quật cộng thêm với chứng tích của nền văn minh Trống Đồng cùng nền văn học dân gian còn truyền miệng mãi mãi ngàn đời là một biện minh hùng hồn. Dịch lý ấy khai nguyên nền Việt Triết đã đóng góp cho văn hóa Hán tộc và làm thành văn hóa Việt Nam cho đến nay.

Dịch lý ấy nói lên nhân sinh quan và vũ trụ quan Việt với nét độc đáo riêng:

- Nó dung hoà hai cái đối nghịch. Nó chống lại phân hóa chia rẽ, kết hợp mọi cá tánh, mọi hoàn cảnh, nếp sống. Cổ tích Trầu Cau với dây trầu nhu động và cây cau cương tĩnh là biện chứng cho chủ thuyết nghĩa tình hòa hợp.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

- Nó nói lên tâm thức Việt Nam với cái nhìn vừa thiết thực mà vừa siêu thực:

- Thà ăn cáy, ngáy o o,
Còn hơn ngay ngáy ăn bò làm chi.

Cái nhìn ấy rất thực tiễn mà cũng rất mơ mộng thanh thoát tự do. Thăng Bờm thăng thấn trả lời coi khinh vật chất mà thế gian vốn coi trọng chỉ vì thăng Bờm vốn để tâm không, yêu thích tự do, ham mê phóng khoáng. "Phú ông xin đổi năm xôi, Bờm cười". Cái cười hồn nhiên mà sâu sắc ấy là do cái nhìn thừa bầm khí huyết của dòng giống Rồng Tiên vậy.

CƯỚC CHÚ:

(1) Vũ Đình Trác: Triết lý truyền thống Việt tộc dọn đường cho Thần học Việt Nam, tạp chí Định Hướng số 11, 1996. Về cuốn "BÁCH VIỆT TIÊN HIỄN CHÍ", Trong dịp biện-trình tại Đại-học Sophia, Tokyo, năm 1984, luận-án triết-học Đông Phương nhan đề "Vietnamese Humanism According to Nguyễn Du", học-giả Vũ-đình-Trác đã tìm thấy tàng-trữ tại thư-viện đại-học Đông-Kinh tập "Bách Việt Tiên Hiễn Chí", sau này ông đem giới-thiệu trên tạp-chí Hội-Hữu (kể từ số 3, ngày 15-3-1986), ông viết: "Chúng tôi cống-hiến văn-học giới Việt-Nam tập tài-liệu cổ quý giá nhan-đề BÁCH VIỆT TIÊN HIỄN CHÍ, trích trong Đại Bộ Lĩnh Nam Di Thư của Trung Quốc", với phần Hán-văn và dịch nôm, mà theo ông đây là "tài-liệu ruột cho các nhà khảo cổ và nhân-chủng học, cũng như cho các nhà văn-hoá Việt-học đang xây-dựng cho Việt-Triết Việt-Nho." Mười năm sau, trong bài tham-luận "Triết-Lý Truyền-Thống Việt-Tộc Dọn Đường Cho Thần-Học Việt-Nam" đăng trong quý-san Định-Hướng (số 11 mùa

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Đông 1996), ông lại nhắc tới: "Chúng tôi long trọng tuyên cáo: chúng ta còn hai ẩn-lộ có thể trở về nguồn. Đó là tập tài-liệu cổ bằng Nho văn: Bách Việt Tiên Hiền Chí và Trống Đồng Việt tộc."

Ở đây, chúng tôi muốn chứng-minh ngoài hai ẩn-lộ trên, còn thêm một chứng-tích thứ ba sống động nữa là hồn nước với triết-lý âm dương bàng-bạc ngay trong tiếng Việt nói chung và, trong một bài viết khác triển-khai, triết-lý ấy cũng thể-hiện ngay trong thơ Việt nói riêng, đó là "Hồn Nước Trong Thơ Việt"

(2) Lê Công Tâm: *Vài suy nghĩ về mối liên hệ giữa tiếng Việt và văn hóa Việt, tạp chí Định Hướng số 5, 1994.*

(3) Khiếu Đức Long: *Đặc tính gốc nước của văn hóa Việt Nam, Vietnamologica, số 1. 1995, trang 176-177.*

(4) Kim Định: *Cơ Cấu Uyên Nguyên, Hội Hữu tập san, Việt học Hàn Lâm Giáo Sĩ Việt Nam Hải ngoại chủ trương, số 3, ngày 15-3-1986.*

(5) Thái Văn Kiểm: *Triết Việt, Đông Hồ và Triết Lý Nhân Sinh Vietnamologica, số 1, 1995, trang 141.*



Hồn nước qua Việt-Triết Âm Dương thể hiện trong tiếng Việt nói chung, và trong Thơ Việt nói riêng, cho nên sau khi Tiếng Việt Tuyệt Vời ấn-bản 2 được ấn-hành, bài nói chuyện dưới đây được bổ-túc vào chương 8 này.

§2- HỒN NƯỚC TRONG THƠ VIỆT (*)

Dẫn nhập

Thân xác tiêu tan, nhưng linh-hồn bất-diệt. Quốc phá gia vong, nhưng tinh-thần dân-tộc không hề diệt-vong, hay nói khác, hồn nước vẫn trường-tồn. Tinh-thần ấy chính là ý-thức-hệ, là triết-lý làm nên đạo sống của cả một chủng-tộc. ***Đối với Việt-tộc, đó là triết-lý âm dương và đạo sống thái-hoà làm nên hồn nước Việt-Nam.*** Hồn nước ấy chính là sở-hữu văn-hoá của dòng giống Việt mà một ngàn năm Bắc-thuộc vẫn không đồng-hoá được Việt-tộc với Hán-tộc, mà những chiến-dịch thu gom trống đồng, sách vở cũng không thể tước-đoạt được. Những chứng-tích khảo-cổ và những khám phá được khai-quật sau này càng chứng-minh hùng-hồn rằng: ***tổ-tiên chúng ta đã xây-dựng từ ngàn xưa một nền tảng cho Việt-Triết***, nhận-diện con người là trung-tâm điểm của vũ-trụ, là hội-tụ của Đất Trời, là gạch nối trong tương-quan Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân. Đạo Sống quy-tụ mọi nẻo ngã tương-liên giao-hội về chung một mối, một đường. ***Hồn nước ấy chính là nét đặc-thù của Việt-tộc, tồn-tại trong văn-hoá Rồng Tiên, mệnh-mang trong Tiếng Việt tuyệt-vời, bàng-bạc trong văn-chương truyền miện.***

Khi chưa có chữ viết, tư-tưởng của Việt-tộc được thể-hiện trên mặt các trống đồng, mà chính-sử Hán-tộc đã xác-nhận kể lại trong tập tài-liệu cổ quý giá nhan-đề "Bách Việt Tiên Hiền Chí" tìm thấy trong đại-bộ "Lĩnh Nam Di Thu" tàng trữ nơi thư-viện Đại-Học Đông-Kinh (1). ***Nhưng còn một dấu-***

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

tích sông động nhất, ghi lại được ý-thức- hệ của tổ-tiên, ấy là tiếng nói của người Việt muôn thuở dù cho phiêu-bạt nơi góc bể chân trời, để rồi sau này theo đà tiên-hóa, khi chữ viết thành hình, tư-tưởng ấy được chuyên- chở qua các tác-phẩm văn-học, đặc-biệt qua thi ca thuần-tuý Việt-Nam mà chúng tôi gọi là thơ Việt.

Hồn nước ấy thể-hiện trong tiếng Việt nói chung như chúng tôi đã đề-cập trong cuốn "Tiếng Việt Tuyệt-Vời", nơi chương 8 bổ-túc. Trong bài dưới đây, người viết xin được triển-khai thêm, *hồn nước còn thể-hiện cả trong thơ Việt nói riêng.*

* *
*

Chúng tôi trọng nghĩ có hai yếu-tố làm nên thơ Việt:

- ***Yếu-tố thứ nhất:*** thơ Việt là sở-hữu riêng của người Việt
- ***Yếu-tố thứ hai:*** thơ Việt còn là thơ chất-chứa những nét đặc-thù của văn-hoá Việt, đặc-thù trong cấu-trúc của ngôn-ngữ, đặc-thù trong tư-tưởng của Triết Việt, nói khác, là mang theo hồn nước, là chuyên-chở được hồn Việt.

Cả hai yếu-tố này đều được đề-cập trong ***thơ lục bát & lục bát gián thất, là thể thơ duy-nhất của riêng người Việt-Nam.*** Riêng yếu-tố thứ hai, với đặc-thù trong tư-tưởng, mở rộng cho cả các thể thơ du-nhập khác như một yêu-cầu để làm nên thơ Việt (Vietnamese Poetry, Poetry of Vietnam) khác với thơ Việt-ngữ, thơ bằng lời Việt (Poetry in Vietnamese).

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nói rằng hồn nước trong thơ Việt là vì cấu-trúc của thơ Việt thể-hiện được những nét độc-đáo của ngôn-ngữ Mẹ Việt, và nói lên được tư-tưởng triết-lý của tổ-tiên Việt-tộc. Thật thế,

A- THƠ LỤC BÁT VÀ SONG THẤT LỤC BÁT LÀ NHỮNG THỂ-LOẠI ĐỘC-ĐÁO THUÂN-TUÝ CỦA NGƯỜI VIỆT

I- Hai thể thơ này chỉ có trong văn-học Việt-Nam, không có trong văn-học Trung-Hoa và các nước khác, làm thành một thứ văn-chương truyền miệng trong kho-tàng văn-học dân-gian.

1.1- Thơ Trung-Quốc có thơ Đường hạn-định số câu, hoặc bát cú hoặc tứ tuyệt. Riêng thơ Việt thể lục bát, hơi thơ bắt buộc đi liền để ngưng ở cuối câu bát làm thành một "liên". Thơ song thất lục bát thêm hai câu thất cũng bắt buộc hơi thơ đi liền để ngưng ở cuối câu bảy dưới. Cả lục bát và song thất lục bát đều trường thiên bất tận.

2.2- Thơ Trung-Quốc và thơ Tây chỉ có cước-vận. Duy nhất trong thơ Việt còn có cả yêu-vận, gieo vần ở lưng chừng câu, và khi gieo vần như vậy, thanh bằng cũng đổi giọng theo.

II- Thơ lục bát, một thiên-bẩm của người Việt-Nam.

Thơ lục bát và song thất lục bát là con đẻ của tục-ngữ ca-dao.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

2.1- Người dân quê Việt-Nam xuất khẩu thành thi:

“Cao-Bằng, Cao-Bằng, Cao-**Bằng**,
Cao lên tỉnh Lạng, cao **bằng** ngọn tre,”

hoặc:

“Giàu giàu giàu giàu, kém mười trâu đầy một **chục**,
Lợn đẻ nhung-**nhúc**, kém mười đồng đầy một trăm.”

Phải chăng cước-vận và yêu-vận trong hai thể thơ này đã được định hình từ những cách gieo vần trên đây của ca-dao tục-ngữ? Thể thơ này, trước khi có văn-tự, tổ-tiên đã dùng để ký-thác tình-tự. Quần-chúng dù chưa theo đòi nghiên bút, vẫn có thể tự-nhiên diễn-tả, nếu không đúng y theo lục bát thì cũng tương-tự cho có vần có điệu. Những bài hát ru em, ca hò ở cả ba miền Trung, Nam, Bắc, với những câu dài ngắn không đúng là sáu tiếng, tám tiếng, thế nhưng vẫn có vần ăn khớp hoà-hợp với nhau giữa câu trên và câu dưới, cho thấy rõ rằng đây là những sáng-tác tự-nhiên của họ. Phải tận mắt tham-dự những buổi hát trống quân, quan họ, chứng-kiến những cuộc đối đáp giữa chàng trai xa lạ đi trên đường quê với các thôn-nữ cấy lúa cắt rạ dưới ruộng vọng lên tiếng hát riêu cợt trêu gọi, mới thấy cái tuyệt-vời của ngôn-ngữ Việt, cái óc sáng-tạo và tâm-hồn dạt-dào yêu nghệ-thuật của con người Việt-Nam.

Cô gái Huế hò rằng:

“Hò ơ ...Con cá tróc **vi** hiềm **vi** nước **chày**,
Cần câu **gầy** vì bởi bụi hóp **cong**,
Bởi vì anh mượn người mai chước chưa **xong**
Khiến xuôi (xui) nên căn-duyên trặc-trở,
Hò ơ ...xuôi (xui) tấm **lòng** em khó **ngươi**.”

Cô gái Bắc tay thoăn-thoắt cấy lúa, miệng đồng-đánh hát vọng lên bờ:

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

“Cao-ly sắc với ngân-**hoàng**,
Uống không mát dạ bằng thiếp với **chàng** gặp nhau.”

Người miền Nam bị bắt đi phu đồn-điền cũng hát:
“Ở làm chi đây mà phú-lít và cò bót cản **ngăn!**
Đi theo ông Lê-Bá-Cử một hai **năm** rồi về.”

Những câu hát, hò trên đây, người hát như cố ý kéo dài để lựa lời tìm được ra một tiếng thích-hợp gieo vần cho khớp nhau. Đó là sáng-tác độc-đáo tự-nhiên của người Việt.

2.2- Người trẻ hôm nay cũng xuất khẩu thành thi.

Nhan-nhân trên lưới điện-toán, thơ của các bạn trẻ không vần nhưng có âm-điệu trầm bổng, phảng-phất khuôn dáng các bài thơ hay bài ca-dao không luật như dẫn ở trên, đọc lên vẫn có cung bậc du-dương nhịp-nhàng. Về kỹ-thuật của hai thể thơ này, chúng tôi cũng đã tóm lược trong cuốn Tiếng Việt Tuyệt-Vời nơi chương 6 bàn về “âm và thanh trong tiếng Việt” (2)

B- THƠ VIỆT CHỨA ĐỰNG NÉT ĐẶC-THÙ CỦA CẤU-TRÚC TIẾNG VIỆT

I- Cấu-trúc một vần và cấu-trúc lưỡng-từ cho phép đảo lộn vị-trí của từ hay đọc xuôi đọc ngược mà câu vẫn vẫn có nghĩa và có nhiều ý-nghĩa khác nhau. Cho nên ta có thể làm những bài thơ Việt đọc xuôi đọc ngược mà thơ Tây không có.

Riêng về thơ lục bát, để chứng-minh vẻ đẹp độc-đáo của ngôn-ngữ Mẹ Việt, chúng tôi có đề-xuất lối đọc xuôi đọc ngược này trong hai tác-phẩm *Tiếng Việt Tuyệt-Vời* và *Về*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

nguồn. Ngay cả lục bát gián thất, chúng tôi cũng khám phá lối đọc xuôi đọc ngược này, xin đan-cử mấy bài trích trong các thiệp xuân mỗi năm của chúng tôi gửi đến các thân-hữu:

Bài 1- Chở Nhạc Quê Hương *(lục bát liên-hoàn thuận-ngịch-độc)*

Trường-miên tấu nhạc quê-hương,
Tình xuân vương-vấn, nhớ thương sao lừng!
*Hương quê nhạc tấu miên-trường,
Lừng sao thương nhớ, vấn-vương xuân-tình!*
* * *

Bình-an hát khúc tang tình,
Làng thôn xinh đẹp, thị-thành quang-vinh.
*Tình tang khúc hát an-bình,
Vinh-quang thành-thị, đẹp xinh thôn làng.*
* * *

Màng chi chôn lạ giàu sang!
Thương yêu làng nước, thấy càng yêu thương,
*Sang giàu lạ chôn chi màng!
Thương yêu càng thấy nước làng yêu thương.*
* * *

Trường-miên tấu nhạc quê-hương,
Tình Xuân vương-vấn, nhớ thương sao lừng!
*Hương quê nhạc tấu miên-trường,
Lừng sao thương nhớ, v...v...*
(Trích thiệp Xuân Đinh Sửu 1997)

Bài 2- Xuân Vọng Cổ-Hương

(lục bát liên hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi, đọc ngược)

Sang Xuân, Tết hội buôn, làng,
Khang an mừng chúc thóc vàng đầy nông.
*Làng, buôn hội Tết Xuân sang,
Nong đầy vàng thóc chúc mừng an khang.*

(đọc xuôi, đọc ngược)

Lâng lâng nếp rượu tàng tàng,
Tàng tàng nhung-nhớ, nặng lòng chờ trông.
*Tàng tàng rượu nếp lâng lâng,
Trông chờ, lòng nặng nhớ-nhung tàng tàng.*

(liên-hoàn)

Sang Xuân, Tết hội buôn làng,
Khang an mừng chúc thóc vàng đầy nông.
Làng buôn hội Tết Xuân sang,
Nong đầy vàng thóc chúc mừng an khang.
(Trích thiệp Xuân Mậu Dân 1998)

Bài 3- Vọng Cổ-Hương

(lục bát liên hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi, đọc ngược)

Chang chang nắng nhuộm nương đồng,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Mông-mênh vàng thắm núi sông, buôn, làng.
*Đông nương nhuộm nắng chang chang,
Làng, buôn, sông núi thắm vàng mênh-mông.*

(đọc xuôi, đọc ngược)

Trông vời quốc tổ Tiên Rồng,
Bồng-bênh mong nhớ nặng lòng sao đong?
*Rồng Tiên tổ-quốc vời trông,
Đong sao lòng nặng nhớ mong bênh-bồng.*

(liên-hoàn)

Chang chang nắng nhuộm nương đồng,
Mông-mênh vàng....
(Trích thiệp xuân Kỷ Mão 1999)

Bài 3: Mừng Xuân Mới

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Vang hát rộn, reo mừng chón chón,
Nạn khổ xong, dẹp dọn tuyết băng.
Làng, buôn nhuộm nắng, xuân sang,
Mông-mênh vàng thắm núi, sông, nương, đồng.

(đọc ngược)

Băng tuyết dọn, dẹp xong khổ nạn,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*Chón chón mừng, reo rộn hát vang.
Sang xuân, nắng nhuộm buồn, làng,
Đông, nương, sông, núi thắm vàng mênh-mông.*

(liên-hoàn)

Vang hát rộn reo mừng chón chón
Nản khổ xong, dẹp dọn tuyết, băng
Làng, buồn...v.v...
(Trích thiệp xuân Kỷ Mão 1999)

Bài 5: Tình Xuân

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-ngịch-độc)

(đọc xuôi)

Trắng gió quuyến hoa cười lơ-lả,
Luyến vương lòng nghe gió gọi trăng.
Dâng trào ước mộng lâng lâng,
Tươi xinh, hồng thắm, sáng, trong, duyên nồng.

(đọc ngược)

*Trăng gọi gió, nghe lòng vương luyến,
Lả-lơ cười, hoa quuyến gió trăng.
Lâng-lâng ước mộng trào dâng,
Nồng duyên trong sáng, thắm hồng xinh tươi.*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(liên-hoàn)

Trăng gió quyến hoa cười loi-lả,
Luyến vương lòng nghe gió gọi trăng...

Dâng trào ước.....

(Trích thiệp xuân Canh Thìn 2000)

Bài 6- Hịch Xuân Quốc-Hận

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Đâu già trẻ? Đâu rồi? Nước mắt!
Bể mắt rồi! Thôi, đất còn đâu!
Sầu tuôn, đứt nối, tuôn sầu,
Ngồi chung! Mau gọi bí bầu, ai ôi!

(đọc ngược)

*Đâu còn đất! Thôi rồi, mắt bể!
Mắt nước rồi! Đâu, trẻ già đâu?
Sầu tuôn, nối đứt, tuôn sầu,
Ôi! Ai bầu bí? Gọi mau chung ngồi!*

(liên-hoàn)

Đâu già trẻ? Đâu rồi? Nước mắt!
Bể mắt rồi! Thôi, đất còn đâu!

V.V.....

(Trích thiệp xuân Tân Tị 2001)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Bài 7- Quốc-Hận

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Không thấy đó? Cõi làng nước mắt!
Đổ máu hồng, ngập lấp núi sông
Thông ngàn hận-uất rền vang:
Quang-xuân mừng đón khắp cùng chờ mong.

(đọc ngược)

Sông núi lấp, ngập hồng máu đỏ,
Mắt nước làng! Cõi đó, thấy không?
Vang rền uất hận ngàn thông:
Mong chờ cùng khắp đón mừng xuân-quang.

(liên-hoàn)

Không thấy đó? Cõi làng nước mắt!
Đổ máu hồng, ngập lấp...v.v....

.....
(Trích thiệp xuân Nhâm Ngọ 2002)

Bài 8: Xuân Ngóng Đợi

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Sao se thất, nghe gào sông núi!
Mắt đỏ ngầu, hận tủi xót đau.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Vào Xuân gió gọi mai đào,
Đâu nào đào thắm, đỏ trâu, xanh cau?

(đọc ngược)

*Đau xót tủi, hận ngẫu đỏ mắt,
Núi sông gào, nghe thắt se sao!
Đào mai gọi gió Xuân vào,
Cau xanh trâu đỏ, thắm đào nào đâu?*

(liên-hoàn)

Sao se thắt, nghe gào sông núi!
Mắt đỏ ngẫu, hận tủi xót đau.
Vào Xuânv..v...
(Trích thiệp xuân Quý Mùi 2003)

Bài 9- Nhà Việt Lâm Ngụy

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Mê ngủ mãi, đừng! Mau mau dậy!
Dãi-dầu sao! Dân thấy thắm-thê!
Tre phen mục nát rui mè,
Nào ai che chóng, quyết thê đi mau!

(đọc ngược)

Thê-thảm thấy dân sao dầu-dãi!

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*Dậy mau mau! Đừng mãi ngủ mê!
Mè, rui nát mục phen tre,
Mau đi! Thề quyết chống che, ai nào!*

(liên hoàn)

*Mê ngủ mãi, đừng! Mau mau dậy!
Dãi-dầu sao! Dân thấy thắm-thê!*

..V..V.....

(trích thiệp Xuân Giáp Thân 2004)

Bài 10- Mơ Xuân Thái Hoà

(lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

*Ngàn hoa nhuộm nắng sương tan,
Mây vang đàn tấu, ngập tràn bình an.
Tan sương nắng nhuộm hoa ngàn,
An bình tràn ngập, tấu đàn vang mây.*

(đọc ngược)

*Hây hây thóc lúa tràn đầy
Tàn Đông, ngậy ngắt cổ bày men say.
Đầy tràn lúa thóc hây hây,
Say men bày cổ ngắt ngậy, Đông tàn.*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(liên-hoàn)

Ngàn hoa nhuộm nắng sương tan,
Mây vang đàn tấu, ngập tràn
(Trích thiệp xuân Ất Dậu 2005)

Bài 11 -Hòn Sông Núi

(Song thất lục bát liên hoàn thuận-ngịch-độc)

(đọc xuôi)

Nghiên bút tử vẫn còn máu đỏ,
Núi sông hòn cuộn gió cuồng điên.
Miên-trường khổ cực dân hiền,
Chôn chân kiên vững, oán phiền tràn lan.

(đọc ngược)

Đên cuồng gió cuộn hòn sông núi
Đỏ máu còn vẫn tử bút nghiên
Hiền-dân cực khổ triền-miên
Lan-tràn phiền oán vững kiên chân chôn.

(liên-hoàn)

Nghiên bút tử vẫn còn máu đỏ
Núi sông hòn cuộn gió cuồng điên
Miên-trường
(Trích thiệp xuân Ất Dậu 2005)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Bài 12- Cướp Đã Tới Rồi!

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Êm lặng mãi sao chưa tỉnh thức?
Hãi sợ thêm, càng tức giận thêm,
Xem kìa! Giặc cướp đây thêm!
Chưa lên đèn đóm? Lại xem soi đèn!

(đọc ngược)

*Thêm tức giận càng thêm sợ hãi,
Thức tỉnh chưa? Sao mãi lặng êm?
Thềm đây cướp giặc, kìa xem!
Đèn soi xem lại, đóm đèn lên chưa?*

(liên hoàn)

Êm lặng mãi sao chưa tỉnh thức
Hãi sợ thêm, càng tức giận thêm
... V..V....
(trích thiệp Xuân Bính-Tuất 2006)

Bài 13- Xuân-Niệm

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Hương xuân ngát thơm đời tươi thắm,
Đất với trời say đắm yêu thương,

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Phường thôn gọi nắng triều-dương,
Trời mù hương khói, niệm chuông dâng lời.

(đọc ngược)

*Thương yêu đắm say trời với đất,
Thắm tươi đời thơm ngát xuân hương.
Dương-triều nắng gọi thôn, phường,
Lời dâng chuông niệm, khói hương mù trời.*

(liên hoàn)

Hương xuân ngát thơm đời tươi thắm,
Đất với trời say đắm yêu thương,
Phường thôn....v.v...
(Trích thiệp xuân Đinh-Hợi 2007)

Bài 14- Xuân-Nguyện

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Bình-an phúc tuôn tràn chan-chứa,
Chúc mừng ca đồng lúa mông-mênh.
Tình xuân đắm ướp hương trinh,
Rền vang kinh nguyện miếu đình gần xa.

(đọc ngược)

*Mênh-mông lúa đồng ca mừng chúc:
Chứa-chan tràn tuôn phúc an-bình.*

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

*Trinh hương ướp đằm xuân-tình,
Xa gần đình miếu nguyệt kinh vang rền.*

(liên hoàn)

Bình-an phúc tuôn tràn chan-chứa
Chúc mừng ca đồng lúa mông-mênh

...v...v.....

(Trích thiệp Xuân Mậu Ti 2008)

Bài 15- Xuân Ước Nguyễn

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Xuân pháo nổ vang lừng thôn áp
Lá hoa rừng hương ngát suối ngàn
Buôn, làng ước nguyệt luôn luôn,
Cùng nhau thương mến kết-đoàn lòng chung.

(đọc ngược)

*Ngàn suối ngát hương rừng hoa lá,
Áp thôn lừng vang nổ pháo xuân.
Luôn luôn nguyệt ước làng buôn
Chung lòng đoàn kết mến thương nhau cùng.*

(liên-hoàn)

Xuân pháo nổ vang lừng thôn áp,
Lá hoa rừng thơm ngát suối nguồn,

v...v.....

(Trích thiệp Xuân Kỷ Sửu 2009)

Bài 16- Đón Xuân Đắt Tuyệt

(song thất lục bát thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Cây hỏi cỏ: “Nghe sao còn tuyệt?”

Gió gọi đào: Mai đến Tết đây!

Hây hây nắng nhuộm trời mây,

Nào vui, tay nắm dất tay vui nào!

(đọc ngược)

Đây Tết đến, mai đào gọi gió,

Tuyệt còn sao? Nghe cỏ hỏi cây,

Mây trời nhuộm nắng hây hây,

Nào vui, tay nắm dất tay vui nào!

(liên-hoàn)

Cây hỏi cỏ: “Nghe sao còn tuyệt?”

Gió gọi đào: Mai đến Tết đây!

...V..V...

(Trích thiệp Xuân Canh Dần 2010)

Bài 17- Chúc Xuân

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Nơi nơi chúc mừng Xuân đón Tết :

Phúc Lộc tuôn, đoàn-kết núi sông,

Tươi vui, đạt thịnh, thành-công

Luôn luôn ngời sáng đức hồng, công-huân.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(đọc ngược)

Sông núi kết-đoàn, tuôn Lộc Phúc,
Tết đón Xuân mừng chúc nơi nơi,
Công thành, thịnh đạt, vui tươi,
Huân-công, hồng-đức sáng ngời luôn luôn.

(liên-hoàn)

Nơi nơi chúc mừng Xuân đón Tết :
Phúc Lộc tuôn, đoàn-kết núi sông,

.....

(Trích thiệp Xuân Tân-Mão 2011)

Bài 18- Thấy Tết Vui Không?

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(đọc xuôi)

Sông núi quặn đau lòng tha-thiết (*)
Mận bảo hồng: “Thấy Tết vui không?”
- Ông cha sản-nghiệp, kìa trông!
-Mông-mênh đồng ruộng biển rừng còn không?

(đọc ngược)

- Không vui Tết, thấy hồng bảo mận.
Thiệt tha lòng, đau quặn núi sông.
- Trông kìa! Nghiệp-sản cha ông :
Không còn rừng biển, ruộng đồng mênh-mông.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

(liên-hoàn)

Sông núi quặn đau lòng tha thiết
Mặn bảo hồng : « Thấy Tết vui không ? »

...V.V...

(Trích thiệp Xuân Nhâm-Thìn 2012)

Bài 19- Xuân-Nguyện

(song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc)

(thuận-độc)

Xinh tươi sắc thắm xuân hưng-phục,
Khắp cùng tuôn lộc phúc an-bình.
Tinh xuân đắm ướp hương trinh,
Gần xa, kinh nguyện miếu đình vang ngân,

(nghịch-độc)

Bình-an phúc lộc tuôn cùng khắp,
Phục-hưng xuân thắm sắc tươi xinh,
Trinh-hương ướp đắm xuân-tình,
Ngân vang, đình miếu nguyện kinh xa gần.

(liên-hoàn)

Xinh tươi thắm sắc xuân hưng-phục.
Khắp cùng tuôn lộc phúc an-bình.

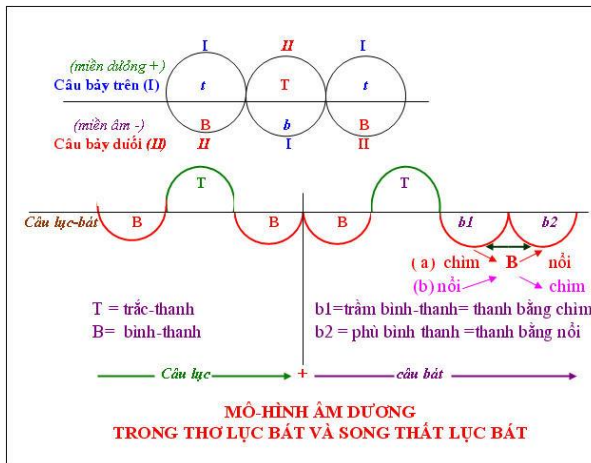
...V.V...

(Trích thiệp Xuân Quý-Tị 2013)

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

II- Riêng trong thơ lục bát và song thất lục bát, cấu trúc của thể thơ này còn chứa đựng cả mô-hình Việt-Triết âm dương với hình-tượng của lục khí bát quái, với nhịp phách song trùng như âm dương vận hành, với chu-kỳ sinh và tái-sinh tiếp-diễn miên-tục qua giòng thơ thanh-thoát tự-do, lang-thang trên đường trường bất tận. Cặp lục bát trên sáu dưới tám gọi là một liên, liên-kết một ngắn một dài, nối liền âm với dương, ràng buộc lục khí bát quái, và ngay trong mỗi câu dù lục hay bát, cung bậc và điệu thơ cũng chìm nổi nhấp-nhô theo nhịp hai thành từng cặp song-hành:

Hoa giải nguyệt (t) / nguyệt in (b) một tằm (t)
 Nguyệt lồng hoa (b) / hoa thắm (t) từng bông (b)
 Nguyệt hoa (b) / hoa nguyệt (t) / trùng trùng (b) /
 Trên hoa (b) / dưới nguyệt (t) / trong lòng (b1) / xiết đầu! (b2) /
 Đầu xiết kể (t) / trăm sầu (b) / nghìn nỗi (t),
 Từ nữ-công (b) / phụ-xảo (t) đều ngui (b),
 Biếng cặm (b) kim / , biếng (t) đưa thoi (b),
 Oanh đôi (b) thẹn dệt (t), bướm đôi (b2) ngại thùa (b1)



Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Về điểm này, tác-giả Lê-Công-Tâm biện-luận: "Tám quẻ trong Kinh Dịch gồm có: càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn, khôn. Càn khôn là cha mẹ, sáu quẻ: đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn là sáu người con do càn khôn sinh ra và còn được gọi là lục khí. Cha mẹ vì đã già nên khó thay đổi, còn các con còn trẻ nên dễ thay đổi, vì thế gọi là lục khí... Theo quan-niệm của Dịch thì lục khí bao giờ cũng quan-trọng hơn càn khôn cho nên mới có câu: "con hơn cha nhà có phúc" (3).

C- THƠ VIỆT CHUYÊN CHỜ HỒN VIỆT

Thơ Việt chất-chứa hồn Việt vì *mang tính nhạc* là nét độc-đáo của tiếng Việt, và *chất-chứa tính dân-tộc là Việt-triết của tổ-tiên*.

I- Tính nhạc trong thơ Việt

1.1- Tiết-tấu:

Vì cách phối-trí thanh theo luật nhất-định nên *nhạc trong thơ Việt điểm-ảo vô cùng, điểm-ảo vì luật phối-trí thanh hợp với tính nhạc có sẵn trong từ làm nên tiết-tấu nhịp-nhàng cho thơ*. Nhịp phách này so với thơ Trung-Quốc cũng khác hẳn.

Minh-hoạ sau đây cho thấy nét đặc-thù trong nhạc thơ Việt:

Thơ	đã sẵn có nhịp	đã sẵn có cung
Tây	+	0
Việt	+	+

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Nhịp phách trong thơ lục bát:

2	2	2	
2	2	2	2

Nhịp phách của 2 câu 7 trong thơ Đường và song thất lục bát:

Thơ Đường thất ngôn bát cú	4 [2+2] Bước tới Đèo Ngang Cỏ cây chen đá	3 bóng xế tà lá chen hoa
Thơ Việt song thất lục bát	3 Thuở trời đất Khách má hồng	4 [2+2] nổi cơn gió bụi nhiều nổi truân-chuyên

1.2- Âm thanh:

Dĩ-nhiên như đã nói trong “Tiếng Việt Tuyệt Vời”, thơ Tây không có cung nhạc tự-nhiên, chỉ có điệu nhịp tiết-tấu. Nhạc trong thơ Tây là nhạc chế sẵn cho lời. Ý dùi lời đi vào nhạc-điệu, chứ lời không mang theo nhạc dẫn đưa tình ý.

Trái lại vì mỗi lời Việt mang theo một nốt nhạc khác nhau, nên trong văn, nhất là trong thơ Việt, nhạc biến-ảo theo lời. Nhạc vốn đã làm nên duyên-dáng du-dương cho tiếng Việt thì hẳn nhiên nhạc cũng là yếu-tố cơ-bản trong thơ Việt.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Ngôn-ngữ có nhạc là do cách sử-dụng từ sao cho réo-rắt, đây là cách gieo bình và trắc-thanh, sao cho êm-ái du-dương, đây là cách ngắt nhịp, lựa chọn âm-vận.

Người Việt ngâm thơ mà người ngoại-quốc nói là hát thơ. Nói như thế không sai. Khi ngâm thơ, ta thường-thức giọng ngâm và điệu ngâm. Ngâm thơ là phổ nhạc vào thơ, một thứ nhạc đã được chế sẵn để chuyên-chở ý thơ, cũng hết như ngâm vọng cổ một bản mà lời chẳng có gì làm sâu-sắc văn-vẻ cho lắm nếu đem đọc lời của bản nhạc này. Vậy khi **nói đến nhạc của thơ, là nói đến đọc thơ. Đọc thơ lột hết được tinh nhạc của thơ tự nó đã có sẵn trong lời thơ.**

Nói như vậy là muốn nói đến **thơ tự-do, thơ xuôi**, tuy là vay mượn hình-thức thơ Tây, *nhưng nếu không có nhạc trong thơ, thì chẳng hoá ra là thơ ngoại-lai*. Thơ không có nhạc mà chỉ chuyên-chở ý-tưởng, đúng hơn chỉ là một bài dịch thơ sang tiếng Việt hơn là một bài thơ Việt. Nói là vay mượn, chứ thực ra trước khi ta có thơ xuôi gần đây, thì từ thuở xa xưa, ta đã có văn biên-ngẫu qua những bài văn-sách, kinh-nghĩa của lối khoa-cử. Và trước khi du-nhập thơ tự-do của Tây-phương thì ca-dao với lối hát xẩm, ta cũng đã có thơ tự-do rồi, một thứ thơ tự-do với nhịp phách và cước-vận như của thơ Tây, lại còn *mang tính dân-tộc với cung bậc thanh-âm rộn-ràng và với yêu-vận gieo ở lưng chừng câu*. Như bài sau đây:

Ba mươi **Tết**, lại ba mươi **Tết**,
Vợ thặng Ngô đốt vàng cho chú **khách**
Một tay cô cầm cái dù **rách**
Một tay cô **xách** cái chần **bông**
Cô ra bờ **sông**

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Cô **trông** sang nước **người**
Ơi chú Chệt ơi là chú Chệt **ơi!**
Một tay cô cầm quan **tiền,**
Một tay cô cầm thẳng bù-**nhìn,**
Cô ném xuống **sông;**
Quan tiền nặng, quan tiền **chìm,**
Bù-nhìn nhẹ, bù-nhìn nổi,
Ồ ai ơi của nặng hơn **người!**

Tản-Đà nổi tiếng với những bài thơ mới, truyền-cảm sâu xa, vì nó không còn gò bó theo luật-lệ, chỉ giữ lại cái thanh-tú của nhạc dẫu, của âm-điệu mà thôi. Chẳng hạn bài Thiên-Thai:

Lá đào rơi rắc lối Thiên-Thai,
Suối tiễn oanh đưa luống ngậm-ngùi.
Nửa năm tiên-cảnh,
Một bước trần-ai.
Ước cũ duyên thừa có thể thôi!
Đá mòn rêu nhạt,
Nước chảy huê trôi.
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Trời đất từ nay xa cách mãi!
Nghìn năm thơ-thần bóng trắng trôi.
(Nguyễn Khắc-Hiếu)

II- Tính dân-tộc trong thơ Việt

Thơ Việt phải thể-hiện bản-sắc của giống nòi, nói lên được tâm-thức của tổ-tiên ngàn xưa truyền lại cho con cháu lập

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

quốc và hưng quốc. Ta sẽ nghĩ thế nào khi thế-hệ hậu-duệ mình tìm trong lịch-sử thi ca nước Việt, thấy rằng cha ông chúng đã đánh mất gốc nguồn? Nhân-loại qua nên thi ca hiện nay đánh giá được thế nào là tính dân-tộc của người Việt, ấy là tùy theo thơ Việt có chuyên-chở được hồn nước hay không? Người ta sẽ thấy được đời sống vật-chất, tình-cảm, và tư-tưởng của giống nòi, nhận rõ chân-dung con người Việt-Nam là thế đó, lai căn hay mất gốc? Những loại thơ truyền miệng sau đây liệu có gọi là thơ mang theo hồn nước hay không?

“Thương cha, thương mẹ, thương chồng,
Thương người: thương một, thương ông: thương mười.”

Và:

“Thăng Trời hãy đứng một bên,
Để ông Thủy-Lợi đứng lên làm Trời!”

Hay:

“Thắp đèn cho sáng ba gian,
Lôi mi ra giữa đình làng đêm nay,
Đấu cho tan-tát mặt mày,
Đấu cho mờ mả tụi bay chẳng còn.”

Và:

“Thắp đuốc cho sáng khắp đường,
Thắp đuốc cho sáng đình làng đêm nay,
Lôi cổ bọn nó ra đây!
Bắt quỳ gục xuống, đọa đày chết thôi!”

Liệu chúng ta có chấp-nhận những lời thơ nghịch thiên-lý và luân-thường như thế để bảo rằng đó là thơ Việt, thơ mang hồn nước, thơ của chủng-tộc Việt hay không?

Kết-luận

Việt-thi hay Việt-văn chỉ là những diện của một điểm chung là văn-học, văn-hoá làm nên văn-minh. Khi nói Việt-văn là đã tự nói lên vẻ đẹp của ngữ Việt rồi, vì văn là những nét văn thể-hiện nên vẻ đẹp.

Cái gì làm nên vẻ đẹp độc-đáo tuyệt-vời? Không hẳn chỉ là cấu-trúc và nhạc-tính của ngữ Việt mà còn là cái hồn nước trong ngữ Việt thể-hiện qua Việt-Triết âm dương, ấy là đạo sông Thái-Hoà của tổ-tiên, là nhân-sinh-quan và vũ-trụ-quan của giống nòi, cho phép nhận rõ chân-dung con người là hội-tụ giao-thoa của Trời Đất, là tinh-thần dân-tộc, là ý-chí bất-khuất, độc-lập, tự-chủ, là lập-trường không nghiêng ngả, là tương-thân kết-đoàn, là thuận thiên-lý, trọng nhân-luân, là tình yêu hài-hoà, hài-hoà với thiên-nhiên với Trời Đất, với tha-nhân, nói chung ấy là tinh-thần nhân-bản của trăm con trăm trứng cùng sinh ra trong một bọc Mẹ, là phân tán nhị nguyên nhưng hoà-đồng nhất thể như huyền-thoại Rồng Tiên đã viết lên trang đầu của Việt-sử làm thành hiến-chương cho con cháu Hùng-Vương lập quốc và hưng quốc.

Vâng, hồn nước quả tiềm-tàng trong văn-hóa Rồng Tiên, bàng-bạc trong ngôn-ngữ Mẹ Việt. Lại biết rằng ngôn-ngữ có thể làm bại-hoại tư-tưởng và ngược lại, nhất là đối với thứ ngôn-ngữ vô cùng phong-phú súc-tích như tiếng Việt, bởi thế một khi tập-quán xấu đã bén rễ, thì đây là một báo động cho các nhà văn-hoá, cho tất cả những ai còn tha-thiết tới tiền-đồ văn-học Việt-Nam.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đố Quang-Vinh

Cho nên, tuy đường về quê hương mở ra nhiều phương lăm lối, song đối với thế-hệ trẻ mai này sẽ theo gót cha anh xây đắp giang-sơn, thiển-nghĩ con đường văn-học, văn-hoá Mẹ Việt hơn bao giờ cũng vẫn là một chính-lộ dẫn đưa họ về nguồn, bởi vì:

*Cội nguồn hoa thắm ngát hương,
Đường về le-lói ánh dương huy-hoàng,
Gió reo chim hót ca vang:
"Việt-Nam văn-hiến vinh-quang muôn đời!"*

Chú-thích:

(*) Bài viết nguyên là bài thuyết-trình tại Văn Bút Ontario Canada năm 2000, sau được đăng lại trên quý-san Định Hướng Paris số 28, Mùa Đông năm 2001, nay được hiệu-đính lại mô-hình âm dương trong thơ lục bát và song thất lục bát cùng thêm một số bài thơ lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc và song thất lục bát liên-hoàn thuận-nghịch-độc.

(1) Vũ Đình-Trác: *Triết-Lý Truyền-Thống Việt-Tộc Dọn Đường Cho Thần-Học Việt-Nam* (tập-san Định Hướng số 11, 1996).

VỀ CUỐN "BÁCH VIỆT TIÊN HIẾN CHÍ": Năm 1984, trong dịp biệu-trình tại Đại-học Sophia, Tokyo, luận-án triết-học Đông Phương nhan-đề "Vietnamese Humanism According to Nguyễn Du", cố học-giả Vũ-đình-Trác đã tìm thấy tàng-trữ tại thư-viện Đại-Học Đông-Kinh tập "Bách Việt Tiên Hiến Chí", sau này ông đem giới-thiệu nguyên-bản và Dịch Nôm trên tạp-chí Hội-Hữu (kể từ số 3, ngày 15-3-1986), ông viết: "Chúng tôi cống-hiến văn-học giới Việt-Nam tập tài-liệu cổ

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

quý giá nhan-đề BÁCH VIỆT TIÊN HIỀN CHÍ, trích trong Đại Bộ Lĩnh Nam Di Thư của Trung Quốc”, với phần Hán-văn và dịch nôm, mà theo ông đây là “tài-liệu ruột cho các nhà khảo cổ và nhân-chủng học, cũng như cho các nhà văn-hoá Việt-học đang xây-dựng cho Việt-Triết Việt-Nho.”

Mười năm sau, trong bài tham-luận “Triết-Lý Truyền-Thống Việt-Tộc Dọn Đường Cho Thần-Học Việt-Nam” đăng trong quý-san Định-Hướng (số 11 mùa Đông 1996), ông lại nhắc tới: “Chúng tôi long trọng tuyên cáo: chúng ta còn hai ẩn-lộ có thể trở về nguồn. Đó là tập tài-liệu cổ bằng Nho văn: Bách Việt Tiên Hiền Chí và Trống Đồng Việt tộc.”

Ở đây, chúng tôi muốn chứng-minh ngoài hai ẩn-lộ trên, còn thêm một chứng-tích thứ ba sống động nữa là hồn nước với triết-lý âm dương bàng-bạc ngay trong tiếng Việt nói chung và trong thơ Việt nói riêng, đó là "Hồn Nước Trong Thơ Việt"

(2) Đỗ Quang-Vinh, *Tiếng Việt Tuyệt-Vời, chương 8: Tiếng Việt Với Triết-Lý Âm Dương Và Đạo Sống Thái-Hoà*, (ấn- bản lần 2, Toronto, 2000)

(3) Lê-công-Tâm: *Vài suy nghĩ về mối liên-hệ giữa tiếng Việt và văn-hoá Việt*, tạp-chí Định Hướng, số 5, 1994.



Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đổ Quang-Vinh

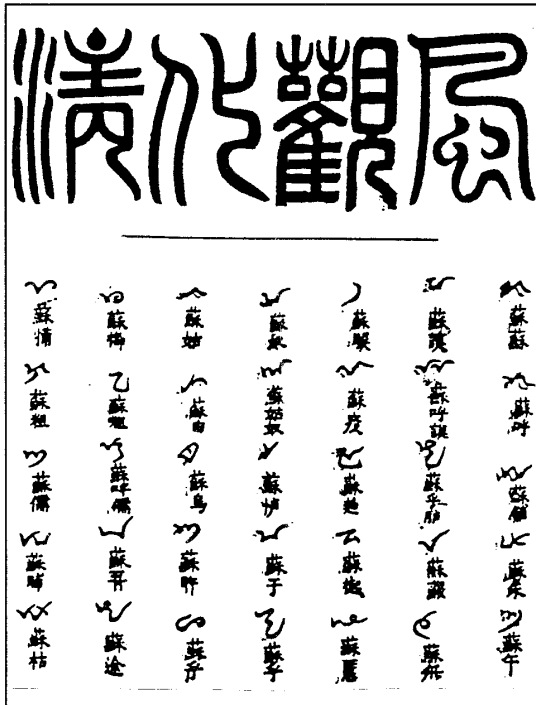
PHỤ-LỤC I

(Một trang sách Thanh-Hóa Quan-Phong của cụ Vương-Duy-Trình, Tổng-đốc Thanh-Hóa, 1903, có ghi chữ cái Mường-Việt.

Phụ-lục này do Hương-Giang Thái-văn-Kiểm trích-dẫn trong bài "Ô-Lâu Tình-Sử" in trong tuyển-tập "Làng Xưa Phố Cũ", sách đã dẫn, trang 120-121).

Tỉnh Thanh-Hóa một châu quan, có chữ là chữ thập châu đó. Người ta thường nói rằng nước ta không có chữ. Tôi nghĩ rằng không phải. Thập châu vốn là đất nước ta. Trên châu còn có chữ, lẽ nào mà dưới chợ lại không. Lối chữ châu là lối chữ nước ta đó. Nay xem chữ châu với chữ Xiêm, chữ Lào, chữ Mãn cùng chữ nước Lang-Sa, tuy rằng viết dọc viết ngang có khác dạng, cũng là một lối chữ loan phụng khoa đầu. Đời xưa Trung-quốc từ người Lý-Tư đời nhà Trần trở về sau hay có người thay đổi làm lối khác, mà nước ta nội thuộc kể đã ngàn dư năm, từ vua Sĩ-vương dạy lấy chữ Trung-quốc, mà lối chữ nước ta bỏ đi hết. Thập châu bởi là nơi biên viễn cho nên lối chữ ấy hãy còn.

Phụ man mẫu tự tam thập ngũ tự:



Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

PHỤ-LỤC II

KHÔNG NGẠI NÚI E SÔNG

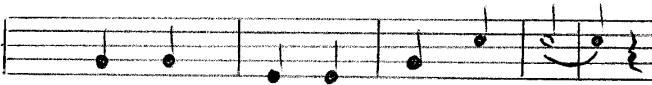
Đỗ Quang-Vinh



- 1- Sông sông núi núi trên đường đi.
- 2- Gian nguy khó mấy ta sợ chi!



- 1- Ngăn sông cách núi sao mà đi?
- 2- Luôn luôn vững chí không tự - ti.



- 1- Không lo vì chặn sông cách núi.
- 2- Hăng say niềm tự - tin quyết thắng



- 1- Nếu quyết tâm, tự - tin, khó gì!
- 2- Nắm chắc ngay thành-công, khó gì!

(*) Cuộc-chú: Trích Tài-Liệu Giảng Dạy Việt-Ngữ. Chương-trình Ngôn-Ngữ Nguồn Cội, Vietnamese Teaching Materials, Heritage Language Programs, grades 7-8, cùng tác-giả, Toronto Board of Education, Canada 1992

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

Nguyễn-Văn-Ba:

Muối Bạc-Liêu Nặng Tình Biển Cả, Làng Văn số 83

Nguyễn-Mạnh-Côn:

Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn, tạp chí Lửa Việt số 26 tháng 9-1989, Toronto, Canada.

Cửu-Long-Giang, Toan-Ánh:

Miền Bắc Khai-Nguyên, Đại-Nam, Sài Gòn, 1961

Hải-Băng:

* *Gia-Đình Bác Tám*, Chuông Việt xb, Hoa-Kỳ 1987.

* *Giòng Sông Nước Mắt*, tác-giả xb, Hoa-Kỳ 1990.

Dương-Quảng-Hàm:

Việt-Nam Văn-Học Sử-Yếu, Bộ Giáo-Dục, Sài Gòn 1968.

Khái-Hưng:

Nửa Chùng Xuân & Cái Ve

Kim Định:

Cơ cấu uyên-nguyên, Hội Hữu tập san, Việt-Học Hàn-Lâm Giáo-Sĩ Việt-Nam Hải-Ngoại, số 3, ngày 15-3-1986

Thái-Văn-Kiểm:

* *Ô-Lâu Tình-Sử* trong *Làng Xưa Phố Cũ* tập 1, nhà xuất-bản Việt-Bình, France 1990.

* *Triết Việt: Đông-Hồ và triết-lý nhân-sinh*, Vietnamologica, số1, 1995, tr. 141)

Lê-Văn-Lân:

Thổ-Âm Xứ Huế, Năng-Mới số 9, Quebec, Canada.

Bàng-Bá-Lân:

* *Cái Hay Của Tiếng Việt*, Quê-hương xb, Canada.

* *Hương Hoa Đất-Nước*, Quê-hương xb, Canada.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời Đỗ Quang-Vinh

Lạn-Kha:

Vụ Bé Cái Lầm của nhiều biên-khảo-gia ở cả hai miền Nam Bắc nước ta, Lửa Việt số 62, Toronto, Canada.

Nguyễn-thị Tuyết-Long và Trần-Anh-Linh:

Em Học Việt-Ngữ tập 1, Trung-tâm Việt-Ngữ Hồng-Bàng, California Hoa-Kỳ 1989.

Khiếu-đức-Long:

Đặc-tính gốc nước của văn-hoá Việt-Nam, Vietnamologica, số 1, 1995, tr.176 & 177.

Đỗ-Văn-Lục, Linh-mục O.P:

Sức Mạnh Giáo Dân Thế-Kỷ 21, Canberra, Melbourne, Australia 1989.

Nguyễn-Khắc-Ngữ:

Nguồn Gốc Dân-Tộc Việt-Nam, Nhóm Nghiên-Cứu Sử-Địa xb, Montreal, Canada 1985.

Georges Orwell:

Politics and Language trong "Thinking Through The Essay" của Judith Barker, Sandbrook, Neil Graham, McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada 1989.

Lê-công-Tâm:

Vài suy nghĩ về mối liên-hệ giữa tiếng Việt và văn-hoá Việt, tạp-chí Định Hướng, số 5, 1994.

Vũ-đình-Trác:

Triết-lý truyền-thống Việt-tộc dọn đường cho Thần-học Việt-Nam, tạp-chí Định Hướng số 11, 1996.

Nguyễn-Văn-Trung:

Chủ Nghĩa Thực-Dân ở Việt-Nam, tập 1, Nam- Sơn xuất-bản, Sài-gòn 1963 & Chủ-Đích Nam-Phong, Xuân-Thu xb.

Đỗ-Quang-Vinh:

Tài-Liệu Giảng-Dạy Việt-Ngữ, Chương-trình ngôn-ngữ nguồn cội. Vietnamese teaching materials, Heritage language Programs, grades 7-8. Toronto Board of Education, Canada, 1992.

Tiếng Việt Tuyệt-Vời *Đỗ Quang-Vinh*



Tác-giả Đỗ Quang Vinh

* Sinh năm 1933 tại Phú Lương, Thanh Liêm, Hà Nam

* cựu giáo sư trung-học

* cựu chuyên viên ngân hàng

1- Trình Độ Văn Hoá

* Tú Tài toàn phần (Hà Nội, 1954)

* Cử Nhân Luật Khoa (Saigon, 1968)

* Cao Học Kinh Tế (Đại Học Luật Khoa Sài Gòn (1971)

* Cử Nhân Giáo Dục Đại Học Toronto, Canada, xuất thân giáo sư trung học tại trường này (B. Ed & Ontario Teacher's Certificate, 1992)

2- Hoạt Động Văn Hoá

* Từ 1953, trợ bút các tạp chí Công Giáo tại VN và hải ngoại: Trái Tim Đức Mẹ, Đạo Bình Đức Mẹ, Người Mới (VN), Tông Đồ Fatima (Bi), Chân lý (Canada)

* Từ 1990, trợ bút các tạp chí văn hoá và tôn giáo hải ngoại:

Định Hướng, Liên Lạc Nhân Văn (Paris), Vietnamologica (Canada), Dòng Việt (California).

* Trợ bút trang mạng Công Giáo VN

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=module2&id=117>

* Từ 1954, dạy học tại các trường Trung Học công lập và tư thục: Nguyễn Trung Trực, Sông Kiên (Rạch Giá), Petrus Ký, Hưng Đạo, Nguyễn Khuyến, Lasan Đức Minh, Đạt Đức (Saigon)

* Từ 1990-98, dạy Việt Ngữ tại Language International Toronro, tu thư và dạy Việt Ngữ tại Toronto Board of Education, MSSB, Canda.

* Phụ trách lớp Taichi ngoại khóa tại trường trung học École Étienne Brûlé (Toronto, Canada)

3- Tác Phẩm Văn Học:

* Tài Liệu Giảng Dạy Tiếng Việt (cuốn I, 1992 & cuốn II, 1993, Toronto Board of Education

* Văn Tuyển Vườn Hồng (cuốn I, II, III, IV, Toronto, 1994, 95, 96, 97)

* Tiếng Việt Tuyệt Vời (Toronto, 1994 & 2000)

* Ca Dao Đồ Vui Học Tiếng Việt ((Toronto, 1996)

* Học Đọc Tiếng Việt (Toronto, 1999) * Về Nguồn, (Toronto, 2005)

* Bút Thuật Của Nguyễn Du Trong Đoạn Trường Tân Thanh (Toronto, 2003)

* Lục Bát Đồ Vui Học Tiếng Việt (Toronto, 2005)

4- Tác Phẩm Tôn Giáo:

* Tin Yêu [thơ kinh] (Toronto, 1995), Nhạc Thánh Ca (<http://bit.ly/3b9UF3Y>)

* Hành Trang Lên Đường (Toronto, 2004)

* Con Xin Làm Kiếp Phù Sa (thơ kinh toàn tập, nxb Tôn Giáo, 2011)

* Diễm Ca Kinh Thánh Cựu Ước (các sách: Thánh Vịnh, Châm Ngôn, Khôn Ngoan, Diễm Ca, Huấn Ca, Sách Gióp, Giảng Viên, Sáng Thế, Xuất Hành, Sách Samuel, Sách Tôbya, Sách Ester)